

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG PHÁP**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo của Bộ
Giáo dục và Đào tạo**

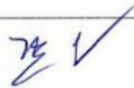
Hà Nội, tháng 4/2024

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CTĐT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG PHÁP**

(Kèm theo Quyết định số 5251/QĐ-ĐHSPHN ngày 20 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Nguyễn Văn Minh	GS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2.	Nguyễn Đức Sơn	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ
3.	Trần Hương Lan	ThS, Trưởng khoa	Phó Chủ tịch HĐ thường trực
4.	Nguyễn Vinh Quang	ThS, PGD TTĐBCL	Thư ký HĐ
5.	Đỗ Việt Hùng	GS.TS, Chủ tịch HĐT	Thành viên
6.	Trần Bá Trình	TS, TP Đào tạo	Thành viên
7.	Khuất Tuệ Minh	ThS, P.TP KHTC	Thành viên
8.	Bùi Thị Hà Giang	TS, Bí thư Đoàn TN	Thành viên
9.	Trịnh Thùy Dương	TS, Phó trưởng khoa	Thành viên
10.	Nguyễn Thị Anh Đào	ThS, Trưởng bộ môn	Thành viên
11.	Trương Thị Thúy	ThS, Trợ lý đào tạo	Thành viên
12.	Hoàng Thị Hồng Vân	ThS, Trợ lý các hoạt động khác	Thành viên
13.	Hà Minh Phương	ThS, Trưởng bộ môn	Thành viên
14.	Hoàng Thanh Vân	ThS, GVC	Thành viên
15.	Bùi Kim Ngân	Sinh viên, K71	Thành viên

(Danh sách gồm có 15 người).



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CTĐT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG PHÁP**

(Kèm theo Quyết định số 5251/QĐ-ĐHSPHN ngày 20 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 Tiêu chuẩn 1, 2, 3	Trịnh Thùy Dương	TS, Phó trưởng khoa	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Thu Trang	ThS, GV, CVHT	Thư ký
	Trần Hương Lan	ThS, Trưởng khoa	Ủy viên
	Trương Thị Thúy	ThS, Trợ lý đào tạo	Ủy viên
Nhóm 2 Tiêu chuẩn 4, 5, 11	Nguyễn Thị Anh Đào	ThS, Trưởng bộ môn	Trưởng nhóm
	Đỗ Thị Thu Trang	ThS, GV, CVHT	Thư ký
	Hà Minh Phương	ThS, Trưởng bộ môn	Ủy viên
	Nguyễn Thị Thu Hiền	CN, Giáo vụ khoa	Ủy viên
Nhóm 3 Tiêu chuẩn 6, 7	Trương Thị Thúy	ThS, Trợ lý đào tạo	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Thu Trang	ThS, GV, CVHT	Thư ký
	Trần Hương Lan	ThS, Trưởng khoa	Ủy viên
	Hoàng Thị Hồng Vân	ThS, Trợ lý các hoạt động khác	Ủy viên
Nhóm 4 Tiêu chuẩn 8, 9	Hoàng Thị Hồng Vân	ThS, Trợ lý các hoạt động khác	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Bích Qui	CN, Quản lý sinh viên	Thư ký
	Nguyễn Thị Anh Đào	ThS, Trưởng bộ môn	Ủy viên
	Hoàng Thanh Vân	ThS, GVC	Ủy viên
Nhóm 5 Tiêu chuẩn 10; Phần khái quát, phần kết luận chung và phần cơ sở dữ liệu kiểm định CTĐT	Hà Minh Phương	ThS, Trưởng bộ môn	Trưởng nhóm
	Đỗ Thị Thu Trang	ThS, GV, CVHT	Thư ký
	Hoàng Thanh Vân	ThS, GVC	Ủy viên
	Trịnh Thùy Dương	TS, Phó trưởng khoa	Ủy viên


(Danh sách gồm có 11 người).



**DANH SÁCH BAN THƯ KÝ TỰ ĐÁNH GIÁ
CTĐT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG PHÁP**

(Kèm theo Quyết định số 525A/QĐ-DHSPHN ngày 20 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Vinh Quang	ThS, PGĐ TTĐBCL	Trưởng Ban
2	Dương Thị Tuyết Nhung	ThS, CV TTĐBCL	P. Trưởng Ban
3	Trần Thị Dung	ThS, KTV P.KHTC	Thành viên
4	Đỗ Thị Thu Trang	ThS, GV, CVHT	Thành viên
5	Nguyễn Thị Thu Trang	ThS, GV, CVHT	Thành viên
6	Nguyễn Thị Bích Qui	CN, Quản lý sinh viên	Thành viên

(Danh sách gồm có 06 người). 

MỤC LỤC

PHẦN I. KHÁI QUÁT.....	8
1.1. ĐẶT VẤN ĐỀ	8
1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá.....	8
1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá	10
1.2. TỔNG QUAN CHUNG	12
1.2.1. Thông tin chung về Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.....	12
1.2.2. Thông tin về Khoa Tiếng Pháp.....	13
1.2.3. Giới thiệu về chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Pháp.....	15
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	16
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	16
Tiêu chí: 1.1 Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.	16
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.....	20
Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được các yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.....	25
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....	29
Tiêu chí 2.1: Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.	29
Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.	33
Tiêu chí: 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.....	36
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	39
Tiêu chí: 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra	39
Tiêu chí: 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng	44
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung phù hợp và có tính tích hợp	47
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học	55
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan	55
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra	57
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học	60
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	64
Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.....	64
Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.	67
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.	71
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.	74
Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.	76
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	80
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng	80

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	83
Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....	87
Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá.....	90
Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....	92
Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	97
Tiêu chí: 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	99
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên.....	104
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	104
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....	108
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.....	110
Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....	114
Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	116
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	121
Tiêu chí: 8.1 Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.....	121
Tiêu chí: 8.2 Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.....	125
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.....	128
Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.....	132
Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.....	136
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	141
Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	141
Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	144
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	148
Tiêu chí 9.4: Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	150
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.....	153
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....	159
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.....	159
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến..	162
Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.....	164

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng và cải tiến việc dạy và học.....	167
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến	171
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống được đánh giá và cải tiến.....	176
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra	184
Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	184
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng... ..	189
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng....	193
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	197
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	201
PHẦN III. KẾT LUẬN	216
1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Tiếng Pháp của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	216
2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Tiếng Pháp của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	221
3. Kế hoạch cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Tiếng Pháp của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.....	225

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Tiếng Pháp theo hệ thống tín chỉ được Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN phê duyệt theo quyết định số 6121/QĐ-ĐHSPHN ngày 27 tháng 12 năm 2022 với mục tiêu là đào tạo và cung cấp cho xã hội các cử nhân Sư phạm Tiếng Pháp có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Trong quá trình triển khai đào tạo, Trường luôn quan tâm đến chất lượng đào tạo và đã áp dụng nhiều biện pháp hoàn thiện cũng như nâng cao chất lượng hàng năm. Báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Tiếng Pháp cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng theo “*Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của GDDH*” ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

a. Cấu trúc và nội dung chính của báo cáo tự đánh giá theo các tiêu chuẩn

Báo cáo tự đánh giá gồm có bốn phần là Phần I: Khái quát; Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí; Phần III: Kết luận và Phần IV: Phụ lục.

Cụ thể như sau:

- Phần 1. Khái quát

Phần khái quát giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Tiếng Pháp theo các tiêu chuẩn; giải thích cách mã hoá các minh chứng trong báo cáo tự đánh giá. Phần Khái quát cũng mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá, sự tham gia của các bên liên quan. Phần này cũng nêu mục đích, quy trình, phạm vi, sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của khoa Tiếng Pháp, Trường ĐHSPHN.

- Phần 2. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Phần tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí trình bày báo cáo tự đánh giá CTĐT cử nhân Sư phạm Tiếng Pháp theo 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí ban hành kèm thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016. Cụ thể, đó là nội dung tự đánh giá về: (TC1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT; (TC2) Bản mô tả CTĐT; (TC3) Cấu trúc và nội dung

chương trình dạy học; (TC4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; (TC5) Đánh giá kết quả học tập của người học; (TC6) Đội ngũ giảng viên (GV), nghiên cứu viên (NCV); (TC7) Đội ngũ nhân viên (NV); (TC8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học; (TC9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị; (TC10) Nâng cao chất lượng; (TC11) Kết quả đầu ra.

- Phần 3. Kết luận

Phần kết luận của báo cáo mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT; đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng và bảng tổng hợp kết quả đánh giá.

- Phần 4. Phụ lục

Bao gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

a. Giải thích cách mã hóa minh chứng trong báo cáo.

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau:
Hn.ab.cd.ef

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1 (xem phụ lục).

Tự đánh giá CTĐT là một khâu quan trọng trong toàn bộ quá trình phát triển CTĐT nhằm đảm bảo chất lượng CTĐT theo mục tiêu và CDR của ngành đào tạo.

1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

a) Mục đích tự đánh giá

Mục đích của đợt tự đánh giá CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Pháp là nhằm nhìn nhận lại toàn diện các mặt hoạt động của Khoa trong 5 năm qua (2019-2024). Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, Khoa Sư phạm Tiếng Pháp xác định rõ những điểm mạnh, những điểm còn tồn tại và đề ra kế hoạch hành động để duy trì, phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm còn tồn tại nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa. Cụ thể:

+ Nâng cao chất lượng của CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Pháp bằng việc tự rà soát và đánh giá thực trạng của chương trình tại thời điểm tự đánh giá, từ đó có kế hoạch hành động cải tiến và hoàn thiện hơn chất lượng chương trình; đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch.

+ Tự đánh giá CTĐT là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài, là cơ sở để Trường cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), dịch vụ xã hội.

+ Nhà trường, Khoa và các cán bộ viên chức biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT; từ đó có hướng giải quyết nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình, để đào tạo ra các giáo viên giảng dạy Tiếng Pháp ngoại ngữ cho bậc trung học phổ thông (THPT), trung học cơ sở (THCS), tiểu học (TH), đáp ứng nhu cầu của xã hội, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường và Khoa.

b) Quy trình tự đánh giá

- Thành lập hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác.
- Lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm chuyên trách.
- Thu thập thông tin và minh chứng để viết các tiêu chuẩn.
- Xử lý thông tin và minh chứng thu được.
- Viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn.
- Hội đồng khoa Tiếng Pháp họp, đánh giá tiến độ công tác tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Pháp của khoa. Các nhóm chuyên trách báo cáo các kết quả viết báo cáo tiêu

chí, tiêu chuẩn.

- Hợp với nhóm chuyên gia của TT Đảm bảo chất lượng giáo dục và Khảo thí của Trường để hoàn thiện các báo cáo tiêu chí tiêu chuẩn.
- Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá CTĐT cử nhân Sư phạm Tiếng Pháp .
- Công bố báo cáo cho các bên liên quan trong trường đọc và góp ý kiến.
- Hoàn thiện lần cuối báo cáo tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Pháp và đăng ký đánh giá ngoài.

c) Phương pháp và công cụ tự đánh giá

Trường ĐHSPHN thực hiện tự đánh giá CTĐT cử nhân Sư phạm Tiếng Pháp dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu Nhà trường và sự cung cấp thông tin của các phòng, ban chức năng trong trường, đội ngũ nhân sự, sinh viên đã tốt nghiệp và đang theo học CTĐT ngành SP Tiếng Pháp tại trường, nhà tuyển dụng lao động qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm gần đây từ 2019 - 2024.

d) Phạm vi tự đánh giá

Các phương pháp chính được sử dụng để tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá là thống kê, đối sánh, phân tích và tổng hợp. Cụ thể, các nhóm chuyên trách đã tiến hành (1) Mô tả và phân tích các hoạt động của CTĐT ngành SP Tiếng Pháp theo đúng nội hàm tiêu chí; (2) Thống kê và đối sánh với các CTĐT khác của Trường và/hoặc các CTĐT cùng ngành của các trường đại học khác; (3) Căn cứ vào kết quả phân tích về thực trạng của CTĐT để chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và xây dựng kế hoạch hành động nhằm cải tiến chất lượng của từng tiêu chí.

e) Sự tham gia của các bên liên qua

Tự đánh giá là quá trình phức tạp, liên quan đến nhiều bên. Vì vậy, Hội đồng tự đánh giá CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Pháp được thành lập theo Quyết định số 5251/QĐ-ĐHSPHN ngày 20/11/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN gồm có đầy đủ các bên liên quan: Ban Giám hiệu Nhà trường, GV, nhân viên (NV) của Khoa Tiếng Pháp, cán bộ các phòng, ban, trung tâm trong trường. Cụ thể Ban Giám hiệu chỉ đạo chung, Phòng Đào tạo cung cấp các minh chứng về CTĐT, Phòng Hành chính Đối ngoại cung cấp minh chứng về các quyết định của Trường, các công văn, vv. ; Phòng Kế hoạch Tài chính lo kinh phí cho các hoạt động liên quan đến tự đánh giá; Phòng Tổ chức Cán bộ cung cấp minh chứng các quyết định

về cán bộ, TT ĐBCL cung cấp các minh chứng về đảm bảo chất lượng, Khoa Tiếng Pháp tiến hành viết báo cáo tự đánh giá và tìm các minh chứng liên quan đến Khoa. Ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động, sự phản hồi của SV, các cựu SV cũng là các thông tin rất quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá.

1.2. TỔNG QUAN CHUNG

1.2.1. Thông tin chung về Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Trường ĐHSPhN được thành lập vào ngày 11 tháng 10 năm 1951 tại Nghị định số 276/NĐ của Bộ Quốc gia Giáo dục (nay là Bộ GD&ĐT). Theo đó, Trường là một trong những cơ sở GDĐH đầu tiên của nước Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Trải qua 73 năm xây dựng và phát triển, đi cùng với lịch sử hào hùng của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, các thế hệ thầy và trò Nhà trường đã góp phần không nhỏ trong việc hình thành và phát triển ngành sư phạm Việt Nam, phát triển sự nghiệp GD&ĐT đất nước. Lịch sử của Trường ĐHSPhN là lịch sử của tinh thần “*Mô phạm - Sáng tạo Cống hiến*” và được kết tinh thành những giá trị cốt lõi của Nhà trường. Những bước trưởng thành của Nhà trường luôn có sự quan tâm, ủng hộ của lãnh đạo Đảng và Nhà nước, lãnh đạo Bộ GD&ĐT, lãnh đạo các cấp và nhân dân các địa phương. Nhà trường đã vinh dự được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm nhiều lần. Lời căn dặn của Người (trong bài nói chuyện nhân dịp đón Tổng thống Cộng hòa Mali về thăm Trường, năm 1964) “*...Làm thế nào để Nhà trường này chẳng những là trường sư phạm mà còn là trường mô phạm của cả nước*” đã trở thành niềm tự hào và mục tiêu phấn đấu không biết mệt mỏi của lớp lớp các thế hệ cán bộ và SV Nhà trường trong suốt quá trình xây dựng và phát triển.

Ngày 12 tháng 10 năm 1999, Trường ĐHSPhN đã được Chính phủ định hướng xây dựng thành một trong hai trường đại học sư phạm trọng điểm quốc gia (tại Quyết định số 201/1999/QĐ-TTg).

Sứ mạng của Trường hiện nay là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có trình độ đại học và trên đại học, bồi dưỡng nhân tài cho hệ thống giáo dục quốc dân và xã hội; NCKH cơ bản, khoa học giáo dục (KHGD) và khoa học ứng dụng đạt trình độ tiên tiến; cung cấp dịch vụ giáo dục và khoa học công nghệ (KHCN) phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế. Trường có vai trò nòng cốt cho hệ thống các trường sư phạm trong việc đào tạo, bồi dưỡng GV và cán bộ quản lý giáo dục, phát triển các CTĐT, biên soạn

chương trình, giáo trình, sách giáo khoa cho các bậc học, tư vấn các cấp quản lý xây dựng chính sách giáo dục. Nhà trường xác định tầm nhìn của mình là: “*Đến năm 2030 Trường ĐHSPHN sẽ là trường đại học nghiên cứu có uy tín trong khu vực và trên thế giới. Trường ĐHSPHN là một trong những trung tâm đào tạo và NCKH hàng đầu của quốc gia; là nơi tập trung các chuyên gia, GV trình độ cao; có các CTĐT liên kết quốc tế có uy tín trên thế giới; có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại với các dịch vụ hoàn hảo*”.

Với mục tiêu từng bước xây dựng Trường ĐHSPHN thực sự trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia, Nhà trường đã và đang tiếp tục triển khai đồng bộ nhiều giải pháp từ xây dựng đội ngũ; đổi mới mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo và kiểm tra đánh giá cho đến đổi mới tư duy, phương thức quản lý; tổ chức NCKH gắn với thực tiễn của đất nước và tập trung mọi nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất khang trang, hiện đại. Mục tiêu của Nhà trường được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện đồng bộ: từ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực hoạt động của Nhà trường theo nhiệm vụ năm học, nhiệm vụ trung và dài hạn, có sự góp ý rộng rãi và đồng thuận trong tập thể trường. Các giá trị cốt lõi “*Chuẩn mực - Sáng tạo - Tiên phong*” của Nhà trường sẽ tiếp tục được phát huy, song hành mãi cùng với sự nghiệp phát triển đất nước Việt Nam giàu đẹp.

Về chính sách chất lượng và hoạt động ĐBCL, Nhà trường đã từng bước hoàn thiện hệ thống ĐBCL bên trong để xây dựng các kế hoạch và triển khai các hoạt động ĐBCL. TT ĐBCL (trước đây là TT ĐBCL và khảo thí) là đơn vị phụ trách thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (cựu SV, nhà khoa học chuyên môn, GV, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động, vv.) để làm cơ sở tham mưu cho Nhà trường và Khoa trong công tác đảm bảo chất lượng.

1.2.2. Thông tin về Khoa Tiếng Pháp

Ngày 01 tháng 07 năm 2014, Khoa tiếng Pháp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội chính thức được thành lập theo Quyết định số 943/QĐ-ĐHSPHN-TCCB, từ việc chia tách Khoa Ngoại ngữ. Khoa có tiền thân là tổ tiếng Pháp trong Bộ môn Ngoại ngữ từ năm 1976 đến năm 2003 và trở thành Bộ môn tiếng Pháp thuộc Khoa Ngoại ngữ từ năm 2003 đến năm 2004.

Khi mới thành lập phân lớn các giảng viên của khoa mới chỉ có bằng cử nhân nhưng đến nay tất cả các giảng viên đã có bằng thạc sĩ trong đó có 2 tiến sĩ. Đội ngũ cán bộ giảng viên được đào tạo bài bản tại các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài nước. Đa số giảng viên còn

trẻ (80% giảng viên dưới 43 tuổi). Đây là lực lượng cán bộ có trình độ năng lực chuyên môn tốt, sẵn sàng đáp ứng được các yêu cầu của GDĐH trong thời kỳ đổi mới.

Hiện tại khoa có 10 giảng viên và 2 chuyên viên được chia làm 2 tổ bộ môn: Bộ môn Thực hành tiếng và bộ môn Lý thuyết tiếng.

Khoa có 01 hệ đào tạo cử nhân là ngành Sư phạm Tiếng Pháp.

Sứ mệnh, Tâm nhìn, Chức năng, Nhiệm vụ đào tạo, Nhiệm vụ NCKH

Khoa có nhiệm vụ chính là đào tạo cử nhân sư phạm tiếng Pháp, trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng từ cơ bản tới chuyên sâu, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm để khi ra trường người học có thể trở thành giáo viên giảng dạy tiếng Pháp trong hệ thống các trường tiểu học, THCS, THPT, cao đẳng, đại học trong cả nước. Ngoài ra, sinh viên đã tốt nghiệp cũng có thể ứng tuyển và đảm nhiệm các công việc ngoài ngành sư phạm như: biên phiên dịch cho các công ty, doanh nghiệp, tổ chức xã hội có sử dụng tiếng Pháp; các trung tâm tư vấn du học; các công ty du lịch phục vụ khách hàng sử dụng tiếng Pháp... Bên cạnh đó, Khoa cũng đảm nhiệm giảng dạy tiếng Pháp (ngoại ngữ) cho sinh viên các khoa khác trong toàn Trường; học viên cao học đăng ký học ngoại ngữ là tiếng Pháp; các lớp hệ vừa học vừa làm ...

Cùng với đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa cũng không ngừng được chú trọng. Một số thành tựu nghiên cứu khoa học chính của các cán bộ trong Khoa có thể kể đến như: các bài báo chuyên ngành được đăng trên các tạp chí về lĩnh vực ngôn ngữ / khoa học giáo dục,...; các bài báo đăng tải trên các kỷ yếu của các hội thảo trong nước và quốc tế về ngôn ngữ Pháp và giảng dạy tiếng Pháp; biên soạn giáo trình và tập tài liệu giảng dạy; ...

Công tác xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên của Khoa Tiếng Pháp

Khoa khuyến khích và tạo điều kiện cho Cán bộ không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng các yêu cầu công việc được giao ở từng vị trí việc làm. Hàng năm, với việc xây dựng đề án vị trí việc làm, Khoa có kế hoạch quy hoạch cán bộ để có thể đảm nhiệm hai nhiệm vụ chính là giảng dạy và Nghiên cứu khoa học.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên của Khoa đảm bảo đủ về số lượng và vững vàng trong năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học của khoa, trường hiện nay.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của đội ngũ cán bộ giảng viên, sinh viên thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, những quy định của nhà trường, khoa.

1.2.3. Giới thiệu về chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Pháp

Chương trình đào tạo cử nhân ngành sư phạm tiếng Pháp được tổ chức đào tạo từ năm 2014. Ngày 01 tháng 07 năm 2014, Khoa tiếng Pháp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội chính thức được thành lập theo Quyết định số 943/QĐ-ĐHSPHN-TCCB. Loại hình đào tạo: chính quy. Mã ngành đào tạo là: 7140233, đào tạo theo hình thức tích lũy tín chỉ. Thời gian đào tạo: 4 năm với tổng số tín chỉ tích lũy là 136 (chưa kể phần nội dung GDTC và GDQP)

Khoa Tiếng Pháp - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội là một trong những cơ sở giáo dục đào tạo cử nhân sư phạm tiếng Pháp hàng đầu cả nước. Tại đây, người học được trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về khối kiến thức nền, ngôn ngữ, văn hoá - xã hội. Đặc biệt, người học sẽ được cung cấp các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm và thực hành thành thực các kỹ năng và kiến thức này để khi ra trường họ có thể trở thành giáo viên giảng dạy trong hệ thống các trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, cao đẳng, đại học trong cả nước.

Ngoài ra trong chương trình, người học sẽ có cơ hội trải nghiệm những môn học mang tính thực tiễn và thực hành cao như Dịch thực hành, Tiếng Pháp du lịch - khách sạn. Sinh viên học xong những học phần này sẽ có được những kiến thức cơ bản nhất về dịch thuật, các kỹ thuật dịch, kỹ năng tổ chức một tour du lịch, kỹ năng hướng dẫn du khách, kỹ năng xử lý những tình huống phát sinh trong công việc thuộc lĩnh vực du lịch, v.v bằng tiếng Pháp.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

CTĐT CNSPTP 2022 được xây dựng trên cơ sở những quy định chung tại Luật Giáo dục đại học, chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành và các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHSPHN. Các mục tiêu của CTĐT được xây dựng phản ánh rõ ràng sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của Nhà trường. CDR của CTĐT cũng được thiết kế rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt liên quan tới kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, nhóm ngành, khối ngành và theo lĩnh vực. Người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. CDR cũng được xây dựng, chỉnh sửa, rà soát vào những năm 2015, 2020 có sự đóng góp của các bên liên quan.

Tiêu chí: 1.1 Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả

Mục tiêu của CTĐT cử nhân sư phạm Tiếng Pháp (CNSPTP) được Khoa Tiếng Pháp xác định và xây dựng dựa trên cơ sở mục tiêu giáo dục đại học và triết lý giáo dục của Nhà trường. Mục tiêu chung của CTĐT đại học ngành Tiếng Pháp ban hành theo quyết định số 6121/QĐ-ĐHSPHN năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN và được xác định rõ ràng, cụ thể là: Đào tạo cử nhân sư phạm Tiếng Pháp đáp ứng đầy đủ Khung chuẩn đầu ra của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội về phẩm chất và năng lực của người học; Đào tạo giáo viên môn Tiếng Pháp đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung và Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Pháp 2018 nói riêng; Đáp ứng được vị trí, khả năng công tác và khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp, bao gồm: Có khả năng dạy học môn Tiếng Pháp ở trường trung học cơ sở, trung học phổ thông. Có khả năng dạy học môn Tiếng Pháp ở trường Cao đẳng và Đại học. Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ. [H1.01.01.01, H1.01.01.02]. Mục tiêu của CTĐT CNSPTP được xây dựng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và kế hoạch phát triển của Trường ĐHSPHN được công bố năm 2016 và năm 2019 [H1.01.01.01] và Luật Giáo dục đại học [H1.01.01.02] . Mục tiêu của CTĐT ngành Tiếng

Pháp góp phần thực hiện sứ mạng của Trường ĐHSPHN là “đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội thông qua các chương trình nghiên cứu, hợp tác đào tạo đại học và sau đại học có chất lượng cao” và tầm nhìn được Trường ĐHSPHN xác định “đến năm 2030, Trường ĐHSPHN sẽ có những kết quả vượt trội trong nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên chất lượng cao ở tầm quốc gia và quốc tế” [H1.01.01.01, H1.01.01.02]. Triết lý giáo dục của Trường ĐHSPHN xác định “Đào tạo nhà giáo xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng”. [H1.01.01.01].

Mục tiêu của CTĐT được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học qui định ở Luật giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 16/06/2005 “Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ Nhân dân” và Luật GDĐH 08/2012/QH13 ban hành 18 tháng 6 năm 2012 “Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân” [H1.01.01.02]. “Đào tạo trình độ đại học để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo” và đáp ứng những thay đổi trong chương trình giáo dục phổ thông mới được công bố năm 2018.

Sự phù hợp với Luật Giáo dục và Luật Giáo dục Đại học ở chỗ là mục tiêu CTĐT CNSPTP hướng tới bảo đảm người học có phẩm chất chính trị đạo đức và có kiến thức chuyên môn, có năng lực và các kỹ năng NVSP và về kỹ năng chuyên ngành Tiếng Pháp. Các mục tiêu về có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân và có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo cũng đã được đề cập trong mục tiêu cụ thể của CTĐT [H1.01.01.03]

Từ mục tiêu chung của chương trình đã được cụ thể hóa thành các mục tiêu cụ thể là các CDR và năng lực người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình và tốt nghiệp. Việc thiết kế các học phần trong CTĐT cũng rất chặt chẽ và khoa học thể hiện ở việc lựa chọn các

học phần để đáp ứng CDR tương ứng, đáp ứng mục tiêu của CTĐT. Sau khi hoàn thành chương trình (tích lũy đủ 136 TC), SV tốt nghiệp được cấp Bằng cử nhân, đạt chuẩn giáo viên THCS và THPT, có thể giảng dạy môn Tiếng Pháp ở trường THCS và THPT. CTĐT cũng thể hiện được mối quan hệ giữa CDR với các hình thức dạy học; CDR với đánh giá kết quả học tập của người học thông qua ma trận kỹ năng [H1.01.01.04].

Sau khi hoàn thiện khung CTĐT theo CDR, Khoa đã lấy ý kiến đóng góp thêm của GV và chuyên gia, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng. Mục tiêu của CTĐT được xây dựng trên cơ sở đóng góp ý kiến của Ban chủ nhiệm (BCN) khoa, hội đồng khoa học và đào tạo của khoa và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan, khảo sát nhu cầu của thị trường lao động nên đáp ứng yêu cầu của xã hội [H1.01.01.05], [H1.01.01.06]

So với phiên bản của các CTĐT trước đó thì các mục tiêu của chương trình và mục tiêu cụ thể của CTĐT 2022 đã được điều chỉnh theo hướng nhằm đào tạo ra thế hệ giáo viên đủ các phẩm chất, năng lực đáp ứng khung chương trình giáo dục phổ thông 2018 tổng thể và chương trình môn học Tiếng Pháp do BGD&ĐT công bố. Ngoài ra, quá trình cập nhật, hoàn thiện nội dung CTĐT 2022 có sự tham khảo chương trình đào tạo của các Khoa Tiếng Pháp của các Trường có đào tạo Tiếng Pháp [H1.01.01.08], [H1.01.01.09]. Cụ thể năng lực sử dụng năng lực hiểu, giải thích thấu đáo và vận dụng các kiến thức ngôn ngữ Tiếng Pháp vào thực tiễn đã được bổ sung, cập nhật và thể hiện rõ trong mục tiêu và nội dung của CTĐT CNSPTP năm 2022 và được phổ biến rộng rãi trên trang web của Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội và trang web của Khoa Tiếng Pháp. [H1.01.01.07].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT CNSPTP rất rõ ràng, phù hợp sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSPTN và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Mục tiêu CTĐT được rà soát và điều chỉnh đã dựa trên tham khảo các chương trình đào tạo tương đương.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT còn chưa thường xuyên và đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
--	-----------------	-----------------	--------------------------------	----------------------------

				hoặc hoàn thành
	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về mục tiêu CTĐT	GV, Bộ môn và Hội đồng khoa học Khoa	Giai đoạn 2024-2029
	Phát huy điểm mạnh	Định kì rà soát, chỉnh sửa và bổ sung mục tiêu đào tạo và CDR của CTĐT nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội.	GV, Bộ môn và Hội đồng khoa học Khoa	Giai đoạn 2024-2029

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả

CĐR của CTĐT là cam kết của Nhà trường về năng lực và chất lượng đào tạo để xã hội giám sát, công khai để người học biết được các kiến thức sẽ được trang bị sau khi tốt nghiệp một chuyên ngành và tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động. CĐR là cơ sở để xác định vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp của người học. CĐR của CTĐT được ban hành theo quyết định số 5340B/QĐĐHSPHN ngày 18 tháng 12 năm 2009 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN. Đây là qui định của Trường về phẩm chất và năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp các ngành đào tạo tương ứng [H1.01.02.01], [H1.01.02.02].

CĐR của CTĐT CNSPTP được mô tả rõ ràng trong CTĐT xây dựng năm 2014 và ban hành năm 2015 [H1.01.01.02], bao gồm các nội dung: (1) kiến thức; (2) kỹ năng; (3) thái độ. Sau 5 năm thực hiện chương trình đào tạo CNSPTP, Trường ĐHSPHN đã tiến hành khảo sát, và nghiên cứu thực trạng, lấy ý kiến góp ý từ các bên liên quan (GV, người sử dụng lao động, cựu sinh viên), để thực hiện rà soát, nghiên cứu và xây dựng CĐR mới của CTĐT cử nhân sư phạm Tiếng Pháp cho phù hợp với yêu cầu thực tế và đã có quyết định ban hành CTĐT mới năm 2020 và tiếp tục được cập nhật, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với tình hình năm 2022 [H1.01.02.02]. CĐR được ban hành trong CTĐT năm 2020, rà soát, chỉnh sửa năm 2022 gồm 4 tiêu chuẩn, thể hiện ở 23 tiêu chí được xác định cụ thể, rõ ràng với 2 nhóm tiêu chuẩn [H1.01.02.02]: Nhóm CĐR về phẩm chất; Nhóm CĐR về Năng lực với 3 tiêu chuẩn: Năng lực chung, Năng lực sư phạm, Năng lực khoa học ngành Sư phạm Tiếng Pháp. Mỗi nhóm CĐR tiếp tục được xác định cụ thể ở 3 cấp độ: Tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ báo. Trong đó:

Tiêu chuẩn 1 về phẩm chất : gồm 6 tiêu chí và 20 chỉ báo

Tiêu chuẩn 2 về năng lực chung : gồm 6 tiêu chí và 29 chỉ báo.

Tiêu chuẩn 3 về năng lực sư phạm: gồm 5 tiêu chí và 33 chỉ báo

Tiêu chuẩn 4 về năng lực ngành Tiếng Pháp: gồm 6 tiêu chí và 19 chỉ báo.

Cụ thể: (Bảng 1.1.1)

- + 6 tiêu chí hướng tới các phẩm chất gồm (CĐR 1, 2, 3, 4, 5, 6)
- + 6 tiêu chí hướng tới hình thành năng lực chung cho sinh viên (CĐR 7, 8, 9, 10, 11, 12)
- + 5 tiêu chí hướng tới các năng lực sư phạm cần thiết cho sinh viên (CĐR 13, 14, 15, 16, 17)
- + 6 tiêu chí hướng tới năng lực đặc thù ngành Tiếng Pháp (CĐR 18, 19, 20, 21, 22, 23).

Các tiêu chuẩn trong CĐR được thiết kế theo logic từ những phẩm chất, năng lực chung có tính phổ phát đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại đến các năng lực sư phạm của nhà giáo dục và năng lực chuyên ngành Tiếng Pháp. Các phẩm chất, năng lực chung như trung thực, trách nhiệm, ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời... cùng đó là các năng lực của con người mới thế kỷ 21 như giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tư duy phản biện, năng lực tự chủ và thích ứng với sự thay đổi để đảm bảo người học sau khi tốt nghiệp có thể đáp ứng được yêu cầu của xã hội hiện đại, thay đổi nhanh chóng. Tiêu chuẩn năng lực chuyên ngành đã được thiết kế các chỉ báo và cả biểu hiện cụ thể, thể hiện những năng lực phù hợp với đòi hỏi ngày càng cao của đội ngũ giáo viên làm việc trong lĩnh vực Tiếng Pháp.

Bảng 1.1.1 Chuẩn đầu ra ngành Sư phạm tiếng Pháp

Nhóm tiêu chuẩn	Tiêu chí
Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất	1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước (với 3 chỉ báo) 2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh (3 chỉ báo) 3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học (3 chỉ báo) 4. Trung thực và đáng tin cậy (3 chỉ báo) 5. Trách nhiệm và tận tâm (5 chỉ báo) 6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời (3 chỉ báo)
Tiêu chuẩn 2: Năng lực chung	7. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi (5 chỉ báo) 8. Năng lực giao tiếp và hợp tác (9 chỉ báo) 9. Năng lực lãnh đạo (3 chỉ báo) 10. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (6 chỉ báo) 11. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội (3 chỉ báo) 12. Năng lực tư duy phản biện (3 chỉ báo)

Tiêu chuẩn 3: Năng lực sư phạm	13. Năng lực dạy học (9 chỉ báo) 14. Năng lực giáo dục (9 chỉ báo) 15. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh (3 chỉ báo) 16. Năng lực hoạt động xã hội (3 chỉ báo) 17. Năng lực phát triển nghề nghiệp (4 chỉ báo)
Tiêu chuẩn 4. Năng lực khoa học ngành Sư phạm Tiếng Pháp	18. Năng lực ngôn ngữ Pháp 19. Năng lực sử dụng các kiến thức văn hoá, xã hội vào thực tiễn 20. Năng lực giảng dạy tiếng Pháp như một ngoại ngữ. 21. Năng lực nghiên cứu khoa học ngôn ngữ và khoa học giáo dục. 22. Năng lực hiểu, giải thích thấu đáo và vận dụng các kiến thức ngôn ngữ Tiếng Pháp vào thực tiễn. 23. Năng lực sử dụng phương tiện và công nghệ trong hoạt động chuyên môn.

Việc xây dựng CĐR với 3 cấp độ, cấp độ nhỏ nhất là các chỉ báo cho thấy CĐR của CTĐT được thiết kế rõ ràng đảm bảo có thể dễ dàng quan sát cũng như đo lường và đánh giá được. Điều này được thể hiện cụ thể trong bảng ma trận kỹ năng, đảm bảo rằng tất cả CĐR được đánh giá trong từng học phần thông qua các phương pháp kiểm tra, đánh giá [H1.01.02.02], [H1.01.02.03, H01.01.02.04]. CĐR cũng đã nêu rõ những yêu cầu chung (6 tiêu chí về phẩm chất và 6 tiêu chí về các năng lực chung) cho sinh viên và các yêu cầu chuyên biệt (5 tiêu chí về năng lực sư phạm và 6 tiêu chí về năng lực ngành đặc thù) để thể hiện được các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của mình. CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển học vấn cho SV, qua đó khuyến khích tinh thần nghiên cứu và học tập có trách nhiệm và khả năng học tập suốt đời.

Ngoài ra, CĐR của CTĐT phù hợp với mục tiêu đào tạo vì đã phản ánh được các yêu cầu chung và chuyên biệt của ngành đào tạo về kiến thức và kỹ năng bao gồm: kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ngôn ngữ Pháp, kiến thức về NVSP, trình độ tin học và ngoại ngữ tốt đủ khả năng sử dụng trong dạy

học, đọc tài liệu và nghiên cứu chuyên ngành. Ngoài những yêu cầu về kiến thức như: tri thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, vv. yêu cầu về kỹ năng cứng: kỹ năng chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề, các kỹ năng thực hành ngôn ngữ Pháp, khả năng tư duy sáng tạo trong công tác, vận dụng được các kiến thức đã học để giảng dạy và giải quyết, ứng dụng trong thực tiễn; hình thành phẩm chất cơ bản của người giáo viên, yêu nghề và có trách nhiệm cao với nghề nghiệp, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên, CTĐT còn thể hiện rõ yêu cầu về kỹ năng mềm như: Kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học, vv. Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSPHN đã ban hành rất rõ ràng, đầy đủ [H1.01.02.04], đây cũng một trong những cơ sở để xây dựng, chỉnh lý và hoàn chỉnh lại CDR của CTĐT CNSPTP.

Quy định chuẩn về ngoại ngữ trong quyết định về việc ban hành chương trình giáo dục đại học đào tạo theo hệ thống TC của Trường ĐHSPHN [H1.01.02.08] cũng được coi là một trong những cơ sở để xây dựng CDR của CTĐT CNSPTP đã được thể hiện trong bản mô tả đề cương CTĐT và bản mô tả đề cương môn học/học phần [H1.01.01.02].

CDR của CTĐT đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho người học và người dạy dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình giảng dạy và học tập và các kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập và giảng dạy. CDR của CTĐT khi xây dựng đều hướng đến sứ mạng, mục tiêu, đội ngũ của Trường nên đã phản ánh được tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường, [H1.01.01.01]. CDR được thiết kế phù hợp với các năng lực, phẩm chất mà người giáo viên Tiếng Pháp bậc phổ thông cần phải được trang bị trong hoàn cảnh thay đổi khung chương trình tổng thể năm 2018 nói chung và chương trình môn học nói riêng. Các CDR này được xác định theo các tiêu chí, chỉ báo rõ ràng mà người học phải đạt được khi kết thúc khóa học để thuận lợi cho việc đánh giá và đo lường. CDR được bổ sung và cập nhật, trên cơ sở tiếp nhận thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan về CTĐT và CDR đã giúp đảm bảo nâng cao chất lượng CTĐT, phương pháp tổ chức đào tạo và đào tạo sinh viên ra trường đáp ứng tốt thực tế và nhu cầu thị trường. CDR và CTĐT CNSPDL được rà soát theo kế hoạch của Nhà trường trong các cuộc họp và khảo sát với các bên liên quan [H1.01.02.05, H01.01.01.07]

2. Điểm mạnh

CDR của CTĐT bao quát được các yêu cầu chung của bậc giáo dục đại học mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp và yêu cầu riêng biệt dành cho SV CNSPTP.

3. Điểm tồn tại

CĐR còn khá dài, các phát biểu về chuẩn đầu ra đôi chỗ chưa được gãy gọn, rõ ràng, súc tích.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xem xét để điều chỉnh CĐR cho cô đọng, chỉnh sửa các phát biểu cho rõ ràng, súc tích.	Hội đồng khoa học Khoa	Giai đoạn 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	CĐR đáp ứng đầy đủ và rõ ràng các yêu cầu chung giáo dục đại học và yêu cầu riêng biệt dành cho SV CNSPTP	GV, Hội đồng khoa học Khoa	Giai đoạn 2024-2029

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được các yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Tiếng Pháp được xây dựng với hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, được ban hành năm 2015. CĐR này được rà soát, chỉnh sửa và ban hành vào năm 2020 theo tiếp cận hướng vào hình thành phẩm chất, năng lực cho người học. Quá trình rà soát, chỉnh sửa CĐR có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan như nhà quản lý, các chuyên gia, của các nhà sử dụng lao động, các cựu sinh viên [H1.01.03.01], [H1.01.03.02].

Kết quả thu thập ý kiến của các bên liên quan này đã được tiếp thu và cập nhật trong CĐR của chương trình đào tạo năm 2020 như: những cử nhân tốt nghiệp ra trường phải có phẩm chất, thái độ tích cực và đạo đức nghề nghiệp (6 tiêu chí về phẩm chất); có kiến thức chuyên môn vững chắc, kỹ năng giao tiếp tốt, đặc biệt là cần có ngoại ngữ và kỹ năng ứng dụng CNTT trong công việc, khả năng linh hoạt, sáng tạo trong công việc (6 tiêu chí về năng lực chung và 6 tiêu chí về năng lực chuyên biệt) [H1.01.03.03]

Theo hướng dẫn của Trường ĐHSPHN [H1.01.01.04]; [H1.01.01.05], Khoa đã tiến hành nhiều cuộc họp để thống nhất xây dựng nội dung, cũng như các cuộc họp để rà soát và chỉnh sửa CĐR để có được CĐR hoàn thiện. Đặc biệt, tiêu chuẩn 4 là tiêu chuẩn về năng lực chuyên ngành được xây dựng dựa trên định hướng cụ thể về 6 tiêu chí mà nhà trường đưa ra trong Giấy triệu tập số 250/ĐHSPHN-ĐT ngày 14/5/2019 [H1.01.01.04]. Tiêu chuẩn này được chỉnh sửa nhiều lần, qua nhiều cuộc họp. Tiêu chuẩn 4 không chỉ mô tả các tiêu chí, các chỉ báo mà còn thể hiện qua các biểu hiện cụ thể. CĐR phản ánh được xu hướng đổi mới của nền giáo dục hiện đại cũng như phù hợp với yêu cầu thực tế đổi mới trong giáo dục phổ thông và đại học hiện nay. Đồng thời, CĐR đảm bảo người học sau khi hoàn thành CTĐT có khả năng thích ứng nhanh với công việc trong thực tiễn, và đơn vị sử dụng lao động không phải mất quá nhiều thời gian để hướng dẫn cử nhân mới tốt nghiệp bắt nhịp được với công việc.

Ngoài ra, trong quá trình cập nhật, CĐR có dựa vào Khung trình độ quốc gia Việt Nam [H1.01.03.06]. Đáp ứng được CĐR, người học ra trường có kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ, trách nhiệm đáp ứng được bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia.

Ở chương trình năm 2015, chuẩn đầu ra thể hiện dưới hình thức kiến thức, kỹ năng, thái độ. Chương trình 2020 và 2022 được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực, do đó, so với phiên bản 2015, mục tiêu của CTĐT phiên bản 2020 và 2022 có cấu trúc khác, không chia

thành kiến thức, kỹ năng, thái độ mà cấu trúc thành phẩm chất, năng lực chung, năng lực sự phạm và năng lực khoa học ngành Sư phạm Tiếng Pháp [H1.01.03.07], [H1.01.03.03]

Bảng 1.3.1. Bảng so sánh CĐR năm 2015 và CĐR năm 2020 và 2022

Tiêu chí so sánh	CĐR năm 2015	CĐR năm 2020 và năm 2022
Cấu trúc	Gồm 3 chuẩn chia thành kiến thức, kỹ năng, thái độ	Gồm 23 chuẩn chia thành 4 nhóm: Phẩm chất Năng lực chung Năng lực sự phạm Năng lực khoa học ngành
Phát biểu	Phát biểu còn chung chung	Đã được phát biểu rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu
Chỉ rõ những gì sinh viên tốt nghiệp có thể đạt	Chưa chỉ rõ năng lực của sinh viên sau khi ra trường	Đã chỉ rõ năng lực cụ thể của sinh viên đạt được sau khi ra trường
Mức độ đáp ứng Khung giáo dục quốc gia tương ứng với bậc giáo dục đại học	Chưa đề cập cụ thể đến mức tự chủ và chịu trách nhiệm của sinh viên sau khi ra trường	Đã đề cập cụ thể đến mức tự chủ và chịu trách nhiệm của sinh viên sau khi ra trường
Khả năng đo lường	Khả năng đo lường và đánh giá thấp	Có thể đo lường và đánh giá được

CĐR được thể hiện trong các bản mô tả CTĐT, trong khung chương trình do nhà trường ban hành [H1.01.03.08]; được thông tin trên trang web của khoa <http://tiengphap.hnue.edu.vn>, trang web của trường <https://tuyensinh.hnue.edu.vn/chuan-dau-ra/p/chuan-dau-ra-chuong-trinh-dao-tao-su-pham-tieng-phap-302> [H1.01.03.09], trong tài liệu quảng bá tuyển sinh [H1.01.03.10] và phổ biến cho sinh viên khi mới vào trường trong tuần sinh hoạt công dân [H1.01.03.11]. Với việc công bố bằng các phương tiện nêu trên, những tập thể, cá nhân quan tâm có thể dễ dàng tiếp cận phục vụ việc tra cứu, tìm hiểu của mình. CĐR cũng là cơ sở để đội ngũ cán bộ, giáo viên xây dựng chương trình khung và chương trình chi tiết môn học.

2. Điểm mạnh:

CĐR của CTĐT cử nhân Sư phạm Tiếng Pháp đã phản ánh được yêu cầu các bên liên quan trong quá trình đào tạo và đáp ứng của thị trường lao động. CĐR được định kỳ rà soát, chỉnh sửa và được công bố công khai trên các kênh thông tin, giúp sinh viên và các bên liên quan có thể tiếp cận và tìm hiểu về ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên tham gia đóng góp ý kiến cho CĐR của CTĐT còn hạn chế, chưa đa dạng cho tất cả các vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức định kỳ lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên góp ý cho CĐR của CTĐT và rà soát CĐR với số lượng phong phú hơn.	Khoa Tiếng Pháp, Trung tâm ĐBCL	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Lấy ý kiến của các bên liên quan để cập nhật CĐR, đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động và của xã hội	Khoa Tiếng Pháp	Theo quy định điều chỉnh CĐR của nhà trường	

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT CNSPTP được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSPHN trong kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học và CTĐT phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động. CĐR của CTĐT khi xây dựng đều hướng đến sứ mạng, mục tiêu, đội ngũ

của trường và khảo sát nhu cầu của xã hội nên đã phản ánh được tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. CĐR của CTĐT CNSPTP đơn giản, rõ ràng, đo lường được, đã bao quát được các yêu cầu chung của bậc giáo dục đại học mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp và bao gồm các điểm riêng biệt dành cho SV CNSPTP.

CĐR đã phản ánh đúng yêu cầu của các bên liên quan đã góp ý và đáp ứng tốt nhu cầu của nhà tuyển dụng được thể hiện rõ trong chương trình chi tiết đào tạo CNSPTP và được công khai trên trang thông tin điện tử của Khoa và Trường.

Tuy vậy, việc lấy ý kiến của các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT còn chưa thường xuyên và đa dạng. CĐR còn khá dài, các phát biểu về chuẩn đầu ra đôi chỗ chưa được gãy gọn, rõ ràng, súc tích. CTĐT cần phải được rà soát, lấy ý kiến của nhiều bên tham gia hơn. số lượng các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên tham gia đóng góp ý kiến cho CĐR của CTĐT còn hạn chế, chưa đa dạng cho tất cả các vị trí việc làm.

Đánh giá tiêu chuẩn 1

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 1.1					x		
Tiêu chí 1.2					x		
Tiêu chí 1.3					x		
Điểm tiêu chuẩn	5						

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Với sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có trình độ đại học và trên đại học, bồi dưỡng nhân tài cho hệ thống giáo dục quốc dân và xã hội; NCKH cơ bản, khoa học giáo dục và khoa học ứng dụng đạt trình độ tiên tiến; cung cấp dịch vụ giáo dục và KHCN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, năm 2016 giá trị cốt lõi của Trường ĐHSPTN là: Mô phạm – Sáng tạo – Công hiến. Năm 2019, nhà Trường chủ động đổi mới nhằm đáp ứng những yêu cầu mới trong công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, nên sứ mạng tầm nhìn, giá trị cốt lõi và kế hoạch chiến lược của nhà Trường là: Chuẩn mực – Sáng tạo – Tiên phong. CTĐT cử nhân Sư phạm cũng được xây dựng theo qui trình rõ ràng, chặt chẽ và theo đúng các qui định của Bộ GD&ĐT, qui chế đào tạo của Trường ĐHSPTN.

CTĐT CNSPTP được công bố công khai vào năm 2020. CTĐT xây dựng tinh giản, thiết thực và hiệu quả nhằm thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục; phù hợp giữa khoa học cơ bản và nghiệp vụ sư phạm; thích hợp với từng đối tượng; có tính liên thông để sinh viên phát triển nghề nghiệp và chuyên môn trong tương lai. CTĐT được xây dựng một cách bài bản với sự tham gia của các GV, nhà khoa học có kinh nghiệm và các nhà quản lý trong và ngoài khoa. CTĐT được xây dựng theo các qui định hiện hành do Bộ GD&ĐT ban hành, thể hiện mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, thiết kế hệ thống đáp ứng chuẩn kiến thức, kỹ năng đào tạo và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của xã hội. Bản mô tả CTĐT được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới liên quan đến nội dung CTĐT và được rà soát bổ sung phù hợp với yêu cầu xã hội. Mục tiêu của CTĐT CNSPTP được xây dựng dựa trên cơ sở mục tiêu đào tạo chung của Nhà trường và các yêu cầu xây dựng CTĐT.

Trong quá trình tổ chức thực hiện CTĐT CNSPTP, khoa Tiếng Pháp – Trường ĐHSPTN đã luôn chú trọng tới việc xây dựng lộ trình thực hiện và các giải pháp cụ thể nhằm đạt hiệu quả cao và sử dụng bản mô tả CTĐT như là một kênh thông tin quan trọng giúp cán bộ, GV, SV và xã hội hiểu được rõ ràng hơn về CTĐT CNSPTP.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Bản mô tả chương trình đào tạo có mối liên hệ mật thiết với chương trình đào tạo, thể hiện những nội dung cốt lõi trong chương trình đào tạo và là tài liệu quảng bá cập nhật thông tin quan trọng cho các bên liên quan. Để quy trình xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo có hệ thống, năm 2018, Nhà trường đã ban hành quyết định thành lập ban xây dựng chương trình đào tạo đại học và sau đại học [H2.02.01.01]. Tiếp sau đó, năm 2019, Trường đã ban hành Hướng dẫn Quy trình xây dựng, thẩm định ban hành và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội [H2.02.01.02]. Theo hướng dẫn này, Trường đơn vị chuyên môn phải tổ chức cập nhật CTĐT theo quy trình gồm 5 bước sau:

- Bước 1: Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTĐT

- Bước 2: Thu thập những thông tin, minh chứng về sự cần thiết phải cập nhật CTĐT (thay đổi trong quy định của nhà nước, của cơ sở đào tạo về CTĐT, tiến bộ trong lĩnh vực liên quan, phản hồi các bên liên quan, thay đổi học phần, nội dung chuyên môn, ...)

- Bước 3: Xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện; so sánh mức đáp ứng yêu cầu của CTĐT đang thực hiện với yêu cầu phát triển chương trình; dự kiến tác động của việc cập nhật CTĐT.

- Bước 4: Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật trong CTĐT trình Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét thông qua.

- Bước 5: Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét thông qua nội dung sửa đổi cập nhật CTĐT rồi trình Hiệu trưởng ban hành CTĐT sửa đổi, bổ sung.

Cũng theo hướng dẫn này, cần định kỳ rà soát đánh giá cập nhật CTĐT ít nhất 2 năm một lần. Việc này được Nhà trường triển khai thực hiện nghiêm túc thông qua việc ban hành công văn yêu cầu các khoa rà soát CTĐT vào các năm 2019 và 2021 [H2.02.01.03] trong đó yêu cầu nội dung công việc cụ thể và quy trình rà soát, điều chỉnh CTĐT cũng như các mẫu phiếu khảo sát các đối tượng liên quan [H2.02.01.04]. Tuân theo quy trình này, năm 2021 khoa Tiếng Pháp cũng đã họp lập kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành Sư phạm Tiếng Pháp [H2.02.01.05] và lập kế hoạch điều chỉnh bản mô tả CTĐT [H2.02.01.06]. Việc thực hiện đánh giá, rà soát, điều chỉnh CTĐT xuất phát từ và ... dựa trên báo cáo ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT [H2.02.01.07]. Quy trình thực hiện đảm bảo theo các bước đã được nêu trong Hướng dẫn về Quy trình ... của Nhà trường đã ban hành có các biên bản họp khoa [H2.02.01.08], biên bản đề nghị chỉnh sửa [H2.02.01.09], tờ trình đề nghị chỉnh sửa CTĐT [H2.02.01.10] và bản tổng hợp nội dung điều chỉnh trong đề cương chi tiết học phần và bản mô

trả CTĐT [H2.02.01.11]. Những điều chỉnh trong bản mô tả CTĐT đều được phê duyệt nghiêm thu [H2.02.01.12]. Có quy trình thực hiện được định hướng rõ ràng cùng với sự phối hợp hiệu quả giữa các bộ phận liên quan và chủ động triển khai thực hiện công việc ở cấp khoa nên kết quả đạt được là bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật kịp thời [H2.02.01.13]. Cụ thể, bản mô tả CTĐT năm 2020 và năm 2022 đều có các thông tin cơ bản sau:

Phần 1: Giới thiệu chung, trong đó nêu rõ

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- Tên gọi của văn bằng được cấp sau khi tốt nghiệp: Cử nhân Sư phạm Tiếng Pháp
- Tên CTĐT: Sư phạm Tiếng Pháp
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Thời điểm ban hành bản mô tả CTĐT

- Mục tiêu đào tạo: gồm có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể

- Chuẩn đầu ra của CTĐT gồm 4 tiêu chuẩn được cụ thể hóa thành 23 tiêu chí

- Tiêu chí tuyển sinh

- Cấu trúc chương trình dạy học gồm 136 tín chỉ trong đó khối kiến thức chung 35 tín chỉ, khối kiến thức đào tạo năng lực chuyên môn 66 tín chỉ, khối kiến thức đào tạo năng lực sư phạm 35 tín chỉ và khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương 6 tín chỉ. Khung chương trình đào tạo chi tiết toàn bộ các học phần trong CTĐT theo từng học kỳ, từng năm học thể hiện sự liên tục, kết nối của các khối kiến thức.

- Ma trận đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR

Phần 2: Đề cương các học phần

Bản mô tả CTĐT năm 2022 tiếp tục kế thừa những nội dung thông tin đã có của bản mô tả năm 2020 đồng thời thực hiện cập nhật, điều chỉnh các nội dung cụ thể dựa trên góp ý của các bên liên quan và đáp ứng yêu cầu mới của bối cảnh giáo dục để cấu trúc CTĐT nhất quán, nội dung cập nhật, đóng góp của các học phần cho CĐR của CTĐT được thể hiện tập trung và tường minh hơn. Những điều chỉnh tập trung chủ yếu vào các đề cương chi tiết học phần bao gồm thông tin chung về môn học, cập nhật học liệu tham khảo, mục tiêu học phần, CĐR của học phần, phân bổ thời gian loại tiết dạy, nội dung chi tiết học phần, phương pháp kiểm tra, đánh giá để đảm bảo việc đánh giá các CĐR của CTĐT cụ thể hơn [H2.02.01.11].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả chương trình đào tạo có thông tin đầy đủ, tường minh, cấu trúc rõ ràng giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp nhận và nắm bắt được nội dung. Các nội dung trong bản mô tả chương trình đào tạo được kịp thời cập nhật thích ứng với những yêu cầu mới trong các văn bản điều hành của Nhà nước và Nhà trường cũng như nhu cầu từ các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Hình thức trình bày bản mô tả CTĐT chưa hấp dẫn người đọc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Điều chỉnh hình thức trình bày của bản mô tả sinh động, hấp dẫn và thu hút người đọc hơn.	Khoa Tiếng Pháp	2025-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội.	Khoa Tiếng Pháp	2025-2029

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Đề cương học phần ngành của chương trình đào tạo ngành Sư phạm tiếng Pháp được xây dựng với đầy đủ các thông tin cần thiết có liên quan đến nội dung học phần. Trong giai đoạn 2019-2024, có 2 phiên bản đề cương học phần: năm 2020 [H2.02.02.01] [H2.02.02.01] và năm 2022 [H2.02.02.02]

Năm 2020, đề cương học phần bao gồm những thông tin sau đây:

1. Thông tin chung trong đó có: tên môn học (tên tiếng Việt và tiếng Anh); mã môn học; loại môn học; thuộc chương trình đào tạo; số tín chỉ; số tiết (Lí thuyết/Bài tập/Thảo luận/Thực hành/Tự học); yêu cầu phục vụ cho môn học; thời khóa biểu môn học
2. Mục tiêu môn học trong đó có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể
3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực theo Khung CĐR của Trường ĐHSHPN
4. Tóm tắt nội dung môn học
5. Nội dung chi tiết môn học
6. Học liệu trong đó có tài liệu môn học, danh mục tài liệu tham khảo, trang web sử dụng cho môn học
7. Hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn học trong đó có kiểm tra đánh giá thường xuyên, kiểm tra giữa kì, thi hết môn.

Cấu trúc đề cương năm học phần năm 2022 có sự thay đổi so với năm 2020 theo yêu cầu từ Nhà trường. Trong đó có điều chỉnh, bổ sung các thông tin thiết thực có tính cập nhật hơn như: bổ sung thông tin về giảng viên phụ trách giảng dạy học phần, ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra học phần, ma trận yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực theo khung chuẩn đầu ra của trường, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR học phần, ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần, phương pháp giảng dạy/học tập, phương pháp đánh giá... Cụ thể đề cương học phần năm 2022 bao gồm những thông tin sau đây:

1. Thông tin chung trong đó có tên học phần bằng tiếng Việt và tiếng Anh, mã học phần, số tín chỉ, học phần tiên quyết/học trước/song song, bộ môn phụ trách, giảng viên giảng dạy.
2. Học liệu trong đó có giáo trình, tài liệu tham khảo bắt buộc, tài liệu tham khảo tự chọn, website
3. Mục tiêu học phần

4. Chuẩn đầu ra của học phần

- Ma trận tích hợp giữa CDR của học phần với CDR của CTĐT
- Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần với CDR của học phần.

5. Nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá trong đó nội dung tổng quan; nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy của học phần; phương pháp kiểm tra, đánh giá. Trong phần nội dung tổng quan của học phần liệt kê các chương/phần trong học phần, số buổi dạy, số tín chỉ, số giờ lý thuyết, bài tập và tự học có hướng dẫn. Trong phần nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy có liệt kê chi tiết, đầy đủ nội dung chính của các mục/bài trong mỗi chương/phần, số giờ, phân bổ thời gian số giờ lý thuyết, bài tập, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập, yêu cầu sinh viên chuẩn bị. Cuối cùng trong phần phương pháp kiểm tra, đánh giá có thông tin về hình thức, tỷ trọng đánh giá; ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra đánh giá, phương pháp giảng dạy học tập; tiêu chí đánh giá

6. Chính sách đối với học phần

Đề cương học phần được định kỳ rà soát, cập nhật theo quy định của Trường nêu rõ trong Hướng dẫn Quy trình xây dựng, thẩm định ban hành và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội [H2.02.02.03]. Theo hướng dẫn này, cần định kỳ rà soát đánh giá cập nhật CTĐT ít nhất 2 năm một lần. Theo đó năm 2021, Trường ban hành công văn yêu cầu các khoa rà soát CTĐT [H2.02.02.04]. Tuân theo quy trình này, năm 2021 khoa Tiếng Pháp cũng đã họp lập kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành Sư phạm Tiếng Pháp trong đó có đề cương các học phần được thực hiện theo các bước sau: (i) Khoa xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh [H2.02.02.05]; (ii) Khoa tổ chức tọa đàm, góp ý và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về nội dung các đề cương [H2.02.02.06]; (iii) Tiếp đó các bộ môn sẽ họp rà soát đề cương từng học phần do bộ môn phụ trách và chỉ ra các nội dung cần cập nhật, sửa đổi [H2.02.02.07]; (iv) Tiến hành họp Hội đồng khoa học khoa thông qua ý kiến đề xuất của các các bộ môn [H2.02.02.08]; (v) Làm tờ trình gửi lên trường về đề xuất điều chỉnh các nội dung của đề cương [H2.02.02.09] [H2.02.02.10].

So với đề cương năm 2020, một số thông tin của đề cương học phần năm 2022 đã được cập nhật, điều chỉnh và bổ sung cụ thể và rõ ràng hơn như: Bổ sung các phương pháp giảng dạy hiện đại cho các học phần để đảm bảo thích ứng hơn với CDR của CTĐT; chỉnh sửa các phương pháp kiểm tra đánh giá các học phần cho phù hợp và thích ứng với CDR của CTĐT hơn. Ngoài ra, hệ thống giáo trình, tài liệu ở một số học phần cũng được bổ sung, cập nhật; bổ

sung và điều chỉnh một số giảng viên tham gia giảng dạy ở một số học phần cho phù hợp với điều kiện về nguồn nhân lực hiện tại của khoa [H02.02.02.02].

2. Điểm mạnh

Đề cương các học phần trong CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Pháp có mục tiêu, nội dung rõ ràng và đầy đủ thông tin.

Đề cương các học phần trong CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Pháp được định kỳ rà soát và cập nhật.

3. Điểm tồn tại

Các tài liệu tham khảo trong đề cương của một số học phần còn chưa được cập nhật thường xuyên

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Lập kế hoạch bổ sung các tài liệu tham khảo trong mỗi học phần theo định kỳ hằng năm	Khoa Tiếng Pháp	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật và điều chỉnh 2 năm/lần đề cương chi tiết.	Giảng viên, tổ bộ môn, Hội đồng Khoa học	Hàng năm

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí: 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần CTĐT CNSPTP được ban hành theo Quyết định số 6144 QĐ/ĐHSPHN ngày 11/12/2020 [H2.02.03.01, H2.02.03.02]. Bản mô tả CTĐT cùng với đề cương chi tiết các học phần sau khi phê duyệt được công bố công khai cho người học và các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau: tư vấn tuyển sinh trực tuyến, công bố công khai trên website của Nhà trường, website của Khoa Tiếng Pháp, giới thiệu cho các SV vào đầu khóa học, vv. CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được giới thiệu với các bên liên quan thông qua các tài liệu như cẩm nang học sinh, sinh viên; thông báo cho của Nhà trường. 100% đề cương các môn học/học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin khác nhau như trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học [H2.02.03.02, H2.02.03.03, H2.02.03.04, H2.02.03.05, H2.02.03.06].

Theo quy định của Nhà trường, đề cương chi tiết của học phần phải được GV cung cấp và giới thiệu cụ thể cho SV vào các buổi dạy đầu tiên của học phần, qua đó SV nắm rõ thông tin học phần và nhận thức đầy đủ mục tiêu, CDR và nội dung của hoạt động dạy học, nhiệm vụ học tập cũng như các sản phẩm học tập trong hồ sơ học phần mà mình cần đạt. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần cũng được giới thiệu đến các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, các nhà khoa học, vv. dưới dạng tài liệu quảng bá, các bản tin, website của khoa, vv. thông qua khảo sát điều tra [H2.02.03.06, H2.02.03.07, H2.02.03.08]. Bằng nhiều hình thức như vậy các bên liên quan trong và ngoài Nhà trường có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần một cách dễ dàng. Cũng bằng các hình thức này, Nhà trường có thể tiếp cận một cách thuận tiện cho việc lấy góp ý phản hồi về CTĐT nhằm đáp ứng thực tiễn giảng dạy, yêu cầu của xã hội và đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Để nhất quán trong quản lý, triển khai, điều hành và thực hiện CTĐT một cách đồng bộ, các bộ phận liên quan như Phòng đào tạo, Trung tâm ĐBCL, trưởng các Khoa, trưởng bộ môn, trợ lý đào tạo các Khoa đều có bản in toàn văn bản mô tả CTĐT.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết các học phần đều được công khai, cho phép người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Trong các hình thức công bố công khai trên, hình thức đưa thông tin lên website giúp các bên liên quan tiếp cận nhanh chóng, dễ dàng. Các ý kiến phản hồi đều được ghi nhận và tiếp thu.

3. Điểm tồn tại

Việc truyền thông để phổ biến CTĐT cụ thể và chi tiết đến các trường phổ thông – nơi sử dụng SV tốt nghiệp ngành SPĐL còn chưa hiệu quả. Tài liệu quảng bá về CTĐT chưa có bản bằng tiếng Anh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	+ Tổ chức các hoạt động nhằm truyền thông về CTĐT ngành SPTP theo tiếp cận mới đến các trường phổ thông. + Bổ sung tài liệu về CTĐT bằng tiếng Anh.	Khoa Tiếng Pháp	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	+ Giới thiệu cụ thể, chi tiết CTĐT và các học phần đến từng GV, SV. + Tiếp tục công khai CTĐT đến các cựu SV, các nhà quản lý giáo dục, tranh thủ sự tham gia kiến của các bên liên quan để tiếp tục, điều chỉnh phát triển CTĐT.	Khoa Tiếng Pháp	Thực hiện trong các năm học

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Bản mô tả CTĐT CNSPTP có đầy đủ thông tin và cập nhật giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT hướng tới CTĐT cử nhân sư phạm "Chuẩn mực- sáng tạo -tiên phong", hướng tới mục tiêu giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất, năng lực và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi người học.

Bản mô tả CTĐT CNSPTP không những có ma trận đánh giá sự đóng góp của từng học phần cho CĐR của CTĐT mà còn có ma trận tích hợp giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT, ma trận giữa mục tiêu học phần và CĐR, ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR đã giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT CNSPTP. Nhằm hướng tới mục tiêu giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất, năng lực và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi người học

Người học được quyền chuyển đổi giữa các ngành đào tạo và giữa các hệ đào tạo đã tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể đạt nhiều bằng cử nhân và đào tạo giáo viên dạy môn tích hợp.

Tồn tại chủ yếu:

Hình thức trình bày bản mô tả CTĐT chưa hấp dẫn người đọc. Các tài liệu tham khảo trong đề cương của một số học phần còn chưa được bổ sung, cập nhật thường xuyên. Việc truyền thông để phổ biến CTĐT cụ thể và chi tiết đến các trường phổ thông – nơi sử dụng SV tốt nghiệp ngành SPĐL còn chưa hiệu quả. Tài liệu quảng bá về CTĐT chưa có bản bằng tiếng Anh.

Đánh giá tiêu chuẩn 2

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 2.1				x			
Tiêu chí 2.2				x			
Tiêu chí 2.3					X		
Điểm tiêu chuẩn	4.33						

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

CTDH CNSPTP được xây dựng dựa vào CĐR của ngành CNSPTP. Mỗi học phần trong CTDH CNSPTP đều thể hiện được các yêu cầu của CĐR rất rõ ràng. CTDH được xây dựng theo cấu trúc nhất quán, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Đồng thời, CTĐT của ngành CNSPTP được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính thích hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể theo yêu cầu thực tiễn và với CTDH tổng thể.

Tiêu chí: 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

CTDH CNSPTP được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. CTDH CNSPTP được xây dựng dựa trên CĐR của CTĐT ngành sư phạm Tiếng Pháp đồng thời tuân thủ quy trình thiết kế đã được hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. CTDH CNSPTP được thiết kế bao gồm 136 TC gồm 3 khối kiến thức: (1) Khối học vấn chung (35 TC); (2) Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm (35 TC); (3) Khối học vấn chuyên ngành địa lý (66 TC) [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04], [H3.03.01.05], H3.03.01.07.

Các học phần ở các khối kiến thức này đảm bảo đáp ứng yêu cầu về kiến thức của CĐR, được thể hiện cụ thể ở Bảng 3.1.1. Bảng này cho thấy cấu trúc các học phần trong CTDH có thể hiện tỷ lệ cân đối, logic với cấu phần của CĐR (CĐR chung, CĐR chuyên ngành, kiến thức, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, thái độ, tự chủ và nghề nghiệp).

Bảng 3.1.1. Học phần trong CTDH tương ứng yêu cầu kiến thức CDR

Học phần trong CTDH	Tương ứng kiến thức của CDR
<p>- Các học phần thuộc khối kiến thức chung (35 TC):</p> <ul style="list-style-type: none">+ Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tâm lý học; Giáo dục học; Giáo dục thể chất; Giáo dục Quốc phòng.+ Ngoại ngữ+ Tiếng Việt thực hành/Nghệ thuật đại cương; Cơ sở văn hoá Việt Nam; Thống kê xã hội học; Nhập môn khoa học xã hội và nhân văn; Nhân học đại cương; Xã hội học đại cương; Cơ sở văn hoá Việt Nam; Lịch sử văn minh thế giới	<ul style="list-style-type: none">+ Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.+ Bước đầu có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và nghiên cứu các tài liệu tham khảo chuyên ngành+ Có hiểu biết cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với tiêu chuẩn đào tạo người giáo viên trong nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam
<p>Các học phần thuộc khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm (35 TC):</p> <p>Giáo dục học; Lí luận dạy học; Đánh giá trong giáo dục; Giao tiếp sư phạm; Phát triển chương trình nhà trường; Thực hành kĩ năng giáo dục; Lý luận và phương pháp dạy học môn Tiếng Pháp;</p> <p>Xây dựng kế hoạch dạy học môn Tiếng Pháp; Tổ chức dạy học môn Tiếng Pháp; Rèn luyện NVSP</p> <p>thường xuyên; Thực hành dạy học ở trường sư phạm; Thực tập sư phạm</p>	<ul style="list-style-type: none">+ Có đủ kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo dạy thành thạo môn Tiếng Pháp ở các trường trung học, cao đẳng và có đủ năng lực học tập ở bậc cao hơn để giảng dạy Tiếng Pháp ở các trường đại học.+ Có đủ kiến thức để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học, giáo dục bằng con đường tổng kết kinh nghiệm, NCKH. Biết xây dựng các giả thuyết khoa học, soạn đề cương nghiên cứu, triển khai nghiên cứu,

<p>Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành Tiếng Pháp (66 TC):</p> <p>Dẫn luận ngôn ngữ và ngữ âm học; Ngôn ngữ học xã hội và giáo dục ngôn ngữ; Phương pháp nghiên cứu khoa học, Từ vựng- hình thái và cú pháp tiếng Pháp; Ngữ âm- phạm trù và cách sử dụng động từ tiếng Pháp; văn hóa và văn minh Pháp; Lịch sử văn học Pháp, Dịch thực hành; Dịch chuyên ngành, Tiếng pháp du lịch. Tiếng Pháp kinh tế - thương mại, Tiếng Pháp cơ bản 1, Tiếng Pháp cơ bản 2.1; Tiếng Pháp cơ bản 2.1; Tiếng Pháp cơ bản 2.2; Nghe- Nói 1; Đọc-Viết 1; Nghe-Nói 2; Đọc-Viết 2; Nghe- Nói 3; Đọc-Viết 3; Nghe- Nói 4; Đọc-Viết 4, Khóa luận, Nghe-Nói nâng cao; Đọc- Viết nâng cao.</p>	<p>viết báo cáo khoa học và triển khai ứng dụng những kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Có tiềm lực để tự hoàn thiện trình độ của mình, đáp ứng những yêu cầu mới của giáo dục.</p> <p>- Có khả năng đáp ứng các yêu cầu về đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học; kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục ở phổ thông.</p> <p>- Có năng lực tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục ở trường phổ thông, cao đẳng. Có khả năng vận dụng những kiến thức khoa học đã được đào tạo để tích hợp giáo dục dân số, môi trường và biến đổi khí hậu vào nội dung dạy học Tiếng Pháp, đáp ứng mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông.</p>
--	---

Những học phần trong khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm và khối kiến thức chuyên ngành Tiếng Pháp đều đáp ứng yêu cầu kỹ năng của CĐR đó là: (1) Có kỹ năng thực hành và ứng dụng các kiến thức được học vào thực tiễn giảng dạy cho học sinh; (2) Có các kỹ năng dạy học như kỹ năng phân tích bài giảng, soạn giáo án, tổ chức thực hiện giờ dạy trên lớp và ngoài giờ học, đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng lấy người học làm trung tâm, vv.

Thêm vào đó, CTDH CNSPTP còn đáp ứng yêu cầu mức tự chủ, trách nhiệm theo yêu cầu của bậc 6 (bậc đại học) trong khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng chính

phủ phê duyệt ngày 18 tháng 10 năm 2016 theo quyết định số 1982/QĐ-TTg [H3.03.01.04], [H3.03.01.05]. Qua việc học tập, thảo luận, kiểm tra đánh giá ở các học phần trong CTDH, đặc biệt là học phần Phương pháp NCKH Tiếng Pháp và các học phần chuyên ngành Tiếng Pháp, người học sẽ có năng lực làm việc độc lập; làm việc nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; tự đánh giá kết quả thực hiện; bảo vệ được quan điểm cá nhân và lập kế hoạch thực hiện hoạt động – là các yêu cầu về mức tự chủ, trách nhiệm theo yêu cầu bậc đại học [H3.03.01.03, H3.03.01.05].

Để đảm bảo đánh giá kết quả học tập của người học đạt CĐR, mỗi đề cương chi tiết học phần và kế hoạch dạy học của học phần đều đã quy định rõ về quy trình kiểm tra, đánh giá với các hình thức, phương pháp và nội dung đa dạng, đảm bảo sát với nội dung kiến thức trong học phần mà SV đã được học [H3.03.01.03, H3.03.01.05, H3.03.01.06], [H3.03.01.07]. Mỗi học phần gồm có điểm chuyên cần, điểm bộ phận và điểm thi kết thúc học phần. Điểm bộ phận là do GV phụ trách học phần đề xuất hình thức kiểm tra như thông qua thực hành, làm các powerpoint, thuyết trình, làm bài kiểm tra. Đề thi kết thúc học phần thường áp dụng các hình thức đa dạng như: thi tự luận, thi trắc nghiệm hoặc làm thu hoạch tài liệu chuyên môn, thực hành dạy học, vv. tùy theo mục tiêu của môn học [H3.03.01.03, H3.03.01.05, H3.03.01.06]. Các điều kiện tiên quyết đối với người học, việc xác định tổ hợp các PPGD, kiểm tra đánh giá đều đảm bảo đạt CĐR và có sự tương thích giữa PPGD và hình thức kiểm tra đánh giá.

2. Điểm mạnh

CTĐT của hệ CNSPTP được thiết kế logic, khoa học, sư phạm dựa trên CĐR. Nội dung của CTDH không chỉ đáp ứng được tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm của CĐR mà việc tổ chức các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá cũng hỗ trợ hiệu quả đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

Do CTĐT mới được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực nên sự phân nhiệm ma trận đóng góp một vài học phần để đáp ứng CĐR chưa đảm bảo mức độ đóng góp hợp lý.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành

	Khắc phụ c tồn tại	Rà soát CTĐT theo CĐR để điều chỉnh ma trận đóng góp của các học phần vào CĐR của CTĐT đảm bảo mức độ đóng góp hợp lý hơn.	Khoa Tiếng Pháp	Từ năm học 2024-2025
	Phát huy điểm mạnh	CTĐT luôn bám sát CĐR Trường, khung trình độ quốc gia Việt Nam	Phòng đào tạo và Khoa Tiếng Pháp	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí: 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

Tất cả các học phần của CTDH CNSPTP đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR. Tất cả các học phần trong CTDH đều góp phần giúp rèn luyện năng lực học tập, năng lực giao tiếp, năng lực thích ứng với môi trường cho SV từ đó giúp hình thành nhóm năng lực phát triển cá nhân tạo nền tảng cho việc học tập suốt đời và xây dựng bản sắc cá nhân theo CĐR. Sự đóng góp của mỗi học phần cho các nhóm năng lực nghề theo CĐR có sự khác nhau, có những học phần có đóng góp lớn cho phát triển nhóm năng lực sư phạm, có những học phần lại có đóng góp lớn cho phát triển nhóm năng lực NCKH hay nhóm năng lực phát triển cộng đồng nghề và xã hội [H3.03.02.01, H3.03.02.02, H3.03.02.03].

Cụ thể sự đóng góp của các học phần trong khối kiến thức chuyên ngành với CĐR được thể hiện ở Bảng 3.2.1.

Những học phần trong 66 TC cho khối kiến thức chuyên ngành Tiếng Pháp như học phần: Dẫn luận ngôn ngữ và ngữ âm học; Ngôn ngữ học xã hội và giáo dục ngôn ngữ; Phương pháp nghiên cứu khoa học, Từ vựng- hình thái và cú pháp tiếng Pháp; Ngữ âm- phạm trù và cách sử dụng động từ tiếng Pháp; văn hóa và văn minh Pháp; Lịch sử văn học Pháp, Dịch thực hành; Dịch chuyên ngành, Tiếng pháp du lịch. Tiếng Pháp kinh tế - thương mại, Tiếng Pháp cơ bản 1, Tiếng Pháp cơ bản 2.1; Tiếng Pháp cơ bản 2.1; Tiếng Pháp cơ bản 2.2; Nghe- Nói 1; Đọc-Viết 1; Nghe-Nói 2; Đọc-Viết 2; Nghe- Nói 3; Đọc-Viết 3; Nghe- Nói 4; Đọc-Viết 4, Khóa luận, Nghe-Nói nâng cao; Đọc- Viết nâng cao [H3.03.01.03, H3.03.02.01, H3.03.02.02, H3.03.02.03].

Bảng 3.2.1. Ma trận quan hệ giữa nội dung đào tạo ngành Tiếng Pháp với CĐR

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Khối học vấn thực hành tiếng					Khối học vấn lý thuyết tiếng					Khối học vấn phương pháp giảng dạy				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
1	1.1	1					1					1				
	1.2	1					1					1				
	1.3	1					1								4	
	1.4	1					1							3		

	1.5	1				1					3		
	1.6	1						4					5
2	2.1		2			1			1				
	2.2				5			4				4	
	2.3	1				1			1				
	2.4				5	2						4	
	2.5			4			3		1				
	2.6			3					5			4	
3	3.1	1				1							5
	3.2	1				1						4	
	3.3	1				1						4	
	3.4	1				1						4	
	3.5	1				1							5
4	4.1				5			4	1				
	4.2				5				5	1			
	4.3	1				2							5
	4.4	1				2			1				
	4.5			4			3					4	
	4.6	1				2							5

Các học phần như: Giáo dục học, Lý luận dạy học, Giao tiếp sư phạm, Đánh giá trong giáo dục, Thực hành kỹ năng giáo dục, Xây dựng kế hoạch dạy học, Tổ chức dạy học Tiếng Pháp, Lí luận và phương pháp dạy học môn Tiếng Pháp, Lí luận dạy học phát triển năng lực Tiếng Pháp, vv. góp phần lớn trong việc rèn luyện các năng lực thuộc nhóm năng lực sư phạm (như năng lực chuyên ngành, năng lực định hướng phát triển của học sinh, năng lực dạy học và giáo dục) và các năng lực thuộc nhóm năng lực phát triển cộng đồng nghề và xã hội. Học phần Phương pháp NCKH Tiếng Pháp sẽ góp phần lớn cho phát triển năng lực NCKH cho người học [H3.03.01.03, H3.03.02.01, H3.03.02.02, H3.03.02.03]. Sự phối hợp của tất cả các học phần trong CTDH sẽ giúp SV hình thành được các năng lực cần thiết cho định hướng nghề dạy học Tiếng Pháp theo CDR. Không chỉ tương thích về nội dung, tất cả các học phần

trong CTDH CNSPTP đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Quá trình kiểm tra, đánh giá với các hình thức, phương pháp và nội dung đa dạng, đảm bảo sát với nội dung kiến thức trong học phần và yêu cầu của CĐR [H3.03.01.03, H3.03.02.01].

Định kỳ, 2 năm một lần, Khoa Tiếng Pháp tiến hành lấy ý kiến của GV, cán bộ quản lí, SV, cựu SV, giáo viên giảng dạy Tiếng Pháp ở trường phổ thông về nội dung các học phần trong CTDH, để từ đó có cơ sở chỉnh sửa CTDH ở mỗi học phần cho phù hợp hơn với điều kiện thực tế [H3.03.02.07, H3.03.02.08, H3.03.02.09]. Nội dung những ý kiến góp ý của các bên liên quan và những điều chỉnh của CTDH qua các năm được thể hiện ở Bảng 3.2.2.

Bảng 3.2.2. Ý kiến góp ý và những điều chỉnh trong CTDH

TT	Ý kiến góp ý của các bên liên quan	Hoạt động điều chỉnh CTĐT
Năm 2019		
1	Ở mỗi môn học, giáo viên nên liên kết các kiến thức liên quan đến phổ thông.	Nội dung của tất cả các học phần đều bổ sung, bám sát và bao phủ hết chương trình phổ thông môn Tiếng Pháp các cấp học.
Năm 2021		
1	Cần rà soát để cập nhật tài liệu học tập và tài liệu tham khảo ở mỗi học phần. Lược bỏ những tài liệu quá cũ trong một số học phần.	Rà soát và cập nhật các tài liệu mới, lược bỏ những tài liệu tham khảo cũ trong mỗi học phần

Cần chuẩn bị xây dựng CTĐT để đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đang được thực hiện;	Các học phần được cải tiến nội dung để phù hợp hơn với việc đổi mới toàn diện chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung, chương trình môn Tiếng Pháp nói riêng
---	---

2. Điểm mạnh

Tất cả các học phần trong CTDH CNSPTP đều có sự tương thích về nội dung theo yêu cầu CDR. Phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá ở tất cả học phần đều phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR. Nội dung CTDH được định kỳ lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan và điều chỉnh kịp thời phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

Việc xác định tổ hợp các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV trong một số học phần thuộc CTDH chưa hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của CDR.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xác định tổ hợp các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá cho một số học phần phù hợp hơn với yêu cầu của CDR	Khoa Tiếng Pháp	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Mỗi học phần đáp ứng yêu cầu CDR	Khoa Tiếng Pháp	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung phù hợp và có tính tích hợp

1. Mô tả

CTDH ngành Sư phạm Tiếng Pháp hiện hành được xây dựng với cấu trúc chặt chẽ, khoa học và được thiết kế một cách có hệ thống, logic giữa các khối kiến thức, gồm 3 khối kiến thức là: khối học vấn chung, khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng sư phạm, khối học vấn ngành, từ đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp thu nội dung kiến thức dễ dàng [H3.03.03.01], [H3.03.03.02]. Các khối kiến thức trong CTĐT được phân bổ theo những tỷ trọng nhất định, phù hợp với quy định chung của Bộ GDĐT, của trường ĐHSP, phù hợp với đặc trưng cụ thể của ngành, cụ thể: Tổng số tín chỉ của CTĐT là 136 tín chỉ, trong đó:

- Khối học vấn chung (không tính các môn học GDTC và GDQP): **35 TC (25,7%)**
 - + Khối học vấn chung của trường: 25 TC
 - + Khối học vấn chung của nhóm ngành: 10 TC
 - Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm: **35 TC (25,7%)**
 - + Khối học vấn chung: 13 TC
 - + Khối học vấn ngành: 10 TC
 - + Thực hành sư phạm: 12 TC
 - Khối học vấn ngành: **66 TC (48,6%)**
 - + Khối kiến thức cơ sở phát triển năng lực chung của nhóm ngành (tự chọn): 2/4 TC
 - + Khối kiến thức chuyên ngành: 64 TC
- Bắt buộc: 46 TC
- Tự chọn: 18/36 TC

Các học phần trong CTDH gồm 55 học phần được sắp xếp và bố trí hợp lý trong 8 học kỳ (HK) chính, đảm bảo cho sinh viên có thể tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả từ năm nhất đến năm thứ 4. Thứ tự nội dung các học phần được sắp xếp theo trình tự logic, đảm bảo tính khoa học theo hướng đi từ những kiến thức cơ bản đến chuyên ngành, từ các vấn đề có tính lý luận đến thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục và dạy học vào thực tiễn. Tùy theo năng lực và kế hoạch học tập của mỗi SV có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo theo đúng “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” của Bộ GDĐT và của trường ĐHSPHN [H3.03.03.03].

Các học phần trong CTĐT được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa khối học vấn chung, khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm, khối học vấn ngành giúp chương trình trở thành một khối thống nhất. Trong thiết kế CTDH, các học phần đều có quy

định về học phần học trước hay học phần tiên quyết để đảm bảo các học phần được giảng dạy theo trình tự logic, đảm bảo tính kế thừa, khoa học [H3.03.03.04], [H3.03.03.05].

CTDH được chỉnh sửa và cập nhật theo công văn số 486b/HD-ĐHSPHN ngày 14/10/2019 về “Hướng dẫn quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT trình độ đại học Trường ĐHSPHN” [H3.03.03.06], công văn số 607/ĐHSPHN-ĐT ngày 16/12/2021 về việc “rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo” [H3.03.03.07] và các biên bản họp về xây dựng và điều chỉnh chương trình của trường và của khoa [H3.03.03.08]. So với CTDH năm 2015 [H3.03.03.09], CTDH năm 2020 và 2022 đã có sự thay đổi về tổng số tín chỉ, đồng thời đã có sự điều chỉnh về số lượng các tín chỉ của các khối học vẫn [H3.03.03.01], [H3.03.03.02]. Cụ thể:

Bảng 3.3. So sánh cấu trúc CTDH năm 2015, 2020 và 2022

TT	Khối kiến thức	Năm 2015		Năm 2020, 2022	
		Số TC	Tỉ lệ	Số TC	Tỉ lệ
1	Khối học vẫn chung (không tính GDTC và GDQP)	20	14,8	35	25,7
2	Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm	34	25,2	35	25,7
	- Kiến thức NVSP chung	14		13	
	- Kiến thức NVSP chuyên ngành	8		10	
	- Thực hành sư phạm	12		12	
3	Khối học vẫn ngành	81	60	66	48,6
	- Kiến thức chung của nhóm ngành (thuộc khoa)	4		2	
	- Kiến thức chuyên ngành	24		14	
	Khối kiến thức Lý thuyết tiếng	47		42	
	Khối kiến thức Thực hành tiếng	6		8	
	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương				
	Tổng số	135		136	

Kết quả so sánh cho thấy, tổng số tín chỉ của năm 2020 và 2022 đã tăng từ 135 TC lên 136 TC. Tăng số lượng tín chỉ ở các khối học vẫn chung (từ 20 TC lên 35 TC); khối học vẫn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm (từ 34 TC lên 35 TC) và giảm số tín chỉ ở khối học vẫn

chuyên ngành (81 TC so với 66 TC). Từ đây có thể thấy rõ sự thay đổi lớn về cấu trúc chương trình ngành Sư phạm Tiếng Pháp. Sự thay đổi này không chỉ riêng của chương trình ngành Sư phạm Tiếng Pháp mà còn là sự thay đổi chung ở tất cả các ngành học ở các khoa của trường ĐHSPHN, căn cứ vào sự thay đổi về mô hình đào tạo của trường ĐHSPHN [H3.03.03.10]. Với mô hình đào tạo mới, sự phân bố các khối kiến thức của tất cả các ngành học theo năm học là:

- Năm thứ nhất: SV học khối kiến thức chung (của cả trường và theo nhóm ngành) (chiếm khoảng 25%)

- Năm thứ 2 và năm thứ 3: SV học Khối kiến thức chuyên ngành (khoảng 50%)

- Năm thứ 4: Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (khoảng 25%) (bao gồm cả TTSP)

Chương trình ngành Sư phạm Tiếng Pháp năm 2020 đã có sự điều chỉnh lớn so với năm 2015, phù hợp với chủ trương chung của trường ĐHSPHN. Sự điều chỉnh này thể hiện quan điểm chung của nhà trường “Tăng cường (một cách tối đa) các học phần chung nhau giữa các Chương trình đào tạo nhằm tạo điều kiện cho người học học được nhiều bằng cử nhân; tạo điều kiện thuận lợi để đào tạo giáo viên dạy môn tích hợp” và “Đảm bảo tính thống nhất của không gian giáo dục trong Nhà trường” [H3.03.03.10]. Sự thay đổi lớn của chương trình 2020 so với chương trình 2015 thể hiện rõ nhất ở sự thay đổi về chuẩn đầu ra. Nếu chương trình 2015 chuẩn đầu ra theo tiếp cận kiến thức, kỹ năng thì CĐR của chương trình 2020 là về phẩm chất và năng lực.

So với chương trình 2015, khối học vấn chuyên ngành của chương trình 2020 giảm 15 TC. Hơn nữa, trước đây đa số sinh viên Khoa Tiếng Pháp thi đầu vào bằng tiếng Pháp nhưng những năm gần đây số sinh viên thi đầu vào bằng tiếng Anh lại là chủ yếu. Trước thực trạng: khối học vấn chuyên ngành giảm, đầu vào của sinh viên là con số 0, để đảm bảo cho sinh viên có CĐR sử dụng tiếng Pháp (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam, trong chương trình 2020, chúng tôi quyết định dành nhiều thời gian cho thực hành tiếng hơn là lý thuyết tiếng. Chương trình 2014 dành 33,8% cho lý thuyết tiếng, 66,2% cho thực hành tiếng. Chương trình 2020, 25% cho lý thuyết tiếng, 75% cho thực hành tiếng.

Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Sư phạm tiếng Pháp năm 2020 đã được điều chỉnh so với chương trình 2015 như sau:

*** Các học phần thực hành tiếng tăng từ 3 tín chỉ lên 4 tín chỉ:**

- Nghe-nói 1, 2, 3, 4, nâng cao
- Đọc-viết 1, 2, 3, 4, nâng cao

*** Học phần sát nhập và tăng lên 4 tín chỉ:**

- Nhập môn Ngữ âm tiếng Pháp vào môn Phạm trù ngữ pháp và cách sử dụng động từ tiếng Pháp, gọi là môn Ngữ âm-Phạm trù và cách sử dụng động từ tiếng Pháp (tăng số tín chỉ từ 2 lên 4 tín chỉ)

*** Các học phần chuyển xuống học phần tự chọn:**

- Ngữ âm-Phạm trù và cách sử dụng động từ tiếng Pháp
- Từ vựng-Hình thái và cú pháp tiếng Pháp
- Dịch thực hành

*** Bỏ một số học phần tự chọn:**

- Giao thoa văn hóa-Phân tích văn bản văn học
- Lịch sử giảng dạy ngoại ngữ
- Tiếng Pháp tài chính-ngân hàng
- Tiếng Pháp luật-Hành chính
- Tiếng Pháp thư ký văn phòng

Các học phần trong CTDH được định kỳ rà soát, bổ sung và cập nhật 2 năm 1 lần để kịp thời điều chỉnh, thay đổi phù hợp với thực tiễn dạy học. Trên cơ sở công văn 607/ĐHSPHN-ĐT ngày 16/12/2021 về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo của trường, khoa Tiếng Pháp đã thực hiện quy trình rà soát CTDH theo các bước sau: (i) Xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT [H3.03.03.08]; (ii) Khoa tổ chức tọa đàm, góp ý và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT [H3.03.03.08]; (iii) Tiếp đó các bộ môn sẽ rà soát chương trình và chỉ ra các nội dung cần cập nhật, sửa đổi [H3.03.03.08]; (iv) Tiến hành họp Hội đồng khoa học khoa thông qua ý kiến đề xuất của các bộ môn [H3.03.01.08]; (v) Làm tờ trình gửi lên trường về đề xuất điều chỉnh các nội dung của CTĐT [H3.03.01.08].

Các ý kiến đóng góp về CTĐT của ngành Sư phạm Tiếng Pháp phiên bản 2020 được nêu ra chi tiết trong biên bản họp khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, đại diện các cơ quan, tổ chức sử dụng người lao động, cựu sinh viên, giảng viên của khoa, các chuyên gia ngoài trường và trong biên bản nghiệm thu CTĐT và đề cương học phần [H3.03.03.11]. Các ý kiến đánh giá rằng CTDH có bố trí và kết cấu phù hợp, linh hoạt và có tính khả thi cao. Sau khi

hoàn thành chương trình đào tạo người học có đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm để đảm nhận việc giảng dạy trong nhà trường phổ thông, đồng thời có khả năng tự học và nghiên cứu ở bậc đào tạo cao hơn. Các ý kiến cũng đã chỉ ra cần bổ sung thêm thời lượng cho các tín chỉ thuộc về khối học vấn ngành và thực hành ngôn ngữ. Bên cạnh đó cần quy định rõ hơn về cách thức, hình thức và phương tiện, tài liệu hỗ trợ tự học cho sinh viên. Đối với khối kiến thức chuyên ngành cần cân đối lại thời lượng giữa lý thuyết, thực hành và thảo luận.

Căn cứ vào những góp ý này, khoa đã có sự tiếp thu có chọn lọc và sự điều chỉnh CTĐT cho phù hợp ở phiên bản 2022. Có những ý kiến góp ý nhưng không thuộc phạm vi quyền hạn của khoa, ví dụ góp ý về tăng cường các môn chuyên ngành giảm thời lượng môn chung, do đây là cấu trúc chương trình chung của cả trường, cho nên khoa chỉ ghi nhận và chuyển ý kiến đó lên trường. Còn những ý kiến khác đã được khoa tiếp thu và thực hiện điều chỉnh chương trình ở phiên bản 2022 [H3.03.03.05]. Cụ thể là:

- Phân bố lại thời gian lý thuyết, bài tập, thực hành cho một số học phần
- Bổ sung các phương pháp giảng dạy, học tập
- Chính sửa lại các phương pháp kiểm tra đánh giá
- Cập nhật các tài liệu tham khảo cho các học phần.
- Chính sửa nội dung chi tiết của một số học phần

- Bổ sung thêm CĐR của từng học phần, bổ sung thêm Ma trận tích hợp giữa CĐR học phần với CĐR của CTĐT, Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần với CĐR học phần, Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần, Ma trận tích hợp CĐR với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập.

- Bổ sung thêm giảng viên giảng dạy ở các học phần

Bên cạnh đó, khoa cũng chủ động tìm hiểu để tham khảo CTDH về ngành Sư phạm Tiếng Pháp của các trường đại học trong nước. Ở trong nước cũng có rất ít trường đào tạo về ngành Sư phạm Tiếng Pháp. Chương trình của khoa đã có đối sánh với CTĐT ngành Sư phạm Tiếng Pháp của trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, trường Đại học Cần thơ về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra chương trình, khung chương trình [H3.03.01.12].

Các học phần trong CTDH được xây dựng dựa theo CĐR, vì vậy, các yêu cầu về phẩm chất, năng lực chung, năng lực sư phạm và năng lực chuyên ngành được tích hợp một cách hợp lý trong các học phần thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức chung của nhóm

ngành và khối kiến thức chuyên ngành [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.04], [H3.03.03.05].

Hàng năm, Trường và Khoa đều có kế hoạch đầy đủ các nguồn lực và tiến độ để thực hiện CTDH. [H3.03.01.13].

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế có cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức chung, khối kiến thức đào tạo và rèn luyện NVSP và khối kiến thức chuyên ngành, được rà soát, điều chỉnh đảm bảo sự tương thích về nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá với CDR. Các học phần của CTDH đảm bảo tính tích hợp và đáp ứng được CDR của CTĐT ngành Sư phạm Tiếng Pháp

3. Điểm tồn tại

Chưa tham khảo nhiều các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tham khảo thêm các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế để có những chỉnh sửa bổ sung hợp lý.	Khoa Tiếng Pháp	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì các hoạt động rà soát chỉnh sửa chương trình thường xuyên để đảm bảo tính cập nhật và phù hợp nhất của hoàn cảnh mới	Khoa Tiếng Pháp	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

CTDH của hệ CNSPTP được thiết kế logic, khoa học, sư phạm dựa trên CDR. Nội dung của CTDH không chỉ đáp ứng được tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm của

CĐR mà việc tổ chức các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá cũng hỗ trợ hiệu quả đạt được CĐR. Tất cả các học phần trong CTDH CNSPTP đều có sự tương thích về nội dung theo yêu cầu CĐR. Phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá ở tất cả học phần đều phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Hơn nữa, CTDH được định kỳ lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan và được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung 2 năm một lần nhằm phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Tuy nhiên, do đặc thù riêng của CTĐT CNSPTP nên việc tham khảo các CTĐT trong nước và quốc tế còn hạn chế. Ngoài ra, một số học phần thuộc CTDH SPTP chưa phù hợp hoàn toàn với yêu cầu của CĐR do những đặc điểm của ngành sư phạm.

Đánh giá tiêu chuẩn 3

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 3.1				X			
Tiêu chí 3.2				X			
Tiêu chí 3.3				X			
Điểm tiêu chuẩn	4,00						

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Mở đầu

Phương pháp dạy học là con đường, cách thức để đạt mục tiêu dạy học. Trong thời đại hiện nay, mục tiêu dạy học hướng tới hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho người học, vì vậy mà giảng viên trong các trường đại học cũng như giáo viên phổ thông cần đổi mới phương pháp dạy học theo hướng vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, đa dạng hóa các phương pháp dạy học. Đặc biệt, người học cần được trải nghiệm thực tiễn, tự xây dựng sản phẩm học tập như video, đề tài khoa học, các dự án, thực hành... hướng tới phát triển năng lực tự học suốt đời.

Khoa tiếng Pháp luôn chú trọng phương pháp tiếp cận hiệu quả trong dạy và học nhằm đạt được chuẩn đầu ra được mô tả trong chương trình đào tạo. Phương pháp tiếp cận dạy và học được căn cứ trên triết lý và mục tiêu giáo dục được Nhà trường tuyên bố rõ ràng. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra và thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên. Các đề tài trong các nghiên cứu khoa học, các khóa luận tốt nghiệp đã thể hiện sự nghiên cứu, vận dụng và thực nghiệm thành công các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, hiện đại phát huy được tính chủ động, tích cực và khả năng tự học của người học.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Nhà trường có văn bản tuyên bố chính thức về mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục. Mục tiêu giáo dục [H4.04.01.02] của Trường ĐHSPHN được tuyên bố rõ ràng trong Đề án Quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHSPHN trọng điểm đến năm 2015 đó là “*Xây dựng Trường ĐHSPHN thành trường đại học trọng điểm của cả nước, để đào tạo đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ đại học và sau đại học CLC, đạt chuẩn trình độ giáo dục đại học của các nước trong khu vực và trên thế giới; kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, NCKH và sản xuất; thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, các nhiệm vụ ưu tiên, trọng điểm của nhà nước, đặc biệt là khoa học giáo dục, làm nòng cốt thúc đẩy sự phát triển của hệ thống sư phạm trong hệ thống giáo dục quốc dân, góp phần tích cực*

phát triển sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường ĐHSPHN giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn đến 2030 [H4.04.01.01], trong đó đã xác định Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu chiến lược. Mục tiêu đào tạo của Trường được rà soát, chỉnh sửa là: *“Phát triển đồng bộ, hợp lý về quy mô và nâng cao chất lượng các hệ đào tạo, chủ yếu là đào tạo đại học và sau đại học, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng nguồn nhân lực CLC của hệ thống giáo dục quốc dân và xã hội”*. Năm 2019, trong Kế hoạch chiến lược của Trường ĐHSPHN giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn 2030, Nhà trường đã điều chỉnh lại Mục tiêu chung là: *Xây dựng Trường ĐHSPHN trở thành trường Đại học sư phạm “chuẩn mực, sáng tạo và tiên phong” trong đào tạo giáo viên, chuyên gia và lãnh đạo giáo dục, các nhà nghiên cứu CLC ở cấp quốc gia và khu vực, năng lực NCKH công nghệ (đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học cơ bản) đạt tầm khu vực và quốc tế*.

Triết lý giáo dục của Trường ĐHSPHN sau khi được đưa ra góp ý và chỉnh sửa thì được ban hành theo quyết định số ngày 06/05/2020 [H4.04.01.03] với nội dung là *đào tạo nhà giáo xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng hướng tới mục tiêu đào tạo những nhà giáo có lòng nhân ái, tình yêu con người, có ý thức bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc; có tư duy độc lập, có khả năng cập nhật, sáng tạo cái mới, có năng lực phản biện khoa học; sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng; hành động tích cực vì sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc và nhân loại*.

Triết lý giáo dục của Trường được phổ biến tới các bên liên quan như phổ biến cho các cán bộ, GV của Nhà trường trong các Hội nghị của Trường, hội nghị của các khoa, đăng trên trang web của Trường; phổ biến tới SV trong sổ tay SV [H4.04.01.04]. Triết lý giáo dục được phổ biến cho SV học tập tại Trường ĐHSPHN, SV được giới thiệu, cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu giáo dục cũng như CTĐT ngay từ khi nhập học. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân – HSSV” để giới thiệu, phổ biến cho SV về mục tiêu đào tạo cũng như các kỹ năng cần thiết cho người học hiểu rõ và thực hiện [H4.04.01.05].

2. Điểm mạnh

Trường có văn bản tuyên bố về triết lý giáo dục và triết lý giáo dục của Trường; Triết lý giáo dục được tất cả cán bộ, GV, người học hiểu rõ và được cụ thể hóa trong các CTĐT của các ngành, trong đó có CTĐT CNSPTP. Triết lý giáo dục của Nhà trường đã được phổ biến tới GV, SV và các bên liên quan.

Mục tiêu giáo dục trong CTĐT CN SPTP phù hợp với mục tiêu giáo dục và triết lý giáo

dục của Nhà trường. Chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Tiếng Pháp [H4.04.01.06] có các mục tiêu sau: Đào tạo cử nhân sư phạm Tiếng Pháp đáp ứng đầy đủ Khung chuẩn đầu ra của Trường ĐHSPTN về phẩm chất và năng lực của người học; Đào tạo giáo viên môn tiếng Pháp đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông nói chung và Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Pháp nói riêng; Đáp ứng được vị trí, khả năng công tác và khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp, bao gồm:

- Có khả năng dạy học môn tiếng Pháp ở trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, đặc biệt là dạy học môn tiếng Pháp ở các trường trung học phổ thông chuyên.
- Có khả năng dạy học môn tiếng Pháp ở các trường Đại học.
- Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ

3. Điểm tồn tại

Mục tiêu đào tạo chưa được chú trọng phổ biến thường xuyên tới các nhà tuyển dụng và xã hội.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Phổ biến mục tiêu giáo dục tới các nhà tuyển dụng và xã hội thường xuyên.	Phòng Hành chính – Đối ngoại và các Khoa	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Điều chỉnh CTĐT luôn bám sát mục tiêu giáo dục của Trường	Tất cả các Khoa và các ngành đào tạo	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Hàng năm, các bộ môn trong Khoa Pháp và mỗi GV đều xây dựng hoạt động dạy học/phương pháp dạy học đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR [H4.04.02.01].

Nhà trường chỉ đạo nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu nhằm phát huy tính tích cực học tập, tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của SV như cho SV làm bài tập môn học, tham gia NCKH, vv. Các phương pháp dạy học thường được các bộ môn sử dụng trong dạy học cho SV là: dạy học trải nghiệm, dạy học tình huống, dạy học nhóm, dạy học dự án, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác, vv. SV được hướng dẫn các phương pháp tự học, thảo luận nhóm, NCKH, vv. [H4.04.02.03]. Các phương pháp dạy học góp phần phát triển các năng lực khác nhau, ví dụ, dạy học thực hành góp phần phát triển năng lực sư phạm, năng lực NCKH, năng lực phát triển cộng đồng nghề và xã hội.

Ví dụ khi dạy học thực hành “tổ chức hoạt động khởi động” bằng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề:

- Soạn giáo án (hoạt động khởi động): SV lựa chọn nội dung và các kỹ năng cần rèn luyện, sau đó soạn phần khởi động theo một trình tự hợp lý mà có thể thể hiện được tối đa các thành phần của một năng lực nào đó.

- Giảng dạy: SV tiến hành khởi động bài học theo kế hoạch đã chuẩn bị trước. Giờ học diễn ra có sự tham dự của GV (GV) hướng dẫn và các SV khác, các SV này đóng vai trò vừa là người dự và vừa là người học. Quá trình này được ghi hình lại.

- Đánh giá – Phản hồi: GV hướng dẫn cho tất cả SV xem lại hoạt động khởi động dạy trên băng ghi hình (với số lần cần thiết), sau đó tiến hành phân tích, thảo luận, đánh giá ưu điểm và hạn chế của SV. Soạn lại giáo án: Dựa trên những nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm ở bước 3, người dạy tiến hành soạn lại giáo án. Giảng dạy lại: SV dạy lại bài học cũ với giáo án mới. Lần dạy này cũng được ghi hình. Đánh giá lại: SV dạy được GV hướng dẫn và các SV dự giờ đánh giá lại nhằm rút ra kết luận và cách ứng xử phù hợp, dạy học có hiệu quả hơn.

Hàng năm, CVHT và các GV bộ môn thường hướng dẫn SV các hoạt động học tập như hoạt động tự học, tìm kiếm tài liệu, thảo luận nhóm, làm powerpoint, làm các bài thực hành, vv. thông qua các buổi họp giữa cố vấn với SV và trong các giờ học đầu năm của mỗi học phần, từ đó giúp SV chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR. Kết quả là hầu hết SV có khả năng tự học tốt, chủ động với việc học tập ở lớp cũng như ở nhà, thực hiện các bài tập lớn đúng tiến độ và đạt kết quả cao, vv. Để nâng cao chất lượng dạy học, hàng năm, các bộ môn tổ chức họp và seminar thảo luận về phương pháp dạy học các nội dung dạy học, tổ chức dự giờ [H4.04.02.02] và rút kinh nghiệm giờ giảng nhằm lựa chọn các phương

pháp dạy học phù hợp cho từng nội dung, học phần trong CTĐT [H4.04.02.03].

Thông qua các báo cáo khảo sát SV định kỳ hàng năm và SV năm cuối sắp tốt nghiệp cho thấy hầu hết GV và người học hài lòng với các phương pháp dạy học được sử dụng trong CTĐT cử nhân Sư phạm. Kết quả khảo sát SV cuối khóa định kì hàng năm về CTĐT, trong đó có khảo sát mức độ hài lòng với các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT qua các năm, cho thấy hầu hết SV hài lòng với các phương pháp dạy học trong CTĐT CNSPTP. Kết quả khảo sát GV với các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT cho thấy: tỉ lệ % GV đồng ý về cơ bản và hoàn toàn đồng ý chiếm tỉ lệ từ 87% đến 90% ở các tiêu chí như đa dạng phương pháp dạy học, các hoạt động học tập phát triển được các năng lực/khả năng, các hoạt động học tập nâng cao được khả năng học tập suốt đời của người học [H4.04.02.04; H4.04.02.05].

NCKH của SV [H4.04.02.06] cũng là những hoạt động quan trọng nhằm đảm bảo mục tiêu của CTĐT CNSPTP. SV năm thứ 2 cũng được khuyến khích thực hiện NCKH, qua đó, vừa giúp SV rèn luyện phẩm chất của nhà khoa học, đồng thời phát triển năng lực NCKH và các năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, vv. Cuối mỗi năm học, khoa tổ chức Hội nghị NCKH SV [H4.04.02.07] vào khoảng tháng 4 nhằm lựa chọn những báo cáo tốt gửi lên Trường để tham gia Hội nghị NCKH SV cấp Trường.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT, các kế hoạch dạy học, các bài giảng của GV đã sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, tập trung vào các phương pháp dạy học tích cực, phù hợp để đạt được CDR.

3. Điểm tồn tại

Còn một số sinh viên còn tiếp cận chậm với phương pháp dạy học tích cực.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng câu lạc bộ sinh viên về rèn luyện nghiệp vụ	CVHT	Từ năm học 2024-2025

		sur phạm		
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức seminar cho GV và SV, duy trì việc dạy mẫu và dự giờ, rút kinh nghiệm các tiết dạy	Tất cả các GV, bộ môn	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Trong CTĐT [H4.04.03.01] đã xác định rõ các CDR, trong đó, đối với SV CNSPTP, bên cạnh năng lực dạy học, một số các kỹ năng quan trọng cần đạt được như kỹ năng tự học, kỹ năng NCKH, giải quyết vấn đề, kỹ năng thực hành, vv. Các đề cương chi tiết các học phần đều được xây dựng hướng tới các năng lực và kỹ năng này.

100% đề cương chi tiết các môn học/học phần trong CTĐT 2019 và 2022 mô tả rõ việc sử dụng các phương giảng dạy/học tập. Tổ hợp các phương pháp dạy học trong các học phần của CTĐT được các GV xây dựng và thực hiện thành thạo rất đa dạng, bao gồm: phương pháp trực quan, dạy học thực hành, dạy học dự án, dạy học giải quyết vấn đề, seminar, dạy học hợp tác, vv. Các hoạt động dạy học trong CTĐT đảm bảo cho SV rèn luyện được các kỹ năng như kỹ năng tự học [H4.04.03.02], kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng NCKH, vv.

Về kỹ năng dạy học và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, trong CTĐT từ năm 2019 có các TC về phương pháp dạy học và phân thực tập sư phạm vào năm thứ 3, thứ 4. [H4.04.03.03]. Ngoài ra, mỗi năm Trường và Khoa tổ chức tuần lễ NVSP [H4.04.03.04] vào dịp 20/11 nhằm rèn luyện cho SV kỹ năng nghề nghiệp, ở Tuần lễ này Trường và Khoa thường tổ chức các buổi nói chuyện với SV về NVSP, tổ chức thi các kỹ năng viết bảng, soạn giáo án, sáng chế đồ dùng dạy học, thi tình huống sư phạm, thi thiết kế video, thi giảng, vv.

100% các học phần trong CTĐT đều nhấn mạnh đến hoạt động tự học, mỗi tiết dạy học lí thuyết tương ứng sẽ có 2 tiết tự học, tự nghiên cứu của SV. Thông qua các hoạt động tự học (đọc tài liệu, làm bài tập, thực hành giao tiếp....) [H4.04.03.05], tự thiết kế sản phẩm dự án, sản phẩm NCKH [H4.04.03.06], tự lập kế hoạch học tập và rèn luyện, SV được rèn luyện kĩ năng tự học và nâng cao khả năng tự học suốt đời

GV sử dụng các hoạt động dạy học/PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Thông qua việc yêu cầu HS thực hiện các bài tập lớn, các dự án học tập. Qua các hoạt động học tập đó, SV được rèn luyện và phát triển năng lực tự học cũng như các năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực tư duy, vv. Sinh viên cũng được khuyến khích làm NCKH, và các em có học lực với điểm trung bình các năm học đạt loại khá trở lên sẽ được xem xét để cho phép làm khóa luận tốt nghiệp, qua đó rèn luyện cho các em năng lực tự học suốt đời [H4.04.03.06]. Kết quả khảo sát SV cuối khóa định kỳ hàng năm về CTĐT, trong đó có khả năng rèn luyện các kỹ năng và khả năng học tập suốt đời của người học cho kết quả hầu hết SV hài lòng với các phương pháp dạy học trong CTĐT [H4.04.03.07].

2. Điểm mạnh

Các phương pháp dạy học được sử dụng đa dạng và tích cực, các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học, đồng thời nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Hệ thống đào tạo trực tuyến được Nhà trường quan tâm phát triển và áp dụng vào giảng dạy thực tế đặc biệt khi dịch covid xảy ra nặng nề làm ảnh hưởng nhiều đến việc lên lớp của thầy và trò.

3. Điểm tồn tại

Ở một số môn chung, kiến thức chủ yếu là lí thuyết và dạy học lớp học đông nên chưa thể hiện được việc sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học mà giáo viên chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp sử dụng các phương tiện trực quan. Hệ thống các bài giảng điện tử còn chưa phong phú để hỗ trợ người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Khắc phục việc sử dụng các phương pháp dạy học thụ động, tăng cường tính chủ động ở một số môn chung.	Khoa và các bộ môn	Từ năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng và thực hiện các phương pháp dạy học tích cực và đa dạng	Các GV	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Trường có văn bản tuyên bố về mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của Trường; Mục tiêu giáo dục được tất cả cán bộ, GV, người học hiểu rõ và được cụ thể hóa trong các CTĐT của các ngành, trong đó có CTĐT CNSPTP. Mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được phổ biến tới GV, SV và các bên liên quan.

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT, các kế hoạch dạy học, các bài giảng của GV đã sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, tập trung vào các phương pháp dạy học tích cực, phù hợp để đạt được CDR. Các phương pháp dạy học được sử dụng đa dạng và tích cực, các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học, đồng thời nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Tuy nhiên, việc tuyên truyền phổ biến mục tiêu giáo dục của Trường chưa được thực hiện thường xuyên và rộng rãi tới các bên liên quan bên ngoài trường như các nhà tuyển dụng và với xã hội. Chương trình còn bắt buộc SV lên lớp vẫn còn nhiều, chưa xây dựng các nội dung dạy học online.

Đánh giá tiêu chuẩn 4

Tiêu chuẩn 4	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 4.1				4			
Tiêu chí 4.2				4			
Tiêu chí 4.3				4			
Điểm tiêu chuẩn	4,00						

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Trong CTĐT, đánh giá kết quả học tập của người học là một phần quan trọng, cung cấp mức độ đạt được của người học so với CĐR của CTĐT. Từ đó các bên liên quan có biện pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả của quá trình dạy học. Để đánh giá kết quả học tập khách quan, công bằng, Nhà trường đã xây dựng Quy trình đánh giá và các quy định về khiếu nại, phúc khảo và phổ biến cho SV được biết ngay từ năm thứ nhất và dễ dàng tiếp cận. Ở khoa Tiếng Pháp, việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện thông qua việc đánh giá đầu vào, đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ trong suốt khóa học nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu và CĐR học phần và CTĐT. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR, các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học, phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập, người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập. Với những đặc điểm của việc đánh giá kết quả học tập như vậy giúp cho người học có được sự chủ động trong học tập, từ đó kết quả học tập sẽ cao và toàn diện hơn.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Quá trình đào tạo cử nhân sư phạm tiếng Pháp đã xác định kế hoạch đánh giá kết quả học tập của người học một cách rõ ràng.

Đánh giá đầu vào được thể hiện trong thông tin tuyển sinh hàng năm. Trường ĐHSPHN xây dựng Đề án tuyển sinh và công bố công khai trên website của Trường và qua các thông báo tờ rơi, các hội thảo, hội nghị, vv. Đề án quy định về các phương án tuyển sinh và những lưu ý về tổ hợp xét tuyển, chỉ tiêu cho từng tổ hợp và phương thức xét tuyển [H5.05.01.01]. Kết quả tuyển sinh được công bố công khai trên website của Trường.

Đánh giá kết quả người học đạt được CĐR được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC của Trường ĐHSPHN [H5.05.01.02]. Các

thông tin cụ thể liên quan đến người học bao gồm: thời gian và hình thức thi, trách nhiệm của người học trong khi thi, quy định về khiếu nại điểm, phúc khảo bài thi, các hình thức xử lý kỷ luật SV vi phạm quy chế thi.

Quy định về tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kì thi kết thúc học phần [H5.05.01.04] được thông báo cho người học ngay từ đầu khóa học trong sổ tay SV [H5.05.01.03]. Trong đó, quy định đánh giá học phần tốt nghiệp được thực hiện theo quy định của các môn chuyên đề tốt nghiệp. Đối với khóa luận tốt nghiệp thực hiện theo quy định riêng về chấm khóa luận tốt nghiệp và Khoa cũng đưa ra các tiêu chí trong phiếu chấm KLTN [H5.05.01.09]. Đối với từng môn học cụ thể, các quy định về kiểm tra đánh giá chuyên cần, giữa kì, cuối kì cũng được quy định cụ thể trong CTĐT ngành SPTP [H5.05.01.05] và thông báo cho người học ngay từ đầu mỗi học kì.

Về cách thức ra đề, tiêu chí chấm thi các học phần, đề thi tốt nghiệp cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp sao cho phù hợp với yêu cầu của CĐR, khoa tiếng Pháp thực hiện theo Quy định tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết thúc học phần của Khoa [H5.05.01.06], Hướng dẫn chấm thi hết học phần [H5.05.01.07], Quy định về làm KLTN [H5.05.01.08], Phiếu chấm KLTN [H5.05.01.09] và Văn bản hướng dẫn quy trình thực hiện KLTN [H5.05.01.10].

Việc kiểm tra đánh giá được khoa thực hiện nghiêm túc, chủ động và đảm bảo tiến độ: cách thức ra đề thi, hình thức đề thi theo mẫu của trường, nội dung đề thi phải nằm trong khối lượng kiến thức kĩ năng đã giảng dạy, phù hợp với nội dung đã quy định trong CTĐT, đảm bảo phân loại được kết quả học tập, vv. Ngoài ra, khoa còn yêu cầu: Đề thi cần nộp cho trưởng bộ môn và khoa duyệt 2 tuần trước khi thi, khoa bảo mật đề thi an toàn tuyệt đối.

Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR.

Đối với kiểm tra giữa kì, các học phần đều kết hợp các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau để đạt CĐR. Các học phần như: Lịch sử văn học Pháp, Văn hóa văn minh Pháp, Phương pháp nghiên cứu khoa học yêu cầu SV làm bài tập lớn, dự án, thuyết trình, vv. vừa đánh giá được mức độ đạt được CĐR vừa phát triển ở SV các năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Các học phần chuyên biệt về giảng dạy như: Thực hành dạy học tại trường Sư phạm yêu cầu SV vận dụng các phương pháp đã học để xây dựng một kế hoạch bài dạy và thực tập giảng dạy ngay tại lớp học giả định. Các dạng bài này giúp SV phát triển năng lực tự học và các năng lực

giảng dạy của bộ môn tiếng Pháp, qua đó đánh giá được các CĐR khác nhau của CTĐT [H5.05.01.05].

Đối với kiểm tra cuối kì, hình thức chủ yếu là tự luận, vấn đáp và bài tiểu luận. Với hình thức thi tự luận, đề thi kiểm tra cả kiến thức và kĩ năng của học phần. Các yêu cầu đều ở mức độ nhận thức nội dung học một cách sâu sắc, đánh giá năng lực thực hành và vận dụng của SV. Ví dụ ở học phần Lịch sử văn học Pháp, mục tiêu 2 là vận dụng các kiến thức đã được học để trình bày về các tác giả và các tác phẩm tiêu biểu của từng giai đoạn. Đề thi học phần có câu hỏi: “Anh (Chị) hãy tóm tắt một tác phẩm nổi tiếng của Victor Hugo”. Câu hỏi này có thể đo lường được mục tiêu của học phần [H5.05.01.05].

Đối với hình thức thi vấn đáp (các học phần Nghe-Nói), khoa tổ chức thành các phòng thi, mỗi SV sẽ được 2 GV hỏi vấn đáp. SV bốc thăm câu hỏi, có thời gian chuẩn bị nội dung và trả lời. SV có thể sẽ trả lời thêm câu hỏi của GV. Cuối buổi thi GV chấm có thể trao đổi, thống nhất và thông báo cho SV. Các câu hỏi chuẩn bị sẵn cho SV không quá dài nhưng phủ khắp chương trình, giúp SV có kế hoạch học tập tích cực ngay từ đầu. Hình thức thi vấn đáp cũng rèn luyện cho SV tự tin trong giao tiếp, có kỹ năng thuyết trình một vấn đề. Như vậy, hình thức này tương thích với các mục tiêu của học phần và đo được các chuẩn đầu ra [H5.05.01.05].

Trong thời gian học online, để thích ứng với tình hình cụ thể, Khoa đã đưa ra những quy định rất chi tiết về việc tổ chức thi [H5.05.01.06] và hướng dẫn chấm thi kết thúc học phần cho GV [H5.05.01.07]

Như vậy, hình thức, cách thức đánh giá SV khá đa dạng, linh hoạt và qua đó, GV đánh giá được SV theo CĐR.

Đối với khóa luận tốt nghiệp, năng lực hướng đến là các năng lực khoa học, năng lực tự học dưới góc độ tự nghiên cứu do đó, các phương pháp kiểm tra đánh giá mang tính đặc thù. SV sẽ thực hiện đề tài nghiên cứu của mình gắn với một chuyên ngành đào tạo dưới sự hướng dẫn của một GV. Sau khi hoàn thành, SV bảo vệ khóa luận trước hội đồng chấm khóa luận: Báo cáo kết quả nghiên cứu và bảo vệ quan điểm của mình trong nghiên cứu đó [H5.05.01.10].

Việc đánh giá kết quả của từng học phần được quy định cụ thể. Điểm chuyên cần được đánh giá theo ba mức 0, 5 và 10, căn cứ vào việc tham gia đầy đủ, có tinh thần tích cực trong các buổi học trên lớp và chuẩn bị bài đầy đủ ở nhà. Điểm giữa kì được tính bằng trung bình

cộng của các bài kiểm tra bộ phận. Đa số các học phần đều tính điểm giữa kì ở nội dung thực hành, rèn luyện kỹ năng do đó, phát triển được năng lực thực hành và vận dụng của SV. Việc đánh giá kết quả của cả 4 năm học được thể hiện 1 phần ở danh sách SV làm khóa luận tốt nghiệp hàng năm: Chỉ những SV học tập và rèn luyện tốt mới được làm khóa luận [H5.05.01.10].

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện đúng quy định của khoa và trường, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng. Các phương pháp kiểm tra đánh giá khá đa dạng, linh hoạt theo tình hình cụ thể của hình thức đào tạo hóa và phù hợp với mỗi học phần, do vậy GV có thể đánh giá được mức độ đạt được CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Bổ sung thêm các tiêu chí đánh giá thi hết học phần đối với một số môn đặc thù.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá đối với một số môn đặc thù.	Khoa tiếng Pháp, các bộ môn	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức các kì kiểm tra khách quan, công bằng, nghiêm túc. Các phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng CDR	Khoa tiếng Pháp, các bộ môn	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.

1. Mô tả

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được thể hiện rõ trong các quyết định, quy chế đào tạo và tài liệu hướng dẫn. Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường đã quy định việc đánh giá học phần, tổ chức kì thi kết thúc học phần, ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần, điểm trung bình chung; cơ chế phản hồi kết quả học tập, quy định về việc làm, chấm khóa luận tốt nghiệp, xét tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp [H5.05.02.01].

Về đánh giá học phần, yêu cầu phải nghiêm túc, khách quan, tin cậy, trung thực và công bằng. Việc đánh giá kết quả học tập phải dựa trên CDR của học phần, chú trọng đánh giá quá trình nhằm kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của SV. Cụ thể như sau:

- Tổ chức kì thi: Thời gian tổ chức thi kết thúc học phần là vào cuối mỗi học kì. Thời gian thi được thông báo vào đầu năm học trong Kế hoạch đào tạo năm học do Hiệu trưởng phê duyệt [H5.05.02.03].

- Điểm học phần gồm: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra bộ phận và điểm thi kết thúc học phần. Điểm chuyên cần có 3 mức là 0, 5 hoặc 10; trọng số 0,1. Điểm kiểm tra bộ phận có trọng số 0,3. Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6. Các học phần thực hành được đánh giá bằng điểm trung bình cộng của các bài thực hành trong học kì. Phương pháp, hình thức đánh giá, trọng số được quy định trong đề cương chi tiết của từng học phần và được GV phụ trách lớp thông báo cho SV khi bắt đầu học phần [H5.05.02.07].

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần là: Điểm chuyên cần: ≥ 5 , Điểm kiểm tra bộ phận: ≥ 3 . Trước kì thi 2 tuần, căn cứ danh sách SV đủ điều kiện thi, khoa lập danh sách phòng thi và thông báo cho SV trước ngày thi ít nhất 05 ngày làm việc.

- Cách tính điểm học phần: Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo thang điểm 4 của các học phần đã được tích lũy (đạt điểm A, B, B+, C, C+, D, D+ theo thang điểm chữ) tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kì.

Về đánh giá khóa luận, SV phải bảo vệ khóa luận trước Hội đồng chấm khóa luận. Kết quả đánh giá khóa luận được công bố chậm nhất 3 ngày kể từ ngày SV bảo vệ trước Hội đồng. Khoa cũng có tiêu chí riêng về chấm điểm KLTN cho SV [H5.05.02.14].

Quyết định số 1067/QĐ- ĐHSPHN ngày 14 tháng 5 năm 2020 về quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kì thi kết thúc học phần của Trường ĐHSPHN xác định rõ: (1) Thời gian thi kết thúc học phần được thực hiện vào cuối kì và được thông báo

trong kế hoạch đào tạo năm học do Hiệu trưởng phê duyệt vào đầu năm học; (2) Hình thức thi gồm: thi viết, thực hành, vấn đáp, viết tiểu luận, bài tập lớn, làm đồ án môn học, thi trên máy tính; (3) Quy định về khiếu nại điểm, phúc khảo điểm bài thi: Thí sinh làm đơn phúc khảo gửi TT ĐBCL của Trường đối với môn chung và gửi Khoa đối với môn chuyên ngành, chậm nhất 07 ngày sau khi nhận đơn phúc khảo, TT ĐBCL và Khoa phản hồi thông tin cho SV biết kết quả [H5.05.02.02].

Đối với trọng số điểm trong từng học phần: Tất cả các học phần đều quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá, các đầu điểm và tỉ trọng của các đầu điểm thành phần như sau: Điểm chuyên cần: 10%, kiểm tra bộ phận (giữa kỳ): 30%, điểm thi hết học phần 60%. Điểm kiểm tra bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0-10), làm tròn đến một chữ số thập phân [H5.05.02.02].

Hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học được quy định cụ thể và công bố công khai tới người học trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần. Cụ thể: Các quy định về kiểm tra - thi hết học phần, đề thi tốt nghiệp cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp được quy định rõ ràng và công bố công khai cho người học thông qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho SV. Khoa đã tổ chức các buổi gặp mặt cho SV khóa mới và giáo vụ, cố vấn học tập thông báo Quy chế đào tạo [H5.05.02.01], Quy định miễn học và phủ điểm [H5.05.02.05] và phát sổ tay SV [H5.05.02.04]. Do đó, người học hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của mình.

Thời gian thi được Nhà trường thông báo trong các kế hoạch thi kết thúc học phần sau mỗi học kì [H5.05.02.09]. Căn cứ vào đó, khoa lên lịch thi các môn chuyên ngành [H5.05.02.11]. Lịch thi được thông báo trước cho SV trên các nhóm của SV trước 20 ngày. Sau khi tất cả SV không có vướng mắc về thời gian thi, lịch thi cuối cùng sẽ được công bố cho SV và dán ở bảng tin của khoa để tất cả SV được biết. Quy trình ra đề, chấm thi đảm bảo tính bảo mật, công bằng và minh bạch. Khoa đã thực hiện nghiêm túc theo quy định của Trường về kiểm tra, đánh giá [H5.05.02.02]. Cụ thể: Đề thi được gửi trước ngày thi theo lịch 1 tuần. Đề thi được đưa cho Trưởng bộ môn duyệt, sau đó niêm phong, gửi giáo vụ lưu trữ. Ngay trước ngày thi, BCN khoa mở niêm phong, duyệt đề thi. Giáo vụ photo đề theo số lượng SV dự thi.

Việc thông báo kết quả SV đăng ký học và các thông tin liên quan đến hoạt động đào tạo, kiểm tra - thi được cập nhật tại địa chỉ: <https://hnue.edu.vn/Daotao/DaotaoDaihoc/QuychedaotaoDaihoc.aspx> và phần mềm Unisoft nhằm giúp SV nắm rõ các quy định về quy trình tổ chức kiểm tra kết quả học tập [H5.05.02.06]. Ngoài ra các thông báo hướng dẫn phúc khảo, phúc tra bài thi cho SV được dán công khai trên bảng tin của Khoa và thông báo đầy đủ đến SV các lớp [H5.05.02.12].

Đối với việc thi tốt nghiệp và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, sau khi học xong năm thứ 3, người học sẽ được thông báo bằng văn bản về việc tiếp tục học các học phần tương đương hay thực hiện khóa luận tốt nghiệp. Điều kiện thực hiện khóa luận được thông báo rộng rãi đến toàn thể SV [H5.05.02.10], Danh sách SV đủ điều kiện làm KLTN và Quy trình thực hiện KLTN dán công khai ngoài bảng tin [H5.05.02.13].

Các quy định về kiểm tra đánh giá nhìn chung khá ổn định trong thời gian từ 2019-2023. Tuy nhiên, do dịch Covid, SV chuyển sang học online nên việc kiểm tra, đánh giá được điều chỉnh cho phù hợp với phương thức học trực tuyến [H5.05.02.08], do vậy hình thức chấm thi cũng có những biến đổi tương ứng [H5.05.02.15].

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được đưa vào Quy chế đào tạo và các văn bản liên quan tới kế hoạch đào tạo đầy đủ và rõ ràng giúp người học lĩnh hội ngay từ đầu khóa học. Nhà trường và Khoa có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học và được đa dạng hóa bằng nhiều phương pháp đánh giá tương thích, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CDR từng học phần và CTĐT. Các quy định về kiểm tra đánh giá thường xuyên được công bố công khai, minh bạch đến người học thông qua nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Sự phối hợp giữa các bộ phận trong việc làm rõ quy định về đánh giá kết quả học tập và thông báo cho người học các quy định này đôi khi còn chông chéo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
-----------	-----------------	-----------------	--------------------------------	--

1	Khắc phục tồn tại	Phân công nhiệm vụ: GV thông báo hình thức, nội dung thi; giáo vụ thông báo thời gian, địa điểm thi và CVHT hỗ trợ thông tin khi SV thắc mắc.	Khoa Tiếng Pháp	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng hóa các phương pháp đánh giá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CĐR từng học phần và CTĐT	Các bộ môn	Cập nhật hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả

Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được GV xây dựng trong Đề cương chi tiết học phần [H5.05.03.01]. Nhìn chung, GV sử dụng các phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học rất đa dạng, thể hiện ở tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá trong từng giai đoạn của học phần.

Về cơ bản, các môn học đều thực hiện thi kết thúc học phần theo Quyết định số 1067/QĐ- ĐHSPPHN ngày 14 tháng 5 năm 2020. Theo đó các hình thức thi gồm: thi viết, vấn đáp, thực hành, viết tiểu luận, bài tập lớn, làm đồ án môn học, thi trên máy tính (thi trắc nghiệm hoặc thực hành trên máy tính) [H5.05.03.02]. Trong năm học 2021-2022, do điều kiện dịch bệnh, Nhà trường đã ra công văn cho phép các GV đăng kí hình thức thi, lấy ý kiến, tổ chức thi online [H5.05.03.03]. Theo đó, các môn có thể đăng kí các hình thức sau: Tiểu luận/bài tập lớn, trắc nghiệm, vấn đáp, tự luận trực tuyến (có người giám sát). Hình thức tiểu luận/bài tập lớn được khuyến nghị sử dụng để đánh giá. Nhà trường và Khoa cũng quy định tổ chức kiểm tra đánh giá và hướng dẫn cụ thể tổ chức thi học phần trực tuyến cho phù hợp tình hình dạy và học trong thực tế.

Ngoài ra, các GV trong Khoa đều nghiêm túc thực hiện Kế hoạch xây dựng, rà soát và phát triển ngân hàng đề thi học phần do Nhà trường quy định để đảm bảo tính khách quan, chính xác và công bằng trong đánh giá kết quả của người học [H5.05.03.04].

Trong thực tế triển khai ở khoa tiếng Pháp, các GV căn cứ vào đặc trưng của môn học và yêu cầu về CDR và quá trình giảng dạy đã đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá.

Các học phần chuyên ngành trong bộ môn Lý thuyết tiếng như: Từ vựng – hình thái cú pháp tiếng Pháp, Ngữ âm – phạm trù ngữ pháp và cách sử dụng động từ tiếng Pháp, Dịch thực hành, Dịch chuyên ngành, Lịch sử văn học Pháp, Văn hóa – văn minh Pháp chú trọng kiểm tra nhận thức và khả năng vận dụng kiến thức của HS. Hình thức thi chủ yếu là thi viết, thuyết trình, bài tập lớn.

Các học phần chuyên sâu về phương pháp giảng dạy như: Lí luận và phương pháp dạy học tiếng Pháp, Xây dựng kế hoạch dạy học môn tiếng Pháp, Tổ chức dạy học trải nghiệm kết hợp song song cả kiểm tra nhận thức của SV đối với các nội dung lí thuyết và kĩ năng đối với các nội dung thực hành. Do đó, các bài thi tự luận vừa có câu hỏi phân tích kiến thức vừa có câu hỏi vận dụng, giải quyết tình huống.

Các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CDR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. Cụ thể, mỗi CDR có các phương pháp kiểm tra đánh giá tương ứng. Để đo lường CDR về năng lực sư phạm có các phương pháp kiểm tra đánh giá như: vấn đáp, thực hành giảng dạy, bài tập, thuyết trình, vv. Để đo CDR về năng lực ngành có các phương pháp kiểm tra đánh giá như: thi viết, vấn đáp, bài tập, tiểu luận, vv.. Ví dụ: Môn Thực hành dạy học tại trường đại học sư phạm, mục tiêu 2 được xác định là: Thiết kế được kế hoạch bài dạy với các hoạt động dạy học hiệu quả và thực hành dạy học trực tiếp tại lớp học với đối tượng giả định. Để đo mục tiêu đó, hình thức thi là thực hành. Đối với các môn học, đề thi tập trung vào các nội dung ôn tập và nội dung học tập trong chương trình đảm bảo từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu năng lực và phẩm chất được phản ánh trong đề cương học phần và bám sát mục tiêu, CDR của học phần và Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Pháp [H5.05.03.01]. Khi làm đề thi, các GV trong tổ bộ môn cùng tập trung phân tích câu hỏi thi, phân tích đề thi để đảm bảo độ giá trị (validity) và độ tin cậy (reliability) cho đề thi.

Các phân tích, mô tả trên cho thấy các hình thức kiểm tra đánh giá rất đa dạng và linh hoạt theo từng điều kiện học tập. Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của

người học đảm bảo độ tin cậy, có các tiêu chí đánh giá rõ ràng và bám sát theo CDR của học phần do đó đánh giá được mức độ đạt CDR của SV.

Trong thời gian học online (dịch Covid 19), do quá trình dạy và học có nhiều thay đổi nên để phù hợp với tình hình khoa đã ra các văn bản hướng dẫn tổ chức thi, kiểm tra đánh giá [H5.05.03.05] và hướng dẫn chấm thi hết học phần cho GV [H5.05.03.06].

Về tổ chức thi, quy trình được tiến hành nghiêm ngặt, đảm bảo nghiêm túc, công bằng và tin cậy. Khoa tổ chức thi: phân công cán bộ coi thi và in, photo đề, vv. Sau khi thi xong, trợ lý đào tạo dồn túi đánh phách và bảo mật bài thi. Khoa chuyển bài thi cho tổ bộ môn và tổ bộ môn cử 2 GV chấm tập trung tại khoa, không mang bài ra khỏi khu vực chấm. Công tác chấm thi phải thực hiện nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng. Cán bộ chấm thi phải chấm bài thi theo đúng thang điểm và đáp án chính thức được phê duyệt. Bài thi được đưa lại cho trợ lý đào tạo ghép phách và chuyển cho giáo vụ nhập điểm trên phần mềm. Giáo vụ in danh sách điểm, trợ lý rà soát, kiểm tra. Trợ lý, giáo vụ, ban chủ nhiệm khoa xác nhận điểm và lưu hồ sơ. Sau khi tổng hợp, giáo vụ khoa công bố và thông báo điểm cho SV. Nếu SV phúc khảo thì viết đơn sau 3 ngày, khoa tập hợp và chuyển cho GV chấm. Mô tả trên cho thấy quy trình tổ chức chấm thi rất chặt chẽ và mỗi khâu có người chịu trách nhiệm riêng. Việc giám sát, kiểm tra được thực hiện ở khâu cuối cùng, do đồng thời cả trợ lý, giáo vụ và ban chủ nhiệm cùng thực hiện; do đó, đảm bảo tính khách quan, công bằng.

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy định. Hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CDR của Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Pháp. Quy trình tổ chức thi đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng.

3. Điểm tồn tại

Các môn học chủ yếu đánh giá dựa trên đánh giá của GV, việc kết hợp đánh giá và tự đánh giá đối với SV chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
-----------	-----------------	-----------------	--------------------------------	----------------------------

				hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Hướng dẫn và tổ chức cho SV thực hiện tự đánh giá.	Khoa tiếng Pháp	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường trao đổi giữa các bộ môn để sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng hơn, đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	Khoa tiếng Pháp	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả

Theo Quy chế và quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kì thi kết thúc học phần của Trường ĐHSPHN, việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với quy định về kiểm tra, đánh giá của Bộ GD&ĐT [H5.05.04.01; H5.05.04.03]. Quy định này được công bố công khai đến từng GV và SV trong sổ tay SV [H5.05.04.05], trong các giờ học đầu các học phần, qua đó giúp SV có đầy đủ thông tin và thực hiện.

Về điểm đánh giá giữa kì, khoa nhập điểm đánh giá giữa kì trên phần mềm quản lý học tập của Trường muộn nhất là 03 ngày sau khi học phần kết thúc và đăng trên bảng thông báo của khoa. Do đó, SV nắm được quyền đủ điều kiện dự thi/ không đủ điều kiện dự thi học kì của mình và ý kiến phản hồi để được giải quyết kịp thời [H5.05.04.02].

Về điểm các học phần, khoa quản lý kết quả học tập của SV theo từng học kỳ. Sau mỗi kỳ thi, khoa nhập điểm học phần vào Hệ thống quản lý kết quả học tập và công bố điểm thi kết thúc học phần muộn nhất là 02 ngày sau khi hết thời gian chấm thi học phần và gửi Bảng điểm có chữ ký của GV và BCN Khoa về TT ĐBCL và Phòng Đào tạo. Thời gian chấm thi cũng như thông báo kết quả thi cho người học (7 ngày sau mỗi kỳ thi). Với quy định này, người học kịp thời có quyết định về cải thiện tình hình học tập của mình theo các cách như: học lại, thi lại, thi nâng điểm, xét điều kiện làm Khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp. Điều này thể hiện rõ trong Biên bản xét tốt nghiệp và thông báo kết quả toàn khóa của SV [H5.05.04.04].

Về công bố điểm, kết quả thi và kiểm tra được công bố công khai trên phần mềm Unisoft và PSC [H5.05.04.02]. SV sử dụng tài khoản riêng để đăng nhập và tự tra điểm. Do đó, việc quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao và hỗ trợ người học tra cứu kết quả học tập của mình dễ dàng, nhanh chóng. Công thức tính điểm trung bình chung học tập được thống nhất và công bố trong Sổ tay SV để SV có thể tự kiểm tra. Kết quả đánh giá được công bố kịp thời, đảm bảo SV chủ động kiểm tra được kết quả.

Về việc thi lại và thi nâng điểm, Quy định của Trường đã chỉ rõ: Cuối mỗi học kì, Trường tổ chức một kì thi chính và một kì thi phụ (thi lại) để thi kết thúc học phần. Kì thi phụ dành cho những SV không tham dự kì thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kì thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kì thi chính. Việc thi nâng điểm được quy định như sau: a) SV được thi nâng điểm 01 lần đối với học phần đã tích lũy để cải thiện điểm. SV không có quyền thi nâng điểm những học phần được tích lũy do thi lần 2. Việc đăng kí và hủy đăng kí thi nâng điểm được thực hiện trên phần mềm tín chỉ [H5.05.04.03]. SV tùy vào nhu cầu, mong muốn sẽ tự đăng kí học cải thiện, nâng điểm. Đến dịp đăng kí tín chỉ, SV hủy kết quả của môn học đó ở lần thi trước và đăng kí học cải thiện.

Ở khoa Tiếng Pháp, giáo vụ xuất điểm gửi CVHT để theo dõi, tư vấn cho các SV thuộc diện cảnh báo để đăng kí tín chỉ cho phù hợp. Các CVHT theo dõi việc cảnh báo kết quả học tập của SV mình phụ trách theo công văn Nhà trường gửi về hoặc trên trang đào tạo của GV. Các CVHT thông báo cho SV qua các nhóm zalo của GV và SV hoặc liên hệ, trao đổi trực tiếp với SV. Tuy nhiên, việc giải đáp thắc mắc, tháo gỡ khó khăn cho SV chủ yếu thực hiện đối với từng cá nhân mà chưa thành một hệ thống tư vấn cho tất cả SV.

2. Điểm mạnh

Hệ thống quản lí của các khoa, TT ĐBCL, TT CNTT và Nhà trường thống nhất và kết hợp chặt chẽ trong việc tổ chức thi và công bố điểm cho SV. Phần mềm quản lí đào tạo UniSoft và PSC giúp người học được phản hồi kịp thời về kết quả kiểm tra đánh giá sau mỗi kì thi từ đó có biện pháp để cải thiện việc học tập.

3. Điểm tồn tại

Việc giải đáp thắc mắc, tháo gỡ khó khăn cho SV chủ yếu thực hiện đối với từng cá nhân mà chưa thành một hệ thống tư vấn cho tất cả SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Cố vấn học tập, giáo vụ và GV kết hợp cùng tổ chức các buổi tọa đàm về học tập và nghiên cứu khoa học cho SV.	Khoa Tiếng Pháp	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện quy trình tổ chức thi, chấm điểm và công bố kết quả đánh giá. Sử dụng phần mềm PSC để phản hồi kết quả đánh giá kịp thời tới SV.	Khoa Tiếng Pháp	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả

Việc khiếu nại điểm, phúc khảo điểm bài thi kết quả học tập được quy định trong Quyết định số 1067/QĐ- ĐHSPHN ngày 14 tháng 5 năm 2020 [H5.05.05.02]. Theo đó, sau khi công bố điểm thi các học phần, đơn vị tổ chức thi công bố công khai thời gian nhận đơn phúc khảo điểm bài thi của SV trên cổng thông tin điện tử và Hệ thống quản lý kết quả học tập của Nhà trường. Nếu SV có khiếu nại, cần thực hiện các bước như sau:

- SV làm đơn theo mẫu [H5.05.05.05] và nộp cho Trung tâm đảm bảo chất lượng của Trường đối với môn chung và nộp tại Khoa đối với các học phần chuyên ngành.

- Đơn vị tổ chức thi và Khoa đào tạo quản lý học phần phối hợp thực hiện xem xét bài thi, kết quả thi của thí sinh;

- Đơn vị tổ chức thi xây dựng lịch chấm phúc khảo, gửi đến Ban thanh tra giáo dục Trường. Khoa quản lý học phần có trách nhiệm cử GV chấm theo lịch.

Điểm chấm lại của bài thi được đơn vị tổ chức thi tổng hợp và kí duyệt chậm nhất sau 07 ngày từ ngày nhận đơn phúc khảo, TT ĐBCL và khoa đào tạo phản hồi thông tin cho SV được biết kết quả giải quyết rõ ràng và cụ thể.

Quy trình này được in trong Sổ tay SV phát cho người học vào đầu khóa học. Giáo vụ và cố vấn học tập phổ biến vào tuần sinh hoạt công dân và buổi họp đầu khóa. Cách thức phản hồi kết quả cũng được cụ thể hóa trong từng môn học và được GV thông báo đến SV khi bắt đầu mỗi học phần. Như vậy, SV muốn khiếu nại hoặc phúc khảo đều có thể tiếp cận thông tin về thời gian, quy trình, thủ tục khiếu nại, phúc khảo kết quả bài thi trên cổng thông tin điện tử và hệ thống quản lý học tập của Nhà trường. Sau mỗi kì thi, khoa đều công khai đáp án trên các nhóm của khối, SV tự kiểm tra được bài làm của mình và do đó, không có tình trạng khiếu nại. Nếu cần xem xét lại điểm, SV làm đơn phúc khảo gửi BCN khoa. Văn phòng khoa tiếp nhận và nhanh chóng chuyển cho các bộ phận phụ trách đào tạo giải quyết.

2. Điểm mạnh

Quy trình khiếu nại kiểm tra đánh giá được quy định cụ thể và phổ biến công khai kịp thời đến tất cả SV.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thường xuyên phân tích dữ liệu về các ý kiến phản hồi của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Phân tích dữ liệu sau khi nhận được ý kiến phản hồi của SV để từ đó có biện pháp thay đổi kịp thời	Khoa Tiếng Pháp	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Giáo vụ, GV bộ môn, cố vấn học tập duy trì việc phổ biến quy trình khiếu nại kết quả đánh giá tới người học một cách thường xuyên, kịp thời.	Giáo vụ, GV bộ môn, cố vấn học tập	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 5:

Việc đánh giá kết quả của người học trong Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành SPTP được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR. Các quy định về đánh giá kết quả học

tập của Nhà trường đã được xây dựng cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai tới người học ngay từ đầu năm thứ nhất qua các đợt sinh hoạt tập thể và trong Sổ tay SV, trên trang đào tạo của SV.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. Việc đánh giá khách quan, công bằng, minh bạch, tổ chức thi cử nghiêm minh đã tạo ra được nề nếp dạy và học tích cực. Phần mềm quản lý đào tạo UniSoft cập nhật nhanh chóng các thông tin về học tập, rèn luyện của SV do đó, SV được phản hồi kịp thời về kết quả kiểm tra đánh giá sau mỗi kì thi. Từ đó, SV có thể điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Phương pháp đánh giá kết quả học tập được sử dụng đa dạng như: trắc nghiệm, tự luận, thực hành, bài tập lớn, vv. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập thể hiện trong CTĐT đảm bảo bao quát toàn bộ nội dung học phần cũng như toàn bộ CTĐT về kiến thức, kỹ năng đạt được.

Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Các mốc thời gian về chấm bài, nộp điểm, nhận đơn phúc khảo được khoa thực hiện nghiêm túc theo quy định kiểm tra đánh giá của trường. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời trên trang quản lý học tập nên người học có thể chủ động theo dõi và đưa ra quyết định cải thiện việc học tập. Khi có bất cứ khiếu nại gì về kết quả đánh giá, người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập thông qua hướng dẫn cụ thể theo các bước rõ ràng được quy định bằng văn bản. người học có thể tự đọc hiểu văn bản hoặc có thể yêu cầu sự trợ giúp từ đội ngũ giáo vụ và cố vấn học tập.

Tuy nhiên, việc quy định thời gian thi của một số học phần trong kế hoạch đào tạo còn chưa cụ thể. Phần mềm quản lý học tập đôi khi bị lỗi do nhiều người học truy cập cùng một lúc, gây khó khăn cho SV đăng ký học và xem kết quả học tập.

Đánh giá tiêu chuẩn 5:

Tiêu chuẩn 5	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	1	2	3	4	5	6	7

Tiêu chí 5.1				4			
Tiêu chí 5.2					5		
Tiêu chí 5.3					5		
Tiêu chí 5.4					5		
Tiêu chí 5.5					5		
Điểm tiêu chuẩn	4,8						

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Trường Đại học sư phạm Hà Nội luôn chú trọng, đặt nhiệm vụ xây dựng và phát triển đội ngũ lên hàng đầu. Với Khoa Tiếng Pháp, lực lượng tham gia vào công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng là đội ngũ giảng viên. Đây là lực lượng có trình độ, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy, trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm và luôn có ý thức phấn đấu, bồi dưỡng, đáp ứng tốt các yêu cầu xây dựng và phát triển chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Tiếng Pháp. Việc quy hoạch đội ngũ, tuyển dụng, kế hoạch phát triển, năng lực của đội ngũ GV luôn được xác định, đánh giá, thực hiện công khai, minh bạch theo đúng quy định. Nhà trường luôn chú trọng đến việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ GV tại các cơ sở trong và ngoài nước, đồng thời động viên GV bằng nhiều hình thức khen thưởng đã giúp cho đội ngũ của Khoa Tiếng Pháp nói riêng và các khoa trong trường nói chung ngày càng vững mạnh.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Nhà Trường và Khoa có kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV thực hiện chương trình (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.01.01], [H6.06.01.02], [H6.06.01.03]

Căn cứ nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Nhà trường đưa ra chiến lược phát triển Trường ĐHSPhN giai đoạn 2017 – 2022 và tầm nhìn 2030, Đề án vị trí việc làm của Trường [H6.06.01.01; H6.06.01.02]. Trong chiến lược quy hoạch và phát triển đội ngũ giảng viên, nhà trường xây dựng đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm và trình độ chuyên môn cao, có phong cách giảng dạy, làm việc chuyên nghiệp và hiệu quả [H6.06.01.01]. Số lượng và cơ cấu giảng viên cho từng vị trí việc làm được xác định theo quy mô đào tạo và khối lượng công việc làm cơ sở để xác định tổng số biên chế cần có và tuyển bổ sung [H6.06.01.02]. Cụ thể, vị trí việc làm gắn với hoạt động nghề nghiệp – giảng viên giảng dạy tại từng bộ môn – và vị trí việc làm gắn với công

việc lãnh đạo, quản lý, điều hành ở Khoa được xác định rõ trong nghị quyết về việc thông qua đề án vị trí việc làm của Trường và đề án vị trí việc làm của Khoa [H6.06.01.02] [H6.06.01.03].

Khoa đã thực hiện công tác tuyển dụng đáp ứng nhu cầu đào tạo, chấm dứt hợp đồng, cho nghỉ hưu đối với các cán bộ đến tuổi theo đúng Quy chế tuyển dụng viên chức của trường ĐHSP Hà Nội [H6.06.01.04]. Giai đoạn 2019 – 2024, Khoa không tuyển dụng thêm giảng viên, không có cán bộ nghỉ hưu, chuyển công tác 01 giảng viên và tiếp nhận 2 giảng viên đã học xong T.S và trở về giảng dạy tại Khoa [H6.06.01.05].

Đội ngũ GV trong Khoa Tiếng Pháp tính đến nay (tháng 3/2024) gồm có 10 người, độ tuổi từ 35 - 50 tuổi chiếm tỉ lệ lớn (90%), có 2 TS (20%) và 08 ThS (80%). Cơ cấu về độ tuổi, và trình độ chuyên môn của GV Khoa Tiếng Pháp đảm bảo quy hoạch, kế hoạch của Khoa và phù hợp với cơ cấu của Nhà trường [H6.06.01.06, H6.06.01.07]

**Bảng 6.1.1. Cơ cấu về độ tuổi và trình độ chuyên môn của GV
(tính đến tháng 3/2024)**

Năm	Tổng số	Giới tính		Độ tuổi					Học vị		
		Nam	Nữ	<=30	31-40	41-50	51-60	> 60	TS	ThS	ĐH
2019	11	01	10	2	6	2	0	0	1	6	0
2020	10	0	10	0	8	2	0	0	1	9	0
2021	10	0	10	0	8	1	1	0	1	9	0
2022	10	0	10	0	7	2	1	0	1	9	0
2023	10	0	10	0	6	3	1	0	1	9	0
2024	10	0	10	0	6	3	1	0	2	8	0

Đội ngũ GV của Khoa thực hiện nghiêm túc và hiệu quả những Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của trường ĐHSPHN. Khoa Tiếng Pháp quy hoạch đội ngũ GV theo 2 bộ môn: Bộ môn Thực hành tiếng (5 GV), Bộ môn Lý thuyết tiếng (5 GV). Đội ngũ GV hầu hết là những cán bộ có năng lực và nhiệt huyết với nghề, đảm bảo chuyên môn, được đào tạo đúng chuyên ngành Tiếng Pháp; đều có Quyết định của Trường ĐHSPHN về tuyển dụng, bổ nhiệm viên chức và hợp đồng lao động không thời hạn đối với từng GV Khoa Tiếng Pháp [H6.06.01.08; H6.06.01.09; H6.06.01.04]

Đội ngũ GV được yêu cầu không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng các yêu cầu công việc được giao ở từng vị trí việc làm. Giai đoạn 2019 - 2024, Khoa

Tiếng Pháp có 02 GV hoàn thành xong bậc học Tiến sỹ, 01 GV tham gia lớp bồi dưỡng ngắn hạn nâng cao năng lực quản lí , hầu hết các GV của khoa (trừ 1 GV học TS ở nước ngoài) đều tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm, tin học và năng lực chuyên môn khác trong trường và ngoài trường [H6.06.01.10; H6.06.01.11; H6.06.01.12]. Đến nay, hầu hết các cán bộ trong khoa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu văn bằng chứng chỉ về NVSP, ngoại ngữ, tin học của Trường ĐHSP Hà Nội

**Bảng 6.1.2. Bảng thống kê số lượng GV tham gia các khóa bồi dưỡng
(tính đến tháng 4/2024)**

Năm	Tổng số	Bồi dưỡng	Bồi dưỡng	Bồi	Bồi	Bồi	Bồi
		CDNNGVC hạng 2	năng lực NCKH	đưỡng kiểm định CTĐT	đưỡng năng lực quản lí	đưỡng về công nghệ thông tin	đưỡng năng lực chuyên môn
2019	10	02	0	0	01	0	0
2020	10	0	0	0	0	01	01
2021	10	03	02	02	0	04	03
2022	10	0	0	0	0	0	05
2023	10	0	0	01	0	01	0
2024	10	0	01	01	0	0	0

Việc bổ nhiệm cán bộ vào các ngạch giảng viên chính được thực hiện theo đúng quy trình. Các giảng viên đảm bảo các yêu cầu, sau khi có kết quả thi đạt kì thi thăng hạng sẽ được bổ nhiệm vào ngạch Giảng viên chính. Từ năm 2019 đến năm 2024 Khoa Tiếng Pháp có 04 GV được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên chính. Việc bổ nhiệm vào các chức danh nghề nghiệp cao hơn khẳng định sự phát triển của đội ngũ GV của khoa Tiếng Pháp [H6.06.01.13]

2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) đáp ứng nhu cầu đào tạo.

Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch đào tạo giảng viên, có tính kế thừa để đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ tuy có tăng nhưng xét về tổng thể thì số lượng này vẫn còn hạn chế. Tất cả các giảng viên đều phải đảm đương công việc ở cả 2 bộ môn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng số lượng giảng viên có trình độ cao.	Tổ bộ môn, Hội đồng khoa học, ban chủ nhiệm khoa	Liên tục, hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục phát huy thực hiện kế hoạch/quy hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, cho nghỉ hưu dựa trên chiến lược phát triển đội ngũ nhằm đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Chi bộ, BCN Khoa và CB chủ chốt của Khoa	Liên tục, hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Hiện nay, đội ngũ giảng viên của Khoa về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu giảng dạy và tương đối ổn định. Tính đến tháng 3/2024, tổng số cán bộ tham gia công tác đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Pháp có 10 giảng viên. Hiện độ tuổi bình quân của cán bộ cơ hữu của Khoa là 41 tuổi; Số cán bộ đạt trình độ Tiến sĩ là 2 (chiếm 20%); Thạc sĩ là 8 (80%). [H6.06.01.06].

Bảng 6.2.1. Số lượng giảng viên cơ hữu giảng dạy tại khoa giai đoạn 2019 - 2024

Năm học	Cử nhân	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Tổng số GV
2019 – 2020	0	8	1	9
2020 – 2021	0	8	1	9
2021 – 2022	0	8	1	9
2022 – 2023	0	8	1	9
2023 – 2024	0	8	2	10

Tỉ lệ người học/giảng viên của khoa Tiếng Pháp sau khi quy đổi dao động trong khoảng từ 7,4 đến 17 sinh viên/giảng viên, đảm bảo tỷ lệ theo chuẩn chung của Bộ GD&ĐT Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học của các cơ sở giáo dục [H6.06.02.01; H6.06.02.02; H6.06.02.03].

Bảng 6.2.2. Tỷ lệ GV/người học của khoa Tiếng Pháp giai đoạn 2019 – 2024

Năm học	Tổng số sinh viên chính quy	Tổng số GV	Tổng số GV quy đổi	Tỷ lệ SV/GV quy đổi
2019 – 2020	74	9	10	7,4
2020 – 2021	133	9	10	13,3
2021 – 2022	170	9	10	17
2022 – 2023	165	9	10	16,5
2023 – 2024	165	10	12	13,75

Khối lượng công việc của đội ngũ GV thực hiện CTĐT ngành Sư phạm Tiếng Pháp được xác định, được quy đổi theo giờ chuẩn và đo lường được. Nội dung công việc cụ thể của mỗi GV được thể hiện rõ trong Đề án vị trí việc làm của Trường và Bản mô tả vị trí việc làm của Khoa [H6.06.01.02; H6.06.02.04; H6.06.02.05]. Nhà trường cũng ban hành Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV và GVTH của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và sửa đổi bổ sung cho phù hợp sau quá trình thực hiện. Theo đó, việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, GVTH theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Theo cách tính của nhà trường thì định mức giờ chuẩn giảng dạy cho GV trong 1 năm học là 270 giờ, giờ nghiên cứu khoa học là 150 giờ và giờ khác là 20 giờ. Bắt đầu từ năm học 2022-2023, định mức khối lượng công việc của giảng viên có sự thay đổi: định mức giờ chuẩn giảng dạy cho GV trong 1 năm học tính theo chức danh giảng viên. Cụ thể là: (1) Giảng viên cao cấp (hạng 1): 270 giờ dạy, 283 giờ NCKH và 34 giờ khác; (2) Giảng viên chính (hạng

2): 290 giờ dạy, 250 giờ NCKH và 47 giờ khác; (3) Giảng viên (hạng 3): 310 giờ dạy, 200 giờ NCKH và 77 giờ khác; (4) Giảng viên tập sự: 155 giờ dạy, 0 giờ NCKH và 432 giờ khác [H6.06.02.06]. Khoa Tiếng Pháp đã triển khai thực hiện cách tính giờ chuẩn cho GV, đảm bảo giai đoạn 2019 – 2024 GV đáp ứng yêu cầu của nhà trường, nhiều GV hoàn thành vượt mức số giờ quy định.

Nhà trường thực hiện giám sát khối lượng công việc của đội ngũ GV để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Mỗi cán bộ được cung cấp một tài khoản cá nhân trên hệ thống quản lý giờ giảng tại website của Trường đại học Sư phạm Hà Nội để chủ động kê khai, minh chứng các công việc đã làm và xác định được tổng khối lượng đã đạt, chưa đạt, hay vượt giờ theo quy định. Hệ thống tự động tính toán quy đổi số giờ theo quy định của trường trên cơ sở khai báo của giảng viên [H6.06.02.07; H6.06.02.08].

Cũng trên hệ thống quản lý giờ giảng này, các văn bản quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ cũng được thông báo một cách cụ thể. Các định mức về nghĩa vụ giờ giảng, giờ NCKH, giờ nhiệm vụ khác được ghi rõ. Các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ khác được thống kê và duyệt theo từng học kỳ. Từ đó, giảng viên căn cứ vào yêu cầu về định mức giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu, nhiệm vụ khác theo chức danh để xác định đã đạt hay vượt chuẩn. Các GV và Khoa dựa vào đó để điều chỉnh, cải tiến hoạt động giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.02.07; H6.06.02.08].

Ngoài việc giảng dạy sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Pháp, giảng viên của khoa còn đảm nhận công việc đào tạo tiếng Pháp không chuyên cho sinh viên và học viên cao học của các Khoa khác trong trường. Do đó, các giảng viên của khoa đều có số giờ dạy vượt yêu cầu của Nhà trường [H6.06.02.09].

Bên cạnh việc giảng dạy, giảng viên Khoa không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng các yêu cầu công việc được giao ở từng vị trí việc làm, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học: tham gia đề tài cấp bộ, chủ nhiệm đề tài cấp trường; tham gia viết giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo, viết bài báo đăng tạp chí khoa học nước ngoài và trong nước, tham gia các hội thảo quốc tế, hội thảo trong nước [H6.06.02.10]. Số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học chưa nhiều, chưa có nhiều các bài báo nghiên cứu được công bố trên các tạp chí có uy tín trên thế giới, nhưng tất cả các giảng viên của khoa đều đủ hoặc vượt giờ NCKH [H6.06.02.11].

Dựa trên kết quả làm việc của giảng viên, cuối mỗi năm học Khoa tổ chức xếp loại lao động, xét thi đua theo đúng quy chế, quy định của Nhà trường [H6.06.02.12; H6.06.02.13]. 100% giảng viên trong khoa được đánh giá xếp loại chất lượng viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trong đó có 20% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 100% giảng viên được danh hiệu lao động tiên tiến trong đó 20% được danh hiệu chiến sĩ thi đua, [H6.06.02.14].

2. Điểm mạnh

Công việc của giảng viên được đo lường một cách khoa học, minh bạch dưới sự giám sát chất lượng chặt chẽ từ Bộ môn, Khoa và các đơn vị phòng ban chức năng trong Nhà trường. Giảng viên trong Khoa đáp ứng tốt định mức công việc về giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tham gia các hoạt động theo yêu cầu quy định của Nhà trường đề ra.

3. Điểm tồn tại

Việc quy đổi tính giờ dạy, nghiên cứu khoa học và giờ phục vụ cộng đồng vẫn còn một số điểm chưa thực sự hợp lý

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Kiến nghị với Nhà trường thay đổi cách quy đổi giờ các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	Trường ĐHSPHN Khoa Tiếng Pháp	2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện đảm bảo tỷ lệ giảng viên/người học của CTĐT ngành Sư phạm Tiếng Pháp đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.	Khoa Tiếng Pháp	2024-2029
		Tiếp tục bám sát tài liệu/hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội	Trường ĐHSPHN	Từ 2024

	<p>ngũ giảng viên theo chuẩn, đảm bảo khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được quy đổi theo giờ chuẩn và đo lường cụ thể, chính xác.</p>		
--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Nhà trường ban hành văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng. Theo đó, ngoài các điều kiện chung về đạo đức, năng lực chuyên môn, sức khỏe... các ứng viên dự thi ngạch GV cần đảm bảo: có trình độ đào tạo từ thạc sĩ trở lên đối với chức danh giảng viên phù hợp với ngành/chuyên ngành dự tuyển, có điểm trung bình quy đổi các môn học ở bậc đào tạo thạc sĩ từ 7.0 trở lên; đối với ứng viên tạo nguồn: tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên (có thể tốt nghiệp loại khá đối với những chuyên ngành đặc thù, hoặc người có năng lực đặc biệt trong một lĩnh vực cụ thể), thời gian làm việc tại đơn vị tạo nguồn được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ; Tuổi đời dự tuyển không quá 35 đối với người có học vị Thạc sĩ, không quá 45 đối với người có học vị tiến sĩ và không quá 50 đối với người có chức danh Phó Giáo sư [H6.06.03.01; H6.06.03.02].

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu của Bộ môn, Khoa Tiếng Pháp đề xuất số lượng nhân sự cần tuyển dụng trình Hiệu trưởng phê duyệt. Trường có kế hoạch phân bổ chỉ tiêu biên chế cho Khoa trên cơ sở số lượng biên chế của trường đã được phê duyệt và ra thông báo tuyển dụng viên chức được đăng công khai trên website của Trường, dán niêm yết tại Bảng tin Phòng Tổ chức Cán bộ. [H6.06.03.03]. Nhà trường đã ra Quyết định Thành lập các Ban giúp việc cho Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường [H6.06.03.02]. Hiện nay, tổng số giảng viên trong khoa là 10 người đảm bảo các yêu cầu tuyển dụng của nhà trường và lưu giữ đầy đủ các Quyết định bổ nhiệm ngạch viên chức của đội ngũ GV [H6.06.03.03; H6.06.03.04] và Bản mô tả vị trí công việc của giảng viên trong Khoa [H6.06.03.05].

Căn cứ theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý một cách công khai, minh bạch của Nhà trường; Khoa Tiếng Pháp luôn tuân thủ chặt chẽ công

tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý về tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng, phó Khoa và Trưởng Bộ môn cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của giảng viên (Giảng viên chính) trong đó nhấn mạnh đến các tiêu chuẩn, tiêu chí về công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế. Trong giai đoạn 2019 - 2024, Khoa Tiếng Pháp có 04 cán bộ quản lý được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại [H6.06.03.06; H6.06.03.07].

Bảng 6.3.1. Danh sách giảng viên được bổ nhiệm giai đoạn 2019 -2023

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ từ 2019 - 2020	Chức vụ được bổ nhiệm	Trình độ	Ngoại ngữ
Trần Hương Lan	1970	Trưởng khoa	Trưởng khoa	Th.S	Tiếng Anh
Trịnh Thùy Dương	1982		Phó Trưởng khoa	TS	Tiếng Anh
Nguyễn Thị Anh Đào	1981	Trưởng BM LTT	Trưởng BM LTT	Th.S	Tiếng Anh
Hà Minh Phương	1989	GV	Trưởng BM THT	Th.S	Tiếng Anh

Việc bổ nhiệm GV của Khoa vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Quy trình lựa chọn ứng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) cho các chức vụ lãnh đạo, quản lý thực hiện CTĐT ngành Sư phạm Tiếng Pháp được thực hiện công khai, thông báo đến toàn Khoa; xét và bầu trực tiếp ở Tổ bộ môn và trong tập thể lãnh đạo Khoa, trước khi trình lên Lãnh đạo Trường [H6.06.03.06]. Tuy nhiên trang Web của Khoa chưa được nâng cấp nên chưa cập nhật được các thông tin chung về tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ của Khoa.

Dựa theo Công văn và Kết quả thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên (Hạng III) lên giảng viên chính (hạng II) của Bộ GD và ĐT, trong giai đoạn 2019 - 2024, Khoa Tiếng Pháp có 04 GV được bổ nhiệm GVC [H6.06.03.07; H6.06.03.08].

Bảng 6.3.2. Danh sách giảng viên được bổ nhiệm GVC giai đoạn 2019 -2024

Họ và tên	Năm sinh	Năm công nhận	Trình độ	Ngoại ngữ
-----------	----------	---------------	----------	-----------

Trần Hương Lan	1970	2019	Th.S	Tiếng Anh
Hoàng Thanh Vân	1974	2019	Th.S	Tiếng Anh
Nguyễn Thị Anh Đào	1981	2019	Th.S	Tiếng Anh
Trương Thị Thúy	1984	2019	Th.S	Tiếng Anh

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các tài liệu/văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển công tác. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến công khai. Nhà trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên để tạo nguồn tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển.

3. Điểm tồn tại

Dù Nhà trường công khai quy trình nhưng một số giảng viên còn lúng túng khi thực hiện quy trình đó (Tính chủ động của một số cán bộ giảng viên trong việc tiếp thu thông tin còn chưa cao).

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Giảng viên tích cực và chủ động trong việc cập nhật và tiếp thu các văn bản trong quá trình thực thi nhiệm vụ.	Trường ĐHSPHN	Bắt đầu từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục hoàn thiện các tài liệu/văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển công tác. - Tiếp tục tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển đảm bảo công khai, minh bạch.	Trường ĐHSPHN	Năm 2024

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Ý thức được việc xác định năng lực đội ngũ là nền tảng quan trọng cho hoạt động và vận hành, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định cụ thể liên quan đến năng lực cần thiết của giảng viên từ giai đoạn tuyển dụng viên chức, chế độ tập sự rồi bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp [H6.06.04.01]. Trong các quy định này, bên cạnh điều kiện chung còn có những điều kiện riêng cho các chức danh trợ giảng, giảng viên, v.v... Ngoài ra, Nhà trường còn ban hành quy định xét tuyển đặc cách vào ngạch giảng viên, nghiên cứu viên của Trường trong đó nêu cụ thể yêu cầu chung, yêu cầu về chuyên môn cũng như quyền lợi và nghĩa vụ của ứng viên [H6.06.04.02]. Trong yêu cầu năng lực của đội ngũ, Nhà trường đặc biệt chú trọng đến các năng lực cốt lõi về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và đã ban hành các văn bản riêng quy định cụ thể cho nội dung này [H6.06.04.03].

Năng lực đội ngũ GV, NCV được Nhà trường chú trọng xác định còn thể hiện qua việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với viên chức hành chính, người lao động của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội [H6.06.04.04] và Quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội [H6.06.04.05]. Những quy định này là cơ sở quan trọng để Trường đánh giá, xếp loại giảng viên, viên chức hành chính, người lao động, hàng năm và đảm bảo tính công khai, công bằng, dân chủ trong việc thực hiện chế độ, chính sách, quyền và nghĩa vụ của giảng viên.

Không chỉ xác định những yêu cầu cần thiết về năng lực của đội ngũ GV, NCV, Nhà trường còn có hướng dẫn cụ thể về nội dung, quy trình đánh giá năng lực GV thông qua Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị, viên chức, người lao động của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội [H6.06.04.06]. Quy định này cung cấp những tiêu chí đánh giá cụ thể và các biểu mẫu cần thiết cho các đơn vị và cá nhân thực hiện đánh giá, xếp loại đơn vị, viên chức và người lao động hàng năm theo yêu cầu của Nhà trường [H6.06.04.07]. Theo quy định này, căn cứ vào kết quả đánh giá, đơn vị, viên chức, người lao động được xếp loại theo các mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ. Trong quy định này có nêu rõ những tiêu chí chung để đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động; tiêu chí xếp loại theo các mức và trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại.

Về phía đơn vị, hàng năm, sau khi nhận được công văn yêu cầu của Trường thì sẽ tổ chức họp khoa để nhận xét, góp ý cho bản tự đánh giá kết quả công tác cá nhân là cơ sở để

trưởng đơn vị quyết định mức xếp loại chất lượng đối với viên chức, người lao động [H6.06.04.08]. Kết quả đánh giá xếp loại được trưởng đơn vị công khai cho toàn thể viên chức, người lao động. Sau đó phòng Tổ chức Cán bộ tổng hợp ý kiến nhận xét, đánh giá, đề xuất nội dung đánh giá, xếp loại đối với viên chức, người lao động trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận [H6.06.04.09].

Nhà trường cũng ban hành Quy định Công tác thi đua, khen thưởng và công văn về việc bình xét danh hiệu thi đua và công tác khen thưởng cuối năm học [H6.06.04.10]. Căn cứ vào kết quả thực hiện các nhiệm vụ của GV hàng năm có đánh giá thông qua các tiêu chí xếp loại thi đua. Các tiêu chí trong phiếu đánh giá năng lực của GV được tính theo thang điểm 100 gồm các phần chính: Tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống (20 điểm); Ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong làm việc (20 điểm); Nhiệm vụ chuyên môn (60 điểm) bao gồm Đảm bảo khối lượng, chất lượng giảng dạy và thực hiện các công việc liên quan tới giảng dạy theo quy định, quy chế (30 điểm), Kết quả thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (20 điểm), Kết quả thực hiện nhiệm vụ khác được giao như: công tác tuyển sinh, cố vấn học tập... (10 điểm) [H6.06.04.11].

Kết quả đánh giá được công bố trong các văn bản của Nhà trường hàng năm, kết quả bình xét các danh hiệu thi đua các năm học, kết quả bình xét đề nghị danh hiệu thi đua. Trong giai đoạn 2019-2024, mỗi năm đều có 1-2 GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, các GV còn lại đạt danh hiệu lao động tiên tiến [H6.06.04.12]

Việc đánh giá năng lực đội ngũ GV còn được đánh giá thông qua hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học đối với công tác giảng dạy của GV được thực hiện bởi Trung tâm đảm bảo chất lượng, định kỳ một học kỳ/một lần [H6.06.04.13]. Kết quả đánh giá của người học đối với công tác giảng dạy của giảng viên Khoa tiếng Pháp từ năm học 2019-2020 đến năm học 2022-2023 được thể hiện qua bảng sau: (sẽ bổ sung bảng số liệu % sau)

2. Điểm mạnh

Nhà Trường ban hành đầy đủ các văn bản quy định yêu cầu về năng lực đội ngũ GV là cơ sở để giảng viên xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ bản thân. Quy định về nội dung, quy trình đánh giá năng lực GV cụ thể, rõ ràng giúp cho việc triển ở các đơn vị thuận lợi. Kết quả của việc đánh giá năng lực giảng viên là cơ sở quan trọng bình xét thi đua khen thưởng do đó còn có ý nghĩa rất lớn để tạo động lực phấn đấu cho đội ngũ.

3. Điểm tồn tại

Quy trình đánh giá chưa quy chiếu cụ thể về các mốc thời gian các bước trong quy trình nên ít nhiều ảnh hưởng đến việc hoạch định và tính chủ động trong công việc của đơn vị và cá nhân trong quá trình thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Bổ sung thêm mốc thời gian cho các bước trong quy trình đánh giá dựa trên tuần học trong năm học.	Trường ĐHSPHN	2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát hoàn thiện hơn các văn bản đã ban hành và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho các văn bản quy định của Nhà trường.	Trường ĐHSPHN và Khoa	Giai đoạn 2025-2029

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Hiểu được chất lượng nhân lực là yếu tố then chốt cho sự tồn tại và phát triển của tổ chức, hàng năm Trường đều có thông báo gửi cho các đơn vị yêu cầu khảo sát lập danh sách cán bộ, viên chức tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng khác nhau đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cá nhân cũng như những đòi hỏi mới của chương trình đào tạo, công tác quản lý và giáo dục phổ thông quốc gia. Trong số đó có thể kể đến khảo sát nhu cầu hỗ trợ tổ chức các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài đối với cán bộ quản lý theo đề án 89, các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng II, cán bộ lãnh đạo, quản lý khoa, phòng và tương đương trong trường ĐH, CĐ [H6.06.05.01]. Ngoài ra ý thức được tin học và ngoại ngữ là những công cụ không thể thiếu cho nhân lực trong bối cảnh giáo dục ngày nay, Trường cũng có công văn đăng ký cho viên chức tham gia bồi dưỡng kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng soạn thảo văn bản và khóa bồi dưỡng viết tiếng Anh học

thuật [H6.06.05.02]. Các đơn vị cũng có trách nhiệm báo cáo Trường về kết quả đào tạo, bồi dưỡng hàng năm và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho năm kế tiếp [H6.06.05.03].

Để hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện có tính liên tục và hệ thống, Trường đã ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động. Quy chế nêu rõ mục tiêu của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng là để trang bị, cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ, nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng, phương pháp làm việc theo từng vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp; góp phần xây dựng đội ngũ viên chức, người lao động có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có đủ trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ theo chiến lược phát triển của Trường. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng là phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của đơn vị; điều kiện cụ thể của từng cá nhân và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của Trường. Cũng trong quy chế này, Nhà trường nêu cụ thể về trách nhiệm, quyền lợi của các bên liên quan: viên chức, người lao động, đơn vị sử dụng viên chức, người lao động, phòng Tổ chức Cán bộ, phòng Kế hoạch – Tài chính [H6.06.05.04]. Ngoài ra trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường cũng quy định cụ thể các định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng: đào tạo đại học, sau đại học, lý luận chính trị cao cấp, các lớp bồi dưỡng, tập huấn, hỗ trợ kinh phí học ngoại ngữ, bồi dưỡng chuyên môn cho giảng viên trẻ, các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng khác [H6.06.05.05]. Tất cả thông tin trên là cơ sở pháp lý quan trọng tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Không dừng lại ở việc xác định kế hoạch, đào tạo bồi dưỡng hàng năm, Trường còn xây dựng kế hoạch trung hạn cho giai đoạn 2017-2022 và dài hạn cho giai đoạn 2019-2030 [H6.06.05.06; H6.06.05.07]. Khoa Tiếng Pháp luôn coi trọng việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên. Mỗi năm học, dựa trên Quy chế đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường, hàng năm Khoa đều có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ nêu trong Nghị quyết Hội nghị Cán bộ Viên chức Khoa [H6.06.05.08].

Việc triển khai thực hiện các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được Trường và Khoa triển khai thực hiện nghiêm túc. Nhiều cán bộ, viên chức đã được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng khác nhau [H6.06.05.09]. Cuối mỗi năm học, việc đánh giá kết quả triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên được Trường và Khoa tổng kết, đánh giá để rút kinh nghiệm cho các năm tiếp theo [H6.06.05.10; H6.06.05.11].

Trong giai đoạn 2019-2024, tổng kinh phí cho đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường được thể hiện trong bảng sau [H6.06.05.12].

STT	Thời gian	Kinh phí
1	Năm 2019	4.430.515.185
2	Năm 2020	876.324.500
3	Năm 2021	1.418.871.400
4	Năm 2022	1.255.056.273
5	Năm 2023	1.080.529.000
6	Năm 2024 (tạm tính đến 24/4/2024)	108.380.000
	Tổng	9.169.676.358

100% giảng viên Khoa tiếng Pháp đều có chứng chỉ bồi dưỡng NVSP và Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản [H6.06.05.13]. Năm 2024, Khoa có 1 giảng viên hoàn thành chương trình đào tạo nghiên cứu sinh tại Pháp [H6.06.05.14]. Trong giai đoạn 2019-2024, 100% GV khoa tham gia và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập của các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ khác nhau để phát triển chuyên môn và nghiệp vụ cần thiết phục vụ cho công việc thể hiện trong bảng sau [H6.06.05.15].

Bảng 6.5.1: Thống kê các chương trình tập huấn / đào tạo / bồi dưỡng của giảng viên khoa tiếng Pháp giai đoạn 2019-2024

Họ và tên	Tên khóa tập huấn / đào tạo / bồi dưỡng	Năm
Trần Hương Lan	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng 2)	2019
Trương Thị Thúy	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng 2)	2019
Hoàng Thị Hồng Vân	Tập huấn kinh nghiệm xây dựng và triển khai hệ thống học tập kết hợp cho sinh viên trên Fitel	2020
Hoàng Thanh Vân	Tập huấn " Nâng cao năng lực tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho GV Tiếng Pháp cấp tiểu học) tại TP HCM	2020

Nguyễn Thị Thu Trang	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng 2)	2021
Nguyễn Thị Thu Trang	Tập huấn triển khai nhiệm vụ khoa học công nghệ	2021
Hoàng Thị Hồng Vân	Tập huấn triển khai nhiệm vụ khoa học công nghệ	2021
Nguyễn Thị Anh Đào	CREFAP/OIF : Ateliers/ Enseigner le FLE avec le numérique	2021
Đỗ Thị Thu Trang	Bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học	2021
Trần Hương Lan	Thực hành đo lường đánh giá mức độ người học đạt được các CDR của CTĐT	2021
Trịnh Thuỳ Dương	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng 2)	2021
Trịnh Thuỳ Dương	Tập huấn chấm thi và trông thi Bằng tiếng Pháp DELF/DALF	2021
Hoàng Thị Hồng Vân	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng 2)	2021
Hoàng Thị Hồng Vân	Tập huấn Hỗ trợ kỹ thuật tổ chức thi trực tuyến	2021
Hoàng Thị Hồng Vân	CREFAP/OIF : Ateliers/ Enseigner le FLE avec le numérique	2021
Hoàng Thị Hồng Vân	Bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và phục vụ đào tạo	2021
Hoàng Thị Hồng Vân	Tập huấn sử dụng ứng dụng CognitoForms dành cho đội ngũ cán bộ giảng dạy	2021
Trịnh Thuỳ Dương	Khoá bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên giáo dục Đại học và Cao đẳng	2021
Trịnh Thuỳ Dương	Khoá bồi dưỡng: Đánh giá hoạt động học tập trực tuyến: từ nguyên tắc và phương pháp đến công cụ thực hành”	2021
Trịnh Thuỳ Dương	Dạy học trực tuyến với phương pháp lớp học đảo ngược”	2021

Trương Thị Thúy	CREFAP/OIF : Ateliers/ Enseigner le FLE avec le numérique	2021
Hoàng Thanh Vân	CREFAP/OIF : Ateliers/ Enseigner le FLE avec le numérique	2021
Hoàng Thanh Vân	Nhà giáo dục Microsoft thế kỉ 21	2022
Hoàng Thị Hồng Vân	Tập huấn chấm thi và trông thi Bằng tiếng Pháp DELF/DALF	2022
Hoàng Thị Hồng Vân	Tập huấn chấm thi và trông thi (mẫu mới) Bằng tiếng Pháp DELF/DALF	2022
Hoàng Thị Hồng Vân	Tập huấn định hướng dạy học các môn chuyên	2022
Hoàng Thanh Vân	Tập huấn triển khai thực hiện chương trình GD phổ thông năm 2018 cấp tiểu học	2022
Trương Thị Thúy	Tập huấn chấm thi và trông thi Bằng tiếng Pháp DELF/DALF	2022
Trương Thị Thúy	Khóa bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm	2023
Hoàng Thị Hồng Vân	Tập huấn triển khai sử dụng phần mềm E-office mới	2023
Hà Minh Phương	Tập huấn trường ĐHSP Hà Nội với ý tưởng Khởi nghiệp	2023
Lê Thị Phương Thu	Bảo vệ thành công luận án tiến sĩ khoa học ngôn ngữ chuyên ngành phương pháp giảng dạy và văn hóa	2024
Hoàng Thị Hồng Vân	Lớp bồi dưỡng Phương pháp xử lý dữ liệu trong nghiên cứu khoa học giáo dục	2024

2. Điểm mạnh

Nhà Trường có quy chế cụ thể về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giúp cho hoạt động này được xác định và triển khai thực hiện thuận lợi ở các Khoa.

Nhà trường và Khoa đảm bảo cho đội ngũ GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ. Kế hoạch đào tạo, phát triển chuyên môn được xây dựng phù hợp đáp ứng yêu cầu của CTĐT và được triển khai nghiêm túc, hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Việc triển khai thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đôi khi gặp rút do phụ thuộc vào kế hoạch hoạt động của các đơn vị tổ chức bồi dưỡng, đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đề nghị các đơn vị tổ chức đào tạo sớm cung cấp lịch biểu đào tạo.	Trường	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Phổ biến sâu rộng đến cán bộ, giảng viên khoa nội dung quy chế hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Trường	Khoa	2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Quản trị theo kết quả công việc của GV được Trường Đại học Sư phạm Hà Nội được triển khai thông qua việc ban hành các văn bản quy định liên quan cũng như xây dựng các công cụ theo dõi, đánh giá phù hợp. Cụ thể, năm 2020, Nhà trường đã ban hành Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Theo quy định này, định mức giờ làm việc đối với GV được quy định chung, không phân biệt hạng chức danh nghề nghiệp GV. Cụ thể giờ chuẩn giảng dạy là 270 giờ, nhiệm vụ NCKH 150 giờ chuẩn và các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng 20 giờ chuẩn [H6.06.06.01]. Năm 2022, Nhà trường ban hành Quy định mới có điều chỉnh về các định mức này tùy thuộc vào chức danh nghề nghiệp. Ví dụ: đối với GV hạng I có giờ chuẩn giảng dạy là 270 giờ, nhiệm vụ NCKH là 283 giờ và các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng là 34 giờ. Trong khi GV hạng III có giờ chuẩn giảng dạy là 310 giờ, nhiệm vụ NCKH là 200 giờ và các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng là 77 giờ. Ngoài ra Nhà trường cũng quy định cụ thể số giờ tính giảm trừ cho từng

chức danh kiêm nhiệm của GV [H6.06.06.02]. Đặc biệt, để đẩy mạnh hoạt động NCKH tham gia viết bài báo đăng tạp chí quốc tế có uy tín, Nhà trường yêu cầu các đơn vị thống kê bài báo quốc tế hàng năm [H6.06.06.03] và có chính sách khen thưởng các cấp về NCKH đối với GVHD và khen thưởng kịp thời cho các tác giả có bài báo khoa học đăng trong Tạp chí quốc tế [H6.06.06.04]. Nhà trường cũng thực hiện chính sách nâng lương trước hạn đối với các GV có thành tích xuất sắc [H6.06.06.05].

Dựa theo số liệu trong quy định của Trường, Khoa thực hiện phân công nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ khác cho GV trong khoa [H6.06.06.06; H6.06.06.07; H6.06.06.08]. Bên cạnh việc tham gia giảng dạy, đào tạo, phục vụ cộng đồng, 100% GV khoa còn kiêm nhiệm thêm các chức danh hỗ trợ khác phục vụ cho các mảng hoạt động này [H6.06.06.09]. Nhà Trường triển khai quản trị theo kết quả công việc được thực hiện trên trang <https://qlnt.hnue.edu.vn/Account/Login> để theo dõi, quản lý giờ của GV trong các mảng hoạt động giảng dạy đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Hàng năm, Trường đều có công văn gửi về các Khoa yêu cầu GV kê khai giờ chuẩn các mảng hoạt động [H6.06.06.10]. Mức bảo đảm thực hiện số lượng giờ chuẩn theo quy định của GV sẽ liên quan trực tiếp đến việc đánh giá mức hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên mỗi năm học và ảnh hưởng đến định mức thu nhập tăng thêm của GV trong năm được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.06.11]. Trường đã ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị, viên chức, người lao động [H6.06.06.12]. Hàng năm, Trường yêu cầu các đơn vị thực hiện đánh giá, xếp loại đơn vị, viên chức, người lao động và bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng [H6.06.06.13; H6.06.06.14]. Trường công bố công khai kết quả đánh giá, xếp loại đơn vị, viên chức, người lao động cũng như kết quả bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng trước khi đưa ra quyết định công nhận chính thức [H6.06.06.15; H6.06.06.16; H6.06.06.17; H6.06.06.18]. Kết quả bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cũng được Trường công bố công khai rộng rãi trước khi ban hành quyết định công nhận chính thức. Khoa luôn tổ chức họp theo yêu cầu của Nhà trường để thực hiện đánh giá, xếp loại viên chức cũng như bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm [H6.06.06.19].

Trong giai đoạn 2019-2024, 100% GV khoa thực hiện đầy đủ số giờ chuẩn theo quy định [H6.06.06.20] (Sẽ cung cấp bảng dữ liệu các mảng). 100% GV khoa đều được tăng lương đúng hạn, đều được danh hiệu lao động tiên tiến, 10%-20% GV được chiến sĩ thi đua cấp cơ sở tùy theo năm học. Ngoài ra có 10% giáo viên được khen thưởng vì có thành tích

trong hoạt động NCKH [H6.06.06.21]. 10% giáo viên được khen thưởng vì có thành tích xuất sắc trong công tác tuyển sinh [H6.06.06.22]. 100% GV hoàn toàn hài lòng về kết quả xếp loại và thi đua khen thưởng, không có GV nào có thắc mắc, khiếu nại về kết quả đánh giá đặc biệt là thi đua khen thưởng của nhà Trường và các cấp có thẩm quyền.

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống văn bản hướng dẫn, quy trình và công cụ quản trị kết quả công việc cụ thể, rõ ràng.

Chế độ thi đua khen thưởng minh bạch, rõ ràng và công bằng.

3. Điểm tồn tại

Quyết định công nhận kết quả thi đua khen thưởng các cấp còn phân tán ở nhiều văn bản khác nhau có thể làm việc nắm bắt thông tin tổng quan khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tập hợp quyết định công nhận kết quả danh hiệu thi đua, khen thưởng các Cấp vào cùng 1 văn bản ban hành của Trường	Trường	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Từng bước tiến tới tự động hóa quy trình quản trị đặc biệt là ổn định các mốc thời gian	Trường	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí: 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV đã được Trường ĐHSPHN xác lập, quy định cụ thể trong các văn bản: Quy định về hoạt động NCKH của Trường ĐHSPHN [H6.06.07.01]. Theo Quyết định số 432/QĐ-ĐHSPHN ngày 02/02/2021

về ban hành quy định hoạt động Nghiên cứu khoa học, có 11 loại hình NCKH của GV gồm: (1) chủ trì hoặc tham gia tổ chức, chỉ đạo, thực hiện các chương trình, đề án, dự án, đề tài NCKH, phát triển công nghệ; (2) NCKH để phục vụ xây dựng CTĐT, bồi dưỡng, biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, đổi mới PPGD và kiểm tra, đánh giá môn học; (3) công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; (4) viết chuyên đề, tham luận tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước; (5) Dịch tài liệu chuyên môn theo quy định của pháp luật; (6) tổ chức tham gia các hội thảo khoa học của khoa, bộ môn, hướng dẫn người học NCKH; (7) thực hiện các hợp đồng NCKH, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế, xã hội; (8) tư vấn chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật, kinh tế, chính trị, xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn của GV; (9) tổ chức và tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN; (10) tham gia các cuộc thi sáng tạo và các hoạt động khác về KH&CN; (11) Biên soạn tài liệu bồi dưỡng GV, giáo viên phổ thông, được Trường ĐHSPhN cho phép. Thêm vào đó, quy định hoạt động NCKH của Trường có đầy đủ quy định về công bố công trình và thực hiện chuyên đề, đề tài NCKH của GV [H6.06.07.01]. GV khoa Tiếng Pháp đã tích cực tham gia các hoạt động NCKH, theo đó có 9/11 loại hình có sự tham gia của GV trong khoa, đóng góp tích cực vào sự phát triển NCKH trong lĩnh vực ngôn ngữ tiếng Pháp nói riêng và khoa học xã hội nói chung.

Ngoài ra, phòng KH&CN cũng soạn các tài liệu hướng dẫn NCKH gồm các mẫu giấy tờ, văn bản, hợp đồng, đề tài nhằm hỗ trợ GV, NCV thực hiện công tác NCKH một cách thuận lợi nhất [H6.06.07.02]. Các đề tài cấp Trường và cấp Bộ, phòng KH&CN của Trường đã cung cấp các mẫu văn bản, thủ tục, giúp cho việc thực hiện từ khâu đề xuất, thuyết minh, thanh toán.v.v trở nên dễ dàng [H6.06.07.03]. Từ 1/7/2017, Nhà trường và Khoa thực hiện quy đổi giờ NCKH từ các bài báo khoa học, đề tài và các hoạt động khác cho cán bộ để xác định đúng khối lượng công việc mà mỗi cán bộ đảm nhận, tạo sự công bằng, tạo động lực thúc đẩy cán bộ làm việc. Các hội thảo khoa học cũng được thầy (cô) tham gia nhiệt tình. Đây là cơ hội để các nhà khoa học trao đổi chuyên môn và phát triển hợp tác về khoa học trong và ngoài nước, ngoài việc tham gia viết bài và báo cáo trong các hội thảo trong nước hằng năm [H6.06.02.04] [H6.06.02.05].

Về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV Khoa luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường và Khoa. Toàn Khoa có 2

TS (chiếm tỉ lệ 20%), 8 thạc sĩ (chiếm tỉ lệ 80 %)[H6.06.07.07].

Để theo dõi, giám sát và khích lệ hoạt động NCKH, Nhà trường có giải thưởng nhằm tôn vinh các tập thể và cá nhân có thành tích cao trong nghiên cứu khoa học [H6.06.07.08].

Với việc đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, hàng năm đội ngũ GV của Khoa đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, một số đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen các cấp. Trong năm học 2021-2022 [H6.06.07.09].

Nhà trường đã quy định số giờ chuẩn hoạt động KHCN hàng năm đối với mỗi chức danh, học vị của cán bộ, GV trong Trường và số lượng giờ quy đổi ứng với từng loại hình. GV phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm (tương ứng 586 giờ hành chính) cho nghiên cứu khoa học. Trong đó giờ chuẩn NCKH chiếm tối thiểu 50% định mức. Định mức được quy định theo Quyết định 556 ngày 11/3/2022 như sau: GV cao cấp (hạng 1): NCKH là 283 giờ, GV chính (hạng 2) là 250 giờ, GV hạng 3 là 200 giờ [H6.06.07.10]. Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV được giám sát. Đầu mỗi năm học, các GV tham gia họp Bộ môn, họp Khoa để triển khai các công tác trong năm học. Do quy định của Trường về số giờ chuẩn hoạt động NCKH với mỗi chức danh, học vị của GV, Khoa đề xuất phân công nhiệm vụ cho các GV trong đơn vị, từ đó Bộ môn họp bàn và thống nhất phân công mặt bằng lao động. Theo phân công của Khoa và Bộ môn, nhiệm vụ NCKH của mỗi GV là hoàn thành ít nhất 1 bài báo và đó là cơ sở để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ cuối năm học. Đối với các GV làm đề tài, bộ môn, Khoa chủ động đôn đốc và kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài của GV và điều chỉnh. Ngoài ra, để kiểm tra đánh giá kết quả đã thực hiện đồng thời rà soát, điều chỉnh kịp thời, Khoa tiến hành sơ kết học kỳ I trong mỗi năm học. Trong báo cáo sơ kết học kỳ I thể hiện rõ kết quả nhiệm vụ của GV đã đạt được trong học kỳ, từ đó GV tiếp tục thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các chuyên môn khác nếu chưa đủ định mức hoặc chưa hoàn thành khối lượng công việc được giao.

Khoa Tiếng pháp luôn bám sát các quy định của Nhà trường và phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ trong khoa, chính vì vậy trong 5 năm vừa qua (2018 – 2023) GV khoa Tiếng Pháp luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, số lượng công trình công bố trên các tạp chí, hội thảo trong nước và quốc tế luôn đạt yêu cầu chỉ tiêu số lượng theo Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHSPhN [H6.06.07.10].

Nhìn chung trong 5 năm qua, số lượng các đề tài NCKH đã tăng lên đáng kể, nhiều GV là chủ nhiệm của đề tài cấp nhà nước. Điều đó chứng tỏ sự nỗ lực phấn đấu của các GV, sự

quan tâm động viên kịp thời và sự tạo điều kiện thuận lợi của Nhà trường và Khoa. Những thành tích NCKH của các bộ môn, thành tích về NCKH của cán bộ, về kết quả công bố bài báo quốc tế trong Khoa được Nhà nước và Nhà Trường ghi nhận, kịp thời động viên khuyến khích các cán bộ trong Khoa thông qua việc khen thưởng các bài báo quốc tế, là động lực để cán bộ không ngừng phấn đấu, say mê trong công tác NCKH, góp phần đẩy mạnh công tác NCKH của Trường.

2. Điểm mạnh

GV thực hiện CTĐT CNSPTP tham gia nhiều loại hình hoạt động nghiên cứu, có nhiều công trình khoa học như đề tài, bài báo, sách được công bố với số lượng ngày càng tăng. Các hoạt động nghiên cứu được giám sát thường xuyên, định kỳ để cải tiến chất lượng, đồng thời có các hình thức khen thưởng phù hợp để khuyến khích hoạt động NCKH của đội ngũ GV.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các đề tài còn ít so với số lượng cán bộ GV, số lượng các nhóm nghiên cứu mạnh, liên ngành chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu liên ngành, thậm chí liên kết với cả các khoa khác và có ứng dụng thực tiễn.	Khoa Tiếng Pháp, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện để GV, NCV phát huy năng lực NCKH	Khoa Tiếng Pháp, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 6

Đội ngũ giảng viên của Khoa có trình độ, năng động, nhiệt huyết do vậy công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Khoa đã có những thành tích nhất định. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên của Nhà trường và khoa cụ thể, đáp ứng nhu cầu của giảng viên phù hợp với chiến lược phát triển đại học của nhà trường. Nhà trường và Khoa cũng tích cực tiến hành các hoạt động hỗ trợ GV tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ kể cả ngoại ngữ, tin học.

Tuy nhiên, việc quy hoạch theo vị trí việc làm dựa trên đầu sinh viên và môn học đang còn nhiều bất cập, số lượng sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Pháp được thu hút vào khoa Tiếng Pháp còn hạn chế. Số lượng đề tài nghiên cứu chưa đồng đều, chưa có nhiều đối với cán bộ trong Khoa. Nhìn chung, đội ngũ GV khoa Tiếng Pháp đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng nhiệt huyết trong giảng dạy, NCKH, phục vụ cộng đồng và có những đóng góp đáng kể cho việc thực hiện sứ mệnh và mục tiêu phát triển của Nhà trường.

Đánh giá về tiêu chuẩn 6

Tiêu chuẩn 6	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 6.1				4			
Tiêu chí 6.2				4			
Tiêu chí 6.3					5		
Tiêu chí 6.4				4			
Tiêu chí 6.5					5		
Tiêu chí 6.6					5		
Tiêu chí 6.7					5		
Điểm tiêu chuẩn	4,57						

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên của trường ĐHSPhN làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Đội ngũ làm việc tại khoa Tiếng Pháp trực tiếp hỗ trợ CTĐT của khoa đủ về số lượng và được đào tạo cơ bản về chuyên môn, kỹ thuật vững vàng, đủ khả năng để hỗ trợ giảng dạy cho giảng viên và tư vấn chuyên môn cho sinh viên. Nhà trường và Khoa Tiếng Pháp đã có những chiến lược về quy hoạch đội ngũ nhân viên, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng để tuyển được đội ngũ nhân viên giỏi nghề và có phẩm chất đạo đức tốt. Trong quá trình công tác, đội ngũ nhân viên được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, có quá trình đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, khảo sát mức độ hài lòng của GV và người học để có hướng khắc phục và phát triển hiệu quả hơn đối với đội ngũ nhân viên.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, phù hợp với chiến lược phát triển Trường ĐHSPhN giai đoạn 2011- 2020, tầm nhìn 2030 và giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn 2030 [H7.07.01.01]. Để làm tốt công tác này, Nhà trường đưa ra Đề án vị trí việc làm để làm cơ sở tuyển dụng đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ của Nhà trường [H7.07.01.02]. Nhà trường cũng ban hành quyết định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc đối với GVTH và quyết định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc đối với viên chức hành chính, người lao động [H7.07.01.03]. Để đảm bảo số lượng người làm việc tại văn phòng các khoa đáp ứng yêu cầu đào tạo, Trường đã ban hành Quy định số lượng người làm việc tại văn phòng các khoa [H7.07.01.04].

CTĐT CNSPTP được hỗ trợ về tài liệu, thông tin thông qua đội ngũ nhân viên thư viện Trường; hỗ trợ CNTT và hệ thống mạng từ TT CNTT; hỗ trợ về cơ sở vật chất (các tòa

nhà, giảng đường, PTN, thực hành, vv.) từ phòng Quản trị; hỗ trợ rèn luyện nghề cho SV sư phạm từ Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển NVSP cũng như được hỗ trợ về công tác tư vấn người học đăng ký TC, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, vv. từ Phòng Đào tạo, Phòng CTCT-HSSV và Đoàn thanh niên. Đội ngũ nhân viên này của Trường đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp đáp ứng tốt cho công việc (Bảng 7.1.1). Tính đến tháng 4/ 2024, Trung tâm Thông tin - Thư viện (TT TT-TV) Trường ĐHSPHN có tổng số 29 người: trong đó có 12 Ths, 16 cử nhân, 01 trình độ khác. TT TT-TV Trường có vai trò thực hiện chức năng phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, NCKH, triển khai ứng dụng tiến bộ KHCN và quản lý của Nhà trường thông qua việc sử dụng, khai thác các loại tài liệu có trong thư viện (tài liệu chép tay, in, sao chụp, khắc trên mọi chất liệu, tài liệu điện tử, mạng Internet, vv.). Đội ngũ cán bộ nhân viên TT TT-TV về cơ bản đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, mặc dù trong những năm gần đây số lượng sinh viên không ngừng tăng lên, tuy nhiên nhờ áp dụng những công nghệ mới, việc khai thác thông tin thư viện và tài liệu online trở nên dễ dàng hơn. Ngoài tài liệu sách in mượn tại thư viện, sinh viên tiếp cận ngày càng nhiều với tài liệu online, việc này cũng giảm bớt áp lực trong quá trình thu thập tài liệu và khai thác thông tin phục vụ cho học tập của các bạn sinh viên. Hơn nữa, với GV khoa Tiếng Pháp khi dạy các học phần chuyên môn do mình phụ trách, ngoài giáo trình đã có, GV khoa Tiếng Pháp sẽ giới thiệu, đồng thời cung cấp một số tài liệu, sách tham khảo online phục vụ cho môn học đó, điều này cũng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sinh viên trong quá trình học tập.

Đội ngũ nhân viên phòng đào tạo gồm 8 người: 2 TS, 6 ThS tham mưu giúp Hiệu trưởng, quản lý, tổ chức, triển khai thực hiện công tác đào tạo, bao gồm kế hoạch, chương trình, học liệu, tổ chức giảng dạy và chất lượng giảng dạy theo quy chế đào tạo của Bộ và quy định của Trường đã ban hành. Phòng Hành chính – Đối ngoại gồm 15 người: 3 TS, 3 ThS, 8 cử nhân, 01 người có trình độ khác có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng về công tác quản lý hành chính và hợp tác quốc tế của Trường. Phòng Công tác SV gồm 7 người: 6 Ths, 1 cử nhân, là đơn vị có chức năng tham mưu, giúp việc Hiệu trưởng về công tác chính trị tư tưởng, công tác tuyên huấn và công tác quảng bá hình ảnh của trường, công tác học sinh, SV. Về cơ bản đội ngũ nhân viên tại các phòng ban này đang thực hiện rất tốt các nhiệm vụ được giao, đảm bảo cho công tác đào tạo diễn ra thuận lợi.

Trung tâm CNTT gồm 6 người: 3 ThS, 3 cử nhân, đây là đơn vị tham mưu, giúp việc

Năm 2019	0	0	2	0	0	2	2
Năm 2020	0	0	2	0	0	2	2
Năm 2021	0	0	2	0	0	2	2
Năm 2022	0	0	2	0	0	2	2
Năm 2023	0	0	2	0	0	2	2
Năm 2023	0	0	2	0	0	2	2

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo hệ Cử nhân Sư phạm, các bộ môn và BCN Khoa khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các cán bộ nhân viên tự nâng cao trình độ chuyên môn. Do đặc thù chuyên ngành, số lượng đội ngũ nhân viên của khoa Tiếng Pháp thấp hơn khoa khác. Tuy nhiên đội ngũ nhân viên của khoa Tiếng Pháp luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ do Trường và Khoa giao phó.

Bảng 7.1.3. Đối sánh thống kê đội ngũ nhân viên Khoa Tiếng Pháp và một số khoa khác tại Trường ĐHSPhN năm 2022

Khoa/phòng ban	Trình độ				Giới tính		Tổng
	TS	Thạc sĩ	Đại học	Khác	Nam	Nữ	
Khoa Tiếng Pháp	0	0	2	0	0	2	2
Khoa Hóa học	1	6	2	0	4	5	9
Khoa Vật lí	1	4	4	0	6	3	9
Khoa CNTT	1	2	2	0	3	2	5

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên Khoa Tiếng Pháp, Trường ĐHSPhN được thực hiện đáp ứng các nhu cầu các hoạt động phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào công việc và con người cụ thể, Khoa phân công đội ngũ nhân viên cũng như các GV tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như công đoàn, đoàn thanh niên, các trợ lý, do đó đã huy động được cán bộ toàn khoa cùng cộng tác hỗ trợ nhau hoàn thành tốt mọi công việc [H7.07.01.06]. Ở các năm 2019, 2022 TT ĐBCL Trường ĐHSPhN cũng đã tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng của đội ngũ cán bộ hành chính. Kết quả khảo sát cho thấy trên 95% ý kiến đánh giá chất lượng nhân viên hành chính ở mức Tốt, Xuất sắc và không có ý kiến đánh giá Đạt hay mức Cần cải thiện [H7.07.01.08] [H7.07.01.09]. Trong năm 2019, khoa Tiếng Pháp cũng tiến hành khảo sát lấy ý kiến của người học về đội ngũ nhân viên của khoa vào năm 2019, tuy nhiên việc này không

được thực hiện thường xuyên, đây cũng là hạn chế cần phải được khắc phục, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên với người học.

2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được nhà trường tiến hành một cách bài bản, khách quan, có sự phối hợp chặt chẽ giữa Khoa và các phòng chức năng trong trường, đảm bảo tính gọn hiệu quả đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng ngành sư phạm Tiếng Pháp.

3. Điểm tồn tại

Số lượng quá ít dẫn đến việc quá tải trong công việc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung thêm nhân lực	Khoa Tiếng Pháp, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng	Khoa Tiếng Pháp, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được Trường ĐHSPHN xác định phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030, giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn 2030 [H7.07.01.01]. Nhà trường ban hành văn bản quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng minh bạch đối với đội ngũ NV, trong đó có các tiêu chí về đạo đức, về năng lực chuyên môn, về độ tuổi, về chuyên ngành phù hợp với từng vị trí việc làm theo nhu cầu và chiến lược phát triển chung của Nhà trường, phù hợp với nhu cầu thực tế của các đơn vị trong Trường [H7.07.02.01]. Các quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị trong toàn trường. Trước khi ban hành các văn bản để thực hiện, Nhà trường luôn có công văn để lấy ý kiến đóng góp của GV và được tổng hợp theo đơn vị để gửi các phòng chức năng tập hợp, sau đó Hội đồng Trường họp, thảo luận, thống nhất và ban hành sử dụng trong toàn trường, điển hình là Góp ý dự thảo Đề án vị trí việc làm của Trường [H7.07.02.02].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của CSGD. Đối với ngạch cán sự và ngạch nhân viên ngoài điều kiện chung cần có: bằng tốt nghiệp phổ thông trở lên, văn bằng chứng chỉ phù hợp với công việc tuyển dụng đạt loại Khá trở lên, tuổi đời dự tuyển không quá 35, trình độ ngoại ngữ và tin học do Hội đồng tuyển dụng quyết định với từng vị trí việc làm [H7.07.02.03]. Công tác tuyển dụng nhân sự được thực hiện đúng theo quy định và quy trình tuyển dụng viên chức. Các tiêu chí bổ nhiệm được quy định đầy đủ rõ ràng, minh bạch: các cán bộ được bổ nhiệm bảo đảm tiêu chuẩn chung về: chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, trình độ chuyên môn, năng lực và uy tín; và thỏa mãn những tiêu chuẩn cụ thể đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý như trưởng phòng đào tạo, giám đốc trung tâm thông tin thư viện, vv. Đồng thời, các tiêu chí này thường xuyên được rà soát, điều chỉnh đảm bảo tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, phù hợp và đáp ứng nhu cầu của đào tạo và NCKH [H7.07.02.04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có văn bản quy định đầy đủ các tiêu chí và quy trình về tuyển dụng tuyển chọn đội ngũ nhân viên đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ để bổ nhiệm, điều

chuyên. Công tác tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển có quy trình rõ ràng, công khai, minh bạch và phù hợp.

3. Điểm tồn tại

Chưa phát huy được hết vai trò của nhân viên trong công tác đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cao vai trò của nhân viên trong công tác đào tạo	Khoa Tiếng Pháp, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai	Khoa Tiếng Pháp, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Năng lực của đội ngũ nhân viên Nhà trường được xác định thể hiện trong các văn bản quy định về tiêu chuẩn đối với GVTH, viên chức hành chính, người lao động của Trường, cũng như trong Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường ĐHSPHN giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn 2030; giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn 2030 và Đề án vị trí việc làm của Trường năm 2019. Các quy định này được xây dựng dựa trên các văn bản quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hiện hành của Nhà nước như Luật Viên chức 2010, Luật Giáo dục 2019, Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018, vv. [H7.07.03.01].

Các văn bản trên cũng quy định rõ các tiêu chuẩn, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đối với các chức danh nghề nghiệp khác của đội ngũ nhân viên Nhà trường như chuyên viên, thư

viên viên, kế toán viên, vv. Cụ thể như: cần phải hiểu rõ những quy định của pháp luật, hệ thống chính trị và các chế độ chính sách của ngành, lĩnh vực quản lý; Nắm vững đối tượng quản lý, hệ thống các nguyên tắc và cơ chế quản lý của nghiệp vụ thuộc phạm vi được giao; Xây dựng các phương án, kế hoạch, các quyết định cụ thể và có kiến thức am hiểu về ngành, lĩnh vực được giao ; có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được giao nghiên cứu, tham mưu; Có phương pháp nghiên cứu, tổng kết và đề xuất, cải tiến nghiệp vụ quản lý; am hiểu thực tiễn, kinh tế-xã hội về công tác quản lý đối với lĩnh vực được giao; nắm được xu hướng phát triển của ngành, lĩnh vực ở trong nước, vv. Bên cạnh đó, năng lực ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản cũng phải đạt chuẩn như chức danh GVTH nêu trên. [H7.07.03.01].

Cùng với việc xác định các năng lực cụ thể cần có của đội ngũ nhân viên, Nhà trường cũng tiến hành đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Tháng 6 năm 2017, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức của Trường ĐHSPHN, trong đó quy định cụ thể về quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên Nhà trường [H7.07.03.02; H7.07.03.03]. Theo đó, năng lực của đội ngũ nhân viên được đánh giá theo tháng (nhân viên hành chính), theo học kỳ (GVTH) và cả năm học, trên các nội dung về Tư tưởng và Phẩm chất chính trị, đạo đức; Ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong và lề lối làm việc; Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Hằng tháng, hằng kì, các cá nhân trong đội ngũ nhân viên tự đánh giá vào Phiếu tự đánh giá chấm điểm cho Công chức, viên chức. Dựa vào kết quả chấm điểm, đội ngũ nhân viên sẽ được xếp loại như sau :

Bảng 7.3.1 Xếp loại công chức, viên chức theo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Xếp loại	Tổng điểm	Tiêu chí : Kết quả thực hiện chuyên môn	Các tiêu chí khác
A	95-100	60	
B	90-94	60	
C1	85-89	60	
C2	80-84	60	
D		<60	
		60	<20

Từ kết quả điểm đánh giá theo tháng và theo kì, sẽ tính được kết quả điểm đánh giá cả năm:

Đối với viên chức hành chính và người lao động thực hiện đánh giá theo tháng: Điểm đánh giá cuối năm = Điểm đánh giá các tháng/12 + điểm thưởng (nếu có).

Bảng 7.3.2 Mức độ hoàn thành nhiệm vụ

Mức độ	Tổng điểm	Kết quả xếp loại tháng/kì
Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	≥ 95	Không có xếp loại C1, C2, D
Hoàn thành tốt nhiệm vụ	90-94	Không có xếp loại C2, D
Hoàn thành nhiệm vụ	80-89	Không có xếp loại D
Không hoàn thành nhiệm vụ	Tổng điểm < 80 hoặc không nộp hoặc nộp đúng hạn Phiếu đánh giá, hoặc vi phạm bị xử lý khiến trách trở lên.	

[H7.07.03.02]. Để việc đánh giá được thực hiện thuận lợi và hiệu quả hơn, Trường đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-ĐHSPHN ngày 04/01/2022 (Quyết định v/v ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị, viên chức, người lao động của Trường ĐHSPHN), trong đó có điều chỉnh: Mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A+) phải từ 101 điểm, hoàn thành tốt nhiệm vụ (A) từ 91-100 điểm, hoàn thành nhiệm vụ (B) từ 81-90 điểm, không hoàn thành nhiệm vụ (C) dưới 60 điểm [H7.07.03.02]. Quy định này được áp dụng cho đánh giá thi đua bắt đầu từ cuối năm học 2021-2022.

Hàng năm, trước khi kết thúc năm học, Nhà trường đều có công văn hướng dẫn cụ thể về việc đánh giá phân loại cán bộ, viên chức và công văn hướng dẫn bình xét thi đua của năm học [H7.07.03.04; H7.07.03.05]. Nhà trường cũng có văn bản hướng dẫn về xét nâng lương trước thời hạn do có thành tích xuất sắc vào tháng 12 hàng năm [H7.07.03.06]. Khoa tiếng Pháp đã thực hiện theo đúng các văn bản hướng dẫn. Theo đó, kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện theo trình tự: tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, người học đánh giá. Dựa trên kế hoạch năm học và kết quả thực hiện các công việc được giao trên cơ sở phiếu đánh giá phân loại hàng tháng, nhân viên tự viết phiếu đánh giá kết quả thực hiện công việc của bản thân trong năm học, tiếp đó các Tổ, Bộ môn tổ chức đánh giá, bình xét năng lực của các nhân viên, GVTH tại Tổ, Bộ môn rồi nộp biên bản cho Khoa [H7.07.03.06], [H7.07.03.07], Trường Khoa, Hội đồng thi đua của Khoa sẽ họp để quyết

định danh sách đề xuất lên Trường. Kết quả về phân loại công chức viên chức và Kết quả thi đua của mỗi năm học sau khi được Hội đồng Thi đua Khen thưởng của Trường họp và quyết định đều được công khai trên hệ thống văn bản của Trường [H7.07.03.08]. [H7.07.03.09], [H7.07.03.10].

Bên cạnh đó, TT ĐBCL của Trường cũng thực hiện đánh giá về việc thực hiện quy định về thời gian, tác phong làm việc, thái độ ứng xử, hiệu quả giải quyết công việc của các cán bộ hành chính các khoa thông qua phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của SV đối với cán bộ hành chính.

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện theo quy trình dựa trên các tiêu chí cụ thể, rõ ràng, công khai, đảm bảo sự công bằng, theo đúng quy định. Khoa tiếng Pháp có đội ngũ nhân viên có năng lực đáp ứng đa dạng các nhu cầu hỗ trợ đào tạo và NCKH và quản lý.

3. Điểm tồn tại

Đã có các tiêu chí đánh giá xếp loại đối với đội ngũ giáo viên và chuyên viên nhưng chưa bám sát hết cụ thể từng đặc thù công việc của cá nhân.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục hoàn thiện quy trình và tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên bám sát đặc thù công việc của từng cá nhân, đảm bảo, công khai, công bằng theo đúng quy định	Trường ĐHSP, Khoa tiếng Pháp	Giai đoạn 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Động viên đội ngũ nhân viên tích cực, chủ động tham gia các hoạt động NCKH, chủ trì đề tài, công	Trường ĐHSP, Khoa tiếng Pháp	Giai đoạn 2024-2029

		bố, đề xuất sáng kiến, kinh nghiệm dạy học,...		
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Nhà trường có thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho ĐNNV trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc. Cụ thể, năm tháng 10/2011, trong Chiến lược và Kế hoạch hành động 2011-2020, Nhà trường đã xác định nhu cầu cần thiết phải bồi dưỡng và phát triển chuyên môn cho đội ngũ cán bộ bao gồm cả GV và nhân viên [H7.07.04.01]. Nhà trường đã có công văn số 174/ĐHSPHN ngày 18/4/2017 về việc lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị. Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của ĐNNV thông qua các bản đăng ký nhu cầu bồi dưỡng cá nhân, Khoa và Nhà trường xét duyệt, lập kế hoạch và dự toán kinh phí bồi dưỡng đào tạo phát triển chuyên môn nghiệp vụ của ĐNNV [H7.07.04.02; H7.07.04.03; H7.07.04.04]. Bên cạnh đó, việc khảo sát nhu cầu về bồi dưỡng đào tạo đối với ĐNNV cũng được thực hiện qua việc khảo sát lấy ý kiến trong các cuộc họp Tổ, Bộ môn, các cá nhân có nhu cầu đi đào tạo và bồi dưỡng đề xuất ý kiến trực tiếp, ý kiến được ghi trong biên bản Bộ môn [H7.07.04.05]. Trưởng bộ môn sẽ đề xuất với Lãnh đạo Khoa và Khoa sẽ đề xuất lên Trường. Điền hình các nhân viên và GV có nhu cầu học ThS, TS, Văn bằng 2 có đơn gửi lên Khoa, Khoa có ý kiến trong đơn gửi lên Trường. Nhà trường và Khoa đều tạo điều kiện, khuyến khích, động viên cán bộ nhân viên đi học nâng cao trình độ. Ngoài ra, cán bộ có thể đề xuất ý kiến trong các bản góp ý cho các Báo cáo tổng kết năm học, phát biểu ý kiến trong Hội nghị Cán bộ viên chức và người lao động và trong Buổi gặp mặt của Lãnh đạo Nhà trường với đội ngũ GVTH, nhân viên hành chính hàng năm [H7.07.04.06]. Lãnh đạo đơn vị và Lãnh đạo Trường luôn lắng nghe, ghi nhận và có chính sách phù hợp [H7.07.04.07].

ĐNNV của Khoa tiếng Pháp hiện nay có 2 chuyên viên văn phòng có trình độ cử nhân. [H7.07.04.08]. Trong đó có 1 nhân viên có chứng chỉ chuyên viên chính (Nguyễn Thị Thu Hiền)

Đối với nhu cầu bồi dưỡng về ngoại ngữ và tin học, Nhà trường thông báo về việc mở các lớp bồi dưỡng về tin học ngoại ngữ trên hệ thống văn bản điện tử, các cán bộ nhân viên có nhu cầu đăng kí theo Khoa . Trường lập danh sách và thông báo lịch học. Sau khóa học, các cán bộ, nhân viên được cấp chứng chỉ. [H7.07.04.08].

Trong giai đoạn 2019-2024, đội ngũ nhân viên Khoa Tiếng Pháp đã tham gia hiệu quả các khoá học, tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Cụ thể như sau: Trong quá trình triển khai các ứng dụng mới trong quản lý đào tạo, năm 2017, 01 Giáo vụ và 01 Cán bộ quản lý SV của Khoa đã được tập huấn về Phần mềm Quản lý SV và phần mềm Quản lý giờ giảng do Phòng Đào tạo lên kế hoạch và thực hiện việc tập huấn [H7.07.04.09, H7.07.04.10]. [H7.07.04.11].

Hằng năm, Nhà trường vẫn dành kinh phí để đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

ĐNNV được tạo điều kiện khuyến khích đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ cũng như phục vụ hiệu quả cho công tác hỗ trợ đào tạo và NCKH ở Khoa và ở Trường.

3. Điểm tồn tại

Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển ĐNNV còn hạn chế. Việc bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ của cá nhân trong ĐNNV, nếu không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc, các cá nhân sẽ phải tự túc kinh phí.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Hỗ trợ thêm một phần kinh phí cho việc đào tạo, bồi dưỡng phát triển ĐNNV nếu nhân viên tự ý thức đi học dù không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc.	Trường ĐHSP, Khoa tiếng Pháp	Giai đoạn 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện khuyến khích nhân viên tự học, tự bồi dưỡng trau dồi kỹ năng, chuyên môn,	Trường ĐHSP, Khoa tiếng Pháp	Giai đoạn 2024-2029

		nghiệp vụ cũng như tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ.		
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Nhà trường có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của ĐNNV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Cụ thể, Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của ĐNNV thông qua: Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GVTH của Trường ĐHSPHN ban hành ngày 6/3/2017 và Quyết định sửa đổi bổ sung ngày 13/02/2019; Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với viên chức hành chính, người lao động của Trường ĐHSPHN ban hành ngày 6/3/2017; Đề án vị trí việc làm 2016. [H7.07.05.01].

Theo đó, GVTH phải đảm nhiệm đủ 270 giờ chuẩn hướng dẫn thực hành trong đó tối thiểu 135 giờ chuẩn trực tiếp đứng lớp và 170 giờ chuẩn nhiệm vụ khác bao gồm cả NCKH trong đó NCKH không quá 75 giờ chuẩn. Các GVTH tập sự được trừ 50% số giờ chuẩn định mức. Các GVTH tham gia kiêm nhiệm công tác khác được giảm trừ theo quy định. Ngoài công việc hướng dẫn thực hành theo kế hoạch năm học và thời khóa biểu thì các GVTH cũng phải tuân thủ giờ làm việc như ĐNNV hành chính, cụ thể là: buổi sáng từ 8h00 đến 12h00; buổi chiều từ 13h00 đến 17h00. Để đảm bảo công bằng cũng như giám sát việc tuân thủ giờ giấc làm việc của ĐNNV, Nhà trường còn thành lập Tổ kiểm tra hành chính và Công vụ theo quyết định số 3148 /QĐ-ĐHSPHN [H7.07.05.02; H7.07.05.03].

Việc đánh giá hiệu quả công việc của ĐNNV được thực hiện theo Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức của Trường ĐHSPHN ban hành ngày 6/3/2017 [H7.07.03.04]. Kể từ năm 2022, đánh giá, xếp loại được thực hiện theo Quyết định 05/QĐ-ĐHSPHN ngày 4/1/2022 [H7.07.03.04]. Trong đó nhấn mạnh kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Các danh hiệu thi đua của cá nhân bao gồm: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua

cấp cơ sở, cấp Bộ, cấp toàn quốc. Các hình thức khen thưởng như Kỉ niệm chương, Giấy khen, Bằng khen cấp Bộ, Bằng khen của Thủ tướng... Hàng năm Nhà trường đều có công văn hướng dẫn việc bình xét Thi đua, Khen thưởng. Khoa tiếng Pháp thực hiện theo hướng dẫn và làm đúng quy trình quy định.

Kết quả đánh giá hiệu quả công việc và phân loại ĐNNV sẽ là cơ sở để đề xuất xét Thi đua, Khen thưởng theo quy định của Nhà trường cũng như phân bổ thu nhập tăng thêm. Các nhân viên có thành tích xuất sắc còn được xem xét đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn theo Quy định. [H7.07.03.05].

Kết quả phân loại cán bộ ĐNNV của Khoa trong 5 năm thực hiện theo quy định mới về Phân loại, đánh giá cán bộ của Trường được thể hiện trong bảng sau :

Bảng 7.5.1. Phân loại đánh giá ĐNNV Khoa tiếng Pháp từ 2019-2023

Năm học	Tổng số nhân viên	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ		Hoàn thành tốt nhiệm vụ		Hoàn thành nhiệm vụ	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
2019 - 2020	2	0	0%	0	0%	2	100%
2019 - 2020	2	0	0%	0	0%	2	100%
2020 - 2021	2	0	0%	0	0%	2	100%
2021-2022	2	0	0%	0	0%	2	100%
2022-2023	2	0	0%	0	0%	2	100%

Bảng 7.5.2. Kết quả thi đua của ĐNNV Khoa tiếng Pháp từ 2019-2023

Năm học	Tổng số nhân viên	Lao động tiên tiến		Bằng khen của Bộ trưởng		Giấy khen của Hiệu trưởng	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
2018-2019	2	2	100%	0	0%	0	0%
2019-2020	2	2	100%	0	0%	0	0%
2020-2021	2	2	100%	0	0%	0	0%
2021-2022	2	2	100%	0	0%	0	0%
2022-2023	2	2	100%	0	0%	0	0%

ĐNNV của Khoa tuy luôn tích cực, hoàn thành tốt các công việc được giao tuy nhiên số lượng nhân viên đạt thành tích thi đua khen thưởng cấp cao còn hạn chế.

Theo chủ trương của Nhà trường, đầu năm học các Bộ môn, Khoa tiến hành họp để đề xuất kế hoạch hoạt động cụ thể trong năm học. Trong biên bản cuộc họp ghi rõ các nội dung phân công công việc cụ thể cho từng cán bộ nhân viên của Tổ, Bộ môn. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học, Trưởng bộ môn cũng như các cán bộ nhân viên trong Tổ, bộ môn thường xuyên giám sát lẫn nhau, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, phản hồi kịp thời trong các cuộc họp Bộ môn hàng tuần, hàng tháng vừa để đánh giá, đồng thời rút kinh nghiệm và có giải pháp kịp thời để các hoạt động đào tạo, NCKH của Bộ môn, của Khoa được thực hiện theo đúng kế hoạch, đạt hiệu quả cao

Trước khi ra ban hành Quy định về đánh giá, Nhà trường luôn xây dựng bản dự thảo, sau đó có công văn yêu cầu các CCVC tại các đơn vị góp ý cho Dự thảo. Tất cả các cán bộ GV và nhân viên của Nhà trường được tham gia góp ý một cách dân chủ. Biên bản góp ý của Bộ môn được gửi lên Khoa, Khoa tập hợp gửi lên Trường. Nhà trường căn cứ vào các ý kiến đóng góp của toàn thể cán bộ, GV, nhân viên của Trường để điều chỉnh, sửa đổi trước khi ban hành các quyết định chính thức.

ĐNNV của Trường và Khoa hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc. Đội ngũ NV của Khoa không có bất kỳ khiếu nại nào về công tác thi đua khen thưởng, đánh giá phân loại viên chức bởi vì các quy định là rất rõ ràng và cụ thể, đánh giá đúng mức năng lực và hiệu quả công việc của đội ngũ NV.

Nhà trường cũng thường xuyên tiếp thu các ý kiến góp ý của toàn thể cán bộ, nhân viên để tiếp tục hoàn thiện các chính sách động viên, khuyến khích kịp thời thông qua việc tăng khoản hỗ trợ Thu nhập tăng thêm hàng tháng, các khoản phúc lợi khác, cũng như kinh phí khen thưởng hàng năm, tạo động lực để ĐNNV cố gắng phấn đấu, trau dồi kỹ năng nghiệp vụ, hỗ trợ và phục vụ ngày càng hiệu quả hơn cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. [H7.07.05.06].

2. Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ NV Nhà trường được quy định rõ ràng và được triển khai một cách dân chủ, hiệu quả, góp phần thúc đẩy, tạo động lực cho đội ngũ NV của Khoa, của Trường thực hiện tốt vai trò phục vụ, hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH. Đội ngũ NV của Khoa luôn tích cực, nhiệt tình, hoàn thành tốt các công việc được giao.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá chưa xét cụ thể đến thực tế là đội ngũ nhân viên vừa phải thực hiện thêm các nhiệm vụ kiêm nhiệm khác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cụ thể hóa các tiêu chí Thi đua xét đến đặc thù công việc đối với đội ngũ NV.	Trường ĐHSP, Khoa tiếng Pháp	Giai đoạn 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý công việc để đội ngũ NV phát huy hiệu quả công việc. Tiếp tục thực hiện quản trị theo kết quả công việc của NV để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Trường ĐHSP, Khoa tiếng Pháp	Giai đoạn 2024-2029

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và của CTĐT hệ cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Pháp nói riêng đã đảm bảo về số lượng, chất lượng về năng lực chuyên môn đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển đã được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá thường xuyên để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của CTĐT. Thêm vào đó việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện đầy đủ, đúng kế hoạch và đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong tình hình mới.

Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên cũng được Nhà trường triển khai kịp thời để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tuy nhiên, kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên còn hạn chế; các tiêu chí Thi đua còn chưa xét đến đặc thù công việc đối với đội ngũ nhân viên nên số lượng nhân viên đạt thành tích thi đua khen thưởng cấp cao còn ít. Mặc dù vậy, chất lượng đội ngũ nhân viên hiện nay của Nhà trường nói chung và của khoa Tiếng Pháp nói riêng nhìn chung đã đảm bảo công tác phục vụ giảng dạy, NCKH của Khoa và Nhà trường.

Đánh giá về tiêu chuẩn 7

Tiêu chuẩn 7	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 7.1					5		
Tiêu chí 7.2					5		
Tiêu chí 7.3				4			
Tiêu chí 7.4				4			
Tiêu chí 7.5					5		
Điểm tiêu chuẩn	4,60						

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển, Trường ĐHSPHN luôn xác định người học là đối tượng trung tâm của Nhà trường. Các hoạt động tuyển chọn người học cũng như hỗ trợ người học là công tác được Đảng ủy, Lãnh đạo Trường đặc biệt quan tâm, chỉ đạo sát sao. Trong 5 năm học từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, Trường đã xây dựng cho CTĐT Ngành sư phạm tiếng Pháp chính sách tuyển sinh với các tiêu chí, phương thức tuyển sinh và phương pháp tuyển chọn người học cụ thể, rõ ràng, được công bố công khai, được đánh giá và cập nhật hằng năm.

Đối với các hoạt động hỗ trợ người học, Khoa và Nhà trường đã tổ chức hệ thống giám sát sự tiến bộ trong rèn luyện cũng như học tập của SV để các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, hiệu quả. Nhà trường và Khoa đã tạo môi trường và những điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ, giúp đỡ người học trong học tập cũng như phát triển nghiệp vụ sư phạm như tổ chức các buổi gặp gỡ, giao lưu giữa SV với các trường phổ thông, các nhà tuyển dụng, gửi SV đến thực tập trực tiếp tại các trường, các viện nghiên cứu; tạo môi trường thuận lợi giúp SV tham gia các hoạt động ngoại khóa lành mạnh.

Thực hiện tốt công tác tuyển chọn người học cũng như các công tác hỗ trợ người học là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của CTĐT.

Tiêu chí: 8.1 Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả

Cơ sở để Trường ĐHSPHN đưa ra các chính sách và quy định tuyển sinh hằng năm là dựa trên các Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.01]. Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy nhóm ngành đào tạo giáo viên của Bộ GD&ĐT năm 2017 đã đưa ra các quy định chung về việc tổ chức tuyển sinh, việc xây dựng đề án tuyển sinh của các Trường; việc chỉ đạo, thanh tra công tác tuyển sinh; điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh; các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh. Quy chế cũng quy định rõ công tác tuyển sinh tại các Trường sử dụng kết quả của kì thi THPT Quốc gia, cũng như công tác tuyển sinh tại các Trường không sử dụng kết quả của kì thi THPT Quốc gia. Từ các căn cứ đó, Trường ĐHSPHN đã xây dựng các chính

sách và quy định tuyển sinh của Trường cho các chương trình đào tạo cụ thể bao gồm: đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến và tổ hợp môn xét tuyển, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điều kiện nhận đăng ký xét tuyển cùng các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào CTĐT, tổ chức tuyển sinh, chính sách ưu tiên, tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, lệ phí xét tuyển/thi tuyển, học phí, thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm [H8.08.01.02].

Chính sách và quy định tuyển sinh của Trường nêu rõ phạm vi tuyển sinh trên cả nước [H8.08.01.02]. Do vậy, Nhà trường đã công bố công khai các thông tin tuyển sinh thông qua các kênh và sử dụng nhiều hình thức khác nhau. Đó là thông qua website chính thức của Trường: www.hnue.edu.vn ở chuyên mục tuyển sinh, hay trên website riêng của khoa tiếng Pháp : <http://tiengphap.hnue.edu.vn/> ở mục tuyển sinh [H8.08.01.03]. Đặc biệt, để việc thông báo được cụ thể và rõ ràng hơn, từ năm 2019, Nhà trường đã có xây dựng chuyên trang riêng về thông tin tuyển sinh của trường ở địa chỉ: tuyensinh.hnue.edu.vn [H8.08.01.04]. Ngoài ra, thông tin tuyển sinh của trường các năm cũng được công khai trên các trang thông tin tuyển sinh điện tử, báo điện tử khác để người quan tâm có thể tìm đọc [H8.08.01.05]. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa đã thiết kế các Tờ rơi tuyển sinh có những thông tin tuyển sinh gửi trực tiếp đến những người quan tâm trong các buổi Tư vấn tuyển sinh hoặc gửi đến các địa phương, trường THPT trong và ngoài thành phố để các trường THPT gửi đến các phụ huynh, học sinh quan tâm [H8.08.01.06].

Trước mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường tổ chức tư vấn, giới thiệu về chính sách tuyển sinh thông qua nhiều hình thức hoạt động, Chương trình thăm quan trường (ngày Open Day) cho học sinh các trường phổ thông, bao gồm các hoạt động: nghe giới thiệu tổng quan về Nhà trường, các ngành Đào tạo, tham quan và trải nghiệm thực tế ngành nghề của trường tại khu giảng đường, khu phòng thực hành; nghe giới thiệu chính sách tuyển sinh mà trọng tâm là các điểm nổi bật, các chính sách thu hút, học bổng, cơ hội việc làm,...[H8.08.01.07]. Năm 2019, Ngày hội tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp của Nhà trường được tổ chức ở các tỉnh thành để phụ huynh và học sinh ở các địa phương xa được tiếp cận thông tin tuyển sinh và nhận tư vấn những thắc mắc tuyển sinh hay lựa chọn ngành nghề phù hợp cho mình [H8.08.01.08]. Cùng với Ban tư vấn tuyển sinh của Nhà trường, Khoa cùng các khoa bộ môn khác trong toàn trường đều cử đại diện của khoa để tư vấn, thu hút người học cho CTĐT của khoa mình. Đặc biệt, Nhà trường, Khoa đã

tổ chức các chương trình tư vấn tuyển sinh trực tuyến nhằm giải đáp trực tiếp các thắc mắc về tuyển sinh cho phụ huynh và các em học sinh trên truyền hình [H8.08.01.09]. Khoa cũng giới thiệu tư vấn tuyển sinh trực tuyến, qua mạng facebook, hay trang tư vấn tuyển sinh của Trường nhằm thu hút nhiều người học vào CTĐT [H8.08.01.10].

Chính sách tuyển sinh được Trường cập nhật hàng năm theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT cùng với các thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế tuyển sinh các năm 2018, 2019 [H8.08.01.01]. Theo đó, từ năm 2018, trong đề án tuyển sinh của Trường có cung cấp đầy đủ các thông tin về điều kiện đảm bảo chất lượng: cơ sở vật chất (phòng học, phòng thực hành/thí nghiệm và các trang thiết bị chính yếu, học liệu), đội ngũ giảng viên, quy mô đào tạo, tỷ lệ sinh viên chính quy có việc làm sau 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp của 2 năm gần nhất so với năm tuyển sinh theo khối ngành. Thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh đại học, từ năm 2015, Nhà trường đã sử dụng kết quả thi THPT quốc gia để xét tuyển các thí sinh vào hệ đại học chính quy cho CTĐT. Khi xét tuyển, các đối tượng thuộc diện ưu tiên theo khu vực theo chế độ chính sách được thụ hưởng điểm ưu tiên vào tổng điểm xét duyệt theo đúng quy định [H8.08.01.01]. Ngoài ra, Nhà trường sử dụng kết quả thi học sinh giỏi quốc tế, quốc gia để tuyển vào các ngành đào tạo, trong đó có CTĐT. Chính sách này được công bố công khai, rõ ràng, đặc biệt là từ năm 2017 đến nay [H8.08.01.01; H8.08.01.02]. Trong các năm gần đây, chính sách tuyển sinh của Trường có nhiều thay đổi, cập nhật [H8.08.01.02], đó là mở rộng đối tượng xét tuyển với 3 phương thức xét tuyển và 2 tổ hợp xét tuyển từ năm 2020. Trong đó, phương thức xét tuyển 3 là hình thức xét theo học bạ THPT. Đặc biệt trong chính sách tuyển sinh năm 2022 của Trường đã bổ sung thêm phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi của một hoặc một số môn thi đánh giá năng lực do Trường ĐHSPHN hoặc trường ĐH SP TP.HCM tổ chức.

Chính sách tuyển sinh của Trường được xây dựng theo đúng các quy định hiện hành, có thu thập thông tin của các bên liên quan (các giảng viên, bộ môn, Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa, Hội đồng Trường, sinh viên có việc làm, thị trường sử dụng lao động) về lựa chọn các tổ hợp xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh và các yêu cầu đặc thù ngành [H8.08.01.02]. Phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực thông qua các yếu tố: Số lượng SV được tuyển hàng năm, SV nhập học (Hình 8.1), tình hình việc làm của SV đã tốt nghiệp hàng năm của Trường và của CTĐT [H8.08.01.11; H8.08.01.12, H8.08.01.13]. Theo thống kê, tỉ lệ sinh viên có việc

làm trên tổng số sinh viên tốt nghiệp hàng năm của Khoa Tiếng Pháp đạt tỉ lệ cao, đạt trên 96%.

Năm tốt nghiệp	Tỉ lệ sinh viên có việc làm	
	SP Tiếng Pháp	Trường ĐHSPHN
2019	100%	96,2%
2020	100%	95,7%
2021	100%	96,9%
2022	90%	
2023	90%	

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường đối với CTĐT được xây dựng trên các căn cứ, quy định chung của Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT nên đảm bảo rõ ràng, được công bố công khai theo nhiều kênh truyền thông và cập nhật theo từng năm. Công tác tuyển sinh linh hoạt, chủ động, tích cực, hữu ích cho các đối tượng tiềm năng. Hoạt động hỗ trợ và tư vấn tuyển sinh của Trường và Khoa kịp thời, và hữu ích.

3. Điểm tồn tại

Chưa có các phân tích chuyên sâu và dự báo nhu cầu nhân lực.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Khoa giao cho Liên chi đoàn Khoa chọn các sinh viên có kĩ năng tham gia hỗ trợ thiết kế poster và tư vấn tuyển sinh.	Khoa tiếng Pháp	2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Chính sách tuyển sinh rõ ràng hơn, cập nhật hơn cũng như đa dạng hơn cách tuyển sinh	Phòng Đào tạo, Khoa	2024-2025

Chính sách tuyển sinh rõ ràng hơn, cập nhật hơn cũng như đa dạng hơn các hình thức tuyển sinh

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí: 8.2 Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Phương pháp tuyển chọn người học CTĐT được thể hiện trong phương thức xét tuyển trong Đề án tuyển sinh. Phương thức xét tuyển bao gồm các nội dung như điều kiện đăng ký xét tuyển, thời gian xét tuyển, hình thức xét tuyển, nguyên tắc xét tuyển, tiêu chí xét tuyển, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào. Như vậy có thể thấy rằng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học CTĐT được xác định rõ ràng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT và theo chính sách tuyển sinh của Trường ĐHSPHN [H8.08.01.01, H8.08.01.02]. Theo đó, tiêu chí lựa chọn người học được dựa trên các quy định về chỉ tiêu của CTĐT, các ứng viên được lựa chọn theo các phương thức thi tuyển hoặc/ và xét tuyển. Trong các năm gần đây, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, phương pháp tuyển chọn người học được thực hiện theo phương thức xét tuyển, với các tổ hợp xét tuyển được công khai trong thông báo tuyển sinh của Nhà trường hàng năm [H8.08.01.02].

Căn cứ các thay đổi của Bộ GD&ĐT về công tác tuyển sinh trong tình hình dịch Covid-19, Trường đã có những điều chỉnh Đề án tuyển sinh và thông báo rộng rãi tới các đối tượng liên quan [H8.08.02.02]. Đặc biệt, trong công tác tuyển sinh năm 2022, Trường đã bổ sung phương thức tuyển sinh xét tuyển dựa trên kết quả thi một số môn thi đánh giá năng lực do Trường lần đầu tiên tổ chức hoặc do trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh tổ chức thi kết hợp với kết quả xét học bạ để xét tuyển vào CTĐT.

Căn cứ vào thông báo của Bộ GD&ĐT về điểm sàn xét tuyển đối với các Trường, Trường ĐHSPHN đưa ra quyết định về điểm sàn xét tuyển. Căn cứ vào các tiêu chí tuyển chọn người học cho CTĐT đã được công khai, thí sinh sẽ đăng ký xét tuyển. Căn cứ vào chỉ tiêu, số lượng thí sinh đăng ký cũng như thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng, Trường sẽ thông báo điểm chuẩn xét tuyển cho CTĐT [H8.08.02.03]. Điểm trúng tuyển theo các tổ hợp xét tuyển trong các năm gần đây được trình bày trong Bảng 8.3. Danh sách trúng tuyển, công nhận kết quả và nhập học cho SV vào ngành CTĐT được thực hiện theo đúng quy định [H8.08.01.11, H8.08.02.03].

Bảng 8.3. Điểm trúng tuyển ngành CTĐT SP Tiếng Pháp ứng với các tổ hợp xét tuyển trong các năm tuyển sinh từ 2019-2023

học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2019-2020 (K69)		34		27	20.5 (PT1) 20.1(PT1) 69.8 (PT2)	36.8	0
2020-2021 (K70)		72		78	19.34 (PT1) 21.1 (PT1) 97.3 (PT23)	45.91	0
2021-2022 (K71)		49		59	26.03 (PT1) 25.78 (PT1) 62.9 (PT23)	38.23	0
2022-2023 (K72)		31		26	23.51 (PT1) 25.31 (PT1) 16.15 (PT5) 102.2(PT23)	41.79	0
2023-2024 (K73)		21		20	19 (PT1) 17.35(PT5)	22.3	0

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/ tuyển chọn người học được Trường, Khoa rà soát, đánh giá hàng năm sau các kỳ tuyển sinh và chuẩn bị các kỳ tuyển sinh tiếp theo [H8.08.02.04, H8.08.02.05]. Trước kỳ tuyển sinh, trong các cuộc họp giao ban ở Khoa, lãnh đạo các Bộ môn, chính sách tuyển sinh cũng được bàn bạc, trao đổi và sau đó xin ý kiến của các GV để đề xuất với nhà Trường chỉ tiêu, phương pháp tuyển sinh phù hợp. Sau mỗi đợt tuyển sinh, Khoa tổ chức cuộc họp để đánh giá các chỉ tiêu, phương pháp tuyển sinh hàng năm. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa tiếp thu ý kiến của các thành viên trong cuộc họp và tổng hợp, đề xuất với hội đồng tuyển sinh Nhà trường để đưa vào kế hoạch năm học, kế hoạch và quy định tuyển sinh năm sau [H8.08.01.02, H8.08.02.04]. Kết quả thể hiện sự điều chỉnh, thay đổi chỉ tiêu, các tổ hợp môn thi và phương thức tuyển sinh. [H8.08.01.01]

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của CTĐT cử nhân SP Tiếng Pháp được xác định rõ ràng theo quy chế của Bộ GD&ĐT và được đánh giá thường xuyên, cập nhật kịp thời để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào trường cũng như vào CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Cần tăng cường hơn nữa vai trò đánh giá từ các chuyên gia, người sử dụng lao động, cựu SV trong việc đưa ra tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.

4. Kế hoạch hành động

- Tiếp tục xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học hàng năm đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào trường cũng như Ngành sư phạm Tiếng Pháp.

- Tăng cường sự tham gia đánh giá của người sử dụng lao động và cựu SV với các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Sự tham gia đánh giá của người sử dụng lao động và cựu SV với các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.	TT ĐBCL, Khoa Tiếng Pháp	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Tiếp tục rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học hàng năm đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ	Phòng Đào tạo, Khoa Tiếng Pháp	Các năm học tiếp theo	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		vào trường cũng như Ngành sư phạm Tiếng Pháp.			

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả hiện trạng

Quá trình học tập và rèn luyện cũng như kết quả học tập và khối lượng học tập của người học thuộc CTĐT là các vấn đề được Nhà trường và Khoa tiếng Pháp quan tâm, giám sát phù hợp để đạt được hiệu quả cao nhất của CTĐT. Hệ thống giám sát được Trường phân công cho các phòng ban chức năng phụ trách là: Phòng Đào tạo, Phòng Công tác Chính trị và Học sinh sinh viên (CTCT&HSSV), Đoàn thanh niên với các nhiệm vụ giám sát sự tiến bộ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học tập. Dựa trên các quy định của Nhà trường, Khoa đã phân công đội ngũ cố vấn HT, giáo vụ và trợ lý SV để giám sát tiến bộ học tập và rèn luyện của người học H8.08.03.04. Trong các năm gần đây, CVHT đóng vai trò quan trọng trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Do đó, Trường đã ban hành quyết định phân công nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của CVHT. CVHT cho tất cả các lớp tại Khoa đều là GV thuộc CTĐT nên đảm bảo hiểu sâu sắc về ngành và các SV. Tất cả SV ở các lớp được CVHT tư vấn về học tập, được theo dõi kế hoạch và tiến độ học tập, được làm thủ tục đăng ký TC từng học kỳ theo đúng quy định. Ngoài ra, CVHT cũng theo sát về ý thức học tập, các hoạt động ngoại khóa... của SV. Các hoạt động trên nhằm mục đích đánh giá điểm rèn luyện từng kỳ của SV, kịp thời nhắc nhở, giúp đỡ SV trong quá trình học tập [H8.08.03.01], [H8.08.03.02], [H8.08.03.03],

Các dữ liệu về theo dõi tiến độ học tập, rèn luyện, những quy định về học tập theo TC, khối lượng học tập của người học cùng với các quy định về xét cảnh báo học tập, thôi học, dừng học đều được thể hiện trong Sổ tay SV Trường và Quy chế đào tạo theo hệ thống TC. Khung chương trình CTĐT cũng được thông báo công khai trên trang web:

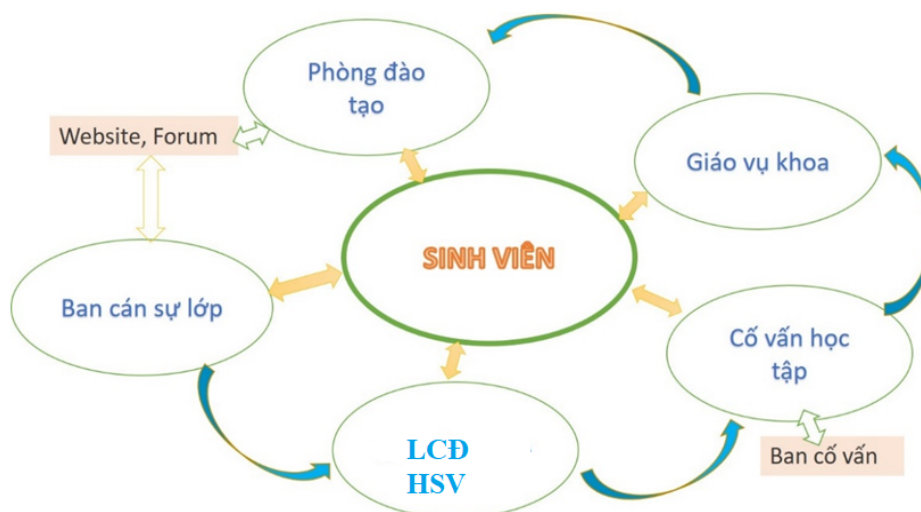
<https://hnue.edu.vn/Daotao> [H8.08.03.07]. Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch đào tạo và gửi về cho các đơn vị trong toàn trường, lấy ý kiến góp ý, sau đó ban hành cho cán bộ và toàn thể người học [H8.08.03.08]. Kế hoạch đào tạo được dán công khai ở các khu vực giảng đường hoặc tìm kiếm dễ dàng trên trang web của trường và phòng đào tạo: daotao.hnue.edu.vn; rất tiện lợi cho GV, SV theo dõi và thực hiện. Trường xây dựng, phát triển phần mềm quản lý đào tạo, hệ thống đào tạo TC, cung cấp tài khoản cho người học, người dạy, cán bộ văn phòng Khoa [H8.08.03.09]. Kết quả học tập của người học được Giáo vụ khoa quản lý giám sát và người học có tài khoản riêng để cập nhật tình hình học tập, đăng ký TC, cảnh báo học vụ.

Theo thiết kế của CTĐT, khối lượng học tập mỗi học kỳ đối với CTĐT tối thiểu 14 TC, trừ học kỳ cuối khóa. Khối lượng học tập này được thiết kế cho người học có lực học trung bình để hoàn thành chương trình đúng thời gian quy định. SV được phép đăng ký học tập với khối lượng học tập nhỏ hơn khối lượng thiết kế mỗi học kỳ nhưng không được ít hơn 10 TC. Đặc biệt, đối với SV từ học kỳ 3 nếu có điểm trung bình chung tích lũy dưới 2.0 chỉ được phép đăng ký học tối đa 16 tín, điều này đảm bảo khối lượng học phù hợp với sức học của SV. Ngoài ra, hàng năm từ tháng 6 - tháng 8, Nhà trường đều tổ chức học kỳ 3, với học kỳ này sẽ giúp cho sv có cơ hội cải thiện điểm với những học phần điểm thấp hay học lại với học phần bị trượt, giúp giảm gánh nặng học tập cho SV ở những kỳ học chính (Kỳ 1 và kỳ 2). Nội dung này cũng được thông tin rõ ràng cho SV ở Sổ tay SV từ năm 2018

Trường ban hành Quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV, 2497/QĐ/ĐHSPHN-ĐT ngày 03 tháng 05 năm 2018 [H8.08.03.11]. Quy định nêu rõ phạm vi đối tượng, nguyên tắc đánh giá, nội dung đánh giá và thang điểm, phân loại để đánh giá, quy trình đánh giá kết quả rèn luyện, sử dụng kết quả rèn luyện, quyền khiếu nại, chức năng nhiệm vụ của Phòng Đào tạo và các Khoa. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện được trình bày rõ ràng trong Quy định này và được thực hiện công khai. SV tự đánh giá, CVHT chủ trì lớp và đề nghị văn bản đến BCN Khoa kèm theo biên bản họp lớp, điểm rèn luyện của SV. BCN Khoa họp và giao cho cán bộ thông báo công khai đến SV. Cuối năm gửi kết quả điểm rèn luyện cùng kết quả học tập cho gia đình người học.

Công tác xét sự tiến bộ học tập và rèn luyện của SV thường được sự quan tâm, là nhiệm vụ có sự kết hợp giữa CVHT, giáo vụ Khoa, Liên chi đoàn và BCN Khoa. CVHT thường xuyên bám sát, hỗ trợ và giám sát SV trong học tập và rèn luyện. Kết thúc mỗi kỳ học Khoa

triển khai cho Giáo vụ khoa, trợ lý SV và Liên chi đoàn tiến hành đánh giá tình hình học tập và rèn luyện của SV. Điểm rèn luyện của SV đều được đánh giá qua các mốc phân loại: Xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém. Ngoài ra số liệu kết quả thi, số lượng và tỷ lệ SV thôi học, buộc thôi học, SV cảnh báo kết quả học tập, SV đạt điểm học tập xuất sắc, giỏi, khá, trung bình, yếu và những lưu ý về SV được thống kê trong báo cáo xét lên lớp từng học kỳ của CVHT [H8.08.03.09]. Kết quả đánh giá rèn luyện và học tập sinh được Khoa gửi lên Trường. Đại diện khoa, Phòng Đào tạo, Phòng CTCT&HSSV tiếp tục đưa ra kết quả đánh giá để xét các loại học bổng theo quy định cũng như các học bổng khác [H8.08.03.12]. Từ các kết quả trên CVHT thông báo, nhắc nhở đến SV qua kênh CVHT, chi đoàn, lớp. Mặc dù số lượng SV lớn, việc thông báo kết quả học tập, điểm rèn luyện đều được tiến hành theo các bước như trên với sự tham gia của CVHT, của Ban cán sự lớp, của quản lý SV và BCN Khoa [H8.08.03.13]. Ngoài ra, Khoa và Liên chi đoàn cũng có những phương thức phù hợp để hỗ trợ Khoa trong công tác này, như phổ biến, theo dõi SV tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động rèn luyện nghiêm vụ sự phạm [H8.08.03.14]. Mỗi quan hệ hỗ trợ có thể quan sát trên sơ đồ 5.3.1.



Sơ đồ 5.3.1. Sơ đồ mô tả mối quan hệ Phòng đào tạo và các bộ phận.

Nhà trường làm báo cáo và gửi về Khoa thông tin về kết quả học tập, khối lượng học tập được thể hiện qua từng kỳ như sau: số TC tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy, điểm trung bình của kỳ, số TC tích lũy của kỳ, của từng môn học Nhà trường ra quyết định xét cảnh

báo học tập, dừng học theo học kỳ và năm học và chỉ đạo Khoa và CVHT thông báo tư vấn, hỗ trợ các SV dạng cảnh báo chú ý cải thiện tình hình học tập [H8.08.03.16]. Khoa và Nhà trường có cơ sở dữ liệu theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp theo hàng năm. Đó là các báo cáo kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện được lưu trữ tại các phòng ban chức năng như phòng Đào tạo, Phòng CTCT&HSSV và Văn phòng khoa, ngoài ra còn được lưu trực tiếp trong tài khoản cá nhân của mỗi SV, trong hệ thống quản lý trên website đăng kí môn học của trường [H8.08.03.09]; thống kê kết quả học tập từng năm [H8.08.03.16] (Bảng 8.4); thống kê SV thôi học, tốt nghiệp (hàng năm) của Trường [H8.08.03.15; H8.08.03.16].

Về việc thôi học của SV, CVHT chủ động nắm bắt thông tin từ SV, tìm hiểu cụ thể nguyên nhân khiến SV có nguyện vọng dừng học. Dựa trên thông tin thu thập được, CVHT sẽ phối hợp cùng lớp, gia đình để đưa ra các tư vấn phù hợp nhằm hỗ trợ, động viên và khuyến khích SV tiếp tục học tập. Trong trường hợp SV muốn bảo lưu kết quả học tập hay thôi học, căn cứ trên quy trình đã quy định trong quy chế đào tạo, Khoa sẽ tiếp nhận và chuyển đơn của người học lên trường, căn cứ vào đó Nhà trường sẽ ra các quyết định bảo lưu, thôi học cho từng SV [H8.08.03.13]. Dựa trên các quyết định này, các CVHT, cán bộ quản lý SV theo dõi được biến động số lượng SV từng lớp/khóa, thống kê được tỉ lệ thôi học của SV (xem bảng 8.5). Từ đó định hướng tốt hơn đối với công tác giám sát người học trong các năm tiếp theo.

2. Điểm mạnh

Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ đã thực hiện đồng bộ, rõ ràng, kịp thời và có hiệu quả cao. Người học được tiếp cận các thông tin về học tập, rèn luyện từ nhiều kênh khác nhau và theo hệ thống, dễ thực hiện và SV CTĐT đã hoàn thành tốt CTĐT. Trường đã xây dựng hệ thống quản lý học tập online qua đó có thể giám sát quá trình và sự tiến bộ trong học tập cũng như khối lượng, kết quả học tập của người học một cách hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Công tác giám sát rèn luyện của sinh viên ngoại trú còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Sử dụng ứng dụng CNTT, các bộ phận giám sát chuyên trách tham gia hiệu quả.

Chú trọng hơn nữa công tác giám sát rèn luyện của sinh viên ngoại trú.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú

				hoặc hoàn thành	
1	Khắc phục tồn tại	Chú trọng hơn nữa công tác giám sát rèn luyện của sinh viên ngoại chú	Trường ĐHSPHN Khoa Tiếng Pháp	Định kỳ theo năm học	
2	Phát huy điểm mạnh	Sử dụng ứng dụng CNTT, các bộ phận giám sát chuyên trách tham gia hiệu quả	Trung tâm CNTT Phòng Đào tạo Khoa Tiếng Pháp Giáo vụ Khoa	Các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả

Theo Quyết định được ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ nguyên tắc làm việc của Ban giám hiệu và các đơn vị, Số 3056/QĐ-ĐHSPHN ngày 12/08/2020 và Quyết định về Quy định công tác CVHT [H8.08.03.01; H8.08.03.03], các đơn vị/bộ phận trong Trường chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học. Khoa Tiếng Pháp đã giao nhiệm vụ cho các cán bộ làm công tác CVHT trong khoa phối hợp với Liên chi đoàn-Liên chi hội Hội SV cùng các đơn vị trong Trường: Phòng Đào tạo, Phòng CTCT&HSSV, Phòng KHCN, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Trường ĐHSPHN có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học [H8.08.03.03; H8.08.03.04]. Cụ thể: CVHT: Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho CVHT là người chịu trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ học tập cho người học, phối hợp với các bộ phận liên quan nhằm tăng cường công tác quản lý, hỗ trợ và tư vấn cho SV trong quá trình đào tạo theo hệ thống TC [H8.08.03.03]. Phòng Đào tạo: Nhà trường giao nhiệm vụ

hỗ trợ, tư vấn, giải đáp mọi thắc mắc về vấn đề đăng ký môn học, CTĐT, quy trình đào tạo theo hệ thống TC [H8.08.03.01]. Phòng CTCT&HSSV: Tổ chức các hoạt động thi đua khen thưởng, ví dụ: cấp các loại học bổng cho SV; giải quyết các chế độ chính sách cho SV như miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập [H8.08.03.13]. Phòng KHCN: Tổ chức các hoạt động khoa học dành cho SV, khen thưởng đối với các đề tài SV có kết quả nghiên cứu tốt và lên kế hoạch chỉ đạo Khoa tổ chức hội nghị SV NCKH [H8.08.04.01]. Đối với nhiệm vụ tư vấn việc làm cho người học, Trường giao cho Phòng CTCT&HSSV tham gia công tác tổ chức các dịch vụ hỗ trợ (trong đó có dịch vụ tư vấn việc làm), đầu mối xây dựng cơ sở dữ liệu cụ người học, liên hệ với cụ SV [H8.08.03.01].

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa và dịch vụ hỗ trợ giúp cải thiện việc học tập của SV do Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Trường, Liên chi đoàn Khoa chỉ đạo và triển khai. Liên chi đoàn Khoa Tiếng Pháp đã đề xuất BCN Khoa thành lập các câu lạc bộ như Câu lạc bộ STEM, Câu lạc bộ NCKH, Câu lạc bộ Kỹ năng, Câu lạc bộ Tiếng Pháp. Các câu lạc bộ đã tổ chức nhiều hoạt động bổ ích hỗ trợ học tập và rèn luyện cho SV, giúp cho SV được rèn luyện, làm quen với môi trường đại học để nâng cao kết quả học tập [H8.08.04.05]. Các hoạt động ngoại khóa, hoạt động chào khóa mới, hoạt động thể dục thể thao giúp tạo tinh thần thoải mái, cải thiện khả năng học tập của SV. Với SV mới nhập học để giúp các em có thể sớm hòa nhập với môi trường học tập trong trường đại học, Nhà trường và Khoa đã phổ biến nội quy, quy chế, hướng dẫn tư vấn phương pháp học tập cho SV trong tuần sinh hoạt chính trị đầu năm học.

Với đặc thù ngành sư phạm, hàng năm Trường và Khoa tổ chức tuần lễ rèn luyện NVSP với nhiều nội dung bổ ích. Theo hướng dẫn của Trường về tuần lễ NVSP, Khoa Tiếng Pháp đưa ra thông báo, hướng dẫn cụ thể về các nội dung, hình thức, thời gian cụ thể cho các hoạt động rèn luyện sư phạm cấp Khoa [H8.08.04.05].

Nhà trường thực hiện việc khen thưởng, cấp học bổng, giải thưởng đối với người học có thành tích học tập, NCKH và rèn luyện tốt theo đúng quy định khen thưởng với mục đích khuyến khích SV nâng cao hơn nữa kết quả học tập, rèn luyện của mình. Riêng đối với tuần lễ Rèn luyện NVSP và hoạt động ngoại khóa nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11, Khoa thường xuyên trao giấy chứng nhận, danh sách khen thưởng, hay đề nghị Nhà trường khen thưởng [H8.08.04.05]. Trong Sổ tay SV đã được phát cho SV đầu năm học cũng đã giới thiệu

các học bổng, các giải thưởng NCKH, cũng như cơ hội du học. Đó là nguồn thông tin hỗ trợ bổ ích và là động lực cho SV cố gắng trong học tập, rèn luyện.

Hàng năm, Nhà trường đều lên kế hoạch và tổ chức Ngày hội việc làm với sự tham gia của nhiều nhà tuyển dụng và người học. Năm 2018, hoạt động này thu hút hơn 30 đơn vị từ hệ thống các trường, các doanh nghiệp, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, truyền thông và sự tham dự của hơn 1800 SV K64 và nhiều SV các khóa 65-67. Năm 2019, số lượng các đơn vị tham dự tăng lên đến 39 và có tới 2900 SV K65 [H8.08.04.06]. Nhà trường, Khoa thường xuyên phối hợp với các đơn vị tuyển dụng thông báo đăng tải các thông tin tuyển dụng trên Website, Facebook của Nhà trường, Khoa. Ngoài ra mỗi GV của Khoa cũng tích cực tìm kiếm, kết nối với các doanh nghiệp và gửi các thông tin tuyển dụng trực tiếp đến SV. Khoa có danh sách cựuSV, họ là một kênh kết nối giúp tăng cơ hội tìm kiếm việc làm cho SV đang học [H8.08.04.10]. Khoa và Nhà trường lên kế hoạch và tổ chức thực hiện nâng cao chất lượng thực tập của SV bằng cách gửi SV đến thực tập các trường và cử các GV có kinh nghiệm làm trưởng đoàn để hỗ trợ, hướng dẫn SV thực hành giảng dạy và kỹ năng làm giáo viên chủ nhiệm. GV và SV Khoa tích cực tham gia các hoạt động liên quan ở các trường phổ thông. Qua đó, SV có cơ hội bồi dưỡng năng lực chuyên môn dưới sự hướng dẫn của các GV, SV có định hướng trong học tập nhằm đáp ứng yêu cầu ở trường phổ thông, như các chương trình giáo dục.

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Khoa đã triển khai sâu rộng và hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, giúp SV nâng cao thành tích học tập, rèn luyện kỹ năng nghề và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường. Các hoạt động hợp tác với các trường, tình nguyện viên quốc tế mở ra nhiều cơ hội cho SV bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, cơ hội việc làm sau tốt nghiệp. Trường là trường trọng điểm và có mối liên hệ chặt chẽ với hệ thống trường cấp 3 trong và ngoài vùng (thông qua hoạt động Thực tập sư phạm). Đây chính là nguồn nâng cao khả năng có việc làm của SV sau tốt nghiệp. Hoạt động thi NVSP cấp trường hàng năm bài bản, chuyên nghiệp và đi đầu trong toàn quốc.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều ý kiến người học về hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ việc làm do Trường và Khoa tổ chức. Công tác chăm sóc sức khỏe, tâm lý cần được chú trọng hơn nữa.

4. Kế hoạch hành động

Tăng cường các hoạt động hợp tác, các hoạt động cộng đồng, trải nghiệm, đầu tư vào truyền thông mạnh mẽ hơn.

Khảo sát lấy ý kiến đầy đủ của người học về các hoạt động ngoại khóa, dịch vụ hỗ trợ việc làm, tăng cường cơ sở liên kết có ràng buộc.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khảo sát lấy ý kiến đầy đủ của người học về các hoạt động ngoại khóa, dịch vụ hỗ trợ việc làm, tăng cường cơ sở liên kết có ràng buộc.	Phòng CTCT&HSSV Khoa tiếng Pháp Giáo vụ CVHT	Năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường các hoạt động hợp tác, các hoạt động cộng đồng, trải nghiệm, đầu tư vào truyền thông mạnh mẽ hơn.	Khoa; Liên chi đoàn – Hội SV, CVHT	Các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả

Trường và Khoa có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Trường có đầy đủ cơ sở vật chất để phục vụ việc dạy và học ở trong trường như khu Hiệu bộ, khu giảng đường, khu KTX, sân vận động lớn theo chuẩn quốc gia, được thể hiện rõ ở sơ đồ của Trường và của Khoa [H8.08.05.01; H8.08.05.02]. Nhà trường và Khoa luôn quán triệt tư tưởng và hành động để tạo ra một môi trường làm việc thân thiện, tạo tâm lý thoải mái cho GV và SV trong Khoa. Các dịch vụ hỗ trợ cho người học đều công khai, chi tiết trong Sổ tay SV, giúp người học tại khoa, tại trường luôn yên tâm khi cần tìm sự hỗ trợ cho việc học tập và rèn luyện trong suốt quá trình học của mình [H8.08.03.01].

Cảnh quan của trường luôn sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn cơ sở giáo dục. Khuôn viên trường được chia thành các khu chuyên biệt: Khu Hiệu bộ, khu giảng đường, khu KTX, sân vận động, các hội trường và thư viện. Các khu vực này được bố trí một cách khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CTĐT. Thư viện Trường với tòa nhà tách biệt, hiện đại với nhiều đầu sách luôn được cập nhật. Các khu vực này đều được lắp đặt hệ thống Wifi kết nối Internet do đó tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học [H8.08.05.01]. Khuôn viên nhà V cũng như đài phun nước tại khu vực nhà C được cải tạo trong năm 2020 với không gian thoáng mát, sạch sẽ và có thẩm mỹ cao, giúp cho sinh viên cũng như giảng viên luôn có cảm giác thư thái sau những giờ làm việc và học tập. Khu KTX được xây dựng trong khuôn viên của Trường, không quá xa với khu giảng đường nên tạo thuận lợi trong việc di chuyển của SV. Ngay cạnh khu KTX, sân vận động phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt tập thể và nâng cao sức khỏe SV [H8.08.05.01]. Khoa Tiếng Pháp được bố trí ở tòa nhà V, gần các khu giảng đường, thuận lợi cho công tác giảng dạy của GV và học tập NCKH của SV [H8.08.05.02]. Các PTN đều có những nội quy đảm bảo an toàn trong quá trình thực hành, vận hành các thiết bị, dụng cụ nghiên cứu chuyên biệt. Cho thấy, sự quan tâm của Khoa trong tạo môi trường cho hoạt động học tập và nghiên cứu, thuận lợi cho người học [H8.08.05.03]. Trường có không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, tượng đài, ghé đá,

khu tập luyện thể thao, nhà thi đấu, có các hội trường lớn, thuận lợi cho mọi mặt hoạt động của SV [H8.08.05.01].

Trường ngày càng phát triển cả về quy mô và số lượng SV, nhu cầu khám chữa bệnh cho học sinh, SV cũng vì thế tăng lên. Nhà trường có Trạm Y tế chuyên biệt, các điều kiện về đội ngũ y bác sỹ và cơ sở vật chất đảm bảo khám, chữa bệnh ban đầu trước khi chuyển tuyến [H8.08.03.01]. Trạm Y tế đặt ngay trong KTX SV [H8.08.05.04]. Nhà trường còn tổ chức khám sức khỏe cho tất cả SV sau khi nhập học và trước khi tốt nghiệp và khám sức khỏe định kỳ cho SV [H8.08.05.04]. Thông tin về hoạt động của Trạm y tế, các kế hoạch khám bệnh khi nhập học, trong quá trình học và trước khi tốt nghiệp được trình bày rõ trong Sổ tay SV người học có thể tiếp cận ngay khi có nhu cầu khám chữa bệnh [H8.08.03.04].

Các phòng ở KTX khép kín với đầy đủ giường, bàn ghế học tập, quạt mát, điện chiếu sáng, hòm đựng đồ. KTX có khu dành cho lưu học sinh nước ngoài với sức chứa 400 SV, các phòng ở của lưu học sinh còn có thêm ti vi, nóng lạnh. Tại các nhà mỗi tầng của các nhà KTX đều có một phòng phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của SV nội trú. Có 03 nhà ăn tập thể đảm bảo vệ sinh phục vụ SV. Khuôn viên của KTX đã được Nhà trường đầu tư xây dựng thảm cỏ, thảm hoa, cây bóng mát và được cắt tỉa thường xuyên. Hệ thống đường giao thông đi lại trong KTX, sang giảng đường và từ cổng trường vào các khối nhà đều được trải nhựa, hai bên có hệ thống chiếu sáng bằng đèn cao áp. KTX thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao định kỳ được người học hưởng ứng [H8.08.05.05].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa tổ chức nhiều hoạt động thể dục thể thao, như giải bóng đá, bóng chuyền học sinh, SV toàn trường chào mừng Ngày nhà giáo Việt Nam, hay giải bóng đá thường niên của Khoa. Khoa Tiếng Pháp luôn tham gia đầy đủ các nội dung thi đấu với các đội bóng đá nữ, bóng chuyền nữ, các đội luôn thi đấu tích cực, tuy chưa đạt được các kết quả cao nhưng đây là dịp giao lưu, gắn kết giữa các thành viên trong Khoa và giữa các Khoa trong Trường. Những hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ trên đã thu hút được đông đảo SV Khoa tham gia góp phần vào rèn luyện sức khỏe, tăng tinh thần đoàn kết cũng như tạo sân chơi bổ ích cho người học. Hàng năm Khoa cũng thường xuyên tổ chức tổng kết và khen thưởng cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên; từ đó động viên, khuyến khích SV tham gia các hoạt động tập thể [H8.08.05.07]. Liên chi đoàn – Liên chi Hội Khoa luôn có nhiều ý tưởng sáng tạo tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và NCKH, các hoạt động tình nguyện, các hoạt động tăng cường năng lực tiếng Anh,

... Các hoạt động này luôn nhận được sự hưởng ứng của SV, tạo môi trường thân thiện, giao lưu, cởi mở và đã hỗ trợ tích cực cho các hoạt động học tập, NCKH[H8.08.05.07].

Đối với SV nội trú, Nhà trường đảm bảo điều kiện tốt nhất cho SV ăn ở, sinh hoạt, học tập tại KTX theo quy định của Quy chế công tác Học sinh, SV nội trú của Bộ GD&ĐT [H8.08.05.08]. Trường có Ban Bảo vệ chuyên trách làm nhiệm vụ bảo vệ tài sản, an ninh trật tự của trường, có lịch phân trực cụ thể 24/24 [H8.08.05.08]. SV Trường nói chung và CTĐT nói riêng được sống và học tập trong môi trường an toàn, lành mạnh, Nhà trường không xảy ra các sự vụ gây mất an ninh trật tự.

Vấn đề Phòng cháy, chữa cháy luôn được Nhà trường chú ý. Trường thành lập Ban chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy hàng năm. Hệ thống báo cháy, thiết bị chữa cháy được trang bị đầy đủ cho các khu giảng đường, phòng làm việc trong Nhà trường. Trường đã tổ chức diễn tập thường xuyên cho SV về công tác phòng cháy, chữa cháy. Công tác kiểm tra, đánh giá được cơ quan chức năng thực hiện thường xuyên [H8.08.05.09]. Công tác này tạo môi trường an toàn cho người học trong học tập, nghiên cứu và rèn luyện.

Hàng năm, Trường tổ chức đối thoại giữa Lãnh đạo Nhà trường, Đoàn thanh niên với đại diện học sinh, SV [H8.08.05.10]. Khoa khảo sát/lấy ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong cơ sở giáo dục. H8.08.05.09

2. Điểm mạnh

Người học được học tập, NCKH và sinh hoạt trong môi trường xanh, sạch đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội; tạo môi trường học tập và làm việc thân thiện; thoải mái; đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến CTĐT. SV CTĐT luôn có ý thức giữ gìn cơ sở vật chất; tuân thủ các quy định về ứng xử trong cơ sở giáo dục; có ý thức bảo vệ môi trường, Phòng cháy chữa cháy; tuân thủ mọi quy định của Pháp luật.

Trường có hệ thống phòng đa năng và sân vận động riêng biệt, tạo điều kiện tốt cho sinh viên trong các hoạt động tập thể. Các hoạt động đa dạng của Đoàn thanh niên trường, khoa là cầu nối tinh thần tốt cho SV.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều khảo sát lấy ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy môi trường thân thiện, trong lành, an toàn, phù hợp với các hoạt động học tập, nghiên cứu.

Triển khai điều tra, thu thập thông tin phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội của Nhà trường, Khoa.

Tiến hành hoạt động diễn tập phòng cháy, chữa cháy thường xuyên.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Điều tra, thu thập thông tin phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội của Nhà trường, Khoa Hoạt động diễn tập phòng cháy, chữa cháy	KTX, Phòng CTCT&HSSV, Giáo vụ Khoa, TT ĐBCL	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Môi trường thân thiện, trong lành, an toàn, phù hợp với các hoạt động học tập, nghiên cứu	Phòng Quản trị, Khoa	Các năm tiếp theo	

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển chọn người học CTĐT được xác định rõ ràng và được công bố công khai trong toàn xã hội, được cập nhật, theo các quy định của Bộ GD&ĐT cũng như xu thế nghề nghiệp và dựa trên kết quả tuyển sinh của các năm trước. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của CTĐT được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào trường cũng như vào CTĐT. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn được cập nhật, mở rộng đặc biệt với đối tượng tuyển thẳng để có thể tuyển chọn người học giỏi. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ đã thực hiện đồng bộ, rõ ràng, kịp thời và có hiệu quả cao. Người học được tiếp cận các thông tin

về học tập, rèn luyện từ nhiều kênh khác nhau và theo hệ thống, để thực hiện để hoàn thành tốt CTĐT. Nhà trường, Khoa đã triển khai sâu rộng và hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, giúp SV nâng cao thành tích học tập, rèn luyện kỹ năng nghề và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường. Các hoạt động hợp tác với các trường, tình nguyện viên quốc tế mở ra nhiều cơ hội cho SV bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, cơ hội việc làm sau tốt nghiệp. Người học được học tập, NCKH và sinh hoạt trong môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thuận lợi; được đảm bảo về an ninh, an toàn, xanh, sạch và đẹp.

Tuy nhiên, chưa có nhiều ý kiến của các bên liên quan và các phân tích/dự báo về nhu cầu nhân lực trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh. Sự tham gia của các bên liên quan chưa được chủ động. Công tác CVHT có một số vấn đề cần được cải thiện. Sự hợp tác của SV khi lấy ý kiến người học về hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ việc làm còn hạn chế.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 8

Tiêu chuẩn 8	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 8.1					5		
Tiêu chí 8.2					5		
Tiêu chí 8.3					5		
Tiêu chí 8.4					5		
Tiêu chí 8.5					5		
Điểm tiêu chuẩn	5						

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị của Khoa Tiếng Pháp đã được Trường từng bước đầu tư, nâng cấp đảm bảo đủ năng lực đáp ứng công tác đào tạo, NCKH và chuyển giao KH-CN. Bên cạnh công tác đầu tư mua mới, hằng năm, Nhà trường đã đầu tư cải tạo lại các phòng chức năng (phòng họp Khoa, phòng giáo vụ,...), phòng làm việc, phòng học khoa Tiếng Pháp. Thư viện của trường đã dần cải thiện, hiện đại hóa đáp ứng được nhu cầu của người học và cả người dạy. Hệ thống máy tính và mạng internet cũng đã được đầu tư nâng cấp nhằm đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo và NCKH. Bên cạnh đó nhà Trường và khoa Tiếng Pháp có website (cả tiếng Việt và tiếng Anh), trang thông tin điện tử và phần mềm để hỗ trợ người học và người dạy.

Môi trường làm việc cho cán bộ GV và người học luôn được đảm bảo. Nhà trường có đội ngũ bảo vệ và cán bộ y tế luôn túc trực 24/24 nhằm hỗ trợ đảm bảo an ninh và an toàn sức khỏe cho cán bộ GV, SV và học viên. Nhà trường cũng có đội ngũ vệ sinh môi trường, luôn quét dọn vệ sinh các khu giảng đường, khu làm việc, PTN và thực hành.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Trường ĐHSPHN là một trong những trường đại học có cơ sở vật chất và thiết bị lớn nhất trong hệ thống các trường đại học, đặc biệt là khi xét trong phạm vi các trường sư phạm của cả nước. Nhà trường có hệ thống giảng đường, phòng học đa năng trang bị đầy đủ máy móc - thiết bị, PTN, thực hành, phòng nghiệp vụ, thư viện, sân vận động, nhà thi đấu đa năng, trường chuyên, trường thực hành với các phương tiện kỹ thuật ngày càng hiện đại. KTX SV được mở rộng và nâng cấp, cảnh quan và môi trường sư phạm ngày càng đổi mới, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của một Trường sư phạm đầu ngành. Hệ thống cơ sở vật chất của Nhà trường gồm 3 khu chính: (i) Khu hành chính, gồm: Nhà hành chính - Hiệu bộ, TT TT-TV và Hội trường 11/10; (ii) Khu giảng đường, gồm các khu nhà: A1 - A4, B1, B2, C, C2, C3, C4, D1- D4, H8, N, M1 - M4, K1, K3, KT, T1, T2 và V; (iii) Khu KTX, gồm các khu nhà từ A5 - A12 [H9.09.01.01]. Trong đó, SV khoa Tiếng Pháp được sử

dụng nhiều tiện ích khác nhau thuộc hệ thống cơ sở vật chất của Trường: TT TT-TV, các khu giảng đường B, C, D3, K1 và KTX [H9.09.01.02].

Riêng hệ thống giảng đường, trường ĐHSPHN đang sở hữu hệ thống giảng đường rộng lớn với 226 phòng học và diện tích xây dựng 36.138 m², có đầy đủ các trang thiết bị cần thiết, đủ số chỗ phục vụ cho toàn bộ SV của 23 khoa đào tạo và 02 bộ môn trực thuộc Trường [H9.09.01.01]. Hệ thống giảng đường, phòng học lý thuyết được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng viết, đèn chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, quạt, hệ thống loa và micro trợ giảng và hầu hết đều được gắn máy chiếu và màn chiếu cố định, các phòng chưa có thì sử dụng máy chiếu di động. Các phòng học lớn và phòng học chuyên dụng còn có các thiết bị nghe nhìn chuyên dụng và hỗ trợ người học. Các phòng làm việc, giảng đường, phòng học, hội trường, PTH có nội quy làm việc, biển chỉ dẫn và biển tên rõ ràng [H9.09.01.01]. Nhà trường đảm bảo SV học 2 ca, không tổ chức học 3 ca [H9.09.01.02]; nhà trường có 100 PTN, thực hành, xưởng thực tập với tổng diện tích 10.931 m², các phòng học lý thuyết, PTH, thí nghiệm được thiết kế bảo đảm thực hiện đầy đủ CTĐT [H9.09.01.03].

Với đặc thù của Trường ĐHSPHN, Trường có trung tâm NVSP, là nơi thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, đào tạo, nâng cao năng lực NVSP cho SV và GV toàn trường [H9.09.01.01]

Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường đã và đang được đầu tư bài bản và đã phát triển thành một hệ thống chuyên nghiệp, phục vụ tốt cho công tác đào tạo và NCKH. Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường được kiểm kê hàng năm để đảm bảo kiểm soát tốt chất lượng của các trang thiết bị [H9.09.01.04].

Để đảm bảo việc liên tục bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và NCKH, hàng năm, các đơn vị trực thuộc Trường đều có những đề xuất để báo cáo lãnh đạo trường về nhu cầu đầu tư, mua sắm, nâng cấp, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và NCKH [H9.09.01.05]. Căn cứ nhu cầu thực tế và nguồn kinh phí của năm tài chính, Ban Giám hiệu Nhà trường sẽ tiến hành phân bổ kinh phí cho các đơn vị, trong đó có kinh phí duyệt cho kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản [H9.09.01.06] .

2. Điểm mạnh

Trường ĐHSPHN và Khoa Tiếng Pháp có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại, phù hợp để phục vụ hoạt động đào tạo

và nghiên cứu của Khoa Tiếng Pháp. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thường xuyên được bộ phận chuyên trách theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống wifi chưa đảm bảo ở tất cả các tòa nhà.

4. Kế hoạch hành động

- Hoàn thiện việc sửa chữa, nâng cấp các phòng làm việc và phòng chức năng của khoa.
- Duy trì bộ phận chuyên trách quản lý trang thiết bị, thường xuyên rà soát các phòng học, phòng làm việc ...

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Hoàn thiện việc sửa chữa, nâng cấp các phòng làm việc và phòng chức năng của khoa	Phòng Quản trị Phòng KHCN, Khoa Tiếng Pháp	Trong năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Duy trì bộ phận chuyên trách quản lý trang thiết bị, thường xuyên rà soát các phòng học, phòng làm việc, PTN...	Phòng KHCN, Khoa Tiếng Pháp	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường ĐHSPHN có trung tâm TT-TV với đầy đủ phòng đọc, trang thiết bị, nguồn học liệu phù hợp phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho SV hệ CNSP Tiếng Pháp. Trung tâm TT-TV trường ĐHSPHN được thành lập năm 1951. Trung tâm là một tòa nhà độc lập 4 tầng có diện tích sử dụng khoảng 6.241m², 35 phòng khác nhau và 1.200 chỗ ngồi với đầy đủ trang thiết bị và bàn ghế chuyên dụng, phù hợp với hoạt động của thư viện [H9.09.02.01][H9.09.02.02]. Về trình độ, 100% cán bộ chuyên môn có trình độ cử nhân trở lên trong đó có 12 ThS chiếm 46,1%. Hàng năm, Trung tâm thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn, các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học do nhà trường và các cơ quan thông tin thư viện tổ chức [H9.09.02.03].

Những năm gần đây, trung tâm TT-TV đã có nhiều cải tiến trong công tác tổ chức hoạt động, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về thông tin tài liệu, học tập, giảng dạy, nghiên cứu của đông đảo cán bộ, GV và SV toàn trường. Trung tâm có đầy đủ các các văn bản thông báo công khai thời gian phục vụ bạn đọc, nội quy, quy định cũng như các thông báo hướng dẫn tra cứu tài liệu và sử dụng thiết bị tại trung tâm TT-TV hàng năm. Đặc biệt, trong nhiều năm qua, Trung tâm đã mở cửa phục vụ ngoài giờ tất cả các buổi trưa và buổi tối trong tuần [H9.09.02.04].

Hiện tại, Trung tâm đang quản lý và phục vụ 2651 giáo trình với 104.526 bản sách, 54668 tài liệu tham khảo với 147677 bản sách và 54324 tài liệu khác với 58788 bản sách. Các tài liệu được viết bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau (Tiếng Việt, Anh, Đức, Nga, Trung Quốc...) cho tất cả các loại hình tài liệu như sách, báo, tạp chí, luận án, luận văn, đề tài NCKH, kỹ yếu. Trong đó có 6 giáo trình, 248 tài liệu tham khảo, 15310 luận án, luận văn, 9908 bài tạp chí và 249 đề tài nghiên cứu khoa học đã được số?. Số lượt đến thư viện trong năm 2021 như sau: 189500 nghiên cứu tài liệu, 25277 mượn tài liệu [H9.09.02.01]. Hiện nay, tại trung tâm thông tin thư viện Trường có 60 tài liệu trong tổng số 76 tài liệu bắt buộc (78,9%) cần cho chương trình đào tạo của Khoa Tiếng Pháp, đảm bảo phục vụ cho các hệ đào tạo CNSP Tiếng Pháp [H9.09.02.05].

Năm 2018, nhà trường đầu tư khoản kinh phí 45.000.000 VNĐ để mua thêm cơ sở dữ liệu Proquest Central gồm 24.000 xuất bản phẩm định kì trên 40 cơ sở dữ liệu phổ biến. Đây

là nguồn dữ liệu điện tử quốc tế đa ngành, đa lĩnh vực, có giá trị học thuật cao trong đó có những cơ sở dữ liệu như Biology database, Science database, Education database... Năm 2019, nhà trường đầu tư 155.900.000 VNĐ để mua thêm cơ sở dữ liệu điện tử Turnitin với tính năng chính giúp kiểm tra nội dung trùng lặp trong bản thảo với nguồn cơ sở dữ liệu của 60 tỉ trang web, 165 triệu công trình nghiên cứu từ hơn 590 nhà xuất bản học thuật uy tín và 750 triệu bài luận SV trên toàn cầu [H9.09.02.06].

Ngoài Trung tâm- thông tin thư viện, Khoa Tiếng Pháp trường ĐHSPHN cũng có phòng tư liệu và thư viện của các bộ môn của Khoa lưu trữ các giáo trình, tài liệu tham khảo, luận văn, khóa luận chuyên ngành. Phòng tư liệu và thư viện bộ môn giúp giảng viên và sinh viên nhanh chóng và trực tiếp tiếp cận tài liệu khi làm việc ở Khoa và bộ môn [H9.09.02.07]. Các tài liệu trong thư viện bộ môn được liệt kê danh sách cho người đọc dễ tiếp cận [H9.09.02.08] và cũng có sổ theo dõi việc mượn và trả của người đọc [H9.09.02.09]. .

Hàng năm, TT TT-TV luôn có những thông báo công khai gửi đến các đơn vị trong toàn trường về việc bổ sung tài liệu cũng như tài liệu đã mua để cán bộ, SV, học sinh trong toàn trường biết và tham khảo, việc bổ sung tài liệu một cách trực tiếp theo nhu cầu đã đảm bảo thư viện đáp ứng đủ số lượng các giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho đào tạo cũng như nghiên cứu khoa học [H9.09.02.10]. Nhà trường cũng luôn dành một khoản kinh phí thường xuyên để đầu tư mua tài liệu bổ sung (sách, báo, tạp chí) cho Trung tâm theo đề nghị bổ sung tài liệu thực tế của các Khoa hàng năm [H9.09.02.11]. Trung tâm cũng thường xuyên nhận được tài liệu biếu tặng từ các tổ chức, cá nhân. Các tài liệu, học liệu phục vụ đào tạo CTĐT cũng được cập nhật, bổ sung hàng năm theo quy trình như sau: Hàng năm, TT TT-TV ra thông báo bổ sung tài liệu; các Khoa trong đó có Khoa Tiếng Pháp lập danh sách các tài liệu cần bổ sung gửi TT TT-TV; nhà trường căn cứ vào nguồn tài chính của trường và nhu cầu bổ sung tài liệu thực tế của Khoa để mua tài liệu bổ sung; cuối cùng TT TT-TV sẽ ra thông báo công khai những tài liệu đã được mua bổ sung đến toàn thể cán bộ, SV, học sinh trong toàn trường. [H9.09.02.10].

Toàn bộ tài liệu bổ sung được xử lý theo đúng chuẩn nghiệp vụ quy định của Vụ Thư viện Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch, phù hợp với chuẩn nghiệp vụ quốc tế (như Khung phân loại Dewey 23, biên mục MARC21, AACR2), toàn bộ dây chuyền thông tin tư liệu từ khâu bổ sung đến xử lý, quản lý bạn đọc, phục vụ mượn trả tài liệu, in các biểu mẫu thống kê báo

cáo, in thư mục thông báo sách mới... đều được tiến hành trên máy. Hiện nay, TT TT-TV có 50 máy tính với 10 máy được trang bị mới (từ năm 2020)[H9.09.02.02].

TT TT-TV điện tử được kết nối giúp quản lý và liên thông dữ liệu để bạn đọc tìm kiếm tài liệu dễ dàng, nhanh chóng, chính xác. Bạn đọc có thể tra cứu trực tiếp qua mạng LAN hoặc internet thông qua tên miền: <http://lib.hnue.edu.vn>[H9.09.02.01].

Trung tâm thống kê và theo dõi việc sử dụng tài liệu thông qua phần mềm Libol của Công ty Công nghệ Tin học Tinh Vân (với 7 modul được sử dụng chính là: bổ sung, biên mục, OPAC, lưu thông, bạn đọc, ấn phẩm định kỳ và quản lý hệ thống) hoạt động đã tiết kiệm thời gian công sức của cán bộ thư viện [H9.09.02.05]. Những ấn phẩm mới và những ấn phẩm được tra cứu nhiều nhất luôn được cập nhật trên phần mềm tra cứu của TT TT-TV. Các phòng chức năng của Trung tâm có thể dễ dàng thống kê số lượt bạn đọc và số lượt tài liệu được mượn, trả; cũng như quản lý từng tài liệu SV đã mượn [H9.09.02.01].

Công tác phục vụ bạn đọc luôn được chú trọng, bên cạnh các kho đóng, Trung tâm đã tổ chức các kho phục vụ theo hình thức mở để người đọc được trực tiếp vào kho lựa chọn tài liệu, hình thức phục vụ này không những tiết kiệm được thời gian tra tìm tài liệu mà còn kích thích hứng thú của bạn đọc. Phòng đọc đa phương tiện cũng đã thu hút được một số lượng lớn bạn đọc đến sử dụng các thiết bị, các dạng tài liệu điện tử cho mục đích học tập nghiên cứu. Tổng số lượt bạn đọc đến thư viện trong 5 năm gần đây là 901.177 lượt [H9.09.02.13].

Trung tâm mở rộng quan hệ hợp tác với các thư viện trong nước để chia sẻ nguồn dữ liệu như với Quỹ Châu Á – Thái Bình Dương thông qua Thư viện Quốc gia Việt Nam, hợp tác với Liên hiệp Thư viện các trường Đại học khu vực phía Bắc, Thư viện Quốc gia Việt Nam, Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, các Trường đại học và các Viện nghiên cứu...Trung tâm cũng có nguồn tài liệu tặng cho các cơ quan tổ chức như: Trường ĐHSPTN II, Trung tâm Giáo dục thường xuyên Thanh Trì, Trường Đại học Thủ Đô, Thư viện Read and Go tỉnh Sơn La, ...[H9.09.02.15]. Ngoài ra, TT TT-TV còn thường xuyên kết hợp với các đơn vị trong và ngoài trường tổ chức các Hội thảo chuyên đề, Triển lãm trưng bày giới thiệu sách như năm 2019, Thư viện đã tổ chức Hội nghị Chuyên đề: “Chat với Trần Đăng Khoa – Yêu như là lính đảo” và “Hội sách ĐHSPTN” trong 1 tuần (Tuần lễ văn hóa đọc) đã thu hút được sự quan tâm và tham gia của nhiều độc giả trong và ngoài trường [H9.09.02.03]. Với những đóng góp của mình, TT TT-TV đã nhận được nhiều bằng khen, giấy khen như: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bằng khen Thành tích xuất sắc trong hoạt động

Liên chi hội Thư viện các Trường Đại học Khu vực phía Bắc, giấy khen tập thể tiên tiến... [H9.09.02.16].

Việc khảo sát ý kiến bạn đọc được tiến hành thường xuyên hàng năm giúp đánh giá được mức độ hài lòng cũng như nhu cầu thực sự của bạn đọc để từ đó cải tiến phương thức, thái độ phục vụ giúp hoạt động của TT TT-TV ngày càng hiệu quả hơn [H9.09.02.17].

Như vậy, TT TT-TV trường ĐHSPhN và thư viện Khoa Tiếng Pháp có đủ nguồn lực thông tin, nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của SV ngành CNSP Tiếng Pháp. Vì thế, thư viện điện tử cần được đầu tư và đẩy mạnh hơn nữa để liên kết và chia sẻ dữ liệu với các thư viện uy tín của các nước trong khu vực và quốc tế.

2. Điểm mạnh

TT TT-TV đang áp dụng các chuẩn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, sử dụng phần mềm Libol 8.0 trong các khâu xử lý tư liệu và quản lý bạn đọc. Có cơ sở vật chất tốt, diện tích lớn. Nhiều tài liệu đã và đang được số hóa.

3. Điểm tồn tại

Còn thiếu một vài tài liệu phục vụ cho đào tạo so với yêu cầu của chương trình đào tạo. Một số ứng dụng của phần mềm còn phát sinh lỗi trong quá trình sử dụng. Thư viện điện tử chưa kết nối chia sẻ tài liệu với các thư viện của các cơ sở đào tạo uy tín trong khu vực và quốc tế. Trong bối cảnh hiện nay việc hội nhập toàn cầu khiến tốc độ cập nhật học liệu của TT TT-TV nhà trường đôi lúc còn chưa theo kịp, nhiều sách ngoại văn không có đủ để đáp ứng yêu cầu của người học vì liên quan đến vấn đề bản quyền

4. Kế hoạch hành động

- Cập nhật các tài liệu theo chương trình đào tạo yêu cầu
- Nâng cấp phần mềm phát triển thư viện điện tử
- Tiếp tục số hóa thêm các dạng tài liệu như tạp chí, đề tài NCKH, ...

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
-----------	-----------------	-----------------	--------------------------------	--	----------------

1	Khắc phục tồn tại	- Cập nhật các tài liệu theo chương trình đào tạo yêu cầu - Nâng cấp phần mềm phát triển thư viện điện tử	TT TT-TV Phòng KH-TC	- Trong năm 2024 - Trong năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục số hóa thêm các dạng tài liệu như tạp chí, đề tài NCKH, ...	TT TT-TV	Trong năm 205	

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt mức 4/7

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trong hoạt động đào tạo, đối với các học phần chung của Trường có phần thực hành (học phần Tin học đại cương và Ngoại ngữ) của SV năm thứ nhất và thứ 2, Nhà Trường đã đầu tư đầy đủ các PTH tin học (14 phòng tại tầng 5 và tầng 8 nhà K1) và các PTH tiếng (5 phòng từ tầng 8 đến tầng 11 nhà K1). Các PTH này đều có trang thiết bị phù hợp như hệ thống máy tính có kết nối internet (435 bộ), máy chủ, hệ thống máy chiếu (18 bộ), hệ thống âm thanh-video-loa đài (đủ cho 14 PTH) và các phần mềm cơ bản phục vụ đào tạo (MS Windows 10, MS. Office 2010, Unikey) [H9.09.03.01], [H9.09.03.02].

Nhà Trường xây dựng kế hoạch hoạt động xây dựng cơ bản hàng năm và công khai dự toán kinh phí đến cấp khoa cho từng năm.

Các trang thiết bị trong các phòng thí nghiệm thường xuyên được kiểm tra, bảo trì và nâng cấp để đáp ứng nhu cầu thí nghiệm ngày càng cao của SV. Quy trình sửa chữa, bảo trì và mua sắm trang thiết bị được quy định thành văn bản [H9.09.03.02]. Vào đầu mỗi năm học, Khoa Tiếng Pháp sẽ lập kế hoạch mua mới và sửa chữa trang thiết bị để trình lên nhà trường duyệt ngân sách. Mỗi năm, Khoa Tiếng Pháp đều nhận được các nguồn kinh phí từ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và có năm có thêm nguồn kinh phí từ Bộ Giáo dục và Đào tạo để bảo trì và nâng cấp trang thiết bị của các phòng thí nghiệm [H9.09.03.03]. Đặc biệt trong năm

2017, Khoa Tiếng Pháp đã được đầu tư dự án trang thiết bị hiện đại phục vụ dạy học và nghiên cứu. Hơn nữa, trong năm 2018. Ngoài các cán bộ được phân công trực tiếp phụ trách từng PTH, PTN (Trưởng PTN, phụ trách PTH), khoa Tiếng Pháp còn có 01 trợ lý thiết bị được phân công nhiệm vụ cụ thể là hỗ trợ Khoa quản lý toàn bộ hệ thống thiết bị trong các PTN và PTH.

Mặc dù hệ thống PTN, PTH được trang bị thiết bị đầy đủ và được cập nhật, nâng cấp thường xuyên, nhưng Nhà trường luôn coi trọng các ý kiến đánh giá của người học và các bên liên quan về mức độ hài lòng đối với hệ thống PTN, PTH và các trang thiết bị phục vụ đào tạo. Theo thang đánh giá 5 bậc từ không hài lòng (mức 1) đến rất hài lòng (mức 5), có 8,5% người học chọn mức 3 (hài lòng); 46,5% chọn mức 4 (Hoàn toàn hài lòng) và 43,7% chọn mức 5 (Rất hài lòng) với đánh giá “Cơ sở vật chất/trang thiết bị của các phòng thực hành đáp ứng tốt các yêu cầu thực hành của ngành học Kết quả khảo sát lấy ý kiến của giảng viên khoa Tiếng Pháp cho thấy trên 20% hài lòng, chọn mức 3 (đồng ý về cơ bản); 40% mức 4 (Hoàn toàn đồng ý) và 24% mức 5 (Rất hài lòng) với đánh giá “Các phòng thực hành có đầy đủ trang thiết bị đáp ứng dạy học, hỗ trợ thêm NCKH Các kết quả đánh giá với mức độ hài lòng cao thể hiện sự phù hợp và hiệu quả của các PTN, PTH và các trang thiết bị trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

2. Điểm mạnh

Hàng năm Nhà Trường đều có kế hoạch, ngân sách cho nâng cấp cơ sở hạ tầng các PTN, PTH và kinh phí đầu tư mua sắm, bổ sung trang thiết bị, kinh phí sửa chữa thường xuyên cho các PTN, PTH. Do vậy, hệ thống PTN, PTH và các trang thiết bị phục vụ đào tạo ngành CNSPVL hoàn toàn đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo giáo viên Tiếng Pháp theo hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

3. Điểm tồn tại

Kinh phí đầu tư các trang thiết bị mới còn chưa đi kèm kinh phí bảo trì cho các trang thiết bị này dẫn đến kinh phí sửa chữa thường xuyên tăng cao khi các thiết bị này sử dụng quá 5 năm.

4. Kế hoạch hành động

- Nhà Trường tiếp tục duy trì và tăng cường nguồn kinh phí sửa chữa thường xuyên và đột xuất cho các phòng chức năng.

- Đề nghị có nguồn kinh phí bảo trì cho các thiết bị lớn, thiết bị phân tích hiện đại trong các dự án đầu tư trang thiết bị cho các phòng chức năng.

TT T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Đề nghị có nguồn kinh phí bảo trì cho các thiết bị lớn, thiết bị phân tích hiện đại trong các dự án đầu tư trang thiết bị PTN, PTH	Phòng KHCN, Phòng Kế hoạch – Tài chính Khoa Tiếng Pháp	Trong các năm tới	
2	Phát huy điểm mạnh	- Nhà Trường tiếp tục duy trì và tăng cường nguồn kinh phí sửa chữa thường xuyên và đột xuất cho các PTN, PTH	Phòng KHCN, Phòng Kế hoạch – Tài chính Khoa Tiếng Pháp, Trường ĐHSPHN	Trong các năm tới	

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.4: Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Về hệ thống CNTT trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu, hiện tại Nhà trường có 1023 máy tính để bàn và máy tính xách tay, trong đó có 883 máy tính ở thư viện, ở các khoa và các bộ môn nhằm phục vụ quản lý, đào tạo và NCKH, 140 máy tính ở các phòng ban và

ban quản lý kí túc nhằm phục vụ công tác quản lý. Tại thư viện có 120 máy phục vụ tra cứu, học tập của bạn đọc. Nhà trường có 15 phòng máy đặt tại nhà K1 với tổng số 396 máy tính phục vụ đào tạo tập trung các môn như tiếng Anh, tin học và học trực tuyến. Ở khoa Tiếng Pháp hiện nay có hệ thống máy tính bao gồm các máy dùng cho văn phòng, máy dùng chung, máy phục vụ đào tạo và nghiên cứu và máy ở các PTN – kết nối với máy móc để phục vụ thực hành và NCKH cho cán bộ GV và SV [H9.09.04.01]. Nhà Trường đã đầu tư kinh phí để xây dựng mạng lưới CNTT hiện đại và đồng bộ. Tất cả các giảng đường, PTN, phòng nghiên cứu, thư viện và KTX đều có mạng Internet với tốc độ 2Gbps [H9.09.04.02], [H9.09.04.03]. Nhà Trường nói chung và khoa Tiếng Pháp nói riêng đều có website với cả 2 ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, các cổng thông tin trên hệ thống website đã hỗ trợ phục vụ đắc lực cho công tác đào tạo, NCKH và các công tác khác của nhà trường. Để vận hành hệ thống cổng thông tin điện tử và mạng internet đồng bộ và thông suốt, Nhà Trường đã đề ra các quy chế hoạt động của cổng thông tin điện tử [H9.09.04.05], quy chế quản lý hệ thống mạng và sử dụng dịch vụ mạng của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội [H9.09.04.06]. Bên cạnh đó, để chuyên nghiệp hóa công tác đào tạo, Nhà Trường đã đầu tư kinh phí mua phần mềm phục vụ công tác quản lý, học tập. Không chỉ đối với người học, Nhà Trường cũng đã sử dụng phần mềm để quản lý giờ giảng dạy, giờ NCKH, giờ thực hiện các nhiệm vụ khác của GV (<https://qlnt.hnue.edu.vn/Account/Login>).

Nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao, nhà trường đã xây dựng kho học liệu trực tuyến (<https://olm.vn/>) với các bài giảng do giảng viên của Trườn biên soạn bám sát chương trình từ lớp 1 đến lớp 12 của Bộ GD&ĐT và mới đây nhà trường đã cho truy cập miễn phí kho học liệu này. Nhà trường cũng chú trọng đầu tư cơ sở vật chất phục vụ học trực tuyến, Người học có thể học online qua hệ thống học trực tuyến của trường tại địa chỉ : <http://lms.hnue.edu.vn> và cst.hnue.edu.vn. Cũng qua hệ thống học trực tuyến này, nhà trường đã tổ chức các lớp bồi dưỡng cho các cán bộ các tỉnh và đào tạo trực tuyến cho SV trong trường. Đồng thời với đó là tổ chức tập huấn nâng cao nghiệp vụ đào tạo trực tuyến cho các khoa và bộ môn, nhằm khuyến khích cán bộ GV áp dụng CNTT trong đào tạo. Đặc biệt trong đợt dịch Covid-19 nhà trường đã triển khai tập huấn và hướng dẫn cán bộ GV và giáo viên tổ chức dạy học trực tuyến cho SV và cao học [H9.09.04.08]. Khoa đã bố trí máy quay, phòng học và các thiết bị cần thiết cần thiết để GV tổ chức dạy học online, đồng thời quay bài giảng để chuyển cho SV và học viên. GV đã sử dụng hệ thống <http://fitel.hnue.edu.vn> để

cung cấp các bài giảng qua mạng cho SV cũng như hỗ trợ GV giảng dạy, kiểm tra đánh giá và thống kê số liệu học tập [H9.09.04.08].

Nhà Trường cũng đã thành lập Trung tâm CNTT để làm công việc chuyên trách quản lý CNTT cho cả trường [H9.09.04.09]. Để duy trì hoạt động của hệ thống trang thiết bị CNTT hiện có, Nhà Trường luôn có thông báo để khuyến nghị các đơn vị kiểm tra, rà soát và đề xuất sửa chữa [H9.09.04.10], thời gian vừa qua hệ thống mạng internet của nhà C (khoa Tiếng Pháp) đã được cải tạo và làm mới, tất cả các phòng đều có mạng wifi, phòng làm việc ở các tầng còn có hệ thống mạng có dây. Để hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn, Nhà Trường đã đầu tư kinh phí mua các phần mềm có bản quyền, phần mềm bảo vệ hệ thống và đầu tư mua mới, nâng cấp hệ thống CNTT hiện có [H9.09.04.11], đồng thời lên kế hoạch xây dựng dự án phát triển cơ sở hạ tầng CNTT của Nhà Trường. Nhà trường đã có dự án “nâng cao năng lực về CSVC và hạ tầng CNTT trong khuôn khổ chương trình ETEP tại trường ĐHSPTHN” qua dự án này, hệ thống CNTT của nhà trường đã được nâng cấp đồng bộ hơn [H9.09.04.12]. Như vậy, có thể thấy Nhà Trường đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa việc quản lý và khai thác các trang thiết bị CNTT hiện có với việc lên kế hoạch hiện đại hóa các trang thiết bị CNTT để đáp ứng tốt hơn nữa nhiệm vụ đào tạo và NCKH của Nhà Trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tích cực ứng dụng CNTT trong dạy học, quản lý đào tạo, KH-TC, quản lý nhân sự, học viên, sinh viên, khảo thí và đảm bảo chất lượng. Toàn thể cán bộ, GV và người học có thể được truy cập internet tại các giảng đường, PTN, phòng nghiên cứu và trong khu nội trú.

3. Điểm tồn tại

Nền tảng CNTT cần đồng bộ, thống nhất để tăng tính liên thông, tăng hiệu quả hỗ trợ đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

- Tiếp tục rà soát, sửa chữa và nâng cấp thiết bị dạy học, tin học hoá.
- Tăng cường tập huấn cho cán bộ, GV và người học sử dụng các thiết bị CNTT hỗ trợ giảng dạy và đào tạo.
- Đồng bộ hóa các nền tảng CNTT trong đào tạo.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đồng bộ hóa các nền tảng CNTT trong đào tạo	Trung tâm CNTT, Phòng KHCN, Phòng KH-TC, Khoa Tiếng Pháp	Trong các năm học tiếp theo	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục rà soát, sửa chữa và nâng cấp thiết bị dạy học, tin học hoá - Tăng cường tập huấn cho cán bộ, GV và người học sử dụng các thiết bị CNTT hỗ trợ giảng dạy và đào tạo	TTCNTT, Phòng KHCN, Phòng KH-TC, Khoa Tiếng Pháp	Trong các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Nhà Trường luôn tiếp nhận và triển khai hiệu quả các văn bản chính sách của nhà nước, các bộ ngành nhằm bảo vệ an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường tại các giảng đường, PTN, phòng nghiên cứu, các khu làm việc cũng như tại KTX [H9.09.05.01]. Trên cơ sở tiếp thu tinh thần chỉ đạo của các cấp, nhà Trường đã ban hành các nội quy, quy định về an toàn sức khỏe

và môi trường làm việc cho cán bộ, GV, người học và các bên liên quan, bên cạnh các quy định chung của nhà Trường, khoa Tiếng Pháp cũng ban hành nội quy, quy định cụ thể cho từng PTH và phòng nghiên cứu [H9.09.05.02]. Nhà Trường cũng ban hành quy định các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn vệ sinh lao động [H9.09.05.03], quy định về phòng cháy chữa cháy [H9.09.05.04].

Để đảm bảo an ninh trật tự, Nhà Trường đã có Phòng bảo vệ được thành lập và hoạt động theo quy định của Chính phủ và Bộ công an [H9.09.05.05], cán bộ phòng bảo vệ được phân công túc trực 24/24 nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tài sản cho các phòng làm việc, PTH, phòng nghiên cứu, các khu giảng đường, KTX [H9.09.05.06], [H9.09.05.07]. Lực lượng bảo vệ cũng luôn được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao [H9.09.05.08]. Không chỉ chủ động trong công việc của mình, Phòng Bảo vệ đã có liên kết, phối hợp tốt với Công an Phường Dịch Vọng Hậu trong công tác bảo đảm an ninh của khu vực [H9.09.05.09]. Nhờ những thành tích này mà Phòng bảo vệ đã nhận được nhiều giấy khen của chính quyền và công an địa phương [H9.09.05.10].

Nhằm thực hiện tốt các quy định về an toàn phòng chữa cháy nổ, Nhà Trường đã ban hành các quy định phòng cháy chữa cháy [H9.09.05.04], thành lập Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy [H9.09.05.11], đội phòng cháy chữa cháy [H9.09.05.12] và ban hành các phương án chữa cháy cơ sở, có chuyên gia công nghệ phòng cháy chữa cháy [H9.09.05.13]. Các khu giảng đường, KTX, PTH, PTN và nghiên cứu đều có cửa thoát hiểm, có bình cứu hỏa [H9.09.05.14], hàng năm Nhà Trường đều phối hợp với các đơn vị chức năng kiểm tra thiết bị phòng cháy chữa cháy [H9.09.05.15], nhằm nâng cao nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho cán bộ và SV, Nhà Trường cũng thường xuyên cử cán bộ, SV tham gia các lớp tập huấn phòng cháy chữa cháy [H9.09.05.16]. Bên cạnh các hoạt động thường nhật, trong các dịp nghỉ lễ tết, Nhà Trường luôn có các thông báo hướng dẫn các đơn vị đảm bảo an ninh, phòng chống cháy nổ [H9.09.05.17].

Nhà Trường cũng đã thực hiện nhiều chính sách và biện pháp nhằm bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cán bộ GV và người học. Nhà Trường đã thành lập trạm y tế, đồng thời có những quy định về quyền hạn và nghĩa vụ của trạm y tế [H9.09.05.18], [H9.09.05.19]. Các cán bộ y tế luôn được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ [H9.09.05.20], ngoài lịch trực cố định, trạm y tế còn bố trí cán bộ trực thêm ngoài giờ để duy trì chế độ trực ban 24/24 nhằm hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho cán bộ GV và người học [H9.09.05.21]. Bên cạnh đó nhằm kiểm tra sức

khỏe thường xuyên cho cán bộ, định kì hàng năm Trường đều tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, viên chức [H9.09.05.22]. Đối với SV thì Nhà Trường ra thông báo về việc lập danh sách tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc cho cán bộ và SV [H9.09.05.23].

Bên cạnh đó những chính sách về an toàn vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường cũng được Nhà Trường nghiêm túc triển khai. Nhà Trường đã thành lập Ban an toàn vệ sinh lao động [H9.09.05.24], ban hành các quy định về an toàn vệ sinh lao động [H9.09.05.03], kí hợp đồng với dịch vụ vệ sinh để thường xuyên thu dọn vệ sinh các khu giảng đường, KTX, PTN và nghiên cứu [H9.09.05.25], [H9.09.05.26], ngoài ra để đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường của các khu làm việc, Nhà Trường cũng thường xuyên có thông báo và tổ chức phun thuốc phòng dịch bệnh, thông báo an toàn vệ sinh phòng bệnh trong đợt dịch Covid-19 [H9.09.05.27] và có những biên bản kiểm tra giám sát công tác vệ sinh trường học cũng như báo cáo định kì.

Khoa Tiếng Pháp đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến của cán bộ GV và SV về vấn đề an toàn, vệ sinh các khu giảng đường, an toàn phòng chống cháy nổ và tư vấn chăm sóc sức khỏe. Kết quả cho thấy: theo thang đánh giá 5 bậc từ không hài lòng (mức 1) đến rất hài lòng (mức 5), có 20% GV và 22,5% người học chọn mức 3 (hài lòng); 40% GV và 35,2% người học chọn mức 4 (Hoàn toàn hài lòng) và 36% GV và 40,8% người học chọn mức 5 (Rất hài lòng) với đánh giá “Các khu giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng làm việc tại khoa luôn đáp ứng vệ sinh sạch sẽ và an toàn” [H9.09.05.30]; có 12% GV và 9,9% người học chọn mức 3 (hài lòng); 48% GV và 56,3% người học chọn mức 4 (Hoàn toàn hài lòng) và 32% GV và 31% người học chọn mức 5 (Rất hài lòng) với đánh giá “Các khu tòa nhà có thiết bị an toàn cháy nổ và thoát hiểm” [H9.09.05.30]; có 24% GV và 14,1% người học chọn mức 3 (hài lòng); 44% GV và 45,1% người học chọn mức 4 (Hoàn toàn hài lòng) và 20% GV và 35,2% người học chọn mức 5 (Rất hài lòng) với đánh giá “Nhà trường có đội ngũ y tế đảm bảo sẵn sàng giúp đỡ tư vấn thầy cô và sinh viên trong vấn đề sức khỏe tại trường” [H9.09.05.30]; có 16% GV và 16,9% người học chọn mức 3 (hài lòng); 48% GV và 53,5% người học chọn mức 4 (Hoàn toàn hài lòng) và 28% GV và 26,8% người học chọn mức 5 (Rất hài lòng) với đánh giá “Đội ngũ bảo vệ nhà trường hoạt động hiệu quả và đảm bảo an ninh tốt cho trường, khoa” [H9.09.05.28].

2. Điểm mạnh

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và được triển khai chi tiết cụ thể. Phòng bảo vệ, Ban quản lý KTX, Ban quản lý giảng đường, cán bộ Trạm y tế được

phân công nhiệm vụ cụ thể, luôn được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe cho người dạy và người học được chăm lo tư vấn, môi trường làm việc xanh-sạch-đẹp.

3. Điểm tồn tại

Chưa có quy định cụ thể về thu gom và xử lý hóa chất độc hại sau khi thí nghiệm và thực hành. Một số toàn nhà cũ chưa có thang máy, chưa có hệ thống tiện ích đặc thù cho người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

- Tiếp tục duy trì công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, công tác vệ sinh môi trường, cải tạo cảnh quan giảng dạy và đào tạo.

- Đầu tư kinh phí để duy tu bảo dưỡng và đầu tư mới cơ sở vật chất, thiết bị phòng chống cháy nổ, lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Đầu tư kinh phí để duy tu bảo dưỡng và đầu tư mới cơ sở vật chất, thiết bị phòng chống cháy nổ, lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật	Phòng Quản trị, Phòng KH-TC	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục duy trì công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, công tác vệ sinh môi trường, cải tạo cảnh quan giảng dạy và đào tạo	Phòng Quản trị, Phòng KH-TC	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Trường ĐHSPhN và Khoa Tiếng Pháp có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại, phù hợp để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT CNSPVL. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thường xuyên được theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp. Trung tâm TT-TV đang áp dụng các chuẩn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, sử dụng phần mềm Lib 5.5 trong các khâu xử lý tư liệu và quản lý bạn đọc. Nguồn tài liệu đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của cán bộ, GV, SV và học sinh trong toàn trường. Hàng năm Nhà Trường đều có kế hoạch, ngân sách cho nâng cấp cơ sở hạ tầng các PTN, PTH và kinh phí đầu tư mua sắm, bổ sung trang thiết bị, kinh phí sửa chữa thường xuyên cho các PTN, PTH. Do vậy, hệ thống PTN, PTH và các trang thiết bị phục vụ đào tạo ngành CNSPVL hoàn toàn đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo giáo Tiếng Pháp theo hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Nhà trường đã tích cực ứng dụng CNTT trong dạy học, quản lý đào tạo, KH-TC, quản lý nhân sự, học sinh, SV, khảo thí và đảm bảo chất lượng. Toàn thể cán bộ, GV và người học có thể được truy cập internet tại các giảng đường, PTN, PTH và trong khu nội trú. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và được triển khai chi tiết cụ thể. Phòng bảo vệ, Ban quản lý KTX, Ban quản lý giảng đường, cán bộ Trạm y tế được phân công nhiệm vụ cụ thể, luôn được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe người dạy và người học được chăm lo tư vấn, môi trường làm việc xanh-sạch-đẹp.

Bên cạnh các điểm mạnh được nêu trên đây, cơ sở vật chất của CTĐT cũng còn tồn tại một số mặt hạn chế. Do hệ thống các tòa nhà đều được xây dựng từ lâu, nên không tránh khỏi sự xuống cấp, nên thường xuyên cần nâng cấp. Một số ứng dụng của phần mềm còn phát sinh lỗi trong quá trình sử dụng. Thư viện điện tử chưa kết nối chia sẻ tài liệu với các thư viện của các cơ sở đào tạo uy tín trong khu vực và quốc tế. Kinh phí đầu tư các trang thiết bị mới còn chưa đi kèm kinh phí bảo trì cho các trang thiết bị này dẫn đến kinh phí sửa chữa thường xuyên tăng cao khi các thiết bị này sử dụng quá 5 năm. Do kinh phí đầu tư của trường hạn hẹp nên chưa có hệ thống máy tính chuyên dụng có cấu hình cao và đồng bộ để phục vụ giảng dạy và đặc biệt là NCKH. Nhà Trường chưa có quy định cụ thể về thu gom và xử lý hóa chất độc hại sau khi thí nghiệm và thực hành. Những tiện ích đặc thù cho người khuyết tật đã được chú ý nhưng còn ít.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 9

Tiêu chuẩn 9	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 9.1					5		
Tiêu chí 9.2				4			
Tiêu chí 9.3					5		
Tiêu chí 9.4					5		
Tiêu chí 9.5					5		
Điểm tiêu chuẩn	4,8						

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Trường ĐHSPHN rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, chuyên gia) để thiết kế và phát triển, cải tiến chương trình dạy học đến việc thường xuyên rà soát để đảm bảo chất lượng quá trình dạy-học phù hợp với chuẩn đầu ra, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như phòng thí nghiệm, thư viện, trung tâm công nghệ thông tin..., tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả

Nhà trường và Khoa có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp). TT ĐBCL (trước đây là TT ĐBCL và khảo thí) là đơn vị phụ trách thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (cựu SV, nhà khoa học chuyên môn, GV, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động, vv.) để làm cơ sở tham mưu cho Nhà trường và Khoa trong công tác đảm bảo chất lượng [H10.10.01.01].

Nhà trường đã ban hành hướng dẫn quy trình, công cụ, phương pháp thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan [H10.10.01.02] gồm 7 bước:

- Bước 1: Xây dựng kế hoạch khảo sát: các đơn vị được giao nhiệm vụ lập kế hoạch khảo sát chi tiết theo kế hoạch của Nhà trường và gửi lên TT ĐBCL.

- Bước 2: Thu thập thông tin phản hồi: tiến hành thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan [H10.10.01.04; H10.10.01.05; H10.10.01.06] theo kế hoạch.

- Bước 3: Hoàn thành khảo sát, xử lý kết quả, thống kê dữ liệu: các đơn vị thống kê, tổng hợp dữ liệu và chuyển dữ liệu khảo sát gốc cho TT ĐBCL.

- Bước 4: Viết báo cáo tổng hợp: Xử lý dữ liệu khảo sát của các đơn vị, viết báo cáo tổng hợp.

- Bước 5: Công bố báo cáo tổng hợp: công bố báo cáo tổng hợp, gửi kết quả đến Hiệu trưởng; gửi dữ liệu tách riêng đến các đơn vị liên quan.

- Bước 6: Cải tiến và thực hiện cải tiến: họp thảo luận về kết quả đánh giá và lập kế hoạch cải tiến, gửi kế hoạch cải tiến cho TT ĐBCL.

- Bước 7: Lưu trữ: lưu trữ dữ liệu và minh chứng; báo cáo kết quả khảo sát; dữ liệu gốc kết quả khảo sát.

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được Nhà trường và Khoa thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển CTDH. Định kỳ hàng năm, TT ĐBCL tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV cuối mỗi học kỳ về công tác giảng dạy các học phần (học kỳ I, II) [H10.10.01.03] nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng dạy và học; lấy ý kiến của SV khi tốt nghiệp và sau tốt nghiệp 1 năm về ngành/khóa đào tạo và CTĐT; lấy ý kiến của GV về CTĐT và mức độ hài lòng của các cơ quan sử dụng lao động, vv. để làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT [H10.10.01.07]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng tổ chức các buổi tọa đàm với sinh viên [H10.10.01.08] và Khoa cũng tổ chức hội nghị chuyên môn với sự tham gia của GV, nhà khoa học của Khoa để trao đổi, thảo luận, xin ý kiến góp ý về việc thiết kế và phát triển CTDH [H10.10.01.09]. Sau khi hoàn thiện bản thảo CTDH đầu tiên, Khoa đã tổ chức họp xin ý kiến của GV, nhà khoa học của Khoa, của Trường để đi đến bản thảo CTDH cuối cùng, và ban hành CTDH.

Nhà trường có Quy định về bảo đảm chất lượng nội bộ, trong đó có quy định về hệ thống khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, Khoa có bộ phận BĐCL thuộc mạng lưới ĐBCL nhà trường [H10.10.01.11]. Bộ phận BĐCL thuộc khoa bao gồm 01 lãnh đạo đơn vị và 02 thành viên là cán bộ của khoa có nhiệm vụ triển khai thực hiện các quy định của Nhà trường về đảm bảo chất lượng và phối hợp với TT ĐBCL trong việc thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo chất lượng như thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan. Khoa phối hợp với TT ĐBCL thực hiện các cuộc khảo sát hoặc tổ chức các hội nghị để lấy ý kiến của các bên liên quan, thực hiện thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTĐT [H10.10.01.10; H10.10.01.12]

Các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được xử lý và sử dụng làm căn cứ để Khoa rà soát, điều chỉnh và phát triển CTDH trong CTĐT theo qui định 2 năm một lần.

Theo ý kiến của các bên liên quan năm 2019, CTĐT và mỗi học phần trong CTDH cần gắn chặt hơn nữa với định hướng phát triển năng lực người học, đặc biệt là với việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; tăng số học phần tự chọn và xây dựng thêm một số môn học mới để đáp ứng nhu cầu của thị trường, mong muốn của sinh viên và cựu sinh viên; điều chỉnh ma trận các học phần và xác định rõ hơn các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá. Ban xây dựng CTĐT của Trường và Khoa đã họp để chỉnh sửa CTĐT cho năm 2022 [H10.10.01.13].

Song song với việc lấy ý kiến các bên liên quan để chỉnh sửa và hoàn thiện CTĐT phù hợp với nhu cầu và tình hình thực tiễn, Khoa cũng tiến hành họp xin ý kiến các bên về CDR của chương trình đào tạo cử nhân SPTP [H10.10.01.14], lấy ý kiến của các cơ sở thực tập sau mỗi kỳ thực tập của SV [H10.10.01.15]. Năm 2022, Khoa thực hiện việc rà soát và điều chỉnh đề cương các học phần (GV giảng dạy, giáo trình và tài liệu học tập, mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần, ma trận chuẩn đầu ra học phần và nội dung giảng dạy, ma trận chuẩn đầu ra học phần và nội dung kiểm tra, đánh giá)

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa sử dụng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu đa dạng (phiếu khảo sát, các hội nghị, cuộc họp và thảo luận) với sự tham gia của các bên liên quan (SV, GV và người sử dụng lao động). Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được xử lý và sử dụng làm cơ sở để Trường và Khoa rà soát, điều chỉnh và phát triển CTDH trong CTĐT nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa tổ chức được các hội nghị, hội thảo khoa học về thực tập sư phạm của người học với các cơ sở thực tập để đánh giá mức độ đáp ứng CDR của CTDH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học về thực tập sư phạm của người học với các cơ sở thực tập để đánh giá mức độ	TT ĐBCL, Phòng Đào tạo và Khoa	Từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.

		đáp ứng CDR của CTDH.		
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ SV. - Rà soát, chỉnh sửa CTDH hằng năm và định kỳ.	TT ĐBCL, Phòng Đào tạo và Khoa	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

CTDH trong CTĐT Cử nhân Sư phạm tiếng Pháp được thiết kế và phát triển theo một quy trình chặt chẽ, từ khâu thiết kế và phát triển đến khâu rà soát, đánh giá và cải tiến, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và nhiệm vụ của Nhà trường cũng như yêu cầu của Bộ GD&ĐT [H10.10.02.01].

Theo Hướng dẫn Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học Trường ĐHSPHN [H10.10.02.02], CTDH trong CTĐT Cử nhân Sư phạm tiếng Pháp được thiết kế và phát triển theo quy trình cụ thể như sau:

- Bước 1: Xác định mục tiêu đào tạo cụ thể, chuẩn đầu ra của CTĐT, của các môn học có trong CTĐT.
- Bước 2: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của môn học, của CTĐT, xây dựng chương trình dạy học đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;
- Bước 3: Xác định các yếu tố sẽ ảnh hưởng đến thiết kế chương trình dạy học bao gồm thời gian, thời lượng, các quy định của các cấp quản lý, vv.
- Bước 4: Xây dựng ma trận các học phần để có thể đánh giá đúng quy trình và sự gắn kết của CTĐT;
- Bước 5: Xác định và thiết lập các phương pháp giảng dạy sẽ được sử dụng trong suốt CTDH;

- Bước 6: Xác định và thiết lập các phương pháp đánh giá sẽ được sử dụng để đánh giá người học trong quá trình dạy học.

- Bước 7: Định kỳ rà soát, điều chỉnh, cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH phù hợp với thực tiễn của Nhà trường (tổ chức lấy ý kiến của GV, cán bộ quản lý sử dụng CTDH). Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động.

Thực hiện nghiêm túc quy trình trên đây, CTDH trong CTĐT Cử nhân Sư phạm tiếng Pháp đã được thiết kế và phát triển căn cứ mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT [H10.10.02.03] và quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường [H10.10.02.04]

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH trong CTĐT Cử nhân Sư phạm tiếng Pháp được rà soát và đánh giá định kỳ theo hướng dẫn của Nhà trường [H10.10.02.07]. Khoa đã tổ chức họp để lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (GV của Khoa và đại diện lãnh đạo các trường phổ thông) để rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

Trong lần điều chỉnh CTĐT năm 2022 [H10.10.02.06], Khoa đã tiến hành thiết kế và phát triển CTDH theo đúng quy trình của Nhà trường. Từ ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H10.10.02.08], Khoa đã xây dựng được 4 tiêu chuẩn với 23 tiêu chí cho CDR của CTĐT Cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Pháp [H10.10.02.05].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH trong CTĐT được thiết lập, được đánh giá và cải tiến theo quy trình chặt chẽ, hợp lý và đúng quy định. Việc rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH được thực hiện dựa trên thông tin phản hồi từ các bên liên quan với sự tham gia của GV và cán bộ quản lý. Vì vậy, CTĐT được cập nhật, điều chỉnh để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Trường và Khoa chưa nhận được nhiều ý kiến của các cơ quan/tổ chức sử dụng lao động làm cơ sở tham khảo để thiết kế và phát triển CTDH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn
----	----------	----------	-------------------------	-------------------------------

				thành
1	Khắc phục tồn tại	Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cơ quan/tổ chức sử dụng lao động về quy trình thiết kế và phát triển CTDH để cải tiến CTĐT theo hướng đáp ứng nhu cầu của xã hội.	TT ĐBCL, Phòng Đào tạo và Khoa	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo.
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan. - Trường và Khoa thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến định kỳ quy trình thiết kế và phát triển CTDH.	TT ĐBCL, Phòng Đào tạo và Khoa	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Trong quy chế đào tạo trình độ Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, việc giám sát, đánh giá quá trình dạy; giám sát việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được quy định cụ thể trong Chương 2 *Quy chế quy định việc lập kế hoạch và tổ chức đào tạo*, Chương 3 *Quy định việc Đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp* [H10.10.03.01]. Quá trình dạy và đánh giá kết quả học tập của người học ngành Sư phạm Tiếng Pháp đã thực hiện theo những quy định trên nên được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo thực hiện được CĐR đã công bố. Căn cứ vào quy chế đào tạo của Trường, quá trình dạy và học, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương chi tiết các học phần [H10.10.03.05] mà GV phải thực hiện. Khoa Pháp đã ban hành văn bản quy trình dự giờ, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người

học và các biểu mẫu chấm dự giờ để GV thực hiện [H10.10.03.02].

Quá trình dạy - học được khoa rà soát thường xuyên thông qua quy định cụ thể với từng đối tượng GV trong khoa: BCN khoa, GV giảng dạy các học phần, giáo vụ, cố vấn học tập, bộ phận quản lí sinh. Quá trình dạy và học được rà soát và đánh thường xuyên để đảm bảo được CĐR thông qua các hoạt động: dự giờ, góp ý kiến về các giờ dạy trong toàn khoa. Khoa đã ban hành văn bản một số quy định dự giờ, đánh giá GV trong việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực vào giảng dạy. Các bộ môn chủ động tổ chức các buổi dự giờ [H10.10.03.03] các học phần thuộc bộ môn quản lí. Sau những buổi dự giờ đó, bộ môn tổ chức họp nhằm đóng góp ý kiến để GV có thể điều chỉnh về nội dung bài dạy, cách thức tổ chức dạy học và cách kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H10.10.03.04]. Hoạt động này cũng giúp các bộ môn, khoa chủ động trong việc điều chỉnh chương trình đào tạo để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H10.10.03.05]

Bên cạnh đó, Ban Thanh tra Giáo dục của Trường cũng thường xuyên kiểm tra, giám sát việc dạy và học theo thời khóa biểu của các GV trong khoa cũng như giám sát công tác tổ chức thi ở tất cả các học phần do Khoa đảm nhiệm.

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương học phần [H10.10.03.05] và quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường [H10.10.03.01]. Trong đó chỉ rõ hình thức, thời điểm và trọng số của từng lần kiểm tra, đánh giá. Đối với đào tạo theo hệ thống tín chỉ được quy định điểm chuyên cần chiếm trọng số là 10%, điểm giữa kì là 30% và điểm thi kết thúc học phần là 60% tổng số điểm. Quy trình kiểm tra, đánh giá trong một học kì gồm: đánh giá thường xuyên thông qua các bài thực hành, bài tập nhỏ; đánh giá giữa kì thông qua bài điều kiện và đánh giá cuối kì thông qua bài thi. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hóa theo từng bối cảnh nhưng GV vẫn chủ động và đáp ứng mục tiêu học phần và đảm bảo CĐR. [H10.10.03.05; H10.10.03.06].

Để tăng tính tự học và tự nghiên cứu của SV, GV trong khoa đã thay đổi PPGD, năm học 2020 - 2021, từ việc hướng dẫn, hỗ trợ, cung cấp thêm cho sinh viên nguồn tài liệu số, GV đã tiến hành kiểm tra đánh sinh viên thông qua một số hình thức mới như chấm bài tập dự án, bài tập lớn bên cạnh các hình thức thi tự luận, thi trắc nghiệm; vv. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo

khả năng đo lường mức độ đạt được CDR. Các dạng bài kiểm tra không chỉ đánh giá được các CDR mà còn giúp SV phát triển năng lực tự học và các năng lực đặc thù của bộ môn [H10.10.03.07]]. Theo kết quả lấy ý kiến sinh viên trong từng năm học, SV đã phản hồi tích cực về phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá của GV khoa Tiếng Pháp. [H10.10.03.08]

Quy trình ra đề và chấm thi được thực hiện theo các bước như sau: giáo vụ khoa gửi đến các bộ môn danh sách những học phần thi trong học kì đó, trước khi thi 1 tuần GV gửi đề, đáp án có chữ ký duyệt của Trưởng (hoặc phó) bộ môn và BCN khoa. Trưởng khoa hoặc phó khoa phụ trách đào tạo sẽ in, sao, niêm phong đề thi và giao cho giáo vụ khoa. Đến ngày thi, trước giờ thi 15 phút, giáo vụ khoa sẽ bàn giao cho cán bộ coi thi. Kết thúc mỗi kì thi, sau khi các GV chấm thi xong, giáo vụ thống kê, tổng hợp điểm số các học phần và gửi lại cho BCN khoa (Trưởng khoa). Trưởng khoa rà soát, chuyển điểm của các học phần về các Bộ môn phụ trách học phần đó để xem xét và đưa ra những định hướng thực hiện các học phần trong học kì tiếp theo. Trưởng bộ môn báo cáo lại với BCN khoa những điều chỉnh (nếu có) [H10.10.03.02]

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập và quá trình dạy học được Trưởng, khoa và các bộ môn rà soát và đánh giá thường xuyên, nghiêm túc.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức dự giờ, góp ý các giờ giảng vẫn chưa huy động được sự tham gia của tất cả các GV trong khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Phân công giảng viên tham gia dự giờ của các đồng nghiệp không chỉ trong bộ môn mà còn dự giờ các đồng nghiệp ở bộ	Ban Chủ nhiệm khoa; Tổ trưởng bộ môn và	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo.

		môn khác	toàn thể giảng viên	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ SV để cải tiến, nâng cao chất lượng giảng dạy.	TT ĐBCL, Khoa & Các bộ môn	Từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng và cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả

Nghiên cứu khoa học có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Trong Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHSP Hà Nội đã quy định rõ GV phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học (586 giờ hành chính hay 150 giờ chuẩn) để làm nhiệm vụ NCKH [H10.10.04.01]. Quy định này thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với sự phát triển của Trường và xã hội [H10.10.04.02, H10.10.04.03]. Theo quy định này, các GV khoa Tiếng Pháp đã luôn chú trọng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy hàng năm. Các thống kê hàng năm [H10.10.04.04] đã thể hiện kết quả NCKH của GV khoa Tiếng Pháp (**Bảng 10.4.1**).

Bảng 10.4.1. Số lượng các công bố NCKH của cán bộ, GV khoa Tiếng Pháp

Năm	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Bài báo	11	11	15	17	
Sách	1	1	1	1	

Khoa Tiếng Pháp xác định hoạt động NCKH góp phần quan trọng vào nâng cao chất lượng dạy học nên hàng năm các hoạt động NCKH được triển khai dưới nhiều hình thức, gồm: hướng dẫn SV tham gia NCKH SV, GV tham gia đề tài NCKH các cấp, tham gia các hội thảo, hội nghị chuyên ngành; viết bài báo khoa học [H10.10.04.04], [H10.10.04.05], [H10.10.04.07].

Bảng 10.4.2. Các học phần sử dụng các công bố NCKH để cải tiến chất lượng GD

TT	Năm	Tên đề tài	Học phần sử dụng NCKH để nâng cao chất lượng GD
1	2019	Những khó khăn thường gặp của sinh viên khi học dạng bị động tiếng Pháp và giải pháp trong giảng dạy	
2	2019	Xây dựng module tự học kỹ năng nghe hiểu cho SV năm thứ nhất Khoa Pháp-ĐHSP Hà Nội	Tiếng Pháp cơ bản 1, Tiếng Pháp cơ bản 2
3	2020	Giảng dạy các yếu tố văn hoá, văn minh cho sinh viên không chuyên tiếng Pháp-Trường ĐHSP Hà Nội: Khó khăn và giải pháp	Tiếng Pháp 1, Tiếng Pháp 2 (học phần tiếng Pháp không chuyên)
4	2020	Nghiên cứu văn hóa trên bàn ăn của người Việt Nam và người Pháp	Văn hoá và văn minh
5	2021	Vận dụng hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong giảng dạy tiếng Pháp ở trường trung học cơ sở	Lí luận và Phương pháp dạy học tiếng Pháp
6	2022	Lỗi chính tả trong bài luận tiếng Pháp	Viết 3
7	2022	Thực trạng tự học kỹ năng nói của sinh viên năm thứ 3 khoa Tiếng Pháp - Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội và một số khuyến nghị	Nói 3, Nói 4
8	2023	Quelques réflexions sur les fautes d'orthographe dans les écrits des étudiants	Viết 4
9	2023	Sử dụng Padlet trong việc dạy Viết đối với Sinh viên năm thứ ba	Viết 3, Viết 4

Do hoạt động NCKH của sinh viên vừa là điều kiện, vừa là cơ hội để thực hiện gắn kết NCKH với giảng dạy nên SV ở khoa Tiếng Pháp được tạo điều kiện tham gia vào các hoạt động NCKH thường xuyên như các semina khoa học, các Hội nghị SV - NCKH ở khoa [H10.10.04.08, H10.10.04.09, H10.10.04.10, H10.10.04.11] và các hoạt động NCKH của

Trường. Hàng năm, Hội nghị SV NCKH được tổ chức vào tháng 4, các đề tài NCKH xuất sắc của SV được đề xuất chuyển lên cấp Trường và đã đạt được những thành tích đáng khích lệ trong những năm gần đây. Các đề tài được giải thưởng đều có ý nghĩa khoa học và thực tiễn [H10.10.04.10], [H10.10.04.11]. Hội nghị NCKH của Trường ĐHSPHN năm nào cũng có SV của khoa Tiếng Pháp tham gia và năm học 2020-2020, Khoa đã có SV được giải Nhì cấp Khoa và đề tài được cử dự thi Giải thưởng Khoa học Eureka. [H10.10.04.12].

Các sản phẩm NCKH của từng lĩnh vực chuyên môn trong khoa ngoài việc góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu và trình độ GV trong giảng dạy còn đóng góp vào việc điều chỉnh, cập nhật và cải tiến việc dạy và học, nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể là:

- Các kết quả NCKH mới nhất là những bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành được đưa vào áp dụng trong một số học phần Nghe, Nói, Dịch, Ngữ Pháp, Văn hoá văn minh (*Bảng 10.4.2*).

- Các kết quả NCKH được phổ biến và vận dụng trong việc hướng dẫn SV làm khóa luận tốt nghiệp.

- Một số cán bộ trong khoa có các đề tài NCKH cho GV và người học gắn với nội dung hoạt động dạy học, phục vụ trực tiếp cho việc dạy và học. Trong những năm gần đây, số lượng các công trình NCKH của cán bộ Khoa đã có sự tăng lên đáng kể không chỉ về số lượng mà còn cả về chất lượng khi số lượng sách giáo trình/sách chuyên khảo và bài báo có dấu hiệu tăng các năm [H10.10.04.04]. Các GV của Ngành SP Tiếng Pháp cũng bắt đầu cho ra đời các giáo trình, sách tham khảo nhằm phục vụ cho công việc nghiên cứu và giảng dạy của bản thân [H10.10.04.06]. Có thể nói các công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến các môn thực hành tiếng được các giảng viên áp dụng và bổ sung để xây dựng thành các tập bài giảng và giáo trình sử dụng trong chương trình. Ngoài ra, việc cập nhật các tập bài giảng và giáo trình cũng được tiến hành thường xuyên bằng việc thực hiện các nghiên cứu khoa học điều tra về thực trạng giảng dạy và chất lượng học tập của sinh viên. Cụ thể đã có 5 nghiên cứu khoa học được áp dụng chuyển thể thành sách hoặc một phần giáo trình giảng dạy tại Khoa. Ngoài ra, trong giai đoạn 2019-2023, từ việc chỉ cho ra đời các sách tham khảo, giảng viên Ngành SP Tiếng Pháp đã bắt đầu soạn và xuất bản được 2 giáo trình.

Hoạt động NCKH của cán bộ, GV của khoa Tiếng Pháp đã gắn với việc đổi mới PPGD, nâng cao chất lượng giảng dạy và năng lực NCKH của GV cũng như hỗ trợ rất hiệu quả cho

việc phát triển năng lực học tập và NCKH của SV. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH của cán bộ, GV của khoa Tiếng Pháp luôn gắn kết với việc điều chỉnh hoạt động dạy và học theo hướng nâng cao chất lượng dạy học. Các kết quả NCKH không chỉ nâng cao trình độ của GV mà còn góp phần điều chỉnh nội dung dạy học, đổi mới phương pháp dạy học của GV, đổi mới cách thức kiểm tra đánh giá và định hướng hoạt động NCKH của SV.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các công trình NCKH và nhóm NCKH mạnh còn hạn chế và số lượng sinh viên tham gia NCKH còn chưa đồng đều ở các khối. Hiện nay, phần lớn SV tham gia NCKH là SV năm thứ 2 và năm thứ 3. Số lượng bài báo trong chuyên ngành Khoa học giáo dục trên các Tạp chí quốc tế của khoa Tiếng Pháp còn hạn chế do số lượng hạn chế của các tạp chí xuất bản bằng tiếng Pháp ở trong nước và trên thế giới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Khuyến khích SV năm thứ nhất tham gia NCKH	Khoa Tiếng Pháp, Phòng KHCN	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy thế mạnh về NCKH của GV trong khoa	Khoa Tiếng Pháp, các bộ môn	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo

5. Tự đánh giá : Đạt 4/7

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Trường ĐHSPHN luôn xác định nhiệm vụ trọng tâm của chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) đó là thái độ phục vụ và chất lượng phục vụ. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích có ảnh hưởng rất lớn đến công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của GV và SV. Vì vậy, Trường ĐHSPHN luôn giám sát và đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ này.

Trường ĐHSPHN đã ban hành văn bản hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan về các mặt hoạt động của Trường, trong đó nội dung ý kiến phản hồi tập trung vào các vấn đề như mức độ đáp ứng cơ sở vật chất, trang thiết bị; chất lượng các dịch vụ tiện ích, các hoạt động hỗ trợ người học [H10.10.05.01]. Quy trình gồm các bước cụ thể như sau:

Bước 1 - Xây dựng kế hoạch khảo sát: Các đơn vị (các khoa đào tạo) được giao nhiệm vụ lập kế hoạch khảo sát chi tiết theo kế hoạch của Nhà trường và gửi lên TT ĐBCL.

Bước 2 - Thu thập thông tin phản hồi: Các đơn vị (các khoa đào tạo) tiến hành thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan theo kế hoạch (bước 1).

Bước 3 - Hoàn thành khảo sát, xử lý kết quả, thống kê dữ liệu: Các đơn vị (các khoa đào tạo) thống kê, tổng hợp dữ liệu và chuyển dữ liệu khảo sát gốc cho TT ĐBCL.

Bước 4 - Viết báo cáo tổng hợp: TT ĐBCL xử lý dữ liệu khảo sát của các đơn vị (các khoa đào tạo), viết báo cáo tổng hợp.

Bước 5 - Công bố báo cáo tổng hợp: TT ĐBCL công bố báo cáo tổng hợp, gửi kết quả đến Hiệu trưởng và gửi dữ liệu tách riêng đến các đơn vị liên quan.

Bước 6 - Cải tiến và thực hiện cải tiến: Các đơn vị họp thảo luận về kết quả đánh giá và lập kế hoạch cải tiến và gửi kế hoạch cải tiến cho TT ĐBCL.

Bước 7 - Lưu trữ: TT ĐBCL lưu trữ dữ liệu và minh chứng, báo cáo kết quả khảo sát, dữ liệu gốc kết quả đánh giá.

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành thường xuyên và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan (đặc biệt là của SV) thông qua các phiếu khảo sát, các cuộc phỏng vấn trực tiếp hoặc các phần mềm khảo sát. [H10.10.05.02].

Đối với TT TT-TV: Thư viện của Trường được xây dựng ở một khu riêng biệt, có không

gian thoáng đãng và yên tĩnh. Hệ thống phòng được bố trí khoa học, thuận tiện cho SV, GV đọc và mượn tài liệu [H10.10.05.03]. Hiện nay, thư viện của Trường ĐHSPTHN có 29 phòng chức năng với tổng diện tích sàn sử dụng là 6241m², trong đó không gian đọc có 6 phòng gồm phòng đọc chung và phòng họp nhóm có tổng diện tích 1500 m² (3 phòng đọc chung có diện tích 1250 m² và 3 phòng họp nhóm có diện tích 250 m²); khu vực lưu trữ có 5 phòng tổng diện tích 1750 m², khu vực tra cứu thông tin có 2 phòng tổng diện tích 250 m², khu vực mượn trả có 5 phòng tổng diện tích 200 m², vv. Về thiết bị công nghệ, Thư viện hiện có 148 máy tính được nối mạng internet, cùng hệ thống máy in, máy scan, màn chiếu và các công cụ thiết bị mạng internet (hệ thống Switch kiện thuận lợi cho công tác số hoá nguồn tài liệu nhằm phục vụ bạn đọc đọc online), vv. [H10.10.05.04; H10.10.05.05]. Nhờ có phần mềm Libol 8.0, người dùng có thể tra cứu các thông tin: tác giả, tên luận án, luận văn, năm bảo vệ, người hướng dẫn, vv. và đọc toàn văn các tài liệu số của Thư viện. Trang thiết bị hiện đại tạo điều kiện thuận lợi để người dùng trong toàn Trường khai thác, sử dụng các nguồn tin nhanh chóng, thuận tiện và có hiệu quả.

TT TT-TV của Trường có số lượng tài liệu tương đối phong phú, đa dạng để phục vụ nhu cầu bạn đọc. Về số lượng tài nguyên thông tin (bản in), cụ thể giáo trình (tài liệu bắt buộc) có 2651 đầu sách với 104526 bản sách; sách tham khảo (bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ) có 54668 đầu sách với 147677 bản sách; các tài liệu khác (luận án, luận văn, bài tạp chí, đề tài nghiên cứu khoa học) có 54324 đầu sách với 58788 bản sách. Về số lượng tài liệu điện tử (là tài nguyên thông tin được số hoá) gồm có 6 giáo trình (tài liệu bắt buộc), 248 sách tham khảo (bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ), 15310 luận án và luận văn, 9908 bài tạp chí, 246 đề tài NCKH.

Nội qui của Thư viện, qui trình mượn trả tài liệu tại các phòng phục vụ được qui định rõ ràng và cụ thể; tài liệu hướng dẫn sử dụng Thư viện và hướng dẫn khai thác Thư viện số được trình bày đơn giản, dễ hiểu, gồm từng bước cụ thể kèm với hình ảnh minh hoạ [H10.10.05.02]. Về phía thư viện Khoa, BCN Khoa tiếng Pháp cũng đã ban hành quy định cụ thể về nội quy phòng thư viện và tư liệu Khoa [H10.10.05.07] để hỗ trợ quá trình khai thác tài liệu, học nhóm, tự học và tra cứu của sinh viên đạt kết quả cao và hiệu quả.

Để triển khai kế hoạch giảng dạy - học tập và hỗ trợ học tập trực tuyến của Trường ĐHSPTHN đạt hiệu quả tốt, Ban giám hiệu đã ra quyết định về việc ban hành Quy trình quản lý tài khoản Internet cho sinh viên [H10.10.05.08], Quy chế quản lý hệ thống mạng và sử dụng

dịch vụ mạng của Trường ĐHSPHN [H10.10.05.09], Quy định quy chế hoạt động của công thông tin điện tử Trường ĐHSPHN [H10.10.05.10]. Đồng thời, TT TT-TV đã đăng tải bản thông báo hướng dẫn khai thác, sử dụng tài liệu số qua các kênh thông tin:

- Fanpage của TT TT-TV, Trường ĐHSPHN <https://www.facebook.com/lib.hnue> - Lib.hnue.edu.vn

- <http://daotao.hnue.edu.vn/forum/newscontent.aspx?id=1489&pg=>

Để bổ sung các tài liệu có giá trị khoa học, phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của Trường nhằm đáp ứng nhu cầu giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học của người dùng tin, hàng năm Thư viện đều thực hiện việc rà soát, thống kê các tài liệu hiện có và thông báo đến các Khoa về việc mua bổ sung tài liệu mới. Đồng thời, Thư viện cũng gửi thông báo tới các Khoa danh mục các tài liệu đã mua bổ sung hàng năm theo yêu cầu của các Khoa, trong đó có Khoa tiếng Pháp [H10.10.05.11]. Bên cạnh đó, để hỗ trợ cho GV, nhất là các GV làm công tác quản lý hay chủ trì các đề tài, hướng dẫn SV làm nghiên cứu khoa học, làm khóa luận tốt nghiệp hay học viên cao học làm luận văn tốt nghiệp, vv. tiếp cận được với nguồn cơ sở dữ liệu online của nhiều tạp chí quốc tế có uy tín như Scopus, Springer Nature, ProQuest, vv. Trường đã quyết định chỉ định đơn vị cung cấp thẻ bạn đọc đặc biệt, kí các hợp đồng kinh tế để mua thẻ bạn đọc đặc biệt cho 67 - 131 cán bộ, GV từ cấp Trường bộ môn trở lên có nhu cầu khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NASATI). Như vậy, GV của Khoa có thể tiếp cận được các giáo trình, công bố khoa học cập nhật của thế giới cũng như trong nước. [H10.10.05.06]

Để nâng cao chất lượng phục vụ của Thư viện, hàng năm Trường đều tiến hành điều tra về mức độ đáp ứng tài liệu của Thư viện, Thư viện điện tử để phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên khoa Tiếng Pháp luôn đánh giá cao (tỉ lệ hài lòng cao nhất – đạt 80%) về CSVC, trang thiết bị dạy học cũng như nguồn tài liệu, sách, tài liệu tham khảo... của TTTTV trênvừa tốt nghiệp đã đồng ý với nhận định “Thư viện của Trường có đủ các tài liệu thiết yếu (giáo trình/ bài giảng, tài liệu tham khảo chính) theo yêu cầu đào tạo” [H10.10.05.12]. Bên cạnh đó, TT TT-TV cũng tiến hành điều tra người dùng tin định kì hàng năm để phục vụ kế hoạch năm học và kiểm định chất lượng. Theo báo cáo khảo sát nhu cầu tin năm học 2021 - 2022 thì 100% người dùng tin cho rằng nguồn lực thông tin tại Thư viện thoả mãn nhu cầu của họ. TT TT-TV còn tổ chức “Ngày sách” và các buổi tọa đàm

[H10.10.05.13] nhằm mục đích nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng tối đa nhu cầu thông tin của bạn đọc. Các ý kiến đề xuất, kiến nghị của đại biểu tham dự là cơ sở thiết thực để công tác phục vụ bạn đọc của Thư viện ngày càng tốt hơn.

Nhằm thực hiện việc cải tiến chất lượng các hoạt động dịch vụ hỗ trợ của TT TT-TV, Nhà trường cấp nguồn kinh phí để đầu tư cơ sở vật chất và bổ sung thêm nguồn tài liệu cho Thư viện, bình quân mỗi năm là 334.479.000 đồng [H10.10.05.03]

Các trang thiết bị phục vụ đào tạo cũng được Trường và Khoa quan tâm. Để cải tiến hoạt động trang bị, bảo trì cũng như để nâng cao hơn nữa tính hiệu quả của công tác trang bị, bảo trì thiết bị, Nhà trường đã có thông báo để các đơn vị trong toàn Trường xây dựng kế hoạch đề xuất sửa chữa, trang bị thiết bị cho năm học tiếp theo. Cụ thể là hàng năm phòng Quản trị tiến hành rà soát, kiểm kê, đánh giá các trang thiết bị phục vụ đào tạo tại các khoa, sau đó gửi các thông báo đề xuất mua sắm các trang thiết bị thay thế, bổ sung phục vụ cho việc dạy - học - nghiên cứu của GV và SV [H10.10.05.14] Khoa sẽ gửi thông báo này cho từng bộ môn để triển khai kịp thời chủ trương của Trường.

Hệ thống CNTT cũng được Trường quan tâm và đầu tư đồng bộ. Hệ thống mạng không dây được lắp đặt hầu hết các đơn vị trong toàn trường. Đặc biệt, mạng internet được kết nối trong toàn bộ khuôn viên của Trường. Tất cả các máy vi tính trong toàn Trường được nối mạng internet 24/24 giờ. Nhà trường đã ban hành qui chế hoạt động của Cổng thông tin điện tử [H10.10.05.10] nhằm quảng bá hình ảnh của Trường và các đơn vị trực thuộc trên mạng internet, cung cấp thông tin và hệ thống các văn bản, biểu mẫu, tài liệu liên quan đến tổ chức, hoạt động của Trường và các đơn vị trực thuộc, vv... thông qua 2 địa chỉ bằng tiếng Việt <https://hnue.edu.vn/> và bằng tiếng Anh <http://english.hnue.edu.vn/>. GV và SV dễ dàng truy cập 2 trang thông tin trên để cập nhật các thông tin liên quan.

Năm học 2023 – 2024, Nhà trường triển khai chuyển đổi phần mềm quản lý tổng thể sang phần mềm PSC với các cấu phần: Quản lý đào tạo, HRM, E-survey... [MC triển khai phần mềm PSC – TT CNCT]. Thông qua phần mềm PSC tại địa chỉ: dtdh.hnue.edu.vn, SV nắm được thời khóa biểu, lịch thi, kết quả học hoặc các thông báo của Trường, đáp ứng được yêu cầu đổi mới CNTT trong thời đại 4.0. Do đó, SV chủ động trong việc học/đăng kí tín chỉ cũng như giáo vụ Khoa dễ dàng quản lý được quá trình học của SV.

Công tác duy tu, bảo trì hệ thống CNTT luôn được Trường quan tâm và thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng cho cán bộ, GV, người học, sử dụng hiệu quả hệ thống CNTT

[H10.10.05.15]. Nhà trường đã định kỳ ký hợp đồng cung cấp mạng internet cho toàn trường, mua phần mềm diệt virus và tường lửa nhằm đảm bảo an toàn cho hệ thống mạng của Trường, thông báo và mua phần mềm zoom bản quyền hỗ trợ công tác giảng dạy và công tác chuyên môn của Trường [H10.10.05.16].

Các dịch vụ hỗ trợ khác cũng được Trường rất chú trọng. Hàng năm, Trường tổ chức tập huấn cho SV mới vào Trường cách đăng ký TC giúp cho SV mới nhập trường đăng ký TC nhanh và phù hợp với trình độ học tập của mình, đồng thời giải đáp các thắc mắc liên quan đến quy chế đào tạo và hệ thống đào tạo theo TC, giúp cho SV có cái nhìn tổng quan về chương trình đào tạo, lộ trình học tập và hướng phấn đấu trong học tập. Về phía giáo viên, Nhà trường cũng đã tổ chức các khoá tập huấn về sử dụng phần mềm CNTT trong công tác giảng dạy [H10.10.05.17]

Như vậy, Trường ĐHSPTHN cần tiến hành cải tiến TT TT-TV, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác, vv. nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng và tiện ích của các hệ thống này.

2. Điểm mạnh

Các dịch vụ tiện ích, các hoạt động hỗ trợ người học tại Thư viện, hệ thống CNTT có chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa được tiến hành thường xuyên trên cơ sở ý kiến đóng góp của GV và cán bộ hành chính.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	<i>Khắc phục tồn tại</i>	Hàng năm tiến hành đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích dựa trên kết quả khảo sát GV và cán bộ hành chính	TT ĐBCL, TT TT-TV	Từ năm học 2024 - 2025
2	<i>Phát huy điểm mạnh</i>	Tiếp tục cung cấp các dịch vụ với chất lượng cao như Thư viện, hệ thống CNTT	TT TT-TV, TT CNTT	Từ năm học 2024 - 2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Hoạt động thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan luôn được Nhà trường chú trọng. Trung tâm Đảm bảo chất lượng được thành lập [H10.10.06.01] nhằm phục vụ việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan giúp Nhà trường đánh giá hiện trạng các hoạt động ĐBCL nội bộ; có cơ sở để nhận xét, đánh giá hiệu quả công tác quản lý và các hoạt động đào tạo để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; đáp ứng yêu cầu của công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cũng như chương trình đào tạo của Bộ GD & ĐT; xây dựng và phát triển văn hoá chất lượng Nhà trường; góp phần thực hiện quy chế dân chủ trong Trường.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống được thể hiện ở chỗ Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về công tác ĐBCL của Trường ĐHSPHN [H10.10.06.02; H10.10.06.03] trong đó có quy định về Hệ thống khảo sát các bên liên quan bao gồm: (1) Các lĩnh vực được khảo sát; (2) Hệ thống công cụ khảo sát; (3) Sử dụng kết quả khảo sát; (4) Trách nhiệm của các bên liên quan đối với hoạt động khảo sát. Bên cạnh đó, theo quy định, mạng lưới ĐBCL bên trong của Trường bao gồm Ban Giám hiệu, Ban ĐBCL của Trường, TT ĐBCL, bộ phận ĐBCL của các khoa, phòng/ ban/ trung tâm thuộc Trường ĐHSPHN. Chức năng, nhiệm vụ của các thành phần trong mạng lưới ĐBCL bên trong cụ thể là:

- Hiệu trưởng tổ chức xây dựng chiến lược ĐBCL trình Hội đồng Trường thông qua, vv. ; lãnh đạo, chỉ đạo và đảm bảo các nguồn lực để hệ thống ĐBCL được xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến thường xuyên...; tổ chức và giám sát các hoạt động đánh giá bên trong; báo cáo Hội đồng Trường về kết quả hoạt động của hệ thống ĐBCL và nhu cầu cải tiến chất lượng.

- Ban ĐBCL giúp Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động ĐBCL giáo dục của Trường; xây dựng các chính sách về ĐBCL của Trường, vv. TT ĐBCL tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc ban hành chiến lược về ĐBCL của Nhà trường; xây dựng các quy trình, kế hoạch, biểu mẫu về ĐBCL, vv. ; thống kê và báo cáo kết quả công tác ĐBCL, vv. ; chủ trì soạn thảo báo cáo về hoạt động ĐBCL, vv. ; phối hợp với các đơn vị tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan...

- Bộ phận ĐBCL thuộc phòng/ ban/ trung tâm phối hợp với TT ĐBCL triển khai thực hiện tự đánh giá và kiểm định CSGD/CTĐT; xây dựng kế hoạch ĐBCL hằng năm của đơn vị, vv. ; xây dựng cơ sở dữ liệu, quy trình vận hành, cung cấp thông tin, minh chứng có liên quan đến hoạt động ĐBCL thuộc phạm vi phụ trách của đơn vị, vv.

- Bộ phận ĐBCL thuộc khoa duy trì và cập nhật thông tin liên lạc với các bên liên quan, phối hợp thực hiện việc lấy ý kiến các bên liên quan, vv. ; lập kế hoạch khảo sát, thống kê số liệu và báo cáo kết quả khảo sát cho Nhà trường qua TT ĐBCL

- TT ĐBCL có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, kiểm định, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường; đồng thời nghiên cứu, tư vấn về tổ chức tự đánh giá định kì, theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT, của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quốc gia, khu vực. Trung tâm là đầu mối thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan đến các hoạt động của Nhà trường; phối hợp với các đơn vị tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan để xử lý, phân tích, đối sánh phát hiện các mặt mạnh và tồn tại của các đơn vị góp phần giúp Nhà trường có kế hoạch hành động kịp thời.

Năm 2021, Trường đã ra quyết định thành lập mạng lưới ĐBCL giáo dục [H10.10.06.04]. Các thành viên thuộc mạng lưới ĐBCL giáo dục có nhiệm vụ triển khai các hoạt động ĐBCL nội bộ của Nhà trường theo quy định. Cũng trong năm 2021, nhằm hoàn thiện mạng lưới hoạt động ĐBCL bên trong, Trường đã ra quyết định thành lập Ban ĐBCL với nhiệm vụ giúp Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động ĐBCL giáo dục và khảo thí. Và tại các đơn vị chức năng (phòng/ ban/ trung tâm) cũng như các đơn vị đào tạo có bộ phận ĐBCL tại đơn vị để thực hiện các hoạt động ĐBCL của Trường.

Việc thu thập thông tin phản hồi được tiến hành một cách có hệ thống dựa trên các văn bản quy định. Cùng với việc ban hành văn bản quy định về công tác ĐBCL, Trường cũng ban hành Quy trình xây dựng chính sách, quy định, công cụ quản lý của Trường ĐHSPTHN [H10.10.06.05]. Sơ đồ quy trình bao gồm tuần tự các bước sau :

- Đơn vị đề nghị: Đề nghị xây dựng quy định, quy chế;
- Đơn vị soạn thảo: Nộp hồ sơ đề nghị xây dựng quy định, quy chế cho phòng HCĐN;

- Phòng HCĐN: Thẩm định đề nghị xây dựng quy định, quy chế, trình Ban Giám hiệu;

- Ban Giám hiệu: Xem xét, thông qua đề nghị xây dựng quy định, quy chế;

- Phòng HCĐN, Đơn vị soạn thảo: Thành lập Ban soạn thảo, Hội đồng thẩm định quy định, quy chế;

- Ban soạn thảo quy chế: Soạn thảo quy định, quy chế;

- Các đơn vị được giao quy định chi tiết: Lấy ý kiến dự thảo quy định, quy chế; -

Hội đồng thẩm định quy chế: Thẩm định dự thảo quy định, quy chế;

- Đơn vị được giao quy định chi tiết: Chính lí, hoàn thiện

(Ban soạn thảo: Xin ý kiến các đơn vị liên quan => Hội đồng thẩm định: Thẩm tra => Ban Giám hiệu: Xem xét, cho ý kiến => Ban soạn thảo: Tiếp tục hoàn thiện kĩ thuật văn bản)

- Ban Giám hiệu: Xem xét, thông qua, kí ban hành;

- Phòng HCĐN: Công bố, ban hành quy định, quy chế.

Như vậy là, Nhà trường đã xây dựng nội dung về lấy ý kiến các bên liên quan trong quy định đảm bảo nội bộ. Trên cơ sở đó, TT ĐBCL ban hành các văn bản hướng dẫn quy trình lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan [H10.10.06.06], trong đó có chỉ rõ công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan.

TT ĐBCL phối hợp cùng với các khoa đào tạo thực hiện các nhiệm vụ khảo sát hàng năm thông qua công cụ là các phiếu khảo sát được xây dựng chủ yếu dưới dạng câu hỏi lựa chọn theo mức độ hài lòng hoặc mức độ đồng ý của người được hỏi. Phiếu khảo sát do đơn vị chuyên trách thực hiện khảo sát thiết kế, có thể được điều chỉnh, bổ sung sau mỗi học kỳ, năm học và được phê duyệt thông qua trước khi đưa vào lấy ý kiến [H10.10.06.07].

Đối tượng lấy ý kiến phản hồi bao gồm các bên liên quan trong Trường (người học các hệ đào tạo, cán bộ viên chức, người lao động), các bên liên quan ngoài Trường (cựu người học; nhà tuyển dụng, chuyên gia, nhà khoa học). Kế hoạch khảo sát các bên liên quan được tổ chức thường xuyên hoặc định kỳ phụ thuộc vào nội dung được lấy ý kiến:

- Lấy ý kiến phản hồi của SV về công tác giảng dạy của GV tiến hành 2 lần/năm sau khi thi kết thúc học kì I, II [H10.10.06.08];

- Khảo sát SV vừa tốt nghiệp về chất lượng ngành/khóa đào tạo tiến hành 1 lần/năm

vào tháng 6 - tháng 7 hàng năm [H10.10.06.09];

- Khảo sát cựu SV về tình hình việc làm sau tốt nghiệp tiến hành 1 lần/năm vào tháng 11 - tháng 12 hàng năm [H10.10.06.10];

- Lấy ý kiến GV, cựu SV, nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo và chất lượng đào tạo 2 năm/ lần [H10.10.06.11].

Ngoài ra, Trung tâm còn thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, học viên và SV đối với cán bộ, viên chức hành chính [H10.10.06.12]; lấy ý kiến của người học đối với dịch vụ giáo dục công [H10.10.06.13]. Và tùy điều kiện cụ thể, các khoa, các đơn vị được giao trách nhiệm chủ trì áp dụng phương pháp thu thập điều tra xã hội học như: điều tra trên giấy (bằng giấy hoặc trực tuyến) hoặc phỏng vấn trực tiếp hoặc qua phần mềm lấy ý kiến. Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng trình tự, khoa học. Phương pháp thu thập đa dạng, các công cụ thực hiện có độ tin cậy. Các thông tin, dữ liệu đã thu thập được tổng hợp, kiểm tra, xử lý, phân tích và lưu trữ bằng phần mềm excel hoặc phần mềm thống kê chuyên dụng SPSS. Báo cáo kết quả khảo sát là căn cứ để đơn vị thực hiện đề xuất các nội dung cần điều chỉnh, các biện pháp, giải pháp, chính sách cần cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H10.10.06.14]

Hệ thống phiếu khảo sát cũng đều có sự điều chỉnh cho phù hợp nhằm thu thập thông tin chuẩn xác hơn. Trước năm 2019, mẫu phiếu lấy ý kiến của người học về công tác giảng dạy có 30 câu hỏi với 4 mức đánh giá: không đồng ý, phân vân, đồng ý và hoàn toàn đồng ý; từ năm 2019 đã được thay thế bằng mẫu phiếu mới là mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với GV với 17 câu hỏi ở 5 mức độ đánh giá: cần cải thiện, đạt, khá, tốt và xuất sắc sau khi gửi lấy ý kiến của các bên liên quan. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 bùng phát, phiếu khảo sát từ người học đối với GV đã bổ sung thêm một số câu hỏi liên quan đến nội dung dạy học online. Bộ câu hỏi khảo sát SV vừa tốt nghiệp cũng đã được bổ sung, điều chỉnh và chuẩn hoá lại vào năm 2021 trên cơ sở tham khảo nhiều bộ phiếu khảo sát của nhiều trường đại học trong nước cũng như ngoài nước và ý kiến đóng góp của GV, cán bộ quản lý các khoa, phòng đào tạo, vv. Nhóm câu hỏi về chất lượng và hiệu quả đào tạo khóa học/ ngành học trong bộ phiếu năm 2021 gồm 74 câu hỏi (nhiều hơn 34 câu so với bộ phiếu các năm trước đó) và hỏi tập trung vào các nội dung như CTĐT; công

tác tổ chức thực hiện hoạt động dạy - học, phương pháp giảng dạy, kiểm tra - đánh giá; hoạt động hỗ trợ học tập; sự hài lòng của người học. Trong năm học 2021 - 2022, TT ĐBCL đã xây dựng kế hoạch cải tiến hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan và triển khai thực hiện các hoạt động cải tiến trong kế hoạch nhằm cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.15]

Nội dung công việc cụ thể cần cải tiến và kết quả thực hiện cải tiến hoạt động khảo sát các bên liên quan chi tiết như sau:

1) Tìm kiếm công cụ thực hiện khảo sát đáp ứng tình hình thực tế do dịch bệnh COVID-19 và kết quả đã hoàn thành với sản phẩm là bảng hỏi và link khảo sát;

2) Liên hệ các đơn vị và tổ chức cung cấp phần mềm khảo sát trao đổi và hợp tác, kết quả thực hiện đã hoàn thành với sản phẩm gồm phần mềm Lime survey – Đại học Ngoại thương, hội nghị xây dựng hệ thống thông tin tổng của Trường ĐHSPHN, giới thiệu hệ thống Đại học điện tử - Đại học Công nghiệp Hà Nội;

3) Tổ chức tập huấn thực hiện khảo sát qua các công cụ trực tuyến miễn phí (google form) đã hoàn thành với sản phẩm là tập huấn qua phần mềm zoom về việc tạo đường link khảo sát lấy ý kiến người học đối với GV trên Google Form cho QLSV/ giáo vụ các khoa đào tạo;

4) Điều chỉnh các phiếu khảo sát (hệ thống hoá quy trình, mã hoá bảng hỏi, rà soát, bổ sung các nội dung phù hợp đối với từng mẫu phiếu đã hoàn thành với sản phẩm là hướng dẫn quy trình lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan số 578/HD-ĐHSPHN ngày 10/12/2021;

5) Xây dựng kế hoạch cụ thể và phương án triển khai năm học 2021-2022 đã hoàn thành với sản phẩm là báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng công tác năm học 2021-2022...;

6) Xây dựng nội dung về khảo sát các bên liên quan trong quy định đảm bảo chất lượng nội bộ đã hoàn thành với sản phẩm là quyết định về việc ban hành Quy định đảm bảo chất lượng của Trường ĐHSPHN, số 5376b ngày 30/11/2021 [H10.10.06.03].

Năm học 2023 - 2024, công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với các khảo sát thường xuyên và khảo sát định kỳ bước đầu được thực hiện thông qua phân hệ khảo sát E-survey trong phần mềm quản lí tổng thể PSC tại địa chỉ:

<http://esurvey.hnue.edu.vn/Systems/Security/Login.aspx>. Trong học kỳ 1, năm học 2023 - 2024, TT ĐBCL đã triển khai khảo sát đánh giá chất lượng giảng dạy các học phần chung được thực hiện khảo sát thí điểm qua phần mềm E – survey (đối với SV k73). Sang học kỳ 2, TT đã triển khai khảo sát hoàn toàn trên phần mềm E-survey đối với khảo sát đánh giá chất lượng giảng dạy và khảo sát chất lượng ngành/khoá đào tạo. [H10.10.06.15]

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống, được đánh giá thường xuyên và cải tiến phù hợp với tình hình thực tế.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT gặp khó khăn và chưa đa dạng hình thức lấy ý kiến.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thời gian và phương pháp lấy ý TT ĐBCL, kiến lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng cần linh hoạt hơn	Khoa Pháp	Từ năm học 2024 – 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan cần tiếp tục được cải tiến	TT ĐBCL, Khoa Pháp P. Đào tạo	Từ năm học 2024 – 2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Công tác nâng cao chất lượng đào tạo ngành SPTP được Trường ĐHSPhN và Khoa Tiếng Pháp hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của

xã hội và các nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ các chuyên gia, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu sinh viên được chú trọng và thực hiện đầy đủ, có hệ thống và thường xuyên hàng năm. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTDH. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên theo quy trình chặt chẽ để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Các nghiên cứu khoa học thông qua đề tài; các loại sách; bài báo cho hội nghị, hội thảo luôn được các giảng viên, sinh viên trong khoa quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng học thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, các dịch vụ hỗ trợ khác) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy-học và nghiên cứu khoa học.

Việc thu thập ý kiến phản hồi từ người học của Trung tâm ĐBCL của trường được tiến hành định kỳ hàng năm và tương đối bài bản.

Tuy nhiên, trong quá trình thu thập thông tin của các bên liên quan số lượng ý kiến phản hồi của chuyên gia nước ngoài, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng còn chưa nhiều. CTDH đã được cải tiến và phát triển tuy nhiên đôi khi chưa bắt kịp với xu thế của thị trường lao động luôn vận động không ngừng. Việc đăng bài báo trên các tạp chí quốc tế của các GV trong khoa còn hạn chế. Công trình NCKH của SV chưa đồng đều hàng năm. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa kịp thời đáp ứng cho việc đổi mới CTĐT do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường. Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT chưa chủ động, gặp khó khăn và chưa thường xuyên.

Đánh giá tiêu chuẩn 10:

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 10.1				4			

Tiêu chí 10.2				4			
Tiêu chí 10.3				4			
Tiêu chí 10.4				4			
Tiêu chí 10.5					5		
Tiêu chí 10.6					5		
Điểm tiêu chuẩn	4.3						

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Kết quả đầu ra là tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá chất lượng của CTĐT. Nhà trường có các công cụ để giám sát kết quả đầu ra thông qua việc theo dõi, đánh giá tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp chuyên ngành được đào tạo. Căn cứ trên kết quả giám sát hàng năm, Nhà trường phối hợp cùng Khoa đưa ra các biện pháp để hỗ trợ người học và cải tiến chất lượng CTĐT.

Trong CTĐT, NCKH được xem là hoạt động song hành với hoạt động học tập của SV, tham gia NCKH giúp SV nâng cao năng lực thực hành, củng cố và vận dụng sáng tạo kiến thức lý thuyết. Nhận thức được vai trò của hoạt động này, Nhà trường và Khoa luôn có các chính sách động viên, khuyến khích SV tham gia vào hoạt động NCKH theo các cấp độ và loại hình khác nhau với mục đích nâng cao kết quả đầu ra.

Bên cạnh việc giám sát của Nhà trường thì kết quả đầu ra được đánh giá khách quan thông qua mức độ hài lòng của các bên liên quan gồm GV, SV và nhà tuyển dụng. Sự phản hồi của các bên liên quan đối với chất lượng SV tốt nghiệp là căn cứ để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng và sử dụng lao động tốt nghiệp chuyên ngành CNSPDL của xã hội.

Tiêu chí 11.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Hàng năm, tỉ lệ SV ngành Sư phạm Tiếng Pháp tốt nghiệp và thôi học được xác lập, giám sát để làm căn cứ cho việc cải tiến chất lượng CTĐT.

Các quy định chung về đào tạo cũng như quy trình xét tốt nghiệp hay thôi học đã được quy định rõ trong Quy chế đào tạo theo hệ thống TC của Trường ĐHSPHN [H11.11.01.01]. Hoạt động quản lý SV thôi học và SV tốt nghiệp được thực hiện qua nhiều cấp độ khác nhau: Đơn vị có trách nhiệm trực tiếp giám sát tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của người học là phòng Đào tạo. Trường gửi quyết định cảnh báo học tập và buộc thôi học theo từng học kỳ [H11.11.01.02].

Bên cạnh đó khoa cũng phân công cho giáo vụ khoa kết hợp với các cố vấn học tập theo dõi, thống kê và giám sát tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp, liên hệ với người học, thu thập các thông tin về đào tạo (tỉ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, tỉ lệ có việc làm, mức độ hài lòng của người học, v.v...) để điều tra, thống kê tổng hợp các ý kiến phản hồi của người học, làm cơ sở đánh giá kết quả đào tạo. [H11.11.01.03].

Trường ĐHSPTN sử dụng các phần mềm quản lý đào để quản lý quá trình học tập của SV, để lưu trữ dữ liệu SV, kết quả quá trình ĐT, học phí, học bổng, tình hình học tập rèn luyện, theo dõi điểm số của SV, xem xét tỷ lệ đậu rớt, bỏ học, xét tốt nghiệp,... Giai đoạn từ 2019 – 2023, nhà trường sử dụng phần mềm **Unisoft** (công đăng kí tín chỉ cho SV tại: *daotao.hnue.edu.vn*) và từ học kì 1 năm học 2023 - 2024, Trường ĐHSPTN sử dụng phần mềm quản lí tổng thể **PSC** (công đăng ký tín chỉ trên phần mềm tại địa chỉ: *tinchi.hnue.edu.vn*). Thông qua phần mềm này giúp SV tra cứu nhanh (trực tuyến) KQHT, lịch học, lịch thi, điểm thi, đăng ký học phần và theo dõi, giám sát sự tiến bộ của mình một cách hiệu quả. Giáo vụ khoa nhờ đó có thể theo dõi và cập nhật danh sách SV khi có sự biến động như: SV tốt nghiệp, SV thôi học hay bảo lưu [H11.11.01.04].

Bên cạnh công cụ này, để tăng cường cho công tác quản lí và tư vấn học tập cho SV, từ năm 2019, Nhà trường đã ban hành quyết định phân công và giao nhiệm vụ cho cán bộ làm công tác CVHT. Theo đó, chức năng và nhiệm vụ của CVHT được quy định rõ ràng, thầy cô là CVHT có trách nhiệm theo dõi quá trình học tập của SV từ khi vào Trường đến khi tốt nghiệp, qua đó có các biện pháp tư vấn, hỗ trợ kịp thời giúp SV xây dựng kế hoạch học tập hợp lí, hạn chế tình trạng thôi học và chậm tốt nghiệp [H11.11.01.05].

Về việc thôi học của SV, CVHT chủ động nắm bắt thông tin từ SV, tìm hiểu cụ thể nguyên nhân khiến SV có nguyện vọng dừng học. Các CVHT theo dõi được biến động số lượng SV từng lớp/khóa, thống kê tỉ lệ thôi học của SV và thông báo cho khoa. Giáo vụ khoa chịu trách nhiệm ghi chép tổng hợp. Dựa trên thông tin thu thập được, CVHT và giáo vụ sẽ phối hợp cùng lớp, gia đình để đưa ra các tư vấn phù hợp nhằm hỗ trợ, động viên và khuyến khích SV tiếp tục học tập [H11.11.01.08]

Bảng 11.1.1. Tình hình sinh viên thôi học CTĐT ngành SP Tiếng Pháp giai đoạn 2019- 2024

Năm học	Khóa	Tổng số SV toàn khoa	Số SV thôi học		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ 3		Năm thứ 4 và tiếp theo	
			Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
2019-2020	K66	16	7	43,75	1	6,25	4	66,67	2	12,5	0	0
2020-2021	K67	18	6	33,3	3	16,67	3	16,67	0		0	0

2021-2022	K68	25	8	32,0	2	8,0	5	20,0	1	4,0	0	0
2022-2023	K69	26	5	19,23	2	7,69	1	3,85	2	7,69	0	0
2023-2024	K70	78	18	23,07	10	12,82	6	7,69	2	2,56	0	0
Trung bình		32,6	8,8	26,9	3,6	11,04	3,8	11,6	1,4	4,2	0	0

Số liệu thống kê cho thấy, tỉ lệ SV thôi học của ngành Sư phạm Tiếng Pháp trong giai đoạn 2019-2024 cao (trung bình 26,9 %/năm). Trong đó, tỉ lệ SV thôi học tập trung nhiều ở năm thứ nhất và năm thứ 2. Theo điều tra tìm hiểu của các cố vấn học tập và giáo vụ khoa, nguyên nhân chính nhất là do tâm lí ngành nghề của SV chưa ổn định, sự thay đổi trong định hướng nghề nghiệp. Những SV thôi học ở năm đầu chủ yếu do áp lực lo lắng về cơ hội việc làm sau tốt nghiệp nên tập trung ôn thi lại hoặc làm hồ sơ đi du học theo định hướng của gia đình. Các trường hợp thôi học ở năm 2 thường do SV bảo lưu kết quả sau khi học xong năm thứ nhất để thi lại đại học sau đó chuyển trường.

Về tỉ lệ tốt nghiệp của SV, khi SV hoàn thành CTĐT, đủ điều kiện tốt nghiệp, SV đăng kí và viết đơn xin xét tốt nghiệp, Khoa sẽ thành lập hội đồng học và xét tốt nghiệp, gửi kết quả lên Nhà trường [H11.11.01.06]. Dựa trên kết quả xét tại Khoa, Nhà trường sẽ thành lập hội đồng xét tốt nghiệp và ra quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp kèm theo danh sách SV tốt nghiệp [H11.11.01.07]. Quyết định này được công bố công khai và gửi về Khoa để lưu trữ. Hàng năm, Nhà trường tiến hành xét tốt nghiệp theo 2 đợt, đợt 1 được tiến hành vào tháng 5 dành cho các SV đủ điều kiện tốt nghiệp sau 4 năm học tập và đợt 2 được thực hiện vào khoảng tháng 7 đến tháng 9, dành cho các SV tốt nghiệp sau hơn 4 năm khi tích lũy đủ TC của CTĐT. Ngoài ra, nhà trường tổ chức thêm 1 đợt xét tốt nghiệp vào tháng 2 (học kì 1 của năm học), dành cho những SV hoàn thành CTĐT trước hạn và SV chưa đủ điều kiện xét tốt nghiệp đợt 1 và đợt 2 năm trước đó.

Bảng 11.1.2. Tỉ lệ tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình CTĐT ngành sư phạm Tiếng Pháp (giai đoạn 2019– 2024)

Năm tốt nghiệp	Khóa	Tổng số SV nhập học	Tổng số SV thôi học	Tổng số SV tốt nghiệp	Số SV tốt nghiệp	Thời gian tốt nghiệp trung bình
-----------------------	-------------	----------------------------	----------------------------	------------------------------	-------------------------	--

				Số lượng	Tỉ lệ %	3,5- 4 năm (Đúng hạn)	5 năm	6 năm và > 6 năm	
2020	K66	16	7	9	56,25	6	1	2	4,55
2021	K67	18	6	12	66,67	11	1	0	4,08
2022	K68	25	8	17	60,0	12	3	2	4,41
2023	K69	26	5	21	65,38	15	2	4	4,48
2024	K70	78	18	---	---	---	---	---	---
Tổng / Trung bình		163	44						

Số liệu thống kê trong Bảng 11.1.2 cho thấy, tỉ lệ SV tốt nghiệp so với số SV tuyển vào của ngành SP Tiếng Pháp dao động từ 56% đến 67%. Trong đó, tỉ lệ SV tốt nghiệp cao nhất nằm ở khóa 67 và thấp nhất ở khóa 66. Tỉ lệ SV tốt nghiệp được so sánh với số SV nhập học, do đó khi số lượng SV thôi học cao thì kéo theo tỉ lệ SV tốt nghiệp giảm. Số lượng SV tốt nghiệp được giáo vụ khoa và các CVHT các lớp theo dõi, giám sát và đưa ra các biện pháp hỗ trợ kịp thời nhằm hạn chế tỉ lệ SV chậm hay không tốt nghiệp được [H11.11.01.08].

Dựa trên các quyết định của trường về xét tốt nghiệp, cảnh báo học tập và các thông tin từ các CVHT, Khoa tiến hành thống kê, theo dõi, giám sát, đối sánh tỉ lệ SV thôi học, SV tốt nghiệp của từng khóa học, từ đó kịp thời đưa ra các biện pháp hỗ trợ kịp thời nhằm hạn chế tỉ lệ SV thôi học, chậm hay không tốt nghiệp được [H11.11.01.09]

Khoa cũng tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình của khoa với một số ngành cử nhân sư phạm, kết quả đối sánh được tổng hợp trong bảng 11.1.3 dưới đây.

Bảng 11.1.3. Bảng đối sánh tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành SP Tiếng Pháp với các CTĐT khác (giai đoạn 2019-2024)

Khóa học	Tỉ lệ % SV tốt nghiệp		
	CTĐT SP Tiếng Pháp	CTĐT SP Địa lý	CTĐT SP GDTH
K66	56,25	97,2	92,3
K67	66,67	93,2	91,0
K68	60,0	83,3	85,0
K69	65,38	92,9	100

Căn cứ vào kết quả đối sánh cũng như việc trao đổi, thảo luận tìm hiểu nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp của SV, Khoa thảo luận và đề xuất các giải pháp để giảm tỉ lệ SV thôi học, tăng tỉ lệ SV tốt nghiệp của ngành Sư phạm Tiếng Pháp. Kết quả tìm hiểu và phân tích cho thấy, bản khoản về cơ hội việc làm sau tốt nghiệp, dao động trong việc chọn trường, chọn nghề là những nguyên nhân chính dẫn đến việc thôi học của SV, chủ yếu rơi vào năm thứ nhất và năm thứ hai. Tiếp đến là những khó khăn của SV khi theo học các môn chuyên ngành ở năm thứ 3, khiến một số SV nợ môn học và chậm tốt nghiệp. Nguyên nhân là do SV vào học ở khoa đại đa số đầu vào tiếng Anh, không biết tiếng Pháp, trong khi sang năm thứ 3 có nhiều môn học chuyên ngành khó và hoàn toàn bằng tiếng Pháp khiến nhiều SV thi trượt học phần. Ngoài ra, có một số SV chậm tốt nghiệp do việc lập gia đình sớm nên xao nhãng việc học hoặc do chưa đáp ứng được chứng chỉ ngoại ngữ đầu ra. Một số ít SV chậm tốt nghiệp do bỏ dở khóa luận tốt nghiệp nên lùi lại thêm 1 năm.

Để giảm tỉ lệ thôi học, nợ môn, chậm tốt nghiệp, BCN Khoa đưa ra các giải pháp như:

- + Tăng cường vai trò của CVHT trong việc tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của SV, giúp các em ổn định tinh thần và yên tâm học tập;
- + Liên chi đoàn và các CLB tổ chức nhiều buổi tọa đàm về phương pháp học tập, cơ hội nghề nghiệp hay các nhóm chia sẻ học liệu hoặc hỗ trợ của các SV khóa trên
- + Giáo vụ Khoa phối hợp cùng các CVHT thường xuyên theo dõi việc tích lũy TC của SV để đưa ra các cảnh báo sớm cũng như những tư vấn về kế hoạch học tập cho SV
- + Các Bộ môn và giáo viên hướng dẫn SV làm Khóa luận tốt nghiệp cần quản lý chặt chẽ hơn nữa tiến độ công việc của đề tài để đưa ra sự hỗ trợ kịp thời, vv.
- + Hỗ trợ các học liệu cho môn học giúp SV tiếp cận dễ dàng các tài liệu học tập để ôn tập đảm bảo thi học phần đạt kết quả

2. Điểm mạnh

Nhà trường có công cụ và hệ thống quản lý, giám sát tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của SV một cách chặt chẽ, qua các bước đi từ cấp Khoa với đội ngũ CVHT, Cán bộ quản lý SV, Giáo vụ Khoa đến cấp Trường với đơn vị chịu trách nhiệm chính là Phòng Đào tạo thông qua công cụ giám sát là phần mềm Unisoft, PSC. Từ đây, số SV thôi học, tốt nghiệp được cập nhật chính xác. Mặt khác, việc phân tích, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra các biện pháp hỗ trợ người học tốt nghiệp đúng hạn, giảm thiểu tỉ lệ SV thôi học cũng đã được triển khai khá hiệu quả thông qua đội ngũ CVHT.

3. Điểm tồn tại

Trường, khoa chưa có một hệ thống cập nhật lý do SV thôi học một cách hiệu quả. Đồng thời việc giám sát còn ở dạng thống kê, chưa phân tích sâu về nguyên nhân.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Phối hợp cùng phòng Đào Tạo tiến hành tổng hợp nguyên nhân thôi học và tỷ lệ thôi học một cách hệ thống; nguyên nhân chậm tốt nghiệp, từ đó phân tích và đề xuất giải pháp giảm thiểu tỷ lệ thôi học hoặc chậm tốt nghiệp.	Phòng CTCT-HSSV Khoa SP Tiếng Pháp	Thực hiện hàng kì, hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường vai trò của CVHT trong hoạt động tư vấn, giám sát kế hoạch học tập của SV. Tiến hành tổng hợp nguyên nhân thôi học và tỷ lệ thôi học/ chậm tốt nghiệp tương ứng; từ đó phân tích và đề xuất giải pháp giảm thiểu tỷ lệ thôi học/ chậm tốt nghiệp; Sử dụng dữ liệu người học đã tốt nghiệp và thôi học để cải tiến chất lượng.	CVHT, Giáo vụ khoa và Phòng Đào tạo	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Ngay từ khi SV vào trường, Nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo trong đó xác lập được thời gian tốt nghiệp trung bình của người học tham gia CTĐT. Theo đó, người học ngành CN SP Tiếng Pháp sẽ phải hoàn thành 136 TC theo chương trình đại học thường là trong 4 năm (8 học kỳ chính) với thời gian hoàn thành chương trình tối đa là 7 năm, thời gian tối thiểu là 3 năm [H11.11.02.01].

Trên hệ thống quản lý đào tạo hiện nay là PSC, mỗi SV được cấp một mã và mật khẩu để truy cập hệ thống và quản lý, theo dõi kết quả học tập của mình. Hệ thống quản lý đào tạo PSC được triển khai thực hiện đưa vào sử dụng từ kỳ 1 năm học 2023-2024. Phần mềm bao gồm các mảng như: quản lý sv, quản lý điểm, thời khoá biểu, quản lý tổ chức thi,... và cả quản lý sau đại học. Khi vào hệ thống này, cán bộ quản lý phụ trách phần nào sẽ dễ dàng theo dõi được phần đó của mình. Đồng thời, sinh viên có trang cá nhân riêng để tiện theo dõi thời khoá biểu, lịch thi, kết quả học tập, nợ môn, học phí, cảnh báo học tập hay tốt nghiệp. Giảng viên có phần trang đăng nhập riêng để tiện theo dõi lịch giảng dạy, danh sách sinh viên đăng ký học môn mình dạy, nhập điểm quá trình cho sinh viên. Phần mềm PSC này đã bao quát được toàn bộ mọi thông tin đào tạo của từng khoa và của từng đối tượng cần thực hiện. Trên trang cá nhân này, SV sẽ biết được số TC mình đã tích lũy, điểm tích lũy được, các môn học đã hoàn thành, từ đó có thể lập kế hoạch học tập và tốt nghiệp cho bản thân [H11.11.02.02].

Khoa cũng ra quyết định phân công cán bộ chuyên trách (giáo vụ khoa và các CVHT) chịu trách nhiệm trong việc giám sát, theo dõi tình hình học tập của SV, thống kê và cập nhật tỉ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học qua các năm và tìm hiểu nguyên nhân [H11.11.02.03]

Ngoài Phòng Đào tạo, Giáo vụ Khoa và các CVHT cũng theo dõi được kết quả học tập của SV mình quản lý. Giáo vụ Khoa và các CVHT tiến hành theo dõi giám sát học tập của SV, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình các khóa, nắm bắt được kết quả học tập của SV, tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến nguy cơ chậm tốt nghiệp của người học, từ đó các CVHT sẽ tiến hành tư vấn, đưa ra các giải pháp hỗ trợ người học, giúp SV tốt nghiệp đúng hạn hoặc rút ngắn thời gian tốt nghiệp [H11.11.02.05], [H11.11.02.06].

Các giải pháp được Khoa đưa ra tập trung vào việc đảm bảo SV tốt nghiệp đúng hạn như: Tư vấn để SV tăng cường và bổ sung số lượng TC cần tích lũy thông qua việc đăng kí học học kì 3; Giám sát chặt chẽ tiến trình học tập của SV đặc biệt là SV bị cảnh báo học tập. Để hỗ trợ cho các SV thuộc nhóm cảnh báo cải thiện kết quả học tập, hoàn thành CTĐT đúng hạn, Nhà trường đã tổ chức học kì 3 vào khoảng tháng 6 đến tháng 8 hàng năm, ngoài 2 học kì chính. Học kì 3 cũng là cơ hội cho các SV muốn nâng cao kết quả học tập hoặc rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Các môn học được bố trí trong học kì 3 thường là các môn thuộc khối kiến thức chung, chỉ có 1 số ít môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, do quy định về số lượng SV của lớp TC.

Bảng 11.2.1. Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học ngành Sư phạm Tiếng Pháp (giai đoạn 2019-2024)

Năm tốt nghiệp	Khóa	Số SV tốt nghiệp			Thời gian tốt nghiệp trung bình
		4 năm	5 năm	6 năm	
2020	K66	6	1	2	4,55
2021	K67	11	1	0	4,08
2022	K68	12	3	2	4,41
2023	K69	15	2	4	4,48
2024	K70	—	—	—	—
Tổng / Trung bình		44 (74,6 %)	7 (11,8%)	8 (13,6)	4,38

Thông qua việc theo dõi thời gian nhập học đối chiếu với thời gian tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Sư phạm Tiếng Pháp được xác lập như chỉ ra trong Bảng trên.

Số liệu thu được cho thấy, phần lớn SV tốt nghiệp đúng hạn (hoàn thành chương trình học trong 4 năm), tỉ lệ SV tốt nghiệp chậm (sau 1 năm) so với đúng hạn trung bình là 25,4%. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV nhìn chung là trên 4 năm. Ngoài nguyên nhân nợ các môn học chuyên ngành, thì còn có nguyên nhân là do yêu cầu đòi hỏi SV cần có chứng chỉ tiếng Anh mới đủ điều kiện xét tốt nghiệp. Việc này khiến nhiều SV dù tích lũy đủ TC vẫn không thể tốt nghiệp đúng thời gian.

Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Sư phạm Tiếng Pháp với một số ngành đào tạo khác trong Trường cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Sư phạm Tiếng Pháp cao hơn so với thời gian tốt nghiệp trung bình (tính theo năm) của sinh viên các khoa sư phạm Địa lý và Giáo dục Tiểu học. (Bảng 11.2.2).

Bảng 11.2.2. Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành SP Tiếng Pháp với các CTĐT khác (giai đoạn 2019 – 2024)

CTĐT	Thời gian tốt nghiệp trung bình vào năm				
	2020	2021	2022	2023	2024
Sư phạm Tiếng Pháp	4,55	4,08	4,41	4,48	
Sư phạm Địa lý	4,1	4,2	4,1	4,2	
Sư phạm GDTH	4,3	4,1	4,2	4,4	

Như vậy có thể thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Sư phạm tiếng Pháp nhìn chung cao hơn các ngành khác. Ngoài lý do đặc thù của ngành do đào tạo sinh viên đầu vào tiếng Anh trong khi yêu cầu CDR phải đạt C1, nên sinh viên nếu không chủ động tự học thì khó có thể tránh nợ môn. Ngoài ra, việc sắp xếp các môn học thường theo các kì học, môn học sau cần có điều kiện tiên quyết là môn học trước, số lượng các học phần được tổ chức học trong học kì 3 của chuyên ngành còn hạn chế; đặc biệt việc thực tập sư phạm của SV được tiến hành tập trung vào kì 2 của năm cuối cùng khiến việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp của SV gặp khó khăn.

Do đó, các giải pháp được Khoa đưa ra tập trung vào việc đảm bảo SV tốt nghiệp đúng hạn như: Tư vấn để SV tăng cường và bổ sung số lượng TC cần tích lũy thông qua việc đăng kí học học kì 3; Giám sát chặt chẽ tiến trình học tập của SV đặc biệt là SV bị cảnh báo học tập; Tạo nhóm trong lớp để hỗ trợ nhau về phương pháp học tập; hỗ trợ các học liệu cho môn học giúp SV tiếp cận dễ dàng các tài liệu học tập để ôn tập đảm bảo thi học phần đạt kết quả, v.v [H11.11.02.06]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát chặt chẽ kế hoạch học tập của SV, do đó thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành SP Tiếng Pháp được xác lập và giám sát. Khoa có phân công cán bộ phụ trách và định kỳ thống kê thời gian tốt nghiệp của người học.

Khoa có hệ thống CVHT sát sao, phối hợp với Ban cán sự lớp để cập nhật thông tin kịp thời, tìm hiểu nguyên nhân tốt nghiệp muộn và luôn sẵn sàng hỗ trợ cho SV tìm ra giải pháp hỗ trợ người học.

3. Điểm tồn tại

Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV có xu hướng tăng trong năm gần đây khi CDR tiếng Anh được áp dụng trong khi việc đối sánh để tìm giải pháp cho tiêu chí này với các chuyên ngành đào tạo khác còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tăng số lượng các môn học chuyên ngành trong học kì 3 để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Thực hiện thêm việc đối sánh về thời gian tốt nghiệp để phục vụ việc cải tiến CTĐT.	Khoa SP Tiếng Pháp Phòng Đào tạo	Thực hiện hàng năm

			tổng SV phản hồi	ng SV tốt nghiệp	quan đến CTĐT	ĐT						ngoài
2013-2017	20	20	20	20	6	9	5	5	2	7	0	3
			100%	100%	30%	45%	25%	25%	10%	35%	0%	15%
2014-2018	20	18	17	17	9	3	5	1	0	6	4	1
			94,4%	85%	45%	15%	25%	5%	0%	30%	20%	5%
2015-2019	28	14	14	14	3	1	10	0	2	0	0	2
			100%	50%	10,7%	3,5%	35%	0%	7%	0%	0%	7%
2016-2020	9	7	7	7	7	0	0	0	1	2	3	1
			100%	77,78%	77,78%	0%	0%	0%	11%	22%	33%	11%
2017-2021	13	11	10	10	6	4	0	1	2	7	1	0
			90,91%	76,92%	46%	30%	0%	7,6%	15%	53,8%	7,6%	0%
2018-2022												
Trung bình			97%	77,94%	41,9%	18,7%	17%	7,5%	8,6%	28,1%	12,1%	7,6%

Kết quả tổng hợp cho thấy tỉ lệ sinh viên ngành sư phạm Tiếng Pháp ra trường có việc làm cao, trung bình là 77,94% tổng số sinh viên tốt nghiệp. Tuy nhiên, tỉ lệ sinh viên ra trường làm đúng ngành và có liên quan đến ngành đào tạo không cao (41,9%). Đây là 1 nguyên nhân khách quan, do số lượng các trường phổ thông có học tiếng Pháp ít, nhu cầu học tiếng Pháp trên thị trường là có nhưng không cao, việc làm liên quan đến giảng dạy tiếng Pháp hoặc có sử dụng ngôn ngữ này không nhiều. Nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp thường học thêm văn bằng 2 ngành sư phạm tiếng Anh hoặc tiểu học, ... để có thể tiếp tục làm việc trong ngành giáo dục. Số còn lại sau khi ra trường làm các công việc không liên quan đến ngành đào tạo. Một bộ phận SV tốt nghiệp làm việc trong lĩnh vực ngoài nhà nước và có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó, trong quá trình điều tra, còn 1 số lượng SV tốt nghiệp không phản hồi khi nhận được phiếu điều tra, tỉ lệ SV không phản hồi khá cao ở nhóm SV tốt nghiệp năm 2019, chỉ có 14 trong tổng số 28 SV được điều tra phản hồi [H11.11.03.07].

Bên cạnh đó, hàng năm dựa trên Báo cáo tổng kết về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp của Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Khoa tiến hành đối sánh với kết quả điều tra của

các ngành đào tạo khác trong Trường nhằm đưa ra các biện pháp nâng cao tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp (Bảng 11.3.2).

Bảng 11.3.2. Bảng đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm của ngành SP Tiếng Pháp với các CTĐT khác trong giai đoạn 2017- 2022

Khóa học	Tỉ lệ % người học TN có việc làm			
	CTĐT đào tạo Sư phạm tiếng Pháp	CTĐT ngành Sư phạm Địa lý	CTĐT ngành Sư phạm Tin học	CTĐT ngành Sư phạm Sinh học
2013 -2017	100%	67,5	96,4	71,1
2014-2018	85%	89,5	88,9	87,4
2015 -2019	50%	64,9	93,3	36,4
2016 - 2020	77,78	72,46	54,17	55,93
2017 - 2021	76,92	67,19	93,33	32,14
Trung bình	77,94	72,31	85,22	56,59%

Kết quả đối sánh tổng hợp ở bảng 11.3.2 cho thấy, tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành Sư phạm tiếng Pháp có việc làm nhìn chung cao. Mặc dù tỉ lệ SV làm việc đúng và liên quan đến chuyên ngành đào tạo không cao, SV học ngành SP Tiếng Pháp có nhiều cơ hội dịch chuyển sang lĩnh vực ngành nghề mới hơn so với các ngành sư phạm khác. Đây chủ yếu là do đặc thù của chuyên môn được đào tạo là ngoại ngữ, giúp SV có thể tiếp cận và dịch chuyển sang đa dạng ngành nghề hơn.

Ngoài ra, để tạo thêm kết nối với cựu SV đã tốt nghiệp, nhằm giám sát và thống kê được tốt hơn tỉ lệ tốt nghiệp có việc làm, trường đã ra Quyết định thành lập Ban Liên lạc Hội Cựu người học Trường ĐHSPTN [H11.11.03.04].

Giữ liên lạc và hợp tác với các đơn vị tuyển dụng cũng là 1 điều nhà trường chú trọng. Trường ra các công văn về Kết nối, làm việc với các đơn vị sử dụng lao động trong Ngày hội việc làm thường niên [H11.11.03.05].

Để tạo cơ hội cho SV năm cuối tìm kiếm việc làm cũng như tăng tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp, hàng năm Nhà trường tiến hành tổ chức Ngày hội việc làm với sự tham gia phối hợp của nhiều phòng ban như Phòng Công tác chính trị-học sinh SV, Phòng Hành chính-Đối ngoại, Phòng Đào tạo [H11.11.03.06].

Dựa trên các phản hồi của người học sau tốt nghiệp, Khoa lập bảng tổng hợp, thống kê, đối sánh tỉ lệ việc làm của SV sau tốt nghiệp hàng năm để từ đó có những điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng [H11.11.03.07].

Về phía Khoa, dựa trên kết quả điều tra về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp và đối sánh với các ngành đào tạo khác, Khoa tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao tỉ lệ SV có việc làm. Kết quả tìm hiểu cho thấy nguyên nhân SV chưa tìm được việc làm thường là: vị trí tuyển dụng giáo viên tiếng Pháp là rất ít ỏi, SV học thêm văn bằng thứ 2 về sư phạm để có cơ hội làm việc trong lĩnh vực giáo dục, các kênh thông tin việc làm hạn chế, ... Dựa trên các nguyên nhân này, Khoa đã đưa ra và thực hiện một số giải pháp như: tạo nhóm Hội cựu người học khoa SP tiếng Pháp để giữ liên lạc thường xuyên với SV đã tốt nghiệp và tăng cường hỗ trợ thông tin việc làm giữa SV các khóa; thành lập CLB Nghiệp vụ sư phạm khoa, tạo không gian và môi trường để SV được giao lưu, chia sẻ và rèn luyện nhiều hơn về chuyên môn nghiệp vụ; mời các nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về chia sẻ và nói chuyện với SV năm cuối [H11.11.03.08].

Bên cạnh đó, các CVHT và cán bộ quản lí SV được yêu cầu giữ liên lạc thường xuyên với SV tốt nghiệp nhằm tìm hiểu về tình trạng việc làm, vị trí việc làm cũng như nguyên nhân của chưa có việc làm của SV sau tốt nghiệp để có thể hỗ trợ cho người học một cách kịp thời.

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp cùng Khoa liên hệ thường xuyên với người học đã tốt nghiệp, hoạt động điều tra tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp được thực hiện hàng năm, với số lượng SV phản hồi lớn, đảm bảo độ tin cậy. Thông tin giới thiệu việc làm được cập nhật thường xuyên trên các phương tiện như Websites của Khoa, của Trường hay các kênh thông tin của Liên chi đoàn nhằm hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm.

3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ SV có việc làm đúng chuyên ngành sớm ngay sau khi tốt nghiệp chưa cao, tỉ lệ SV làm việc không liên quan đến ngành được đào tạo chiếm tỉ lệ đáng kể, do đặc thù khách quan về nhu cầu học tiếng Pháp ở phổ thông giảm.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện

1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức hoạt động tư vấn tìm kiếm việc làm, tập huấn các kỹ năng mềm cho SV năm cuối trong hoạt động phỏng vấn, viết đơn xin việc; đồng thời nâng cao hiệu quả của hoạt động Ngày hội việc làm. Phối hợp chặt chẽ giữa cán bộ quản lý SV và CVHT trong việc khảo sát tình hình việc làm của SV.	Phòng CTCT-HSSV CVHT	Thực hiện hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động liên kết các các nhà tuyển dụng (các trường phổ thông, viện nghiên cứu, vv.) để đưa thông tin tuyển dụng đến SV nhanh và hiệu quả hơn. Duy trì việc kết nối với SV sau tốt nghiệp.	Khoa SP Tiếng Pháp TT ĐBCL P. CTCT-HSSV	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Phòng Khoa học và Công nghệ là đơn vị được giao nhiệm vụ lập kế hoạch và triển khai hoạt động SV NCKH [H11.11.04.01]. Hàng năm, để triển khai công tác NCKH, Nhà trường có gửi công văn hướng dẫn về tổ chức hoạt động NCKH cho SV [H11.11.04.02]. Ngân sách dành cho công tác NCKH được quy định trong quy chế chi tiêu Nội bộ của nhà trường, mục dành cho hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.03].

Hàng năm khoa lên kế hoạch tổ chức hội nghị NCKH cho SV, cho SV đăng ký đề tài, sau đó Hội đồng Khoa học xét duyệt và góp ý cho các đề tài trước khi chốt danh sách đề tài chính thức. Dựa trên các lĩnh vực mà SV đăng ký, nguyện vọng của SV cũng như chuyên

môn phù hợp của Giảng viên, khoa sẽ phân công GV hướng dẫn, ra các thông báo hướng dẫn thực hiện và tổ chức hội nghị NCKH. [H11.11.04.04], [H11.11.04.05], [H11.11.04.06].

Các hướng nghiên cứu của SV khoa thường tập trung vào 3 loại hình chính là nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và khoa học giáo dục. Lĩnh vực nghiên cứu chính gồm: nghiên cứu ngôn ngữ, nghiên cứu về phương pháp giảng dạy và nghiên cứu về văn học hoặc văn hóa Pháp. Những SV đam mê NCKH và đủ điều kiện về kết quả học tập sẽ tự lựa chọn và đăng kí đề tài nghiên cứu theo lĩnh vực và loại hình mà SV mong muốn.

Bảng 11.4.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên CTĐT ngành SP Tiếng Pháp giai đoạn 2019 – 2024

TT	Nội dung	Số lượng SV tham gia/giải thưởng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Loại hoạt động NCKH và số SV tham gia					
	<i>1.1. Đề tài NCKH SV</i>	8	8	13	14	22
	<i>1.2. Khởi nghiệp</i>	0	0	0	0	0
	<i>1.3. Olympic</i>	0	0	0	0	0
	<i>1.4. Khác</i>	0	0	0	0	0
2	Tổng số SV tham gia NCKH	11	15	31	35	23
3	Tỷ lệ SV tham gia NCKH/tổng số SV toàn khoa	15%	11%	19%	21%	13%
4	Kinh phí hoạt động TB/năm	6 triệu đồng	6 triệu đồng	6 triệu đồng	6 triệu đồng	6 triệu đồng

Thống kê ở Bảng 11.4.1 cho thấy, SV khoa SP Tiếng Pháp chủ yếu tham gia nghiên cứu đề tài khoa học, không tham gia các hình thức khác như khởi nghiệp, Olympic; vv. SV được khoa phân công giảng viên hướng dẫn có chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu mà SV lựa chọn. Các nghiên cứu sẽ được Hội đồng Khoa học của khoa phân công chấm phản biện độc lập, căn cứ kết quả đó khoa lựa chọn các SV có kết quả nghiên cứu tốt tham gia trình bày tại Hội nghị NCKH cấp Khoa. Dựa vào kết quả trình bày báo cáo và trả lời câu hỏi phản biện, Hội đồng Khoa học của khoa sẽ xếp giải và công bố danh sách giải NCKH [H11.11.04.06]. Những đề tài xuất sắc và được giải Nhất sẽ được lựa chọn tham gia Hội nghị SV NCKH cấp trường.

Để cải tiến không ngừng chất lượng NCKH của SV, khoa phân công cho Trợ lý NCKH thống kê theo dõi các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV. Trợ lý NCKH của khoa lập Báo cáo thống kê, so sánh đối chiếu về hoạt động NCKH của SV qua các năm,

qua đó phân tích các hướng nghiên cứu mũi nhọn, các lĩnh vực nghiên cứu, nội dung nghiên cứu cần thiết, từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp [H11.11.04.07].

Bảng 11.4.2. Thống kê tỉ lệ % SV ngành Cử nhân SP Tiếng Pháp tham gia NCKH theo các lĩnh vực nghiên cứu giai đoạn 2019-2024

Năm học	Tổng SV toàn khóa	Ngôn ngữ và lĩnh vực khác (văn học, văn hóa...)	Phương pháp giảng dạy	Tỉ lệ %
2017-2018	69	5%	10%	15%
2018-2019	129	1.5%	9.5%	11%
2019-2020	158	3.2%	15.8%	19%
2020-2021	164	2.5%	18.5%	21%
2021-2022	165	2%	11%	13%

Bảng 11.4.3. Thống kê tỉ lệ % SV ngành Cử nhân SP Tiếng Pháp tham gia NCKH với các khoa khác

Năm học	2019-2020			2020- 2021			2021- 2022			2022-2023		
	Khoa SP Tiếng Pháp	Khoa SP Ngữ văn	Khoa SP Địa lý	Khoa SP Tiếng Pháp	Khoa SP Lịch sử	Khoa SP Địa lý	Khoa SP Tiếng Pháp	Khoa SP Lịch sử	Khoa SP Địa lý	Khoa SP Tiếng Pháp	SP LS	SI Đ a lý
Tỉ lệ % SV tham gia NCKH cấp Khoa	15%	35,2 %	15,2	11%	7,1 % (33 sv)	10,3	19%	10,2 % (55 sv)	11,8	21%	-	-
Tỉ lệ % SV được giải thưởng Khoa	15%	10,7%	14	11%	2,6 % (12 sv)	14,6	19%	3,2 % (17 sv)	15,9	21%	-	-
Tỉ lệ% SV tham gia	3% (2sv)	3,8 %	7,0	2% (2sv)	1,5 %	7,3	1.5% (2sv)	1,3 %	11,1	1.5 % (2sv)	-	-

NCKH cấp Trường					(7 sv)			(7 sv))		
Tỉ lệ % SV được giải thưởng cấp Trường	3% (2sv)	3,8%	7,0	2% (2sv)	1,3% (6 sv)	7,3	1.5% (2sv)	1,1% (6 sv)	11,1	1.5% (2sv)	-	-
Tỉ lệ SV được giải thưởng cấp Bộ	0	0,63% (1 sv)	0	0	0,21% (1 sv)	0	0	0%	0	0	-	-

Qua bảng thống kê 11.4.2 có thể thấy tỉ lệ SV ngành Sư phạm Tiếng Pháp tham gia vào hoạt động NCKH ở cấp Khoa còn tương đối thấp. Tuy nhiên chất lượng bài NCKH của SV đều đạt yêu cầu và nhiều bài trong số đó được trình bày báo cáo tại Hội nghị cấp khoa. Số lượng SV nghiên cứu theo hướng ứng dụng tăng dần, và lĩnh vực thu hút nhiều đề tài nghiên cứu nhất vẫn là phương pháp giảng dạy. Tuy nhiên, kết quả thống kê cho thấy tỉ lệ SV được giải thưởng cấp Trường chưa cao, phần nhiều nguyên nhân là do đặc thù các nghiên cứu của SV khoa về lĩnh vực ngôn ngữ và giảng dạy tiếng Pháp, phạm vi áp dụng cũng hạn chế do hoàn cảnh khác quan, do đó tính ứng dụng chưa nổi bật.

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH của SV được quan tâm, giám sát và hỗ trợ từ nhiều cấp độ gồm giáo viên hướng dẫn, Bộ môn, Khoa và Nhà trường.

Tỉ lệ SV tham gia hoạt động NCKH và số lượng SV có bài báo cáo tại hội nghị nghiên cứu khoa học cấp khoa có xu hướng tăng.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học cùng ngành đào tạo giữa các cơ sở đào tạo khác nhau. Vẫn còn một tỉ lệ SV chưa hiểu rõ vai trò của NCKH, chưa hào hứng và chủ động tham gia hoạt động NCKH.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
-----	----------	----------	-------------------------	---------------------

1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Cần tăng cường chất lượng nghiên cứu của SV dựa trên việc tăng kinh phí và các hoạt động hỗ trợ từ Khoa và Nhà trường - Phối hợp với Phòng KHCN tiến hành đối sánh giữa các khoa, giữa các cơ sở đào tạo - Ngoài ra thông qua Đoàn – Hội, Khoa và trợ lý NCKH triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong SV. 	Phòng KHCN Khoa SP Tiếng Pháp	Thực hiện hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục duy trì và mở rộng các hoạt động khuyến khích SV tham gia NCKH như các Xêmina, giải thưởng, vv. 	Phòng KHCN Khoa SP Tiếng Pháp	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Để đánh giá mức độ hài lòng của người học cũng như của nhà tuyển dụng, từ đó có cơ sở để tự đánh giá chất lượng đào tạo và điều chỉnh phù hợp, hàng năm trường đều tiến hành khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan và giao cho TT ĐBCL. Theo hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan [H11.11.05.01], [H11.11.05.02], Trung tâm ĐBCL có nhiệm vụ khảo sát, tiếp nhận thông tin phản hồi từ các bên liên quan gồm:

- Các bên liên quan trong trường (người học các hệ đào tạo; cán bộ viên chức, người lao động)
- Các bên liên quan ngoài trường (cựu người học; nhà tuyển dụng; chuyên gia, nhà khoa học).

Hàng năm, Trung tâm ĐBCL tiến hành thu thập ý kiến phản hồi các bên bằng cách sử dụng các công cụ khảo sát khác nhau (phỏng vấn, bảng hỏi và phiếu khảo sát (online/offline)). Từ HK 1 năm học 2023 – 2024, khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan được triển khai thông qua phần mềm E-survey, thí điểm KS đánh giá chất lượng giảng dạy đối với các HP chung đối tượng SV k73. Từ học kì 2 thực hiện khảo sát hoàn toàn trên E-survey và tiến tới thực hiện các khảo sát định kỳ và thường xuyên thông qua phần mềm này. (địa chỉ phần mềm: <http://esurvey.hnue.edu.vn/Systems/Security/Login.aspx>)

Cụ thể là trung tâm đã thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi về mức độ hài lòng của các bên liên quan, gồm:

- Báo cáo kết quả đánh giá chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ hành chính dựa trên ý kiến phản hồi của sinh viên [H11.11.05.03]
- Báo cáo khảo sát mức độ hài lòng của người học với dịch vụ giáo dục [H11.11.05.04]
- Báo cáo khảo sát mức độ hài lòng của CB GV về một số lĩnh vực [H11.11.05.05]
- Báo cáo khảo sát mức độ hài lòng về sứ mạng tầm nhìn [H11.11.05.06];
- Báo cáo khảo sát mức độ hài lòng của người học về các hoạt động phục vụ hỗ trợ trong nhà trường [H11.11.05.07].
- Báo cáo khảo sát hiệu quả, chất lượng đào tạo trên SV vừa tốt nghiệp [H11.11.05.08]
- Báo cáo kết quả khảo sát của SV về chất lượng giảng dạy của GV [H11.11.05.09]
- Báo cáo kết quả khảo sát của các bên liên quan về CTĐT các ngành KHXH (trong đó có ngành SP Tiếng Pháp) [H11.11.05.10]

Các ý kiến sau khi thu thập sẽ được Trung tâm Đảm bảo chất lượng xử lý, phân tích kết quả, báo cáo tổng hợp và cuối cùng là phổ biến đến các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng.

Ngoài việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường còn thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu, đối thoại, gặp mặt để trực tiếp lắng nghe ý kiến của người học và cán bộ, GV trong Trường. Cụ thể, hoạt động giao lưu giữa Lãnh đạo Nhà trường với đại biểu SV, học viên Sau đại học được tổ chức thường niên với những nội dung đối thoại bám sát với nhu cầu được trao đổi của người học như: Công tác đào tạo, công tác NCKH, công tác học sinh-SV, cơ sở vật chất phục vụ học tập, sinh hoạt của SV, vv. [H11.11.05.11]. Đối với cán bộ nhân viên trong trường, hội nghị đại biểu cán bộ, viên chức cũng được tổ chức từ cấp Khoa đến cấp Trường đầu năm học nhằm tổng kết các hoạt động của năm học trước, thông qua nhiệm vụ của năm học mới và lắng nghe, trao đổi nguyện vọng của cán bộ, viên chức với Lãnh đạo hướng đến việc xây dựng, phát triển Khoa và Trường [H11.11.05.12].

Dựa trên việc khai thác, xử lý các thông tin phản hồi của các bên liên quan, thực hiện việc đối sánh thông qua các báo cáo kết quả lấy ý kiến hàng năm, Nhà trường đã nỗ lực tiến hành cải tiến chất lượng CTĐT thông qua điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình

dạy học và NCKH thông qua việc đầu tư trang thiết bị máy móc, tài liệu, giáo trình phục vụ giảng dạy và NCKH [H11.11.05.13].

Cùng với nhà trường, khoa cũng phân công cán bộ chuyên trách thống kê, tổng hợp, giám sát và báo cáo về mức độ hài lòng của các bên liên quan. Các kết quả thu thập được được sử dụng làm căn cứ lập kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động ĐT, hỗ trợ người học và điều chỉnh CTĐT. [H11.11.05.14].

Bảng 11.5.1. Bảng khảo sát mức độ hài lòng của người học đối với chất lượng giảng dạy học phần và Giảng viên

		Khoa SP Tiếng Pháp	Khoa SP Địa lý	Khoa SP Lịch sử	Khoa SP Tiếng Anh	TB chung toàn trường
Học kỳ 1 năm học 2019-2020	Số GV được đánh giá	6	10	18	12	291
	GV xuất sắc	6 (100%)	5 (50%)	6 (33,3%)	4 (33,3%)	76 (26,1%)
	GV loại Tốt	0	5 (50%)	12 (66,7%)	8 (66,7%)	208 (71,5%)
	GV loại Khá	0		0		6 (2,1%)
	GV loại Đạt	0				1 (0,3%)
Học kỳ 2 năm học 2020-2021	Số GV được đánh giá	6	18	17	30	408
	GV xuất sắc	5 (50%)	8 (44%)	1 (5,8%)	9 (30%)	108 (26,5%)
	GV loại Tốt	5 (50%)	10 (56%)	16 (94,2%)	21 (70%)	274 (67,2%)
	GV loại Khá	0	0	0	0	26 (6,4%)
	GV loại Đạt	0	0	0	0	0
Học kỳ 2	Số GV được đánh giá	8	17	29	40	484

năm học 2021-2022	GV xuất sắc	2 (25%)	6 (35,3%)	3 (10,3%)	14 (35%)	80 (16,5%)
	GV loại Tốt	6 (75%)	11 (64,7%)	26 (89,7%)	25 (62,5%)	400 (82,6%)
	GV loại Khá	0		0	1 (2,5%)	3 (6%)
	GV loại Đạt	0				1 (2%)
Cả năm học 2022-2023	Số GV được đánh giá	10	18	19	35	501
	GV xuất sắc	1 (10%)	8 (44%)	2 (10,5%)	15 (42,8%)	73 (14,6%)
	GV loại Tốt	9 (90%)	10 (56%)	17 (89,5%)	20 (57,2%)	422 (84,2%)
	GV loại Khá	0	0	0	0	5 (1%)
	GV loại Đạt	0	0	0	0	1 (0,2%)

Kết quả thống kê trong bảng 11.5.1 về mức độ hài lòng của người học đối với chất lượng giảng dạy cho thấy tỉ lệ giảng viên khoa Sư phạm Tiếng Pháp được đánh giá là xuất sắc và tốt khá cao so với các khoa khác. Đối sánh với kết quả đánh giá tổng thể của Trung tâm và các Khoa khác cho thấy, tỉ lệ GV của Khoa SP Tiếng Pháp đạt mức xuất sắc và Khá cao hơn so với tỉ lệ trung bình chung của trường và nhiều khoa khác.

GV trong khoa được phản hồi tích cực về nhiều phương diện. Ví dụ kết quả phản hồi trong HK1 của năm học 2021-2022 cho thấy GV trong khoa được đánh giá cao về: thực hiện nề nếp dạy học và quản lý lớp, thái độ ứng xử đối với sinh viên; về nội dung dạy học và về phương pháp giảng dạy (xếp thứ 13 trên 23 khoa); về dạy học online (xếp thứ 10/23 khoa). Về tổng thể trung bình xếp thứ 12/23 khoa.

Để đánh giá được hiệu quả đào tạo, sự hài lòng của sinh viên đã tốt nghiệp đối với toàn bộ khóa học và chất lượng đầu ra, các khảo sát thường niên để lấy ý kiến phản hồi về mức độ

hài lòng cũng được tiến hành trên SV vừa tốt nghiệp. Các nội dung được khảo sát bao gồm:

- (1) Chương trình đào tạo (CTĐT): Các tiêu chí cụ thể gồm:
- (2) Công tác tổ chức thực hiện hoạt động Dạy-Học, phương pháp giảng dạy, kiểm tra - đánh giá:
- (3) Cơ sở vật chất, tài liệu đáp ứng yêu cầu đào tạo (CSVN):
- (4) Kết quả đầu ra của SVTN (kiến thức, kỹ năng, năng lực...) (KQ):
- (5) Tỷ lệ có việc làm (VL)
- (6) Sự hài lòng chung của người học (HL):

Bảng 11.5.2. Kết quả phản hồi của SV đã tốt nghiệp về hiệu quả, chất lượng đào tạo của CTĐT

		Khoa SP Tiếng Pháp	Khoa SP Địa lý	Khoa SP Toán	Khoa SP Tiếng Anh	TB chung toàn trường
Điểm TB mức độ hài lòng về chất lượng và hiệu quả CTĐT	SV tốt nghiệp năm 2019 (K65)	15,92	18,03	15,81	15,28	16,56
	SV tốt nghiệp năm 2020 (K66)	17,33	18,8	15,53	18,11	17,4
	SV tốt nghiệp năm 2021 (k67)	75,78	72,55	66,77	73,62	68,28
	SV tốt nghiệp năm 2022 (K68)	68,2	77,5	73,3	73,6	71,9

	SV tốt nghiệp năm 2023 (K69)	77.00 - Tốt	82.80 - Tốt	77.57 - Tốt	77.16 - Tốt	78.30 - Tốt
Điểm TB về công tác tổ chức và thực hiện hoạt động dạy-học	SV tốt nghiệp năm 2019 (K65- Khóa 2015-2019)	19,68	21,64	19,45	17,14	20,29
	SV tốt nghiệp năm 2020 (K66 – Khóa 2016-2020)	20,85	23,23	19,55	21,84	21,17
	SV tốt nghiệp năm 2021 (K67 – Khóa 2017-2021)	17.00	16.18	16.02	16.75	15.64
	SV tốt nghiệp năm 2022 (K68 – Khóa	15.64 - Khá	17.38 - Tốt	16.67 - Tốt	16.80 - Tốt	16.37 - Tốt

	2018-2022)					
	SV tốt nghiệp năm 2023 (K69 – Khóa 2019-2023)	16.70 - Tốt	18.19 - Tốt	17.24 - Tốt	17.02 - Tốt	17.23 - Tốt
Điểm TB về PPGD và KTĐG	SV tốt nghiệp năm 2019	26,21 (PPGD và KTĐG)	28,92 (PPGD và KTĐG)	24,54 (PPGD và KTĐG)	24,66 (PPGD và KTĐG)	27,15 (PPGD và KTĐG)
	SV tốt nghiệp năm 2020	27,5 (PPGD và KTĐG)	30,17 (PPGD và KTĐG)	25,02 (PPGD và KTĐG)	29,14 (PPGD và KTĐG)	27,93 (PPGD và KTĐG)
	SV tốt nghiệp năm 2021	33.67 (PPGD) 11.78 (KTĐG)	32.10 (PPGD) 12.12 (KTĐG)	31.12 (PPGD) 11.85 (KTĐG)	33.78 (PPGD) 12.30 (KTĐG)	31.10 (PPGD) 11,59 (KTĐG)
	SV tốt nghiệp năm 2022	31.14 (PPGD) – Khá 11.50 (KTĐG) - Khá	34.82 (PPGD) - Tốt 12.98 (KTĐG) - Tốt	33.18 (PPGD) - Tốt 12.53 (KTĐG) - Tốt	33.81 (PPGD) - Tốt 12.59 (KTĐG) - Tốt	32.74 (PPGD) - Tốt 12.21 (KTĐG) - Tốt
	SV tốt nghiệp năm 2023	33.70 (PPGD) – Tốt 13.20 (KTĐG) - Tốt	36.71 (PPGD) – Tốt 13.84 (KTĐG) - Tốt	34.14 (PPGD) – Tốt 12.91 (KTĐG) - Tốt	34.00 (PPGD) – Tốt 12.61 (KTĐG) - Tốt	34.53 (PPGD) – Tốt 12.93 (KTĐG) - Tốt

Điểm TB về cơ sở vật chất	SV tốt nghiệp năm 2019	16,14	17,67	15,78	14,97	16,71
	SV tốt nghiệp năm 2020	18	18,20	15,55	18,2	17,18
	SV tốt nghiệp năm 2021	25.78	24.14	23.76	24.04	23.61
	SV tốt nghiệp năm 2022	23.57 - Khá	26.42 - Tốt	25.62 - Tốt	24.78 - Tốt	24.88 - Tốt
	SV tốt nghiệp năm 2023	24.70 - Tốt	27.31 - Tốt	25.38 - Tốt	24.66 - Tốt	25.39 - Tốt
Điểm TB về kết quả đạt được của sinh viên so với mục tiêu đào tạo	SV tốt nghiệp năm 2019	42,04	47,99	40,43	40,45	44,03
	SV tốt nghiệp năm 2020	44,17	47,99	40,54	46,66	45,01
	SV tốt nghiệp năm 2021	49.11	48.37	45.17	48.64	46.06
	SV tốt nghiệp	48.86 -Tốt	56.04 -Tốt	52.20 -Tốt	52.58 -Tốt	52.06 - Tốt

	năm 2022					
	SV tốt nghệ năm 2023	52.20 -Tốt	56.40 -Tốt	52.98 -Tốt	52.62 -Tốt	53.30 - Tốt
Điểm về chất lượng và hiệu quả đào tạo	SV tốt nghệ năm 2019	9,75	10,91	9,42	9,14	10,17
	SV tốt nghệ năm 2020	10,67	11,33	9,49	10,95	10,57
	SV tốt nghệ năm 2021	53.89	53.06	51.31	54.67	51.09
	SV tốt nghệ năm 2022	51.50 - Khá	56.09 -Tốt	54.09 -Tốt	53.60 -Tốt	52.99 - Tốt
	SV tốt nghệ năm 2023	54.90 - Tốt	58.35 - Tốt	55.73 - Tốt	55.03 - Tốt	55.57 - Tốt
Về kết quả đầu ra, mức độ đạt được các kỹ năng	SV tốt nghệ năm 2019	24,5	26,97	24,92	24,33	26,4
	SV tốt nghệ năm 2020	26,67	27,60	24,63	28,39	26,52

	SV tốt nghiệp năm 2021	49.11	48.37	45.17	48.64	46.06
	SV tốt nghiệp năm 2022	48.86 - Tốt	56.04 - Tốt	52.20 - Tốt	52.58 - Tốt	52.06 - Tốt
	SV tốt nghiệp năm 2023	52.20 - Tốt	56.40 - Tốt	52.98 - Tốt	52.62 - Tốt	53.30 - Tốt
Tỉ lệ SV có việc làm trong số SV trả lời	SV tốt nghiệp năm 2019	14,81	14,13%	5,98%	9,26%	11,6%
	SV tốt nghiệp năm 2020	0%	0%	9,39%	8,33%	12,36%
	SV tốt nghiệp năm 2021	11.1%	17.6%	10.4%	16.9%	16.1%
	SV tốt nghiệp năm 2022	28.6%	0.00%	7.33 %	43.9	20.3
	SV tốt nghiệp năm 2023	0.00%	3.53%	10.94%	18.80	----

Mức độ hài lòng chung	SV tốt nghiệp năm 2019	----	----	----	----	----
	SV tốt nghiệp năm 2020	----	----	----	----	----
	SV tốt nghiệp năm 2021	12.44	13.16	12.13	12.91	12.42
	SV tốt nghiệp năm 2022	11.92 - Khá	13.98 - Tốt	12.99 - Tốt	13.08 - Tốt	12.91 - Tốt
	SV tốt nghiệp năm 2023	13.00 - Tốt	13.96 - Tốt	13.08 - Tốt	13.00 - Tốt	13.21 - Tốt

Kết quả thống kê và đối sánh cho thấy:

- Về CTĐT: mức độ hài lòng của SV có xu hướng tăng dần qua các năm, điểm TB đánh giá nhìn chung xếp loại Tốt, ở mức cao hơn một số khoa trong trường, tuy nhiên cần có những điều chỉnh cải tiến để nâng cao chất lượng CTĐT
- Về tổ chức hoạt động dạy-học, PPGD và KTĐG: Khoa SP Tiếng Pháp nhìn chung xếp loại ở mức Khá trong toàn trường. Đây là nội dung cần cải thiện để nâng cao chất lượng
- Về cơ sở vật chất: Nhìn chung SV khá hài lòng, nhìn chung tương đồng với mức độ hài lòng của SV các khoa trong trường ở mức Tốt, chưa lên mức XS. Nhà trường và khoa cần tiếp tục có thêm những chính sách đầu tư CSVC để tiếp tục cải thiện CSVC.
- Về kết quả đầu ra: SV tốt nghiệp của khoa SP Tiếng Pháp ghi nhận và hài lòng về mức độ đạt được về các kỹ năng, kiến thức, năng lực...
- Về tỉ lệ SV có việc làm: So với các khoa khác, tỉ lệ SV khoa có việc làm sau khi ra trường cao hơn, tuy nhiên lại chủ yếu là ở các lĩnh vực và ngành nghề ít liên quan tới ngành được đào tạo. Điều này do các nguyên nhân khách quan về nhu cầu thị trường đối với vị trí giáo viên tiếng

Pháp. Tuy nhiên, có thể thấy CTĐT đã trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng, năng lực... quan trọng giúp SV có thể dịch chuyển ngành nghề và đảm nhiệm được các công việc ở các lĩnh vực gần hoặc khác chuyên ngành được đào tạo.

- Về mức độ hài lòng chung: SV đã tốt nghiệp nhìn chung hài lòng sau 4 năm học tại khoa và trường.

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả của việc cải tiến chất lượng CTĐT, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động, cũng như đánh giá chính xác mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng về chất lượng CTĐT cũng như chất lượng của người lao động là SV tốt nghiệp từ Nhà trường, thực hiện nhiệm vụ do BGH Trường ĐHSPHN giao, TT ĐBCL đã triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTĐT [H11.11.05.10]. Phiếu khảo sát nhà tuyển dụng gồm 05 nhóm câu hỏi:

- (1) Kiến thức, năng lực nghiệp vụ (10 câu)
- (2) Kỹ năng mềm (08. câu)
- (3) Phẩm chất cá nhân (08 câu)
- (4) Về mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo với yêu cầu công việc trong thực tiễn (4 câu)
- (5) Nhóm các câu hỏi mở (4 câu),

Năm 2019 TT ĐBCL đã tiến hành khảo sát được tiến hành trên 303 SV tốt nghiệp các năm 2017-2019; 285 GV khối ngành Khoa học xã hội (của 10 khoa) và 231 Nhà tuyển dụng lao động. Trong đó, ngành sư phạm tiếng Pháp có 33 SV và 10 GV tham gia khảo sát. Năm 2022 TT ĐBCL tiến hành khảo sát trên 275 sinh viên tốt nghiệp các năm 2021; 129 giảng viên khối các ngành KHXH của trường ĐHSPHN và 94 Nhà tuyển dụng lao động. Trong đó, ngành sư phạm tiếng Pháp có 11 SV tốt nghiệp năm 2022 trả lời, 09 GV và 12 Nhà sử dụng lao động tham gia khảo sát.

Cụ thể các đánh giá của các NSDLLD về kiến thức, năng lực nghiệp vụ của SVTN cho thấy SVTN được đánh giá mạnh nhất ở các nội dung: Kiến thức ngành/chuyên ngành được đào tạo; Năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn công việc và yếu nhất ở các nội dung: Năng lực sử dụng ngoại ngữ; Kỹ năng khai thác, phân loại, xử lý dữ liệu/thông tin.

Kết quả khảo sát về kỹ năng mềm của SVTN trường ĐHSPHN qua đánh giá của NSDLLD cho thấy SVTN được đánh giá mạnh nhất ở các nội dung: Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch và yếu nhất ở các nội dung: Kỹ năng quản lý và giải quyết xung đột; Kỹ năng xử lý/giải quyết vấn đề.

Kết quả khảo sát về phẩm chất cá nhân của SVTN trường ĐHSPHN qua đánh giá của NSDLLD được đánh giá mạnh nhất ở các nội dung: Đạo đức nghề nghiệp; Trách nhiệm đối với công việc; Tác phong nghề nghiệp và yếu nhất ở các nội dung: Năng lực sáng tạo; Tính cầu thị;

Quan hệ với đồng nghiệp.

Nhận xét về CTĐT, phần lớn NSDLLD đưa ra các đánh giá tích cực, thể hiện rõ trong bảng dưới đây:

		Năm 2019	Năm 2022
Mức độ hài lòng về chất lượng SV TN	Rất hài lòng	19,1%	24,5 %
	Hài lòng	74,3%	74,5%
Sự phù hợp của CTĐT so với yêu cầu công việc	Rất phù hợp	12,9%	13,8%
	Phù hợp	77,2%	81,9%
Đánh giá sự hữu ích của kiến thức chuyên môn SVTN được đào tạo so với yêu cầu công việc	Rất hữu ích	24,0%	19,1%
	Hữu ích	69,9%	77,7%
Đánh giá sự phù hợp của tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong CTĐT	Rất phù hợp	15,8%	8,5%
	Phù hợp	66,7%	76,6%

Kết quả khảo sát cho thấy đa số Nhà tuyển dụng có những nhận xét tích cực về chất lượng đào tạo và CTĐT. Họ đều cho rằng SVTN được Nhà trường trang bị kiến thức rộng, có kiến thức nền (lý thuyết) khá tốt, kiến thức cơ bản chuyên ngành chắc chắn và CTĐT được thiết kế phù hợp, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của công việc trong thực tiễn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống các đơn vị chuyên trách, có quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Vì vậy mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh. Các kết quả khảo sát được sử dụng làm căn cứ lập kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động ĐT, hỗ trợ người học và điều chỉnh CTĐT.

Việc đầu tư trang thiết bị phục vụ cải tiến CTĐT và NCKH được thực hiện thường niên, có cải tiến dựa trên phản hồi của SV, GV.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến khảo sát về mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Liên kết chặt chẽ với các cơ sở sử dụng lao động là các SV sau tốt nghiệp để thu thập ý kiến phản hồi về chất lượng đào tạo.	TT ĐBCL Khoa SP Tiếng Pháp	Thực hiện hàng năm

2	Phát huy điểm mạnh	<p>-Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, CĐR của SV, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.</p> <p>-Duy trì việc lấy ý kiến phản hồi của SV, GV, nhà tuyển dụng về các vấn đề liên quan đến CTĐT; hoàn thiện phiếu lấy ý kiến, mở rộng hình thức lấy ý kiến.</p>	TT ĐBCL Trường ĐHSP Hà Nội	Từ năm học 2024-2025
---	--------------------	---	----------------------------------	-------------------------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý học tập cùng các CVHT, cán bộ Giáo vụ, Quản lý SV của Khoa Sư phạm tiếng Pháp và hoạt động giám sát chung của Nhà trường, tỉ lệ thi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của SV được giám sát chặt chẽ. Sau khi tốt nghiệp, Khoa và Nhà trường vẫn giữ liên lạc thường xuyên với người học nhằm thu thập thông tin về tình hình việc làm, đồng thời có các hình thức hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho SV tốt nghiệp. Hoạt động NCKH của SV được quan tâm, giám sát và hỗ trợ cả về chuyên môn và kinh phí thực hiện từ nhiều cấp độ gồm giáo viên hướng dẫn, Bộ môn, Khoa và Nhà trường. Qua đó, thu hút được đông đảo SV tham gia NCKH. Song song với các hoạt động này, Nhà trường đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan gồm GV, SV, nhà tuyển dụng. Thông qua các Báo cáo phản hồi, Nhà trường và Khoa đưa ra các kế hoạch điều chỉnh nhằm cải thiện chất lượng đào tạo.

Tuy nhiên, không có SV tốt nghiệp trước hạn, tỉ lệ SV tham gia NCKH khá cao có xu hướng tăng, nhưng số lượng SV được giải thưởng cấp trường còn thấp. Việc thu thập thông tin về tình hình việc làm cho thấy, đa số các năm điều tra, tỉ lệ SV sau tốt nghiệp có việc làm khá cao, nhưng do đặc thù khách quan về nhu cầu xã hội, bộ phận SV làm các công việc không liên quan đến chuyên ngành đào tạo còn nhiều. Ngoài ra, chất lượng SV sau tốt nghiệp đã được phản hồi bởi các nhà tuyển dụng, tuy nhiên, việc thu thập ý kiến này mới được tiến hành trong năm gần đây.

Đánh giá tiêu chuẩn 11:

Tiêu chuẩn 11	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 11.1					5		
Tiêu chí 11.2				4			
Tiêu chí 11.3				4			
Tiêu chí 11.4				4			
Tiêu chí 11.5					5		
Điểm tiêu chuẩn	4.4						

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Tiếng Pháp của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

1.1. Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành SPTP đã xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học của Luật giáo dục đại học. Mục tiêu cũng đã phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động. CDR của CTĐT cử nhân ngành SPTP được xác định rõ ràng, cụ thể, phản ánh được mục tiêu của CTĐT; trong đó nêu cụ thể được những năng lực cần có của sinh viên tốt nghiệp bao gồm kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm và có thể đo lường, đánh giá được. Với những năng lực này, CDR cũng cho thấy triển vọng việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong tương lai. CDR đã được thể hiện công khai để sinh viên và những đối tượng quan tâm được thông tin.

1.2. Bản mô tả CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Pháp năm 2022 cung cấp các thông tin một cách đầy đủ và tường minh. Từ năm 2015 đến 2022, bản mô tả CTĐT đã được điều chỉnh 02 lần. Năm 2019 là năm xây dựng chương trình mới theo định hướng năng lực, CTĐT được ban hành vào năm 2020, sau 2 năm thử nghiệm bản mô tả CTĐT đã được điều chỉnh, cập nhật theo các quy định về đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, nhấn mạnh tính ứng dụng, thực hành của các kiến thức được đào tạo. Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Trường ĐHSP Hà Nội; cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần của CTĐT. Đề cương của các học phần cung cấp thông tin đầy đủ và tường minh, được chuẩn hóa theo quy định của Đại học Sư phạm Hà Nội. Các đề cương học phần đã được điều chỉnh, cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa. Đề cương chi tiết được định kỳ rà soát, cập nhật, bổ sung về nội dung, học liệu, phương pháp kiểm tra, đánh giá.

Bản mô tả và đề cương học phần trong CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Pháp được công bố công khai và dễ tiếp cận.

1.3. CTDH cử nhân ngành Sư phạm tiếng Pháp được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CĐR của CTĐT. CTDH có tính logic và tính tích hợp của các học phần nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ kiến thức chung đến kiến thức chuyên ngành. Bên cạnh đó chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các phẩm chất và năng lực phát triển nghề nghiệp cho SV. Các học phần thuộc khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, thuận lợi cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau. Các học phần được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các học phần kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

1.4. Trường có văn bản tuyên bố về mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của Trường; Mục tiêu giáo dục được tất cả cán bộ, giảng viên, người học hiểu rõ và được cụ thể hóa trong các CTĐT của các ngành, trong đó có CTĐT cử nhân ngành SPTP. Mục tiêu giáo dục của nhà trường đã được phổ biến tới GV, SV và các bên liên quan.

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT, các kế hoạch dạy học, các bài giảng của GV đã sử dụng các PPDH đa dạng, tập trung vào các PPDH tích cực, phù hợp để đạt được CĐR. Các PPDH được sử dụng đa dạng và tích cực, các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học, đồng thời nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1.5. Nhà trường và Khoa đã có các quy định rõ ràng, minh bạch trong quy trình kiểm tra đánh giá người học. Công tác kiểm tra đánh giá thể hiện sự đa dạng, liên tục và đổi mới theo hướng đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công bằng, chính xác, phù hợp với mục tiêu của CĐR của từng học phần và chương trình đào tạo.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT cử nhân ngành SPTP rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn để người học cải thiện việc học tập của mình. Người học dễ dàng tiếp cận với quy

trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ phụ trách cấp Khoa đến Trung tâm ĐBCL của Nhà trường. Sinh viên được phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

1.6. Đội ngũ giảng viên của Khoa có trình độ chuyên môn, năng động, nhiệt huyết do vậy công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Khoa tuy chưa đạt được những thành tích cao nhưng luôn được các GV thực hiện một cách có trách nhiệm và đầy đủ. Nhà trường và Khoa cũng tích cực tiến hành các hoạt động hỗ trợ GV tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ kể cả ngoại ngữ, tin học, công tác NCKH cũng được đề cao.

1.7. Đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và của CTĐT cử nhân ngành SPTP nói riêng đã đảm bảo về số lượng, chất lượng về năng lực chuyên môn đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển đã được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá thường xuyên để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của CTĐT. Thêm vào đó việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện đầy đủ, đúng kế hoạch và đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong tình hình mới. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên cũng được Nhà trường triển khai kịp thời tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1.8. Công tác tuyển sinh của Nhà trường, của Khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Chính sách tuyển sinh của Khoa với những tiêu chí và phương pháp tuyển sinh rõ ràng, được cập nhật và được công khai đã giúp cho Khoa có thể tuyển được thí sinh có chất lượng và phù hợp. Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Trong quá trình hỗ trợ người học, việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được Khoa thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, thực hiện nhiều

lần, giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học.

Ban chủ nhiệm khoa, Ban chấp hành Liên chi đoàn - Hội sinh viên, giảng viên luôn tư vấn, hỗ trợ hoạt động học tập, giúp sinh viên nâng cao thành tích học tập và tìm kiếm cơ hội việc làm khi ra trường; (tham gia câu lạc bộ, thành lập các đội nghiên cứu khoa học, đội hỗ trợ thư viện, tham gia công tác tình nguyện, tham gia các hoạt động của Tổ chức Pháp ngữ cũng như các hoạt động liên quan đến chuyên môn và ngoại khoá cùng các khoa bạn ...). Mặt khác, người học được học tập, nghiên cứu khoa học và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

1.9. Nhà trường cung cấp đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp. Công tác sửa chữa, mua mới luôn được cập nhật hàng năm tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên. Trung tâm thông tin thư viện trường và Phòng tư liệu khoa có nguồn tài liệu đa dạng, phù hợp và thường xuyên được cập nhật các tài liệu tham khảo cả bản in và bản mềm nhằm giúp cho việc tra cứu và khai thác tài liệu của cán bộ và sinh viên được hiệu quả. Các tài liệu chuyên ngành của Khoa cũng được đưa lên hệ thống chung của trường nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu đa dạng của sinh viên.

Hệ thống công nghệ thông tin được trang bị đầy đủ, hiện đại để phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu. Đặc biệt, nhà trường chú trọng đầu tư cho hệ thống này, phục vụ kịp thời cho công tác đào tạo trực tuyến. Nhà trường đã đáp ứng đầy đủ các vấn đề liên quan đến việc đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn. Không chỉ thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của Bộ/ ngành liên quan mà nhà trường còn xây dựng thêm các tiêu chí cụ thể quy định các khu vực khác trong trường, đáp ứng đầy đủ công tác kiểm tra. Bên cạnh đó, nhà trường còn tham gia tập huấn, tổ chức định kì các hoạt động liên quan đến việc đảm bảo môi trường, sức khỏe và an toàn.

1.10. Công tác nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân ngành SPTP được nhà trường và Khoa hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội và các nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ các chuyên gia, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu sinh viên được chú trọng và thực hiện đầy đủ, có hệ thống và thường xuyên hằng năm. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây

dựng, hoàn thiện và cải tiến CTDH. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên theo quy trình chặt chẽ để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Các nghiên cứu khoa học thông qua đề tài, các loại sách, bài báo cho hội nghị, hội thảo luôn được các giảng viên, sinh viên trong Khoa quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng học thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, các dịch vụ hỗ trợ khác) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy-học và nghiên cứu khoa học. Việc thu thập ý kiến phản hồi từ người học của Trung tâm ĐBCL của trường được tiến hành định kỳ hàng năm theo đúng quy trình.

1.11. Tỷ lệ người học cử nhân ngành SPTP bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn khá cao. Bên cạnh đó, SV có ý thức với tiến độ học tập của bản thân; Ban chủ nhiệm Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Cán bộ quản lý SV, cố vấn học tập, giáo vụ khoa để kịp thời hỗ trợ SV, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyển đổi, học thay thế (với những SV bị chậm tiến trình do bảo lưu kết quả học tập) để SV được hoàn thành CTĐT đúng hạn. Phòng Đào tạo luôn nhắc SV kịp thời, cập nhật trên trang tài khoản cá nhân của SV, gửi thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, chưa hoàn thành học phần, chưa hoàn thành chương trình học, Khoa cũng liên hệ phối hợp với cha mẹ SV để hỗ trợ SV nắm thông tin và hoàn thành chương trình học.

Khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH thông qua các hoạt động hỗ trợ như: Tổ chức buổi tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV giúp SV định hình hướng nghiên cứu, phân công giáo viên hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH đạt chất lượng. Các loại hình hoạt động nghiên cứu của SV rất đa dạng, phong phú.

Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của của các bên liên quan, đặc biệt là ý kiến của SV đối với GV và thiết lập được thông tin 2 chiều giữa lãnh đạo Nhà trường với các GV.

2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Tiếng Pháp của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- 2.1. Khoa đã thực hiện xây dựng, điều chỉnh CĐR hàng năm trên cơ sở tham khảo, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhưng việc lấy ý kiến của các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT còn chưa thường xuyên và đa dạng, chưa đa dạng cho tất cả các vị trí việc làm
- 2.2. CĐR còn khá dài, các phát biểu về chuẩn đầu ra đôi chỗ chưa được gãy gọn, rõ ràng, súc tích. Hình thức trình bày bản mô tả CTĐT chưa hấp dẫn người đọc. Ngoài ra, các tài liệu tham khảo trong đề cương của một số học phần còn chưa được bổ sung, cập nhật thường xuyên
- 2.3. Việc truyền thông để phổ biến CTĐT cụ thể và chi tiết đến các trường phổ thông – nơi sử dụng SV tốt nghiệp ngành SPĐL còn chưa hiệu quả. Tài liệu quảng bá về CTĐT chưa có bản bằng tiếng Anh.
- 2.4. Do CTDH mới được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực nên sự phân nhiệm giữa một vài học phần để đáp ứng CĐR còn chưa hợp lý.
- 2.5. Việc xác định tổ hợp các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV trong một số học phần thuộc CTDH chưa hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của CĐR.
- 2.6. Chưa tham khảo nhiều các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo.
- 2.7. Mục tiêu đào tạo chưa được chú trọng phổ biến thường xuyên tới các nhà tuyển dụng và xã hội.
- 2.8. Còn một số sinh viên còn tiếp cận chậm với phương pháp dạy học tích cực.
- 2.9. Ở một số môn chung, kiến thức chủ yếu là lí thuyết và dạy học lớp học đông nên chưa thể hiện được việc sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học mà giáo viên chủ

yếu sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp sử dụng các phương tiện trực quan. Hệ thống các bài giảng điện tử còn chưa phong phú để hỗ trợ người học.

- 2.10. Bổ sung thêm các tiêu chí đánh giá thi hết học phần đối với một số môn đặc thù.
- 2.11. Sự phối hợp giữa các bộ phận trong việc làm rõ quy định về đánh giá kết quả học tập và thông báo cho người học các quy định này đôi khi còn chông chéo.
- 2.12. Các môn học chủ yếu đánh giá dựa trên đánh giá của GV, việc kết hợp đánh giá và tự đánh giá đối với SV chưa được thực hiện thường xuyên.
- 2.13. Việc giải đáp thắc mắc, tháo gỡ khó khăn cho SV chủ yếu thực hiện đối với từng cá nhân mà chưa thành một hệ thống tư vấn cho tất cả SV.
- 2.14. Khoa chưa thường xuyên phân tích dữ liệu về các ý kiến phản hồi của SV.
- 2.15. Số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ tuy có tăng nhưng xét về tổng thể thì số lượng này vẫn còn hạn chế. Tất cả các giảng viên đều phải đảm đương công việc ở cả 2 bộ môn.
- 2.16. Việc quy đổi tính giờ dạy, nghiên cứu khoa học và giờ phục vụ cộng đồng vẫn còn một số điểm chưa thực sự hợp lý.
- 2.17. Dù nhà trường công khai qui trình nhưng một số giảng viên còn lúng túng khi thực hiện qui trình đó (Tính chủ động của một số cán bộ giảng viên trong việc tiếp thu thông tin còn chưa cao).
- 2.18. Quy trình đánh giá chưa quy chiếu cụ thể về các mốc thời gian các bước trong quy trình nên ít nhiều ảnh hưởng đến việc hoạch định và tính chủ động trong công việc của đơn vị và cá nhân trong quá trình thực hiện.
- 2.19. Việc triển khai thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đôi khi gặp rút do phụ thuộc vào kế hoạch hoạt động của các đơn vị tổ chức bồi dưỡng, đào tạo.
- 2.20. Quyết định công nhận kết quả thi đua khen thưởng các cấp còn phân tán ở nhiều văn bản khác nhau có thể làm việc nắm bắt thông tin tổng quan khó khăn.
- 2.21. Số lượng các đề tài còn ít so với số lượng cán bộ GV, số lượng các nhóm nghiên cứu mạnh, liên ngành chưa nhiều.
- 2.22. Số lượng quá ít dẫn đến việc quá tải trong công việc.
- 2.23. Chưa phát huy được hết vai trò của nhân viên trong công tác đào tạo.

- 2.24. Đã có các tiêu chí đánh giá xếp loại đối với đội ngũ giáo viên và chuyên viên nhưng chưa bám sát hết cụ thể từng đặc thù công việc của cá nhân.
- 2.25. Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển ĐNNV còn hạn chế. Việc bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ của cá nhân trong ĐNNV, nếu không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc, các cá nhân sẽ phải tự túc kinh phí.
- 2.26. Việc đánh giá chưa xét cụ thể đến thực tế là đội ngũ nhân viên vừa phải thực hiện thêm các nhiệm vụ kiêm nhiệm khác.
 - 2.27. Chưa có các phân tích chuyên sâu và dự báo nhu cầu nhân lực.
 - 2.28. - Tiếp tục xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng theo quy định của Bộ GD&ĐT.
 - Tiếp tục rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học hàng năm đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào trường cũng như Ngành sư phạm Tiếng Pháp.
 - Tăng cường sự tham gia đánh giá của người sử dụng lao động và cựu SV với các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.
 - 2.29. Công tác giám sát rèn luyện của sinh viên ngoại trú còn hạn chế.
 - 2.30. Chưa có nhiều ý kiến người học về hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ việc làm do Trường và Khoa tổ chức. Công tác chăm sóc sức khỏe, tâm lý cần được chú trọng hơn nữa.
 - 2.31. Chưa có nhiều khảo sát lấy ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội.
 - 2.32. Do khu nhà V có hệ thống mạng còn yếu khó khăn cho việc giảng dạy và học tập của Sinh viên.
 - 2.33. Còn thiếu một vài tài liệu phục vụ cho đào tạo so với yêu cầu của chương trình đào tạo. Một số ứng dụng của phần mềm còn phát sinh lỗi trong quá trình sử dụng. Thư viện điện tử chưa kết nối chia sẻ tài liệu với các thư viện của các cơ sở đào tạo uy tín trong khu vực và quốc tế.
 - 2.34. Nền tảng CNTT cần đồng bộ, thống nhất để tăng tính liên thông, tăng hiệu quả hỗ trợ đào tạo.

- 2.35. Chưa có quy định cụ thể về thu gom và xử lý hóa chất độc hại sau khi thí nghiệm và thực hành. Một số toàn nhà cũ chưa có thang máy, chưa có hệ thống tiện ích đặc thù cho người khuyết tật.
- 2.36. Khoa mới chỉ lấy ý kiến của các cơ sở thực tập dưới dạng phiếu khảo sát gửi về các cơ sở TTSP, chưa tổ chức được các hội nghị, hội thảo khoa học về thực tập sư phạm của người học với các cơ sở thực tập để đánh giá mức độ đáp ứng CDR của CTDH.
- 2.38. Trường và Khoa chưa nhận được nhiều ý kiến của các cơ quan/tổ chức sử dụng lao động về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.
- 2.39. Việc tổ chức dự giờ, góp ý các giờ giảng vẫn chưa huy động được sự tham gia của tất cả các GV trong khoa.
- 2.40. Số lượng các công trình NCKH và nhóm NCKH mạnh còn hạn chế và số lượng sinh viên tham gia NCKH còn chưa đồng đều ở các khối. Hiện nay, phần lớn SV tham gia NCKH là SV năm thứ 2 và năm thứ 3. Số lượng bài báo trong chuyên ngành Khoa học giáo dục trên các Tạp chí quốc tế của khoa Tiếng Pháp còn hạn chế do số lượng hạn chế của các tạp chí xuất bản bằng tiếng Pháp ở trong nước và trên thế giới.
- 2.41. Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa được tiến hành thường xuyên trên cơ sở ý kiến đóng góp của GV và cán bộ hành chính.
- 2.42. Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT gặp khó khăn và chưa đa dạng hình thức lấy ý kiến.
- 2.43. Trường, khoa chưa có một hệ thống cập nhật lý do SV thôi học một cách hiệu quả. Đồng thời việc giám sát còn ở dạng thống kê, chưa phân tích sâu về nguyên nhân.
- 2.42. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV có xu hướng tăng trong năm gần đây khi CDR tiếng Anh được áp dụng trong khi việc đối sánh để tìm giải pháp cho tiêu chí này với các chuyên ngành đào tạo khác còn hạn chế.
- 2.43. Tỷ lệ SV có việc làm đúng chuyên ngành sớm ngay sau khi tốt nghiệp chưa cao, tỷ lệ SV làm việc không liên quan đến ngành được đào tạo chiếm tỷ lệ đáng kể, do đặc thù khách quan về nhu cầu học tiếng Pháp ở phổ thông giảm.
- Chưa thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học cùng ngành đào tạo giữa các cơ sở đào tạo khác nhau.

- Vẫn còn một tỉ lệ SV chưa hiểu rõ vai trò của NCKH, chưa hào hứng và chủ động tham gia hoạt động NCKH.
- Việc lấy ý kiến khảo sát về mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Tiếng Pháp của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Các tiêu chí của 11 tiêu chuẩn	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1.1	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về mục tiêu CTĐT	GV, Bộ môn và Hội đồng khoa học Khoa	Giai đoạn 2024-2029
1.1	Phát huy điểm mạnh	Định kì rà soát, chỉnh sửa và bổ sung mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội.	GV, Bộ môn và Hội đồng khoa học Khoa	Giai đoạn 2024-2029
1.2	Khắc phục điểm tồn tại	Xem xét để điều chỉnh CĐR cho có động, chỉnh sửa các phát biểu cho rõ ràng, súc tích.	Hội đồng khoa học Khoa	Giai đoạn 2024-2029
1.2	Phát huy điểm mạnh	CĐR đáp ứng đầy đủ và rõ ràng các yêu cầu chung giáo dục đại học và yêu cầu riêng biệt dành cho SV CNSPTP	GV, Hội đồng khoa học Khoa	Giai đoạn 2024-2029

1.3	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức định kì lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên góp ý cho CDR của CTĐT và rà soát CDR với số lượng phong phú hơn.	Khoa Pháp, Tiếng Trung tâm ĐBCL	Từ năm học 2024-2025
1.3	Phát huy điểm mạnh	Lấy ý kiến của các bên liên quan để cập nhật CDR, đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động và của xã hội	Khoa Pháp, Tiếng Trung	Theo quy định điều chỉnh CDR của nhà trường
2.1	Khắc phục điểm tồn tại	Điều chỉnh hình thức trình bày của bản mô tả sinh động, hấp dẫn và thu hút người đọc hơn.	Khoa Pháp, Tiếng Trung	2025-2029
2.1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội.	Khoa Pháp, Tiếng Trung	2025-2029
2.2	Khắc phục điểm tồn tại	Lập kế hoạch bổ sung các tài liệu tham khảo trong mỗi học phần theo định kỳ hằng năm	Khoa Pháp, Tiếng Trung	Hàng năm
2.2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật và điều chỉnh 2 năm/lần đề cương chi tiết.	Giảng viên, tổ bộ môn, Hội đồng Khoa học	Hàng năm
2.3	Khắc phục tồn tại	+ Tổ chức các hoạt động nhằm truyền thông về CTĐT	Khoa Pháp, Tiếng Trung	Từ năm học

		<p>ngành SPTP theo tiếp cận mới đến các trường phổ thông.</p> <p>+ Bổ sung tài liệu về CTĐT bằng tiếng Anh.</p>		2023-2024
2.3	Phát huy điểm mạnh	<p>+ Giới thiệu cụ thể, chi tiết CTĐT và các học phần đến từng GV, SV.</p> <p>+ Tiếp tục công khai CTĐT đến các cựu SV, các nhà quản lý giáo dục, tranh thủ sự tham gia kiến của các bên liên quan để tiếp tục, điều chỉnh phát triển CTĐT.</p>	Khoa Pháp Tiếng	Thực hiện trong các năm học
3.1	Khắc phục tồn tại	Rà soát CTDH theo CĐR để điều chỉnh ma trận đóng góp của các học phần vào CĐR của CTĐT đảm bảo mức độ đóng góp hợp lý hơn.	Khoa Pháp Tiếng	Từ năm học 2024-2025
3.1	Phát huy điểm mạnh	CTĐT luôn bám sát CĐR Trường, khung trình độ quốc gia Việt Nam	Phòng đào tạo và Khoa Pháp Tiếng	Từ năm học 2024-2025
3.2	Khắc phục tồn tại	Xác định tổ hợp các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá cho một số học phần phù hợp hơn với yêu cầu của CĐR	Khoa Pháp Tiếng	Từ năm học 2024-2029
3.2	Phát huy	Mỗi học phần đáp ứng yêu cầu CĐR	Khoa Pháp Tiếng	Từ năm học

	điểm mạnh			2024-2029
3.3	Khắc phục điểm tồn tại	Tham khảo thêm các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế để có những chỉnh sửa bổ sung hợp lý.	Khoa Pháp Tiếng	Năm học 2024-2025
3.3	Phát huy điểm mạnh	Duy trì các hoạt động các hoạt động rà soát chỉnh sửa chương trình thường xuyên để đảm bảo tính cập nhật và phù hợp nhất của hoàn cảnh mới	Khoa Pháp Tiếng	Hàng năm
4.1	Khắc phục tồn tại	Phổ biến mục tiêu giáo dục tới các nhà tuyển dụng và xã hội thường xuyên.	Phòng Hành chính – Đối ngoại và các Khoa	Từ năm học 2024-2025
4.1	Phát huy điểm mạnh	Điều chỉnh CTĐT luôn bám sát mục tiêu giáo dục của Trường	Tất cả các Khoa và các ngành đào tạo	Từ năm học 2024-2025
4.2	Khắc phục tồn tại	Xây dựng câu lạc bộ sinh viên về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	CVHT	Từ năm học 2024-2025
4.2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức semina cho GV và SV, duy trì việc dạy mẫu và dự giờ, rút kinh nghiệm các tiết dạy	Tất cả các GV, bộ môn	Hàng năm.
4.3	Khắc phục tồn	Khắc phục việc sử dụng các phương pháp dạy học thụ động,	Khoa và các bộ môn	Từ năm học

	tại	tăng cường tính chủ động ở một số môn chung.		2024 - 2025
4.3	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng và thực hiện các phương pháp dạy học tích cực và đa dạng	Các GV	Hàng năm
5.1	Khắc phục điểm tồn tại	Cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá đối với một số môn đặc thù.	Khoa tiếng Pháp, các bộ môn	Từ năm học 2023-2024
5.1	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức các kì kiểm tra khách quan, công bằng, nghiêm túc. Các phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng CDR	Khoa tiếng Pháp, các bộ môn	Hàng năm
5.2	Khắc phục tồn tại	Phân công nhiệm vụ: GV thông báo hình thức, nội dung thi; giáo vụ thông báo thời gian, địa điểm thi và CVHT hỗ trợ thông tin khi SV thắc mắc.	Khoa Tiếng Pháp	Từ năm học 2023-2024
5.2	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng hóa các phương pháp đánh giá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CDR từng học phần và CTĐT	Các bộ môn	Cập nhật hàng năm
5.3	Khắc phục tồn tại	Hướng dẫn và tổ chức cho SV thực hiện tự đánh giá.	Khoa tiếng Pháp	Từ năm học 2023-2024

5.3	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường trao đổi giữa các bộ môn để sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng hơn, đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	Khoa Pháp	tiếng	Hàng năm
5.4	Khắc phục tồn tại	Cố vấn học tập, giáo vụ và GV kết hợp cùng tổ chức các buổi tọa đàm về học tập và nghiên cứu khoa học cho SV	Khoa Pháp	Tiếng	Từ năm học 2023-2024
5.4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện quy trình tổ chức thi, chấm điểm và công bố kết quả đánh giá. Sử dụng phần mềm Unisoft và PSC để phản hồi kết quả đánh giá kịp thời tới SV.	Khoa Pháp	Tiếng	Hàng năm
5.5	Khắc phục tồn tại	Phân tích dữ liệu sau khi nhận được ý kiến phản hồi của SV để từ đó có biện pháp thay đổi kịp thời	Khoa Pháp	Tiếng	Từ năm học 2023-2024
5.5	Phát huy điểm mạnh	Giáo vụ, GV bộ môn, cố vấn học tập duy trì việc phổ biến quy trình khiếu nại kết quả đánh giá tới người học một cách thường xuyên, kịp thời.	Giáo vụ, GV bộ môn,	GV bộ môn,	Hàng năm
6.1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng số lượng giảng viên có trình độ cao.	Tổ bộ môn,	Hội đồng khoa học,	Liên tục, hàng năm
			ban chủ nhiệm khoa		

6.1	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục phát huy thực hiện kế hoạch/quy hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, cho nghỉ hưu dựa trên chiến lược phát triển đội ngũ nhằm đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Chi bộ, BCN Khoa và CB chủ chốt của Khoa	Liên tục, hàng năm
6.2	Khắc phục điểm tồn tại	Kiến nghị với Nhà trường thay đổi cách quy đổi giờ các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	Trường ĐHSPHN Khoa Tiếng Pháp	2024-2027
6.2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện đảm bảo tỷ lệ giảng viên/người học của CTĐT ngành Sư phạm Tiếng Pháp đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.	Khoa Tiếng Pháp	2024-2017
		Tiếp tục bám sát tài liệu/hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên theo chuẩn, đảm bảo khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được quy đổi theo giờ chuẩn và đo lường cụ thể, chính xác.	Trường ĐHSPHN	2024
6.3	Khắc phục điểm tồn tại	Giảng viên tích cực và chủ động trong việc cập nhật và tiếp thu các văn bản trong quá trình thực thi nhiệm vụ.	Trường ĐHSPHN	Bắt đầu từ năm 2024

6.3	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục hoàn thiện các tài liệu/văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển công tác. - Tiếp tục tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển đảm bảo công khai, minh bạch. 	Trường ĐHSPHN	Năm 2024
6.4	Khắc phục điểm tồn tại	Bổ sung thêm mốc thời gian cho các bước trong quy trình đánh giá dựa trên tuần học trong năm học.	Trường ĐHSPHN	2025
6.4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát hoàn thiện hơn các văn bản đã ban hành và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho các văn bản quy định của Nhà trường.	Trường ĐHSPHN và Khoa	Giai đoạn 2025-2029
6.5	Khắc phục điểm tồn tại	Đề nghị các đơn vị tổ chức đào tạo sớm cung cấp lịch biểu đào tạo.	Trường	Hàng năm
6.5	Phát huy điểm mạnh	Phổ biến sâu rộng đến cán bộ, giảng viên khoa nội dung quy chế hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Trường	Khoa	2025
6.6	Khắc phục điểm tồn tại	Tập hợp quyết định công nhận kết quả danh hiệu thi đua, khen thưởng các Cấp vào cùng 1 văn bản ban hành của Trường	Trường	Hàng năm

6.6	Phát huy điểm mạnh	Từng bước tiến tới tự động hóa quy trình quản trị đặc biệt là ổn định các mốc thời gian	Trường	Hàng năm
6.7	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu liên ngành, thậm chí liên kết với cả các khoa khác và có ứng dụng thực tiễn.	Khoa Tiếng Pháp, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029
6.7	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện để GV, NCV phát huy năng lực NCKH	Khoa Tiếng Pháp, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029
7.1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung thêm nhân lực	Khoa Tiếng Pháp, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2023-2028
7.1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng	Khoa Tiếng Pháp, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2023-2028
7.2	Khắc phục tồn tại	Nâng cao vai trò của nhân viên trong công tác đào tạo	Khoa Tiếng Pháp, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2023-2028

7.2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai	Khoa Tiếng Pháp, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2023-2028
7.3	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục hoàn thiện quy trình và tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên bám sát đặc thù công việc của từng cá nhân, đảm bảo, công khai, công bằng theo đúng quy định	Trường ĐHSP, Khoa tiếng Pháp	Giai đoạn 2024-2029
7.3	Phát huy điểm mạnh	Động viên đội ngũ nhân viên tích cực, chủ động tham gia các hoạt động NCKH, chủ trì đề tài, công bố, đề xuất sáng kiến, kinh nghiệm dạy học,...	Trường ĐHSP, Khoa tiếng Pháp	Giai đoạn 2024-2029
7.4	Khắc phục điểm tồn tại	Hỗ trợ thêm một phần kinh phí cho việc đào tạo, bồi dưỡng phát triển ĐNNV nếu nhân viên tự ý thức đi học dù không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc.	Trường ĐHSP, Khoa tiếng Pháp	Giai đoạn 2024-2029
7.4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện khuyến khích nhân viên tự học, tự bồi dưỡng trau dồi kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ.	Trường ĐHSP, Khoa tiếng Pháp	Giai đoạn 2024-2029
7.5	Khắc phục	Cụ thể hóa các tiêu chí Thi đua xét đến đặc thù công việc đối với đội ngũ NV.	Trường ĐHSP, Khoa tiếng Pháp	Giai đoạn

	điểm tồn tại			2024- 2029
7.5	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý công việc để đội ngũ NV phát huy hiệu quả công việc. Tiếp tục thực hiện quản trị theo kết quả công việc của NV để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Trường ĐHSP, Khoa tiếng Pháp	Giai đoạn 2024- 2029
8.1	Khắc phục điểm tồn tại	Cập nhật và điều chỉnh chính sách tuyển sinh chưa đa dạng	Toàn giảng viên Khoa Khoa Tiếng Pháp	Bắt đầu từ năm 2024
8.1	Phát huy điểm mạnh	Chính sách tuyển sinh rõ ràng hơn, cập nhật hơn cũng như đa dạng hơn các hình thức tuyển sinh	Toàn giảng viên Khoa Khoa Tiếng Pháp	Bắt đầu từ năm 2024
8.2	Khắc phục điểm tồn tại	- Tiếp tục xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng theo quy định của Bộ GD&ĐT.	- Ban chủ nhiệm khoa; - Ban tuyển sinh và các GV của Khoa Tiếng Pháp	Hàng năm
		- Tiếp tục rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học hàng năm đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào trường	- Ban chủ nhiệm khoa; - Ban tuyển sinh và các GV của	Hàng năm

		cũng như Ngành sư phạm Tiếng Pháp.	Khoa Tiếng Pháp	
8.2	Phát huy điểm mạnh	- Tăng cường sự tham gia đánh giá của người sử dụng lao động và cựu SV với các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.	- Ban chủ nhiệm khoa; - Ban tuyển sinh và các GV của Khoa Tiếng Pháp	Hàng năm
8.3	Khắc phục điểm tồn tại	Sử dụng ứng dụng CNTT, các bộ phận giám sát chuyên trách tham gia hiệu quả.	Khoa Tiếng Pháp	Hàng năm
8.3	Phát huy điểm mạnh	Chú trọng hơn nữa công tác giám sát rèn luyện của sinh viên ngoại trú.	BCN Khoa	Hàng năm
8.4	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường các hoạt động hợp tác, các hoạt động cộng đồng, trải nghiệm, đầu tư vào truyền thông mạnh mẽ hơn.	Phòng HCDN, Phòng Đào tạo, Khoa Tiếng Pháp	Hàng năm
8.4	Phát huy điểm mạnh	Khảo sát lấy ý kiến đầy đủ của người học về các hoạt động ngoại khoá, dịch vụ hỗ trợ việc làm, tăng cường cơ sở liên kết có ràng buộc.	TTĐBCL, Khoa Tiếng Pháp	Hàng năm
8.5	Khắc phục điểm tồn tại	Phát huy môi trường thân thiện, trong lành, an toàn, phù hợp với các hoạt động học tập, nghiên cứu.	Phòng Quản trị	2022-2023

8.5	Phát huy điểm mạnh	Triển khai điều tra, thu thập thông tin phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội của Nhà trường, Khoa.	TTĐBCL, Khoa Tiếng Pháp	Hàng năm
		Tiến hành hoạt động diễn tập phòng cháy, chữa cháy thường xuyên.	Phòng Quản trị	Hàng năm
9.1	Khắc phục điểm tồn tại	- Hoàn thiện việc sửa chữa, nâng cấp các phòng làm việc và phòng chức năng của khoa.	Trợ lý thiết bị	Hàng năm
9.1	Phát huy điểm mạnh	- Duy trì bộ phận chuyên trách quản lý trang thiết bị, thường xuyên rà soát các phòng học, phòng làm việc ...	Khoa Tiếng Pháp, Trợ lý thiết bị của khoa	Hàng năm
9.2	Khắc phục điểm tồn tại	- Cập nhật các tài liệu theo chương trình đào tạo yêu cầu	- Ban Chủ nhiệm khoa - Cán bộ phụ trách Phòng tư liệu	Hàng năm
9.2	Phát huy điểm mạnh	- Nâng cấp phần mềm phát triển thư viện điện tử - Tiếp tục số hóa thêm các dạng tài liệu như tạp chí, đề tài NCKH, ...	Trung tâm thông tin thư viện- Cán bộ phụ trách Phòng tư liệu - Trợ lý học tập và trợ lý sau đại học	Hàng năm

9.3	Khắc phục điểm tồn tại	- Nhà Trường tiếp tục duy trì và tăng cường nguồn kinh phí sửa chữa thường xuyên và đột xuất cho các phòng chức năng.	- Các đơn vị có phòng thực hành - Trợ lí Nghiệp vụ sư phạm	Hàng năm
9.3	Phát huy điểm mạnh	- Đề nghị có nguồn kinh phí bảo trì cho các thiết bị lớn, thiết bị phân tích hiện đại trong các dự án đầu tư trang thiết bị cho các phòng chức năng.	- Các đơn vị có phòng thực hành, thí nghiệm - Giáo viên bộ môn - Trợ lí Nghiệp vụ sư phạm	Hàng năm
9.4	Khắc phục điểm tồn tại	- Tiếp tục rà soát, sửa chữa và nâng cấp thiết bị dạy học, tin học hoá.	TT CNTT Trợ lí thiết bị của khoa	Hàng năm
9.4	Phát huy điểm mạnh	- Tăng cường tập huấn cho cán bộ, GV và người học sử dụng các thiết bị CNTT hỗ trợ giảng dạy và đào tạo. - Đồng bộ hóa các nền tảng CNTT trong đào tạo.	Trường ĐHSPHN, Khoa Tiếng Pháp	Hàng năm
9.5	Khắc phục điểm tồn tại	- Tiếp tục duy trì công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, công tác vệ sinh môi trường, cải tạo cảnh quan giảng dạy và đào tạo.	Khoa Tiếng Pháp, Liên chi đoàn khoa phân công sinh viên các lớp thực hiện	Hàng năm

9.5	Phát huy điểm mạnh	- Đầu tư kinh phí để duy tu bảo dưỡng và đầu tư mới cơ sở vật chất, thiết bị phòng chống cháy nổ, lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	Cán bộ và sinh viên của Khoa Tiếng pháp	Theo thông báo hàng năm của Trường
10.1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học về thực tập sư phạm của người học với các cơ sở thực tập để đánh giá mức độ đáp ứng CDR của CTDH.	TT ĐBCL, Phòng Đào tạo và Khoa	Từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.
10.1	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ SV. - Rà soát, chỉnh sửa CTDH hằng năm và định kỳ.	TT ĐBCL, Phòng Đào tạo và Khoa	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo.
10.2	Khắc phục điểm tồn tại	Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cơ quan/tổ chức sử dụng lao động về quy trình thiết kế và phát triển CTDH để cải tiến CTĐT theo hướng đáp ứng nhu cầu của xã hội.	TT ĐBCL, Phòng Đào tạo và Khoa	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo.
10.2	Phát huy	- Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan. - Trường và Khoa thực hiện rà soát, đánh	TT ĐBCL, Phòng Đào tạo và Khoa	Từ năm học 2024 -

	điểm mạnh	giá và cải tiến định kỳ quy trình thiết kế và phát triển CTDH.		2025 và các năm học tiếp theo.
10.3	Khắc phục điểm tồn tại	GV trong khoa tăng cường tham gia dự giờ của các đồng nghiệp không chỉ trong bộ môn mà còn dự giờ các đồng nghiệp ở bộ môn khác	Phòng Đào tạo, TT ĐBCL	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo.
10.3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ SV để cải tiến, nâng cao chất lượng giảng dạy.	Phòng Đào tạo, Khoa & Các bộ môn	Từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.
10.4	Khắc phục điểm tồn tại	Khắc phục tồn tại	Khuyến khích SV tham gia NCKH từ những năm đầu tiên	Khoa Tiếng Pháp, Phòng KHCN
10.4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy thế mạnh về NCKH của GV trong khoa	Khoa Tiếng Pháp, các bộ môn	Từ năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo

10.5	Khắc phục điểm tồn tại	Hàng năm tiến hành đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích dựa trên kết quả khảo sát GV và cán bộ hành chính	TT ĐBCL, TT TT-TV	Từ năm học 2024 - 2025
10.5	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cung cấp các dịch vụ với chất lượng cao như Thư viện, hệ thống CNTT	TT TT-TV, TT CNTT	Từ năm học 2024 - 2025
10.6	Khắc phục điểm tồn tại	Thời gian và phương pháp lấy ý TT ĐBCL, kiến lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng cần linh hoạt hơn	Khoa Pháp	Từ năm học 2024– 2025
10.6	Phát huy điểm mạnh	Hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan cần tiếp tục được cải tiến	TT ĐBCL, Khoa Pháp P. Đào tạo	Từ năm học 2024 – 2025
11.1	Khắc phục điểm tồn tại	Phối hợp cùng phòng Đào Tạo tiến hành tổng hợp nguyên nhân thôi học và tỷ lệ thôi học một cách hệ thống; nguyên nhân chậm tốt nghiệp, từ đó phân tích và đề xuất giải pháp giảm thiểu tỷ lệ thôi học hoặc chậm tốt nghiệp.	Phòng CTCT-HSSV Khoa SP Tiếng Pháp	Thực hiện hàng kì, hàng năm
11.1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường vai trò của CVHT trong hoạt động tư vấn, giám sát kế hoạch học tập của SV. Tiến hành tổng hợp nguyên nhân thôi học và tỷ lệ thôi học/ chậm tốt nghiệp tương ứng; từ đó phân tích	CVHT, Giáo vụ khoa và Phòng Đào tạo	Hàng năm

		và đề xuất giải pháp giảm thiểu tỷ lệ thôi học/ chậm tốt nghiệp; Sử dụng dữ liệu người học đã tốt nghiệp và thôi học để cải tiến chất lượng.		
11.2	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng số lượng các môn học chuyên ngành trong học kì 3 để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Thực hiện thêm việc đối sánh về thời gian tốt nghiệp để phục vụ việc cải tiến CTĐT.	Khoa SP Tiếng Pháp Phòng Đào tạo	Thực hiện hàng năm
11.2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường hoạt động giám sát kế hoạch học tập của SV thông qua việc liên hệ chặt chẽ giữa CVHT, Giáo vụ Khoa và SV.	CVHT, Giáo vụ khoa và Phòng Đào tạo	Hàng năm
11.3	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức hoạt động tư vấn tìm kiếm việc làm, tập huấn các kỹ năng mềm cho SV năm cuối trong hoạt động phỏng vấn, viết đơn xin việc; đồng thời nâng cao hiệu quả của hoạt động Ngày hội việc làm. Phối hợp chặt chẽ giữa cán bộ quản lí SV và CVHT trong việc khảo sát tình hình việc làm của SV.	Phòng CTCT-HSSV CVHT	Thực hiện hàng năm
		Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động liên kết các các nhà tuyển dụng (các trường phổ thông, viện nghiên cứu, vv.) để đưa thông tin tuyển	Khoa SP Tiếng Pháp TT ĐBCL	Hàng năm

		<p>dụng đến SV nhanh và hiệu quả hơn.</p> <p>Duy trì việc kết nối với SV sau tốt nghiệp.</p>	P. CTCT-HSSV	
11.3	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Cần tăng cường chất lượng nghiên cứu của SV dựa trên việc tăng kinh phí và các hoạt động hỗ trợ từ Khoa và Nhà trường - Phối hợp với Phòng KHCN tiến hành đối sánh giữa các khoa, giữa các cơ sở đào tạo - Ngoài ra thông qua Đoàn – Hội, Khoa và trợ lý NCKH triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong SV. 	Phòng KHCN Khoa SP Tiếng Pháp	Thực hiện hàng năm
11.4	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Cần tăng cường chất lượng nghiên cứu của SV dựa trên việc tăng kinh phí và các hoạt động hỗ trợ từ Khoa và Nhà trường - Phối hợp với Phòng KHCN tiến hành đối sánh giữa các khoa, giữa các cơ sở đào tạo - Ngoài ra thông qua Đoàn – Hội, Khoa và trợ lý NCKH triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong SV. 	Phòng KHCN Khoa SP Tiếng Pháp	Thực hiện hàng năm
11.4	Phát huy	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục duy trì và mở rộng các hoạt động khuyến khích SV tham 	Phòng KHCN	Từ năm học

	điểm mạnh	gia NCKH như các Xêmina, giải thưởng, vv.	Khoa SP Tiếng Pháp	2024-2025
11.5	Khắc phục điểm tồn tại	Liên kết chặt chẽ với các cơ sở sử dụng lao động là các SV sau tốt nghiệp để thu thập ý kiến phản hồi về chất lượng đào tạo.	TT ĐBCL Khoa SP Tiếng Pháp	Thực hiện hàng năm
11.5	Phát huy điểm mạnh	-Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, CDR của SV, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. -Duy trì việc lấy ý kiến phản hồi của SV, GV, nhà tuyển dụng về các vấn đề liên quan đến CTĐT; hoàn thiện phiếu lấy ý kiến, mở rộng hình thức lấy ý kiến.	TT ĐBCL Trường ĐHSP Hà Nội	Từ năm học 2024-2025

4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Sư phạm tiếng Pháp của Trường Đại học sư phạm Hà Nội

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội

Mã: SPH

Tên CTĐT: CTĐT trình độ đại học ngành Sư Phạm Tiếng Pháp

Mã CTĐT: 7140233

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chuẩn 1								5	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								4.33	3	100%
Tiêu chí 2.1				4						

Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3										100%
Tiêu chí 3.1				4				4	3	
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4						
Tiêu chuẩn 4								4	3	100%
Tiêu chí 4.1				4						
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3				4						
Tiêu chuẩn 5								4.8	5	100%
Tiêu chí 5.1				4						
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								4.57	7	100%
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7								4.6	5	100%
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8								5	5	100%
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								4.8	5	100%
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					

<i>Tiêu chuẩn 10</i>								4.33		100%
Tiêu chí 10.1				4						
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5				6	
<i>Tiêu chuẩn 11</i>								4.4		100%
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5					5				5	
Đánh giá chung CTĐT								4,53	50	100%

Hà Nội, ngày 12 tháng. 05 năm 2024
THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 8
CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 19/04/2024

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Tiếng Anh: Hanoi National University of Education

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: ĐHSHPH

Tiếng Anh: HNUE

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Sư phạm Cao cấp, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Quốc gia Hà Nội

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: 136 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 024-37547823

E-mail: p.hcdn@hnue.edu.vn

Website: <http://www.hnue.edu.vn>

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 1951

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1951

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1955

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: KHOA TIẾNG PHÁP

Tiếng Anh: FACULTY OF FRENCH

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: KTP

Tiếng Anh: FF

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7140233

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: nhà V, Trường ĐHSP Hà Nội - 136
Xuân Thủy - Cầu Giấy, Hà Nội

18. Số điện thoại liên hệ: +84 24 37549499 ; Email: k.tiengphap@hnue.edu.vn

Website: <http://tiengphap.hnue.edu.vn/>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2004

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2004

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2008

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Ngày 01 tháng 07 năm 2014, Khoa tiếng Pháp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội chính thức được thành lập theo Quyết định số 943/QĐ-ĐHSPHN-TCCB, từ việc chia tách Khoa Ngoại ngữ. Khoa có tiền thân là tổ tiếng Pháp trong Bộ môn Ngoại ngữ từ năm 1976 đến năm 2003 và trở thành Bộ môn tiếng Pháp thuộc Khoa Ngoại ngữ từ năm 2003 đến năm 2004.

Khi mới thành lập phần lớn các giảng viên của khoa mới chỉ có bằng cử nhân nhưng đến nay tất cả các giảng viên đã có bằng thạc sĩ trong đó có 2 tiến sĩ. Đội ngũ cán bộ giảng viên được đào tạo bài bản tại các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài nước. Đa số giảng viên còn trẻ (80% giảng viên dưới 43 tuổi). Đây là lực lượng cán bộ có trình độ năng lực chuyên môn tốt, sẵn sàng đáp ứng được các yêu cầu của GDĐH trong thời kỳ đổi mới.

Hiện tại khoa có 10 giảng viên và 2 chuyên viên được chia làm 2 tổ bộ môn: Bộ môn Thực hành tiếng và bộ môn Lý thuyết tiếng.

Khoa có 01 hệ đào tạo cử nhân là ngành Sư phạm Tiếng Pháp.

Khoa có chức năng, nhiệm vụ chính là đào tạo cử nhân sư phạm tiếng Pháp, trang bị cho họ những kiến thức và kỹ năng cơ bản, chuyên sâu, những hiểu biết về nghiệp vụ sư phạm để khi ra trường có thể trở thành giáo viên giảng dạy trong hệ thống các trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, cao đẳng, đại học trong cả nước. Sinh viên tốt nghiệp cũng có thể làm việc ngoài ngành sư phạm, như các công ty, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, v.v.. có sử dụng Tiếng Pháp. Ngoài việc giảng dạy cho các sinh viên trong khoa, Khoa còn giảng dạy tiếng Pháp cho sinh viên và học viên sau đại học thuộc các chuyên ngành khác trong toàn trường. Bên cạnh công tác đào tạo, một nhiệm vụ vô cùng quan trọng của Khoa là Nghiên cứu khoa học cơ bản và khoa học giáo dục về tiếng Pháp; biên soạn giáo trình, các tài liệu dạy - học tiếng Pháp, giáo trình tiếng Pháp chuyên ngành phục vụ đào tạo đại học, sau đại học của trường cũng như đáp ứng các nhu cầu học tiếng Pháp của xã hội.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

a) Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục

Trường ĐHSPTN chính thức được thành lập ngày 11/10/1951 tại Nghị định số 276/NĐ của Bộ Quốc gia Giáo dục (nay là Bộ GD & ĐT). Trải qua 70 năm xây dựng và phát triển, qua nhiều lần đổi tên từ Trường Sư phạm Cao cấp, Trường ĐHSPTN 1, Trường ĐHSPT - ĐHQG Hà Nội đến Trường ĐHSPTN, Nhà trường vẫn luôn giữ vững vị trí là Trường ĐHSPT đầu ngành, trọng điểm, là cái nôi của ngành sư phạm cả nước.

Về cơ cấu tổ chức, tính đến nay, Trường ĐHSPTN có 23 khoa đào tạo (Toán - Tin, CNTT, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Sư phạm Kỹ thuật, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Việt Nam học, Lí luận Chính trị - Giáo dục Công dân, Tâm lí - Giáo dục, Quản lí Giáo dục, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Đặc biệt, Nghệ thuật, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Triết học, Công tác Xã hội); 02 Bộ môn (Tiếng Nga và Tiếng Trung Quốc); 01 Phân hiệu tại Hà Nam; 02 trường phổ thông (Trường THPT Chuyên ĐHSPTN, Trường THCS & THPT Nguyễn Tất Thành, Trường Tiểu học thực hành Nguyễn Tất Thành); 01 trường Mầm non thực hành (Trường Mầm

non Búp Sen Xanh); 02 viện nghiên cứu (Viện Nghiên cứu Sư phạm và Viện Khoa học Xã hội); 01 Viện GD & ĐT Quốc tế; hơn 20 trung tâm nghiên cứu và chuyển giao KHCN và và khoa học giáo dục trực thuộc.

Về đội ngũ cán bộ, tính đến 31/12/2021, toàn Trường có 1077 cán bộ và viên chức. Trong đó, xét về chức danh khoa học và trình độ đào tạo, Trường có 16 GS (1,5%), 132 PGS (12,3%), 275 TS (25,5%), 437 ThS (40,6%), 182 cử nhân (16,9%), 35 trình độ khác (3,2%). Xét về chức danh nghề nghiệp, Trường có 671 GV (62,3%), 73 giáo viên THPT (6,8%), 4 giáo viên THCS (0,4%), 13 giáo viên tiểu học (1,2%), 48 GVTH (4,5%), 8 nghiên cứu viên (0,7%), 260 chuyên viên và các chức danh khác (24,1%). Với đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu chất lượng cao, Trường ĐHSPHN là đơn vị chủ chốt xây dựng các chương trình khung cho toàn ngành sư phạm; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, phát triển các chương trình đào tạo, biên soạn chương trình, giáo trình, SGK cho các bậc học, tư vấn cho các cấp quản lý xây dựng chính sách giáo dục.



Sơ đồ cơ cấu tổ chức hành chính của Trường ĐHSPHN

Về CTĐT, Trường ĐHSPHN hiện có 43 CTĐT Tiến sĩ, 57 CTĐT Thạc sĩ (với hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng), 47 CTĐT đại học chính quy (31 CTĐT giáo viên, 9 CTĐT ngoài Sư phạm, 7 CTĐT bằng tiếng Anh bao gồm 5 CTĐT giáo viên dạy Toán, Lí, Hóa, Tin học, Sinh học bằng tiếng Anh và 2 CTĐT ngành kép Giáo dục Tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh và Giáo dục Mầm non - Sư phạm Tiếng Anh), 48 CTĐT đại học không chính quy (24 CTĐT hệ từ xa và 24 CTĐT hệ vừa làm vừa học) cùng với hệ thống các chuyên đề bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, tin học và ngoại ngữ, các chuyên đề bồi dưỡng cho giáo viên toàn quốc về thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Các CTĐT đều được xây dựng theo các qui định hiện hành của Bộ GD &ĐT và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Trường cũng như nhiệm vụ được giao. Các CTĐT cũng được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung theo yêu cầu thực tế và theo định kì (năm 2018 Trường đã thực hiện cập nhật đổi mới CTĐT thạc sĩ. Năm 2019, Trường đã hoàn thành việc xây dựng và triển khai thực hiện mô hình đào tạo, chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo mới).

Về hoạt động NCKH, công tác NCKH luôn là một thế mạnh của Trường. Trong 5 năm qua, Trường luôn nằm trong tốp đầu những trường đại học ở Việt Nam có số công bố quốc tế chất lượng. Số lượng bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI và SCOPUS là 154 bài (năm 2017), 125 bài (năm 2018), 147 bài (năm 2019), 159 bài (năm 2020), 103 bài (năm 2021). Trường ĐHSPHN là đơn vị có thế mạnh trong hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ. Chỉ tính từ năm 2017 đến nay, cán bộ của Trường đã thực hiện 01 nhiệm vụ nghiên cứu quốc tế, 02 nhiệm vụ nghiên cứu cấp nhà nước thuộc quỹ FIRST, 15 đề tài độc lập - đề tài thuộc chương trình cấp Nhà nước, 49 đề tài NAFOSTED, 75 đề tài/ nhiệm vụ cấp Bộ, 19 nhiệm vụ môi trường, 4 nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của Viện Nghiên cứu Sư phạm, 8 đề tài thuộc các Sở KH&CN, 09 nhiệm vụ cấp Trường, 8 đề tài trọng điểm cấp Trường, 90 đề tài cấp Trường, vv.

Về hợp tác quốc tế: Trường ĐHSPHN đã tạo được mối quan hệ quốc tế rộng lớn và sâu sắc trong trao đổi cán bộ, SV; NCKH; đã có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và tăng cường đội ngũ cho Nhà trường và các đơn vị bạn kể cả trong và

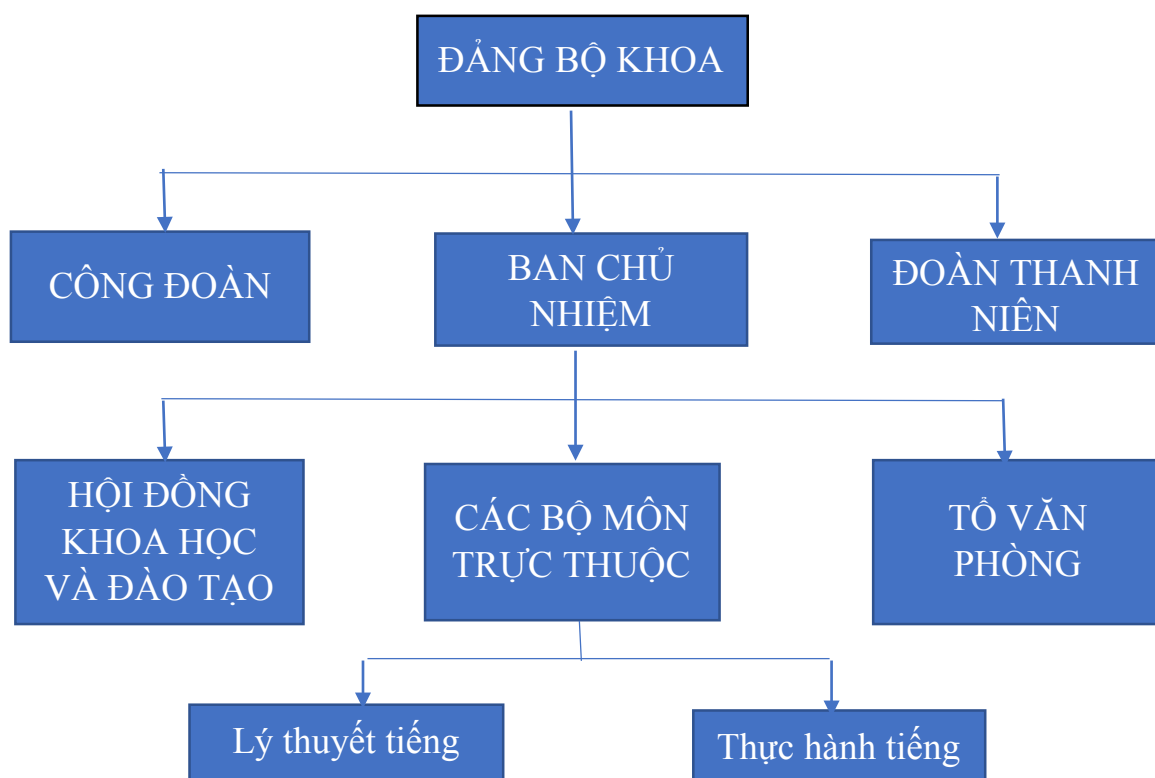
ngoài nước. Đến nay, Trường có quan hệ hợp tác với hơn 140 cơ sở đại học và các tổ chức giáo dục thuộc 35 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, trong đó có nhiều trường nổi tiếng của Nga, Trung Quốc, Pháp, Nhật Bản, Đức, Australia, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Bỉ, Anh, vv. Trường có các chương trình liên kết đào tạo quốc tế từ cử nhân đến thạc sỹ, tiến sỹ và trực tiếp tham gia nhiều dự án giáo dục quốc tế như UNDP, UNESCO, do WB, ADB tài trợ. Trong những năm gần đây, hàng ngàn lượt cán bộ của Trường đã đi trao đổi đào tạo, NCKH ở nước ngoài và hàng nghìn lượt các nhà khoa học, các chuyên gia, học sinh, SV các nước đến công tác và học tập tại trường. Trường đã tham gia tổ chức thành công nhiều hoạt động quốc tế lớn như Đại hội Thể dục Thể thao SV Đông Nam Á lần thứ 13 (2006), Olympic Vật lý quốc tế lần thứ 39 (2008), Olympic Hoá học quốc tế lần thứ 46 (2014); Olympic Sinh học quốc tế lần thứ 27 (2016), Olympic Hoá học quốc tế (2020, 2021), Olympic Vật lý Quốc tế (IphO 2021).

Với những thành tích to lớn đóng góp cho phát triển giáo dục và đào tạo cũng như sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Trường ĐHSPhN đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng, danh hiệu cao quý: Huân chương Lao động hạng Ba (1961); Huân chương Lao động hạng Nhì (1962); Huân chương kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1972); Huân chương Lao động hạng Nhất (1981, lần thứ nhất); Huân chương Độc lập hạng Nhì (1986); Huân chương Độc lập hạng Nhất (1996); Huân chương Hồ Chí Minh (2001, lần thứ nhất); Danh hiệu Đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (2004); Huân chương Hồ Chí Minh (2011, lần thứ hai); Huân chương Độc lập hạng Nhất (2016, lần thứ hai); Cờ thi đua của Bộ GD&ĐT (2018); Huân chương Lao động hạng Nhất (2021, lần thứ hai). Bên cạnh đó, Trường ĐHSPhN còn được tặng Huân chương Tự do (Ixara) hạng Nhất (1987) và Huân chương Lao động hạng Nhất (2001) của Chính phủ Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, vv.

Hiện nay, Trường ĐHSPhN thuộc top 10 trong bảng xếp hạng QS Châu Á 2021, top 12 trong bảng xếp hạng URAP 2020 của các trường đại học ở Việt Nam.

b) Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở thực hiện chương trình đào tạo:

Khoa Tiếng Pháp có 2 bộ môn (Lý thuyết tiếng và thực hành tiếng)



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Hội đồng trường					
		Nguyễn Văn Hiền	1975	PGS-TS-phó hiệu trưởng	09133 63623	hiennv@hnu.edu.vn
2	Ban giám hiệu					
		Nguyễn Văn Minh	1963	GS-TS-Hiệu trưởng	09062 94414	minhvn@hnu.edu.vn
		Nguyễn Đức Sơn	1970	PGS-TS-Phó hiệu trưởng	09133 03387	nguyenduction@h

						nue.edu.vn
		Nguyễn Văn Trào	1973	PGS-TS-phó hiệu trưởng	0983755469	traonv@hnu.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1	Trưởng khoa	Trịnh Thủy Dương	1982	Tiến sỹ - Trưởng khoa	0904185065	duong_tt@hnu.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1	Chi bộ Khoa Tiếng Pháp	Trần Hương Lan	1970	Thạc sỹ - Bí thư	0982301168	lanth@hnu.edu.vn
2.	Công đoàn bộ phận Pháp - Trung	Hoàng Thanh Vân	1974	Thạc sỹ - Chủ tịch công đoàn	0982221298	thanhvanhoangdt@gmail.com
3	Chi đoàn khoa Tiếng Pháp	Hoàng Thị Hồng Vân	1987	Thạc sỹ - Bí thư	0979350296	hoanghongv@hnu.edu.vn
4	Chi đoàn khoa Tiếng Pháp	Nguyễn Thị Thu Trang	1989	Thạc sỹ - Phó bí thư	0936090386	bonheur89@gmail.com
III.	Các phòng, ban					
IV.	Các bộ môn					
1.	Bộ môn Lý thuyết tiếng	Nguyễn Thị Anh Đào	1981	Thạc sỹ - Trưởng bộ môn	09041982226	anhdao0412@gmail.com

2	Bộ môn Thực hành tiếng	Hà Minh Phương	1989	Thạc sỹ - Trưởng bộ môn	09022 90934	phuonggh_kp@hnu.edu.vn

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: Sư phạm

Tiếng Pháp

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 1.

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 01.

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>			
I.1	Đội ngũ trong biên chế			
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn		12	12
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)			

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

	Tổng số		12	12
--	----------------	--	----	----

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư						
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	2		2	1		
5	Thạc sĩ	8		8	3		
6	Đại học						
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	10		10	4		

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 10 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

³ Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0							
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2	2		2	1			4.6
5	Thạc sĩ	1	8		8	3			8.9
6	Đại học	0,3							
	Tổng		10		10	4			13.5

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	2	20%		2		1	1		
5	Thạc sĩ	8	80%		8		4	4		
6	Đại học									
	Tổng	10	100%		10		5	5		

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 40 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 20%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 80%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	100%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)		
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)		
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh
 Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2019-2020 (K69)		34		27	20.5 (PT1) 20.1(PT1) 69.8 (PT2)	36.8	0
2020-2021 (K70)		72		78	19.34 (PT1) 21.1 (PT1) 97.3 (PT23)	45.91	0
2021-2022 (K71)		49		59	26.03 (PT1) 25.78 (PT1) 62.9 (PT23)	38.23	0
2022-2023 (K72)		31		26	23.51 (PT1) 25.31 (PT1) 16.15	41.79	0

					(PT5) 102.2(P T23)		
2023- 2024 (K73)		21		20	19 (PT1) 17.35(P T5)	22.3	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	69	129	158	164	165
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác ...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	20...-20...	20...-20...	20...-20...	20...-20...	20...-20...
Số lượng (người)					
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học					

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	46.502m ²	46.502m ²	46.502m ²	46.502m ²	46.502m ²
2. Người học có nhu cầu	30	69	70	80	79

về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	10	12	15	16	16
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	8.3m ² /người	8.3m ² /người	8.3m ² /người	8.3m ² /người	8.3m ² /người

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	11	15	31	36	27
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	16%	12%	20%	22%	16%

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	28	9	15	17	18
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019	2020	2021	2022	2023
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	28	9	15	17	18
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	75%	56%	69%	68%	

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	92%	100%	54%	87%	
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0.8%	0%	0%	13%	
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0%	0%	36%	0%	
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).	29%	100%	54%	50%	
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.					
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	3	7	6	3	
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).		0%	36%		
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	6.000.000	12.500.000	6.600.000	7.000.000	
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này điền các thông tin dưới đây:					

5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	100 %	100 %	100 %	100%	
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0						
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0						
3	Đề tài cấp trường	0,5						
	Tổng							

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:

45. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	20...			
2	20...			
3	20...			

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
4	20...			
5	20...			

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	3	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	3	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019 - 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024	
1	Sách chuyên khảo	2,0	1		1			4
2	Sách giáo trình	1,5					3	4.5
3	Sách tham khảo	1,0			1			1
4	Sách hướng dẫn	0,5						
	Tổng		1		1		3	9.5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 9.5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.7

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	1	10	10	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	10	10	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí

trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	2					3
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	9	10	11	8		38
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5		1				0.5
	Tổng		11	11	11	8		41.05

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 41.05

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3.04

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	0	0	4
Từ 6 đến 10 bài báo	0	9	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	9	0

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Hội thảo quốc tế	1,0			1	1		2
2	Hội thảo trong nước	0,5			2	9		5.5
3	Hội thảo cấp trường	0,25						
	Tổng				3	10		7.5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 7.5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.55

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	6	2	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	6	2	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	9	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	9	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	1	1	1	1	1
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	1	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 173.869m² (bao gồm: Diện tích đất của trường ĐHSP Hà Nội: 119.869 m²; Phân hiệu Hà Nam:

54.000m²)

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 119.869 m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 161m². Nơi học: 12.000 m² .Nơi vui chơi giải trí:

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 12.000 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 250 phòng học

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin

- Thư viện: 500

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 500

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 6 bộ.

- Dùng cho người học học tập:

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy:

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 10 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 83%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 20%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 80%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người) 165

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 16.5 sinh viên / giảng viên

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 94%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 45.6%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 20%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 22.75%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 19.5%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 8.125.000

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 100%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 0%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:.....

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: ...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.7

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3.04

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.55

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy:

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 250

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy 8.3m²

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

Các tư liệu, tài liệu liên quan

Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá (số 5251/QĐ-ĐHSPHN ngày 20 tháng 11 năm 2023).

Các danh sách: Thành viên Hội đồng Tự đánh giá, thành viên Ban thư ký, các nhóm cộng tác.